Reçu le 12 Janvier 1934

N° 191 Décembre 1933

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Một cái tang lớn cho hai dân Pháp Nam ở xứ Đông-dương

QUAN TOÀN-QUYỀN PASQUIER TẠ-THẾ

CVN 74

Quan Toàn-quyền PASQUIER ngày mồng 4 tháng giêng năm 1934 đi công-cán về Pháp, do đường hàng-không đi chiếc máy bay « *Emeraude* » từ Sài-gòn bay thẳng về Pháp. Ngày 15 tháng giêng bỗng có một tin dữ-dội làm cho hai dân Pháp, Nam ở Đông-dương thấy đều sững-sốt là máy bay *Emeraude* về tới *Nevers* bên Pháp bị cháy, quan Toàn-quyền PASQUIER bị nạn tạ-thế.

Dân An-Nam đương hi-vọng về cuộc công-cán của quan PASQUIER lớn-lao trọng-đại bao nhiêu, thì cái tin này càng làm cho cái lòng thương-tiếc ngài bấy nhiêu.

Trên máy bay « *Emeraude* » tất cả có mười người : Quan Toàn-quyền Đông-dương PASQUIER, hai ông bà CHAUMIE, đại-úy BRUSSAUX, quan hầu quan Toàn-quyền, các ông BALAZAC, coi về các máy bay hãng « *Air France* », LARRICU phái-viên bộ hàng-không, NOGUES quản-đốc hãng « *Air France* », viên hoa-tiêu LAUNAY, người thợ máy CHAMPELL và người giữ máy vô-tuyến-điện QUEYREL, đều bị nạn ở gần ga *Auxerre* cách *Paris* hơn 200 cây số.

Theo như lời thuật của viên xã-trưởng *Corbigny*, người trước tiên trông thấy cái nạn dữ-dội này vào hồi 19 giờ 40 ngày 15, vì trời mưa tuyết gió dữ, chiếc *Emeraude* phải bay là-là trên ngọn cây để tìm đất xuống. Khi bay xuống, chiếc máy bay hình như bị rơi cánh, chúi mũi xuống đất như một mũi tên đâm thẳng xuống. Ngay lúc ấy nghe nổ một tiếng vang trời, chiếc máy bay bị vỡ tan ra hàng ngàn mảnh. Lúc ấy không ai có thể đến gần được chiếc máy bay vì đang

cháy dữ lắm. Thân máy bay rời ra bị bắn xa ngoài 50 thước chỗ máy bay rơi xuống.

Lại theo lời đoán rằng dây của máy vô-tuyến-điện chăng ở dưới thân máy bay có lẽ chạm vào một dây điện, điện truyền vào nên bật lửa lên cháy máy bay, vì lúc xảy ra cái nạn này thì tất cả các đèn điện ở *Corbigny* tự-nhiên tắt đi mất mấy giây đồng-hồ.

Sau nữa lại có người đoán có lẽ chai dưỡng-khí dùng để chạy các động-cơ bị nổ lúc máy bay đang bay, vì có nhiều người nghe rõ một tiếng nổ trước khi xảy ra cái nạn này.

Quan Phó Toàn-quyền tiếp được bức điện-văn sau này của quan Thuộc-địa tổng-trưởng.

« Xứ Đông-dương sẽ rất đau đớn tiếp được cái tin dữ-dội về cái nạn máy bay vừa xảy ra, làm cho quan Toàn-quyền xứ ấy thiệt mạng. Chính-phủ Dân-quốc định làm lễ quốc-táng cho quan Toàn-quyền Pasquier để đền công một người tôi rất có công với nước và một lòng tận-tụy với xứ Thuộc-địa. Các công-sở ở Đông-Pháp phải kéo cờ rũ cho đến ngày cử lễ an-táng ».

Quan Phó Toàn-quyền Graffeuil có gửi bức điện-văn sau này cho các quan Thủ-hiến các xứ :

« Bản-chức lấy làm đau-đớn báo ngài biết tin về cái tang quan Toàn-quyền Pasquier bị thiệt mạng trong cái nạn máy bay « *Emeraude* » bị cháy rơi xuống gần *Nevers*. Toàn xứ Đông-dương đều một lòng kính-điếu vị Thủ-hiến can-đảm ấy đã bị thiệt mạng trong khi làm chức-vụ. Bản-chức xin ngài báo cái tang ấy cho tất cả nhân-dân ».

Tiểu-sử quan Toàn-quyền Pasquier.

Phủ Toàn-quyền lai-cảo lý-lịch của quan Toàn-quyền Pasquier như sau này :

Quan Toàn-quyền Pierre Pasquier được chân sang Đông-dương lần thứ nhất vào hồi cuối năm 1898. Năm ấy ngài mới có 21 tuổi, bắt đầu lĩnh chức cai-trị tập-sự. Từ chức ấy, ngài dần dần thăng lên hết các bậc trong ngạch cai-trị, rồi qua các bậc trong ngạch thống-sứ, đoạn lên tới chức thủ-hiến xứ thuộc-địa là nơi mà ngài có lòng yêu-mến cũng như Tổ-quốc của ngài vậy. Thật đã suốt đời ngài tận-tâm với xứ Đông-dương ; nay ngài tử-trần một cách thảm-thương như thế, thật là ngài đã hi-sinh cho xứ thuộc-địa vậy, vì chính khi ngài ở Thuộc-địa bay về bên Pháp để bênh-vực mọi quyền-lợi cho Thuộc-địa mà ngài gặp nạn tử-trần.

Chân-dung quan cố Toàn-quyền
Đông-Pháp PASQUIER

Kinh ảnh Trung-Bắc Tân văn

Cái lý-lịch của quan Toàn-quyền PASQUIER có chứa-chan những điều thắng-ý. Đây không thể kể hết mọi lời ngợi khen của các quan trên đã ngợi khen ngài trong khi làm việc. Mọi lời khen ấy có thể gồm ở lời phê của quan BONHOURE hồi năm 1907 rằng : « Ông PASQUIER thật là một viên-chức có đặc-sắc và có thể đương nổi những chức-vụ lớn-lao ».

Hồi năm 1899, quan Toàn-quyền PASQUIER bắt đầu lĩnh chức tham-biện tại tòa-sứ Thái-nguyên, dưới quyền quan Công-sứ DESTENAY. Về sau khi về Hà-nội, quan PASQUIER lại làm việc dưới quyền quan DESTENAY, trong lý-lịch của ngài, quan DESTENAY có phê như sau này : « Có thể chắc trước rằng ông PASQUIER sẽ trở lên là một quan chức rất tốt ở Đông-Pháp ».

Lời phê ấy quả thật là một lời tiên-tri về cái sự-nghiệp của quan Toàn-quyền PASQUIER vậy.

Ở Thái-nguyên đến ngày 1er *janvier* 1901 thì quan PASQUIER được thăng lên chức cai-trị hạng năm, và bổ về lĩnh chức tham-biện ở tòa-sứ Thái-bình trong năm 1901 và 1902.

Chính trong khi ở Thái-bình, ngài bắt đầu am-hiểu tính-tình phong-tục người bản-xứ, ngài rất có lòng tử-tế đối với các trị-hạ và càng ngày lại càng có tình thân-ái với mọi người ; bởi vậy rất nhiều người Nam có lòng kính-mến ngài lắm.

Bấy giờ quan Thống-sứ BRONI bèn cử ngài lĩnh-chức phó chủ-sự văn-phòng tại phủ Thống-sứ cho mãi tới năm 1905. Trong khi ấy ngài lại kiêm chức thư-ký tại Thượng-hội-đồng Đông-dương.

Đoạn ngài về Pháp nghỉ, ngày 21 *Novembre* 1905, thì được thăng lên chức cai-trị hạng tư và lưu lại ở bên Pháp dự cuộc đấu-xảo *Marseille* ; khi ấy ngài có từng đọc nhiều bài diễn-thuyết rất hay, về sau có lục đăng in cả vào trong cuốn sách « *Annam d'autrefois* » mà ngài đã soạn ra.

Khi ngài trở lại Đông-Pháp thì quan Thống-sứ BONHOURE cử ngài lên chức chánh văn-phòng cho quan Thống-sứ. Khi quan Thống-sứ BONHOURE đổi vào lĩnh chức Thống-soái Nam-kỳ, sau lên quan Toàn-quyền, rồi lại về Thống-soái Nam-kỳ, thì quan PASQUIER vẫn làm luôn chức chánh văn-phòng cho quan BONHOURE.

Ngày 1er *avril* 1908, quan PASQUIER được thăng lên chức cai-trị hạng ba, bấy giờ mới được bổ đi lĩnh chức Công-sứ Thanh-hóa. Ngài làm ơn cho dân tỉnh ấy được nhiều việc lắm, không kể xiết được ;

bởi vậy dân Thanh-hóa có dựng lên một tấm bia để kỷ-niệm công-đức ngài, coi ngài như một vị Phúc-thần.

Ngày 1er *avril* 1911, được thăng lên chức cai-trị hạng nhì và lại được bổ về lĩnh chức Đồng-lý phủ Thống-sứ, dưới quyền quan Thống-sứ DESTENAY, nguyên Công-sứ Thái-nguyên trước. Đoạn, lĩnh chức Đốc-lý Hà-nội.

Trong khi lĩnh chức Đốc-lý Hà-nội, quan PASQUIER mở-mang cho thành-phố được nhiều điều ích-lợi lắm. Chính ngài đã mở ra chợ hàng-hoa ở bờ hồ, chính trong khi ngài nhậm chức Đốc-lý mà mở ra Hội-chợ Hà-nội, nào việc vệ-sinh, nào việc mở-mang đường-sá trong thành-phố, ngài thật đã có công rất lớn lắm cho thành-phố Hanoi trở nên là một thành-phố rất đẹp-đẽ ở chốn Viễn-đông.

Ngày 1er *janvier* 1917, quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT cử ngài lên làm Chánh văn-phòng tại phủ Toàn-quyền ; năm 1918 ngài lại được cử làm Chánh tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền. Trong khi ấy ngài rất có công trong cái chính-sách hiệp-tác của quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT.

Khi quan ALBERT SARRAUT lĩnh chức Thuộc-địa Thượng-thư, lại đem ngài về làm việc tại bộ Thuộc-địa.

Ngài ở Pháp từ năm 1919 đến năm 1921. Ngày 24 *octobre* 1919, ngài được thăng Thống-sứ hạng ba, ngày 10 *Février* 1922 thăng Thống-sứ hạng nhì, và ngày 26 *Février* 1924, được thăng Thống-sứ hạng nhất.

Từ năm 1921 đến năm 1926 ngài lĩnh chức Khâm-sứ Trung-kỳ.

Từ tháng *octobre* 1920 đến tháng *mai* 1927 lĩnh chức quyền Toàn-quyền Đông-Pháp. Năm sau ngài lĩnh chức chánh sở kinh-tế Đông-Pháp ở *Paris*, rồi đến ngày 23 *août* 1928, ngài được bổ Toàn-quyền thực-thụ ; ngày 26 *décembre* 1928 ngài đáp tầu tới bến Saigon lĩnh chức Toàn-quyền thực-thụ Đông-Pháp.

Quan Toàn-quyền PASQUIER được thưởng đệ ngũ hạng Bắc-đẩu bội-tinh ngày 4 *décembre* 1918, thăng đệ tứ hạng ngày 9 *Janvier* 1923, thăng đệ tam hạng ngày 30 *avril* 1926, và thăng đệ nhị hạng Bắc-đẩu bội-tinh ngày 21 *octobre* 1931. Lại được Nam-triều phong làm « Trạch-Nam-vương », ngài sinh ngày 6 *février* 1877. Năm nay đúng 57 tuổi.

Đối với cái tang quan Toàn-quyền Pasquier

Tại triều-đình Huế, khi được tin quan Toàn-quyền PASQUIER bị nạn tạ-thế làm cho ở kinh-đô Huế và khắp cả xứ Trung-kỳ đều lấy làm kinh-ngạc, đức Bảo-đại và các quan Thượng-thư đều thân-hành đến tòa Khâm chia buồn cùng quan Khâm-sứ. Các sở công và sở tư đều kéo cờ rũ.

Thành-phố Hà-nội và Sài-gòn cùng các tỉnh-lỵ Trung Nam Bắc-kỳ đâu đâu cũng treo cờ rủ để tỏ lòng cảm-động của nhân-dân khi được tin dữ-dội này. Khắp các xứ như *Indes Néerlandaises*, Hong-kong, Mã-lai, *Johore*, các vị quốc-vương, các quan sứ-thần Pháp ở *Bangkok*, *Batavia*, *Calcutta*, các quan Toàn-quyền Tây Phi-châu, các xứ bảo-hộ trong cõi Đông-dương, khi được tin này đều gửi điếu-văn về phủ Toàn-quyền Đông-dương để chia buồn cùng Chính-phủ Pháp và tỏ lòng tiếc một vị tối-cao đại-biểu của Pháp ở Đông-dương.

Dư-luận các báo Tây Nam đều tỏ lời than tiếc quan Toàn-quyền.

Báo « *Tribune Indochinoise* » viết rằng:

« Số-mệnh quả thực bất công với vị ấy (tức là quan Toàn-quyền) là vì đã cắt đứt cái đời vị ấy ngay khi vị ấy sắp được tự cãi cho mình và bênh-vực cái chính-sách của mình. Tất cả xứ Nam-kỳ được tin này thảy lấy làm kinh-ngạc, vì quan Toàn-quyền đã được cái thiện-cảm của hết thảy mọi người, được cả lòng yêu của dân An-Nam. Dân ta sẽ bao giờ cũng vẫn kỷ-niệm nhà văn-sĩ tài-hoa ấy, một người bạn thân của xứ ta, đã tận-tụy trong ba mươi năm trời cho cái mẫu-quốc thứ nhì của ngài này. Ngài ở cái trọng chức Toàn-quyền, có lẽ đã làm thất-vọng biết bao hi-vọng để cả vào ngài, vì khi được tin Chính-phủ Dân-quốc cử ngài làm Thủ-hiến xứ này thì ai nấy đều coi ngài như một vị cứu-thế vậy. Ta cũng nên chân-thực nhớ rằng ngài lên cầm quyền giữa lúc cực khó khăn. Quan chúa-tể lúc nào cũng ra mặt đối-phó, nhưng thường thường thời-thế thắng-lợi hơn, mà ngài thì chẳng thể đoán trước mà ngăn cản lại được. Nhưng, dù đến những người chính-địch của ngài cũng chẳng bao giờ nghi-ngờ cái trực tính và đạ thanh-liêm của ngài. Ngài bẩm sinh là người tốt. Dù sao mặc lòng, nay ngài tạ-thế trong một trường-hợp rất bi-ai này, thì tất cả những dị-nghị đều phải bẵng cả đi. Chúng tôi xin trân-trọng cúi trước vong-linh quan Toàn-quyền PASQUIER chúng tôi thay mặt dân An-Nam mà trân-trọng phân-ưu cùng Chính-phủ Dân-quốc và Chính-phủ Đông-dương ».

Báo *Volonté Indochinoise* ông DE MONTY viết rằng:

« Tất cả người Pháp, Nam, Cao-miên, Lào, đều trân-trọng cúi mình trước những tử thi cháy đen của những hành-khách đi máy bay « *Emeraude* ». Ai nấy đều một lòng kính-cẩn cúi chào tử-thi của người rộng-rãi năm năm trường đã làm Thủ-hiến xứ này, sau khi đã làm việc cho xứ Đông-dương rất lâu năm. Và dù sao mặc lòng, ta có thể nói được rằng ngài rất yêu mến xứ này vậy ».

Ngày 20 *Janvier* tại *Paris* đã cử-hành tang-lễ quan Toàn-quyền PASQUIER cùng những người bị nạn máy bay « *Emeraude* ». Các quan Tổng-

trưởng Pierre Cot, Lamoureux, Sarraut, và các quan-chức khác đều đến dự lễ.

Các linh-cữu đều tùy gia-quyến đưa về quê. Còn linh-cữu quan Toàn-quyền Pasquier thì đưa về Kinh-tế-cục để rồi rước về *Marseille*.

Khi làm lễ, quan Tổng-trưởng bộ hàng-không có đọc bài điếu-tang cảm-tạng những nhà bị nạn, rồi đến quan Tổng-trưởng thuộc-địa Lamoureux nói rõ nhất về quan Toàn-quyền Pasquier.

Trong bài điếu-văn quan Toàn-quyền Pasquier, quan Tổng-trưởng Thuộc-địa Lamoureux có nói đến cái tang đau-đớn của cả nước Pháp lẫn Đông dương Ngài kể cái lịch-sử của quan Toàn-quyền, là một vị quan đã tận-tụy cố làm cho xứ Thuộc-địa được hưng-thịnh. Quan Toàn-quyền Pasquier là một vị Thủ-hiến mà tất cả các nhân-vật xứ Thuộc-địa đều một lòng tín-nhiệm. Trong ngạch Hành-chính ngài rất nhiều công-trạng. chính ngài bắt buộc các quan cai-trị phải biết tiếng bản-xứ. Về các phương-diện kinh-tế, xã-hội, chính-trị và chuyên-môn, công việc của ngài đều kết-quả mỹ-mãn, nhất là về đường xe-hỏa và việc dẫn-thủy nhập-điền. Quan Tổng-trưởng tả cái cương-trực của quan Thủ-hiến Pasquier trong hồi biến-động ở cả các xứ Viễn-đông này, từ năm 1929 đến năm 1931, rồi đến khi việc trị-an đã được yên thì ngài lại tỏ ra là người nhân-từ, rất có lượng rộng dung những kẻ đã sai đường lạc lối.

Quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa rất chú-ý đến việc quan Toàn-quyền Pasquier lo cho vấn-đề tài chính xứ Đông-dương khỏi bị khủng-hoảng cùng là những công trạng ngài trong các việc Học-chính và Y-tế. Rồi quan Tổng-trưởng kết-luận :

« Cái đức-tính can-đảm và lòng chăm lo việc công-ích của quan Toàn-quyền Pasquier, đáng lẽ làm cho ngài được hưởng một vận-mệnh khác. Nhưng khi người ta lúc nào cũng như ngài, luôn luôn có lòng ái-quốc đưa đường, biết trọng thờ cái danh-dự tổ-quốc, biết tin cậy vào vận-mệnh tổ-quốc, biết hy-vọng vào cái chức-trách của tổ-quốc đối với nhân-loại, thì người ta không thực chết đâu. Người tuy chết, nhưng cái sự-nghiệp vẫn còn lại ở thế-gian ».

Cũng ngày hôm ấy bên Pháp làm lễ quốc-tang quan Toàn-quyền, tại Đông-dương khắp các nơi đều làm lễ truy-điệu.

Tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội làm lễ truy điệu quan Toàn-quyền Pasquier một cách trọng-thể, có đông đủ tất cả các quan chức nhân viên trong ngạch Tư-pháp ở Hà-nội và tất cả các luật-sư đến dự, là quan Tư-pháp Tổng-trưởng Guiselin, quan Chánh tòa Thượng-thẩm Morché, quan Chánh tòa-án Cai-trị Léonardi, các quan Tham-nghị Tridon, Evchenne, Nadaillat, Curop, Cassagnau, các quan Tổng-đốc Phạm Gia-Thụy, Vũ Ngọc-Hoành. quan Tham-nghị Narbonne, Verron, Barthet, quan Chưởng-lý Lebel, quan phó chưởng-lý Moreau và Falk, Olivier, Duringer ; quan chánh tòa Sơ-thẩm Meneault, quan Biện-lý Languellier, các nhân-viên trong tòa-án ; các luật-sư Coueslant, Bona, Pascalis, Trần Văn-Chương, Mansohn, Piton, Dunezat, Fordaz, vân vân.

Thoạt kỳ thủy, quan Tư-pháp tổng-trưởng Guiselin đọc một bài điếu-tang, rồi quan Chưởng-lý Lebel và quan Chánh tòa Thượng-thẩm Morché mỗi vị đọc một bài rất cảm-động.

Luật-sư Coueslant thay mặt các luật-sư ở Trung Bắc-kỳ đọc một bài điếu-tang nữa. Khi các điếu-văn đọc xong, thì bãi phiên tòa để tỏ tình ai-điếu.

Trước phủ Toàn-quyền Hanoi cũng

làm lễ truy-điệu quan Toàn-quyền. Ngay thềm đá phủ Toàn-quyền xuống, ngoảnh ra phố *Brière de l'Isle* đã cất sẵn một cái vọng-phần lớn, khói trầm nghi-ngút tỏa khắp trong khu vườn. Nhân-dân Tây Nam kéo lên đứng rải-rác trên bờ hè phố *Brière de l'Isle* Chỉ những viên-chức công-sở, những người Tây Nam bận lễ-phục mới được vào trong sân. Lễ này chính là để toàn dân Tây Nam xứ thuộc-địa này đến dự-lễ để tỏ lòng ai-điếu một vị tối-cao đại-biểu của Chính-phủ Pháp. Hôm ấy nhân-dân Tây Nam cùng học-trò đến dự đông lắm. Quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL ra đứng trước vọng-phần. Bên cạnh ngài có quan Thống-tướng VERDIER, quan Tổng thanh-tra thuộc-địa DENONGIN, đứng đầu phái bộ thanh-tra sang Đông-dương và quan Thống-sứ THOLANCE. Ai nấy đều im phăng-phắc. Quan phó Toàn-quyền đọc bài điếu-văn. Đọc xong thì một viên quan võ bô rằng: « *Une minute de silence* », cả trong lẫn ngoài ai nấy đều ngả mũ cúi chào lặng yên một phút. Đoạn đến học-trò các trường đi diễu quanh nhà mồ, rồi đến các quân-đội đi diễu. Trong lúc hành-lễ thì trên không một đoàn bảy chiếc máy bay nhà binh bay lượn.

Hôm ấy ở Huế và Sài-gòn cũng khắp các tỉnh-lỵ các nơi đều làm lễ truy-điệu cả. Ở các nhà thờ lớn cũng đều làm lễ trọng-thể. Khắp các đình chùa trong xứ đều mở cửa đèn hương gọi là dự một phần trong lễ truy-điệu này.

Quan Toàn-quyền PASQUIER là một bậc đại-biểu tối-cao có biết bao công-nghiệp ở xứ Đông-dương này, tuy ngài tạ-thế trong một cái trường-hợp rất bi-thảm, nhưng cái chết oanh-liệt can-đảm ấy đã khiến cho nước Nam và nước Pháp không bao giờ quên, mà ghi cái tên PIERRE PASQUIER cùng trường-thọ với non sông mãi-mãi, không khi nào mất được.

⁂

Nay quan Toàn-quyền PASQUIER và quan hầu của ngài là Đại-úy BRUSSEAUX được Chính-phủ Dân-quốc ghi là có công với quốc-gia.

Bản kỷ-công quan Toàn-quyền PASQUIER như sau:

« Chính-phủ Dân-quốc Đại-Pháp, bố-cáo là có công với tổ-quốc ông PASQUIER (PIERRE ANTOINE, MARIE) quan Toàn-quyền Đông-dương, thưởng thụ Đệ-nhị đẳng Bắc-đẩu bội-tinh. Ngài là một vị quan xuất-sắc, suốt đời tận-tụy với xứ Đông-dương, ngài rất nhiều đức tính tốt, mẫn-tiệp và cương-quyết. Ngài trọng-nhậm chức nào ở Viễn-đông cũng làm được nhiều công-trạng. Ngài trở về Pháp để trình bày về những công-cuộc khai-hóa và trị-an ở xứ Thuộc-địa mà ngài yêu-mến này, bị thiệt-mạng trong những trường-hợp rất bi-ai thê-thảm. »

⁂

Hai câu đối viếng quan Toàn-quyền Pierre Pasquier

(Trích báo Tiếng-dân)

I

公忍捨東方黃金地去耶，年甫兩旬零，已乘風破浪抱雄圖，幾回慘淡經營，居然任粤國全權，未說峴碑，回首龍城雙眼淚.

Công nhẫn xả Đông-Pháp hoàng-kim địa khứ gia, niên phủ lưỡng tuần linh, dĩ thừa phong phá lãng bão hùng đồ, kỷ hồi thảm đạm kinh-doanh, cư nhiên nhiệm thuộc-quốc Toàn-quyền, vị thuyết Nghiễn bi, hồi thủ Long-thành song nhỡn lệ;

人皆爲有歐政治家惜也，壽纔五十七，竟徇霧滕雪遺巨業，一往迢遙汗漫，弗及顯寰球新局，惟除棠花，傷心越鳥一枝巢.

Nhân giai vị Tây-Âu chính-trị gia tích dĩ, thọ tài ngũ-thập-thất, cánh giả vụ đằng-vân di cự nghiệp, nhất vãng tiêu dao hãn mạn, phất-cập cố hoàn-cầu tân cục, duy dư Đường bạt, thương-tâm Việt-điểu nhất chi sào.

PHAN BỘI-CHÂU.

Dịch :

Xử giàu sang Đông-Pháp, ông nỡ quên ru ? Ngoài hai-mươi xuân trẻ, sớm mang chí lớn, vượt sóng biển thẳng qua ; bao năm tay thợ sửa sang, quyền cao thuộc-địa đã lên vai : bia núi Nghiễn (1) đầu chưa, ngảnh mặt Long-thành, lệ đôi hàng nhỏ.

Nhà chính-trị Tây-Âu, người đều tiếc vậy ! Năm-mươi-bảy tuổi già, vội để nghiệp cả, lên đường mây nhẹ tếch ; một chốc làng liền xa cách, cuộc mới hoàn-cầu chưa chán mắt ; cây Cam-đường (2) còn đấy, chạnh lòng chim Việt, tổ một ngành côi.

II

Ba chục năm thuộc-địa, tiếng vang lừng chánh-khách Tây-Âu ; hội-đồng tiền-tệ, phương-pháp thực-dân, tình-hình lắm nỗi khó-khăn ; nước mẹ vẫn mong thay ! Giáp mặt Pháp-đình, bày tỏ bệnh căn tìm thuốc cứu.

Năm mươi-bảy tuổi trời, tay cầm vững chủ quyền Đông-Pháp ; chính-sách liên-bang, trương-trình lập-hiến, công-cuộc nửa chừng lỡ dở ; trời già sao nghiệt nhỉ ! Sa cơ phi-dĩnh, vội mang nghiệp cả tếch làng mây !

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

(1) Dương Hựu một nhà danh-nhân đời Tấn có công đức, sau chết, người ta làm bia nơi núi Nghiễn, ai trông bia cũng sa nước mắt.

(2) Thiệu Bá nhà Châu đi tuần-hành dân-gian, nghỉ mát dưới cây Cam-đường, sau người ta nhớ ông, không nỡ chặt cây ấy.

Kính-cáo các độc-giả

Bắt đầu từ số báo này, các việc biên-tập cùng quản-lý báo Nam-Phong là do ông Lê Văn-Phúc chủ-trương cả.

Ông Lê Văn-Phúc làm chủ-nhiệm báo Nam-Phong sẽ tìm cách chấn-chỉnh cho báo được phát-đạt.

Phàm các thơ-từ, bài-vở công-việc gì về báo, đều do nơi ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận và xử-trí cả.

NAM-PHONG *cẩn-cáo.*

DÂN-TỘC KINH-TẾ
民族經濟

Dân-tộc cũng như một cá-nhân, đều cần phải sống. Song cái sống của một dân-tộc, nó khác với cái sống của một cá-nhân.

Cái sống của cá-nhân là cái sống ngắn-ngủi, cái sống hẹp-hòi. Mỗi người vô-luận gái trai, sang hèn đều bé thơ-ngây, già lẫn-lộn, trung-gian hoạt-động chỉ trong vòng và bốn-mươi năm là cùng. Cho nên nói là cái sống ngắn-ngủi. Mỗi người khéo ra thì nuôi được gia-quyến, vụng ra thì một thân, cùng nữa thì nương nhờ vào kẻ khác cũng qua một đời. Song đó là nói về cái chỗ làm việc của từng cá-nhân, đến như những món nhu-yếu để cung cho sự sống, thì một người không tự làm đủ được mọi nghề. Vô-luận trai gái sang hèn đều phải thay đổi giúp đỡ lẫn cho nhau mà cùng sống. Cho nên nói là cái sống hẹp-hòi.

Về cá-nhân, vì cái sống ngắn-ngủi nên cái lo có hạn. Vì cái sống hẹp-hòi nên cái lo cũng dễ dàng. Đến như cái sống của một dân-tộc thì không thế. Chung một dòng họ, chung một đất nước, cùng nhau cùng sống, từ lìa rừng-rú ra thôn-trang, từ bộ-lạc lên bang quốc, rồi tiến đến đời thế-giới giao-thông. Kể ngược lên từ đời chưa có sử về trước cho tới nay, chưa biết trải bao nhiêu năm tháng. Lại từ nay về sau, dân-tộc nào dù suy mà diệt đi nữa cũng còn lâu, dù thịnh mà tiến lên thì chưa biết đến bao giờ là cùng. Thế thì cái sống của dân tộc là cái sống tràng-viễn.

Một dân-tộc sinh-tụ với nhau trong một bờ-cõi, đất-đai không phải là nhỏ, miệng ăn không phải là ít, nhu dụng để nuôi cho sự sống, giúp đỡ bênh-vực cho sự sống của nhau, hao-tổn không biết bao nhiêu hằng ngày. Thế thì cái sống của dân-tộc là cái sống trọng-đại.

Có cái sống tràng-viễn, nên dân-tộc phải có cái lo vô-cùng; có cái sống trọng-đại, nên dân-tộc phải có cái trách-nhiệm tự-lập về sự sống. Sao vậy? Vì rằng cái sống của một dân tộc, đối với thời-gian, về quá-khứ đã rất sâu-xa mà về tương-lai lại càng dằng-dặc. Thế mà đối với cảnh-ngộ, một dân-tộc mà sở-dĩ còn lại được ở trên mặt đất đến nay với thế-giới, không phải là dễ-dàng đâu. Từ hồi còn lẻ-thẻ ngu-si, cho đến lúc biết quây-quần, biết sáng-chế, lập lên bang-quốc, có kỷ-cương. Đã từng trải bao cuộc tranh đua gian-hiểm. Nào tranh với trời, nào tranh với vật, nào tranh với dân-tộc khác. Tranh để mà sống, để cho đủ sống mà còn lại, mà từ nay trở đi vẫn như thế mãi mãi. Thế cho nên, kẻ cá-nhân, hèn-mạt thì ăn nhờ vào nhau, mà tàn-ác thì ăn tranh vào nhau mà sống được. Đến như một dân-tộc, không kể ở chỗ nghèo hèn, không có thể ngưỡng-vọng ở đâu đem cung-cấp cho đủ để hưng-thịnh lên được. Mà chính ở chỗ giàu mạnh, tuy có lợi-dụng ở ngoài để giúp cho thêm thịnh-vượng, nhưng tự trong bao giờ người ta cũng phải trù-liệu cho dân-tộc đủ thực-lực về sự sinh nuôi. Bởi vì bờ cõi cách biệt, đường lối xa xôi, mỗi dân-tộc không tự đủ để cung-cấp để nuôi sống lấy mình không được. Không những lúc đời loạn mà giữa lúc đời bình cũng vẫn phải như thế. Ấy thế là cái cớ về sự sống của một dân-tộc hằng phải có cái lo vô-cùng. Vì cái lo vô-cùng mà phải có cái trách-nhiệm tự-lập về đường sinh-hoạt. Sinh-hoạt phải cần có trí-thức để làm vốn, nên

tôi đã từng có thuyết « *Dân-tộc học-thuật* ». Sinh-hoạt lại chính phải cần về sự ăn dùng, nên đây tôi lại có thuyết « *Dân-tộc kinh-tế* ».

« Kinh-tế » là dịch tiếng «*Economie*» của Thái-tây ra. Kinh-tế có hai nghĩa : Một là làm cho sinh lợi ra ; hai là làm cho bớt phí đi. Theo về một phương-pháp để nghiên-cứu về đường kinh-tế, gọi là kinh-tế-học. Ở Thái-Đông tức là cái thuyết « Sinh-tài đại-đạo 生財大道 » của sách *Đại-học* vậy.

Thuyết sinh-tài của *Đại-học* lấy hai câu làm tường cột là : « Số sinh ra nhiều mà số ăn đi ít ; số làm ra chóng mà số dùng đi chậm 生之者衆。食之者寡。爲之者疾。用之者舒 ». Đem so với nghĩa kinh-tế thì « Sinh nhiều, làm chóng » là phần sinh lợi, « Ăn ít, dùng chậm » là phần bớt phí. Song *Đại-học* chỉ mới phát-đoan và tóm-lược ra được hai câu triết-lý thông-thường ấy mà thôi. Đến như những phương-pháp sở-dĩ làm thế nào cho được sinh-lợi và bớt phí, thì *Đại-học* chưa từng nói đến. Đó cũng là thời-đại của sách *Đại-học* còn ở vào trong cái bờ cõi phong-kiến, riêng một vũ-trụ. Cuộc sinh-hoạt còn giản-đơn, dễ kiếm ăn. Sự xung-đột về mối lợi với nhau, có chăng chỉ cá-nhân với cá-nhân hoặc là công-gia với tư-gia mà thôi. Cho nên cổ-triết chỉ vì kẻ trị nước bày cho biết cái đại-cương về kinh-tế. Còn chỗ phương-pháp tinh-vi thiết-thực, mặc cho người đời tùy-thời tùy đất tùy nhu-yếu mà tự tìm ra.

Đời đến ngày nay, tri-thức càng mở-mang, sinh-hoạt càng phiền-phức, vấn-đề kinh-tế càng bách-thiết cho loài người, mà cái học kinh-tế cũng tường-bị cần-yếu hơn cả các cái học khác. Phương-chi lại ngày nay là thời-đại các dân-tộc trong thế-giới của nhau tiến-hóa, tranh nhau sinh-tồn. Học-thuật, chính-trị, văn-hóa, cái gì cũng đều lấy dân-tộc làm bản-vị, thì kinh-tế cũng không thể ngoài cái thường-lệ ấy được. Nghĩa dân-tộc kinh-tế vì đó mà phát-hiện ra trong óc người đời.

Tuy thế nhưng mà lại phải biết rằng, ngày nay đời tuy giao-thông chung-đụng càng thân, hoặc rồi có một ngày đến cõi đại-đồng đi nữa. Song tôi chắc rằng cũng chỉ đại-đồng với nhau về những cái « mốt » về chính-trị, về học-thuật, về văn-hóa mà thôi. Chớ đến như sự sinh-hoạt, thì mỗi dân-tộc bao giờ cũng vẫn phải sống theo từng hoàn-cảnh riêng, tùy từng thời-thế cảnh-ngộ tình-trạng mà khác nhau. Cho nên đối với vấn-đề dân-tộc kinh-tế, không những mỗi nơi đều phải lo liệu lấy cái trách-nhiệm tự-lập cho đủ sinh-hoạt, mà lại còn phải theo trình-độ của dân-tộc mình mà định lấy phương-châm.

Thế cho nên chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế cũng phải theo chỗ bản-nghĩa của thuyết kinh-tế phổ-thông như, đã giải ở trên mà thực-hành ra ở hai phương-diện : Một là lo gây dựng lấy nền kinh-tế ở trong cho sung-túc. Hai là lo mở-mang nền kinh-tế ra ngoài cho thêm lợi.

Thế-lực kinh-tế ở trong đã thịnh-đạt mới có thể khếuch-sung ra ngoài, lẽ ấy cố-nhiên. Song ở về đời phong-kiến, các dân-tộc đâu đấy đều sống riêng trong cái hoàn-cảnh của mình cách-biệt với thế-gian. Thì lúc đó, đã không có cái gì gọi là thế-lực kinh-tế ở ngoài đến bách, mà ở trong cũng chỉ có những cớ xung-đột nhỏ về kinh-tế của cá-nhân với cá-nhân, công-gia với tư-gia mà thôi, Chứ không có cái gì gọi là vì dân-tộc mưu kinh-tế. Là vì ngày xưa kỹ-xảo chưa thịnh, mậu-dịch chưa rộng, trong một xứ-sở có sẵn cái gì, hoặc làm được cái gì, nó thế nào thì ăn dùng thế ấy với nhau. Nguồn lợi chẳng có thu vào mà cũng chẳng lo tiêu-tán đi đâu. Ngày nay thì khác hẳn, một dân-tộc nào mà còn vụng-về ngu-ngốc, không có tân-pháp để mở-mang

thì thổ-sản thiên-nhiên không có giá-trị. Chế-tạo thô-bỉ thì tất bị ngoại-hóa tinh-xảo chiếm mất lợi-quyền. Thường-tình ham rẻ mà chuộng lạ, thủ-công tất không tranh được với cơ-khí, cựu-sáo tất không địch được với tân-học. Lửa cháy dầu phải hao, chén đò nước tự cạn. Đối với cái thuyết « sinh tài » sách *Đại-học*, đối với cái nghĩa thuyết « kinh-tế » đời nay, đều thành ra phản-tỉ-lệ, mà dân-tộc ấy khỏi sao không bị khốn-đốn về đường sinh-hoạt. Thế cho nên ngày nay không một dân-tộc nào là không phải lo-liệu đến cuộc kinh-tế chung, mà nhất là cái nền kinh-tế về bề trong cho sung-túc.

Người ta là vật sống, sống phải ăn dùng. Khéo thì dư-dật, vụng thì thiếu-thốn, vì vậy ai cũng phải có cái học kinh-tế. Song-le người ta lại không tự sống lấy một mình được, mà phải sống với dân-tộc. Vậy thì cuộc kinh-tế của cá-nhân dù khéo mà được dư-dật đi nữa, nhưng số nhiều đều vụng mà bị thiếu-thốn, ảnh-hưởng can-liên, kẻ cá-nhân có dư-dật cũng chỉ dư-dật tạm-thời, mà sau hết cũng theo nhau mà hao-kiệt, lý-thế tất-nhiên như vậy. Vì vậy sống trong một dân-tộc, ai cũng lại phải phụng-sự chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế. Cuộc dân-tộc kinh-tế của người Việt-Nam ta hiện nay, chính đương hãm vào trong cái cảnh-tượng vụng-về ngu-ngốc ấy. Muốn phụng-sự chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế ta phải thế nào ?

Phụng-sự chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế tức là phụng-sự cái đời sinh sống của nhau trong một dân-tộc. Ví như cái cây, nó phải thác-căn vào hai phiến đất tương-liên mà sinh-trưởng phát-đạt. Hai phiến đất ấy tức là quốc-gia với các cá-nhân. Đời quốc-gia chính là đời kinh-tế độc-lập, cần phải độc-lập hơn là đời kinh-tế của một cá-nhân, mà lại phải hoàn-toàn trông cậy vào đời kinh-tế của các cá-nhân để thu-hoạch. Đời kinh-tế của các cá-nhân là chỗ nguồn-gốc của đời kinh-tế quốc-gia, mà cũng lại phải nhờ vào thế-lực của quốc-gia vun-trồng bón-tưới cho mới chóng nẩy-nở. Thế là hai phiến đất cùng phải thu-vén vào cho một cái cây «dân-tộc kinh-tế» để mà cùng hưởng-thụ.

Thế nhưng về quốc-gia, quốc-gia có phép có quyền, đem phép quyền để chấn hưng, tưởng-lệ và bảo-hộ cho nền kinh-tế trong nước là việc rất dễ rất thường. Quốc-gia nào cũng đã thừa hiểu lẽ đó, cũng cần phải làm việc đó. Cho nên về phần quốc-gia đã có nhà chuyên-trách, đây hết-tất phải chỉ-hoạch, e mang tiếng là dạy thợ cả cầm dây mực. Mà chỉ nói về phần các cá-nhân mà thôi.

Các cá-nhân mỗi người một ý-nghĩ, mỗi người một thân-phận. Anh Giáp khéo thì dư-dật, anh Ất vụng thì khốn-quẫn, anh Bính kiếm được thì tự tiêu-sài. Ai ai đều tự-do, tông-giáo không bắt-buộc, pháp-luật không can-thiệp, nhất là ở nơi mà dân-tộc còn vụng-về ngu-ngốc, quen thói tư-kỷ như đời phong-kiến khi xưa. Thế mà nay muốn cho người ta thống-nhất vào một ý-tưởng, theo một phương-châm của chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế thì thực là khó.

Nhưng lại phải biết kinh-tế ở trong dân-tộc, như huyết-mạch ở trong thân-thể. Huyết-mạch chỗ kia đã kiệt, thì huyết-mạch chỗ nọ không thể giữ lại một mình được. Sự thịnh suy còn hết nó cùng thông-đồng với nhau. Kẻ thô-thiển chưa rõ mà người minh-đạt đã biết thừa đi rồi. Vậy thì các cá-nhân trong dân-tộc không tự hiểu lấy lẽ đó không được. Không thống-nhất vào một ý-tưởng, theo một phương-châm mà lo vun trồng bón tưới vào cho cái cây dân-tộc kinh-tế ấy không được.

Như thế gọi là cách phụng-sự. Cách

phụng-sự đó không dựa vào tôn-giáo, không dựa vào pháp-luật, mà phải dựa vào cái lòng vinh-dự, nghĩa là ai nấy đều tự giữ lấy một cái lòng vinh-dự đối với cuộc dân-tộc kinh-tế vậy. Lòng vinh-dự ấy ứng-dụng vào những tình trạng sau này:

1° Lòng vinh-dự của kẻ học-giả ham tìm vật-chất mới, chế khí-dụng mới hoặc mô-phỏng kiểu ngoài mà chế bằng vật thổ-sản cho trong nước dủ dồ dùng.

2° Lòng vinh-dự của nhà thực-nghiệp lo khai-khẩn ruộng đất, mở-mang công-nghệ cho có vật-sản tốt, khí-dụng tốt.

3° Lòng vinh-dự của nhà nghề chỉ mong chế-tạo ra những khí-dụng tốt đẹp bền-chặt.

4° Lòng vinh-dự của kẻ thưởng-thức sắm dùng biết yêu thổ-sản, quí thổ-hóa.

5° Lòng vinh-dự của nhà thương-mại, mong mở rộng đường cho thổ-sản thổ-hóa được tiêu-thụ mạnh ra ở trong nước ngoài nước.

Lòng vinh-dự là tự mình nghĩ một mình, mình đã biết vì mình mà làm được một việc phải, mà tự lấy làm vinh-hạnh danh-dự, chứ không đợi người ngoài phải khuyên phải khen. Những nước văn-minh sở-dĩ văn-minh, giàu-mạnh cũng là nhờ nhân-dân trong nước, ai nấy cũng giàu cái lòng vinh-dự ấy cả. Trong nhân-dân mà ai nấy đã đều có cái vinh-dự-tâm đối với chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế, thì những mệnh-lệnh chấn-hưng khích-khuyến của quốc-gia chỉ như mưa-móc mùa xuân tầm tưới cho cái cây sau mùa đông, mầm mấm đã dự-bị sẵn ở trong rồi. Sự thúc giục cho nảy nở tốt tươi không khó gì.

Vả đã có lòng vinh-dự thì tiện-thị có lòng tri-sĩ. Lòng vinh-dự về cuộc kinh-tế chung đã thịnh, thì bấy giờ kẻ học-giả biết lấy trong nước những sản-vật không phát-đạt, kiểu-mẫu của các khí-dụng còn hủ-lậu cũ-kỹ, làm sự sỉ-nhục cho mình. Nhà thực-nghiệp biết lấy đồng đất chưa khai-thác hết, nghề nông-phố không tiến-bộ, các kỹ-xảo không phát-đạt, làm sự sỉ-nhục cho mình. Nhà chế-tạo biết lấy sự chế-tạo ra những đồ vụng-về giả-dối không tốt đẹp bền chặt, làm sỉ-nhục cho mình. Kẻ thưởng-thức sắm dùng biết lấy sự không yêu thổ-sản qui thổ-hóa làm sự sỉ-nhục cho mình. Nhà thương-mại biết lấy thổ-sản thổ-hóa không được rộng đường tiêu-thụ cho trong nước ngoài nước, làm sự sỉ-nhục cho mình. Đến bao giờ năm hạng người trong cõi kinh-tế trên ấy đều giàu một cảm-tình. Cảm-tình biết trọng vinh-dự, cảm-tình biết sỉ-nhục, mà nhất là cái cảm-tình biết nghĩ đến cái lo chung, cái lo trang-viễn của chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế. Thì bấy giờ nền dân-tộc kinh-tế mới có cơ vững-vàng, mà tránh khỏi cái vạ khó nghèo túng thiếu vậy.

Chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế đã là cái mật-thiết quan hệ cho cả cuộc sống chung của dân-tộc, thì phàm là người trong dân-tộc, ai mà tránh khỏi cái số năm hạng người trên ấy, thì ai mà không phải lo vun-thu bồi-đắp vào cho cuộc kinh-tế của dân-tộc mình.

Một dân-tộc cũng như một người, tuy sự-nghiệp thành-lập ở ngoài, mà thực do cái động-cơ nó thúc-giục ở trong. Cái động-cơ của cuộc dân-tộc kinh-tế há không phải căn-do ở cái lòng biết lo xa, biết tự-trọng vinh-dự và tri-sĩ của mọi người trong dân-tộc nó thúc-giục đấy dư? Lòng ấy suy ở chỗ ái-kỷ mà ra làm cái lòng ái-quần ái-quốc đó. Người ta chỉ biết rằng kẻ đem tài-sản hi-sinh cho việc từ-thiện, cứu giúp cho người hoạn-nạn, ấy là kẻ có lòng ái-quần. Người ta lại chỉ biết rằng kẻ đem tính-mệnh hy-sinh cho

việc nghĩa oanh-oanh liệt-liệt, ấy là kẻ có lòng ái-quốc. Nhưng không biết rằng những kẻ cặm-cụi để phát-minh ra những phương pháp mới, cố công học-tập lấy những nghệ-thuật nước ngoài để lo bồi đắp cho đường thực-nghiệp trong nước kia, không phải là những kẻ cũng sẵn lòng ái-quốc ái-quốc không làm được.

Mà cho đến những kẻ chẳng có học-thuật tri-xảo gì, chỉ biết mến-yêu quí-trọng những vật thổ-sản thổ-hóa của mình, biết ái-tích đồng tiền mồ-hôi nước mắt của đồng-bào làm ra, biết dùng đồng tiền ấy để thưởng-lệ bảo-hộ cho những hóa-vật của đất nước mình sản-xuất ra. Thì những kẻ ấy không thể không gọi là không giàu cái lòng ái-quốc ái-quốc được. Ấy cuộc dân-tộc kinh-tế sở-dĩ thành hay là bại, là chính nhờ ở cái lòng ái-quốc ái-quốc của kẻ nhà nghề cùng kẻ ăn dùng sốt-sắng hay không như thế đấy. Mà lòng ấy, chính lại do ở cái lòng người ta biết lo xa, biết tự qui danh-dự và tri-sĩ mà xui nên.

Cái lòng ái-quốc của nhà từ-thiện, cái lòng ái-quốc của kẻ anh-hùng chỉ là cái lòng đặc-biệt và dùng về những việc ngẫu-nhiên xảy ra. Đến như cái lòng ái-quốc của kẻ lo vun-thu bồi-đắp cho sự sinh-nhai, cho nền kinh-tế của dân-tộc, thì mới là cái lòng lúc nào cũng phải dùng đến, mà ai cũng có thể có được và có thể làm được.

Hồi thế-kỷ 18, nước Phổ còn nghèo và vụng. Một gã thiếu-niên con nhà làm nghề thợ khóa, nhân đi qua ngoài đồng, bắt được một khẩu súng kiểu cũ tọng đạn vào cửa khẩu của lính nhà-nước bại-trận đánh rơi. Gã thiếu-niên ấy trông ngắm rồi bất-giác một mình than khóc cho sự hủ-bại của kỹ-nghệ nước mình. Gã thiếu-niên ấy bèn sang nước Pháp vào làm trong sở chế-tạo binh-khí, rồi phát-minh ra kiểu súng nạp-hậu như bây giờ, đem về dâng cho nước. Đó tuy là một việc về binh-khí, nhưng cũng đủ tiêu-biểu cho cái lòng tri-sĩ của kẻ nhà nghề đối với nước. Lại gần đây người ta nói một cô gái Nhật-bản lấy chồng người tây về ở Âu-châu, một hôm hai vợ chồng vào một cửa hàng sắm đồ chơi. Người vợ không thích sắm gì mà chỉ băn-khoăn về một lọ nước hoa, nhưng sao giá để đắt quá. Người chồng cũng chiều lòng mà mua cho. Đem ra ngoài, người chồng mới biết là lọ nước hoa của Nhật-bản. Đó lại là cái lòng vinh-dự của kẻ sắm dùng biết yêu qui thổ-hóa.

Coi đó thì biết cuộc dân-tộc kinh-tế sở-dĩ phát-đạt được là phải trông vào cái lòng biết lo xa, biết tự-quí danh-dự, biết sỉ của các cá-nhân tự-vị mà làm nên. Không thì kẻ học-giả chỉ sùng lợi-lộc, mộ hư-danh mà không thiết đến đường thực-nghiệp. Kẻ chế-tạo chỉ cầu cận-lợi, làm ra những đồ dùng giả-dối để lừa người. Kẻ sắm dùng khinh-bỉ thổ-sản thổ-hóa mà huy-hoắc đồng tiền vào những cái xa-xỉ vô-ích cho xứ lạ phương xa. Như thế thì cuộc kinh-tế của dân-tộc không bao giờ có cơ hưng-khởi được.

Vẫn biết cuộc mậu-dịch của thế-giới ngày nay là cùng trao-đổi cho nhau mà cùng sinh-hoạt. Mình không mua hàng của người ta thì sao người ta mua hàng cho mình. Song người các nước người ta mậu-dịch với nhau, là đem cái có đổi lấy cái không, mà là cái cần-dùng thiết-thực. Chứ không phải là khờ-dại đua nhau chuốc lấy những cái xa-hoa vô-ích như người mình. Cái tài kiếm đồng tiền đã kém, mà cái tài huy-hoắc đồng tiền lại sở-trường. Ôi! thực đáng lo thay cho đường kinh-tế của người nước mình.

Có người nói rằng: Chấn-hưng cho nền dân-tộc kinh-tế là trên phải nhờ ở quốc-gia, dưới phải nhờ ở đoàn-thể. Về quốc-gia thì đã cố-nhiên như trên

kia vừa nói. Còn về đoàn-thể thì coi như mấy cái hội công-thương gần đây, góp bao nhiêu huyết-hãn của các nhà lại cho một vài kẻ mọt khoét, hồ thành thì đã vỡ ngay. Vậy thì ai còn dám tin ai mà mong ở đoàn-thể.

Tôi nói rằng: Đó chính là người ta còn chưa thoát khỏi cái tập-tục dã-man, quen sống ở trong cái mộng phong-kiến tư-kỷ mà ra như thế. Người ta chưa biết vì dân-tộc mà nghĩ đến cái lo xa, trọng vinh-dự và tri-sĩ để đối với cuộc kinh-tế chung, tức là vì mình, nên mới ra như thế. Hễ nhất-dân mà người ta như ngủ dã thức, như mê đã tỉnh, mà biết nghĩ đến cái lòng biết sống cùng dân-tộc, thì cuộc kinh-tế chung của ta tự có cơ sinh-sắc.

Cũng may người Việt được ở chung với người Pháp là một dân-tộc văn-hóa, chứ không phải là dân-tộc công-lợi như người Anh ở bên Ấn-độ. Cứ xem như trên thị-trường nước ta, cửa hàng cùng hàng-hóa của người Tàu người Anh chiếm số nhiều quyền lợi. Cho đến mấy cái điền-trang (đồn điền) ở Bắc-kỳ do người Pháp sáng-lập lên, nay nhiều chỗ đã nhường lại cho người bản-quốc hoặc người Tàu. Người Nam ta ở trên con đường kinh-tế còn được rộng rãi như thế, ấy thế mà chủ-nghĩa dân-tộc kinh-tế của ta không phát-đạt ra được, là tự ta.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Chương-trình câu học của người Việt-Nam hiện nay nên thế nào

— Ôi, ta làm gì bây giờ? Đó là một câu hỏi của cả dân-tộc Việt-Nam ngày nay.

Kể ra thì đời nay là lúc đang tiến-hóa. Tiến-hóa một cách nhanh-chóng gấp mấy đời xưa. Các dân-tộc trong thế-giới gặp nhau đua nhau, đem tài đem trí ra tranh-đành nhau, giúp đỡ nhau. Ngày hằng tra-khảo tạo-hóa để tìm thấy chỗ bí-mật, bổ-trợ tạo-hóa để đền-bù chỗ khuyết-hãm cho loài người. Tuy cũng rất là kịch-liệt, nhưng cũng thực là vui-vầy. Sự-nghiệp tuy đã bày ra ngổn ngang mà cũng vẫn còn nhiều việc chưa làm đến, còn phải đợi người sau đến giúp đó. Song có biết mới làm được. Thế mà ta nào đã có biết gì đến những cái biết của đời nay, thì ta còn làm gì được.

Đời còn nhiều dân-tộc còn sống lâu, tính đâm không bao giờ già. Tu không lo không có việc làm, mà ta chỉ lo không biết để mà làm mà thôi. Thế thì ta phải học.

— Ừ, thì học, bao giờ chả học, nhưng ta học thế nào bây giờ? Đó lại là một câu hỏi của cả cõi học của dân-tộc Việt-Nam ngày nay

Câu hỏi này lại càng thành-thực mà bách-thiết hơn. Cái học này là cái học thuộc về cả một dân-tộc. Nó là cái học bao-hàm hết thảy, làm nền móng, làm cội gốc cho hết thảy. Nó làm phổ-thông cho hết thảy một quốc-dân. Nó khác với cái học có hạn của nhà trường, khác với cái học của cá-nhân hẹp hòi ngắn-ngủi, mà là cái học của thư-viện, là cái học lưu-thông ở trong cõi tư-tưởng của một dân tộc đời đời. Tức tôi đã gọi là nền « dân-tộc học-thuật » vậy.

Gọi là « dân-tộc học-thuật » là cái học-thuật ấy nó đã thành ra cái tinh-

cách riêng của một dân-tộc, dù phần độc-hữu gọi là quốc-học, dù phần công-hữu gọi là thế-giới công-học cũng vậy.

Ấy thế thì bao giờ ta đã biết tự đồng tâm nỗ-lực để nghiên-cứu đến cái vấn-đề đó, định được cái chương-trình đó, ấy là lúc ta đã biết học. Nhất là ta đã làm cái chương trình đó được quá nửa, thì tức là lúc ta đã có biết, biết có việc nên làm, mà làm nên việc rồi. Rồi từ đó mà tiến lên theo đòi với thế-giới, cũng chưa là muộn gì.

Bằng không thế, thèm làm mà không thèm học, hay là chỉ cầu lấy cái học cho một người mà không lo đến cái học cho cả một dân-tộc, thì con đường tiến-hóa tuy công, nhưng kẻ mù vẫn không biết đâu là mục-đích mà bước tới. Đời tuy không bao giờ hết việc, nhưng kẻ không biết vẫn không bao giờ làm nên gì.

Như vậy thì phải học, nhưng đã là cái học của một dân-tộc thì phải có một cái mục-đích chung, một cái tinh-thần chung, một cái thứ-tự làm việc chung, giống như một cái chương-trình mà ai ai cũng công-nhận là phải và cùng trông vào đó mà tiến-hành. Bởi vậy dưới đây tôi đề-cử mấy điều cốt-yếu và lược-bản, hoặc có điều nào hợp lẽ sẽ mong các bậc thức-giả hữu-tâm về tiến-đồ học-thuật của dân-tộc, thu-nhặt vào để làm cái chương-trình cầu học chung.

Học phải cầu ở sách. Sách phải bằng tiếng nói chữ viết của dân-tộc thì mới giúp chóng cho cuộc tiến-hóa của dân-tộc. Vậy phân ra làm hai phần là: Phần tinh-thần và phần thực-hành.

Về phần tinh-thần

Phần tinh-thần là phần chủ-trương và chi-phối cho phần thực-hành. Thực-hành tuy cố công gia sức mà tinh-thần không chính đáng, thì vất-vả mà không có công-hiệu hay. Vậy về phần này tóm lại một cái chủ-nghĩa là phải bao-hàm chớ thiên-vị. Phải tự mình xét nghiệm để tìm ra chân-lý.

Đời học-vấn của một dân-tộc phải rộng rãi sâu xa khác với cái đời học-vấn của một cá nhân. Người ta nói bể học, chính là chỉ về đời học-vấn của một dân-tộc đó. Thực thế, đã là cái bể thì không con sông nào là không thu-nạp vào đó. Mỗi con sông đều phải tìm đủ chỗ uyên-nguyên của nó.

Tiến-hóa là cái công-trình tích-lũy, văn-minh là một cái vườn hoa vạn-cẩm đua tươi, vậy phải làm những tư-tưởng đông tây cổ kim, đều phải chuốc lấy cho đủ, đem những hạt giống ấy mà gieo cả vào trong cái vườn tư-tưởng của dân-tộc, khiến cho cùng nảy-nở, cùng tranh nhau khai hoa kết quả.

Tư-tưởng có càng cạnh-tranh mới càng phát-đạt, và càng thấy được chỗ bản-sắc. Vả trừ những sự mê-tín vô-bằng, không thành lý thuyết ra, thì tư-tưởng nào cũng có chỗ dở chỗ hay. Cho nên không được vì ý riêng, tin một tư-tưởng này mà cho hết thảy các tư-tưởng khác là dở cả, mà muốn bài-trừ cho tuyệt diệt đi. Thế nên đối với sự học của dân-tộc phải có cái tinh bao-hàm mà chớ có cái tinh thiên-vị bài-xích.

Bao-hàm là chủ nghĩa quảng-bác, không thiên-vị bài-xích là chủ-nghĩa công-bình. Song những thế chưa có gì là cai công-phu học vấn của mình. Công-phu học-vấn của mình là phải lấy xét nghiệm làm mục-đích không hai. Đối với những cái học cũ ngày xưa, những cái học mới ngày nay, đều phải lấy cái công-phu của mình mà xét nghiệm cả lại, để nhận-thực lấy chỗ chân-lý, mà phát-biểu thêm ý-kiến của mình. Ấy là sự-nghiệp biệt-lập. Đối với nhân-sự, vật-lý ở bên mình, ở đời hiện-thế, mình phải xét nghiệm đến hết thảy để tìm cho thấy chỗ chân-lý mới mẻ. Đó là sự-nghiệp tân-sáng.

Tuy nhiên, sự-nghiệp tân sáng là cái phải có ở trong cõi học của một dân-tộc. Nhưng không tất-nhiên rằng bao giờ thì có được. Chỉ có sự nghiệp biệt-sáng là cái cần-cấp phải làm, mà có thể làm được có thể hẹn cho một thời-kỳ ngắn-ngắn

mà thành lập được. Ấy là nói về phần có chí làm và làm có thứ tự, có công-phu.

Về phần thực-hành

Học-thuật là của chung của dân-tộc. Muốn cho thực-hành được chủ-nghĩa dân-tộc học-thuật, không trông vào những cơ-quan của đoàn-thể tổ-chức có tinh-thần thống nhất, có mục-đích đồng-nhất để làm chỗ chủ-trương không được. Vậy cần phải có những cơ-quan sau này : Cơ-quan chứa sách, cơ-quan thí-nghiệm lý-hóa học, cơ quan phiên-dịch và soạn-thuật, cơ-quan ấn-hành và việc cổ-động cái học tự-tu.

Cơ-quan chứa sách.— Phàm những nơi đô-hội, có nhiều người học-thức, thì hoặc nhờ Nhà-nước, hoặc do tư-nhân lấy nhiệt-thành mở ra những nhà quốc-dân thư-viện, thu chứa cho nhiều những sách vở cổ kim đông tây và bản-quốc, để cho quốc-dân hằng ngày được tự-do vào nghiên-cứu, xem đọc. Hiện nay trong nước chỉ có vài nơi thư-viện, chỗ chứa sách của chính phủ Bảo-hộ lập ra, nhưng chỉ một số người đặc-biệt mới được dự. Còn ngoài ra chưa có một nơi nào do người bản-quốc sáng-lập để giúp sự học-vấn cho số phổ-thông. Như thế thì còn gọi là nước có học sao được.

Cơ-quan thí-nghiệm lý-hóa-học.— Thường thấy hiện nay nhiều người đua nhau bỉ-bác cái học ức-đoán và khuyên-sáo ngày xưa, mà đua nhau tán dương khoa-học. Ai không tưởng người mình đã thực tiến được tới cái cửa nhà trường khoa học nhiều rồi. Ấy thế mà nếu có ai hỏi họ đến một cái lý-do gì về một vật-chất nào đã dạy ở trong sách, thì cũng ít kẻ đã kể ngay được cái « phương-trình-thức » của nó ra. Phương chi lại đem một cái cổ một hòn sỏi nào thường thường là sản-vật của bản-quốc lấy ngay ở trong vườn ra mà hỏi thì có ít không những thành-phần của những cái vật sản ấy thế nào họ chưa biết qua, mà đến cái hình cái tên của nó, họ cũng chưa từng ngó tới bao giờ, ấy là cái học cơ-khí chưa kể đến. Thế thì tưởng đọc sách khoa học đến vạn-đại, tán-dương khoa-học đến vạn-đại, trong nước cũng không gọi là có khoa-học được. Thế thì họ cũng lại chỉ là cái học đầu lưỡi khuyên-sáo mới mà thôi.

Biết sùng-bái khoa-học, kể cũng đã là khai-thông. Nhưng chỉ sùng-bái suông, không ăn thua gì. Vậy tưởng ít ra như ở Hà nội, Huế và Sài-gòn, mỗi nơi phải có một phòng thí-nghiệm vật-chất, một sở khảo-nghiệm các vật tự-nhiên. Sự-nghiệp đó do người bản-quốc lập nên để cho các nhà khoa-học trong nước được tới mà thí-nghiệm và khảo-xét. Vật là những vật-chất, những thổ sản của bản-quốc phải so-sánh tìm tòi cho biết cái bản tính của nó thế nào, ứng-dụng ra để làm lợi-ích cho các nghề, cho nghề làm thuốc thế nào.

Không làm được thế, thì cũng chỉ là nô-lệ khoa-học mà thôi. Ngày xưa họ nô-lệ « thánh-hiền » thì lưu-tệ chỉ dốt mà thôi, chứ ngày nay mà nô-lệ khoa-học một cách suông thì lưu-tệ lại còn nghèo đói nữa.

Bảo rằng xã-hội ta nghèo không có tiền. Thì sao thường nghe nói nào một người bỏ ra hàng vạn để mở nhà thương, một hội phụ nữ đứng ra làm việc từ-thiện cứu-tế, có tiền hàng vài bốn vạn, thậm-chí lại có kẻ bỏ ra hàng bao nhiêu vạn dựng lên một ngôi chùa rực rỡ, để cầu phúc hão-huyền. Những việc như thế thì tiền ở đâu ra? Phương-chi về sự-nghiệp khoa học, bao nhiêu người nhờ nó mà có chức-nghiệp lớn, bổng-lộc to, há không đáng bớt ra chút công chút của mà đền-bồi cho sự học dư. Và đã giở ra làm, há Nhà-nước với người nước lại không vui lòng giúp cho ư? Lại như bảo rằng chưa có nhân-tài đáng làm chủ-trương giám đốc, thì sẽ mời những nhà khoa học người Pháp làm cố-vấn cho, lẽ nào người ta không sẵn lòng làm việc nghĩa đó.

Hiện nay nhiều người nói chấn-hưng y-học, nhưng tôi quyết rằng hễ không tự nhân-dân mở ra được một vài phòng riêng viện lớn để thí-nghiệm các cái vật-chất thổ-sản của bản-xứ, thì đừng nên nói gì đến nam-dược với đông-y nữa. Mà họ có cứ làm đi nữa thì cũng là theo sách cổ và khẩu-truyền mà làm liều làm mò đó thôi.

Cơ-quan phiên-dịch và soạn-thuật. — *Cái nền dân-tộc học-thuật đã phải bao-hàm, lại phải lấy tiếng nói của dân-tộc làm căn-bản, thì sự phiên-dịch là rất cần. Dịch được một quyển nào và ấn-hành ra được là trong vườn hoa học-thuật của dân-tộc lấy giống được một thứ cây rồi. Sự cần-cấp về phiên dịch các sách xưa nay bằng chữ Hán chữ Pháp ra quốc-văn là vì những cớ này:*

Học-thuật vẫn qui, nhưng phải qui như thóc gạo, ở đâu cũng có, ai dùng cũng được. Chứ không phải qui như vàng ngọc vậy. Và học-thức phải phổ-thông mới có công-hiệu, muốn thành-lập cho nền dân-tộc học-thuật, không dịch đủ các sách không được. Dịch đã đủ được thì không những lấy được đủ giống cây qui mà nó lại như thóc gạo để cung cho sự bồ-dưỡng trí-não của mọi người trong dân-tộc hằng ngày một cách dễ dãi.

Có người lấy ý cẩu-thả mà rằng: Ai muốn đọc sách chữ Hán thì học lấy chữ Hán, ai muốn đọc sách tây thì học chữ Pháp. Song phải biết rằng, không những chữ Hán ngày ít người học đi, mà chữ Pháp tuy ngày nhiều người học ra, nhưng cũng chỉ nhiều về phần phổ-thông tầm-thường mà thôi, chứ học mà đọc được đến những sách cao và chỗ căn-bản của tư-tưởng, thì cũng không bao giờ có nhiều được. Thế mà dịch được đủ cả hai thứ sách ấy ra tiếng mẹ đẻ rồi, thì ai cũng có thể nhờ đó mà học cho rộng thêm, cho tư-tưởng của mình có căn-bản, có mành mối. Có thể lấy cái học tự-tu mà thành-tài đạt-đức được. Nếu không làm được như thế, mà chỉ phu diễn nói bàn suông về những cái học nọ kia đông đông tây tây ở trên báo chí, thì rút cục chỉ trồng chất được một đống giấy lộn chứa những cái bã rả, cành lá của những tư-tưởng nước ngoài mà thôi. Mà kẻ đọc có muốn hỏi đến chỗ uyên-nguyên căn-bản của những cái tư-tưởng đó thì cũng không còn biết tìm vào đâu mà tra-khảo. Thế có khác gì kẻ chơi hoa giả mà chưa từng biết tới cái hoa thực của nó thế nào không.

Tuy thế nhưng sự phiên-dịch lại không phải là dễ. Dịch phải lấy chữ-nghĩa tin làm rất trọng. Tin tức là đúng. Dịch-giả tuy ý-tưởng không bằng tác-giả, nhưng phải thâm thấu được chỗ tinh-thần của nguyên-văn, lại phải có văn tài tương đương với tác-giả mới không sai lầm, và không đồ mất nguyên-văn. Dịch sách cũng như vẽ truyền-thần. Bức truyền-thần không phải là bức ảnh chụp, nhưng hai cái hình vẫn là một. Không những đúng nhau từng nét mà lại phải đúng nhau cả chỗ tinh-thần dáng-điệu nữa. Dịch sách mà không thế thì không đem được cả toàn-thần của nguyên-văn do thứ tiếng nọ sang thứ tiếng kia cho linh-loạt như một được.

Nước ta hiện nay, biết phép phiên-dịch, có tài phiên-dịch cũng còn thấy ít lắm. Bởi vậy tôi nói sự phiên-dịch cũng phải có cơ-quan để mà tìm phương-pháp và giám-đốc lẫn cho nhau. Bây tôi đem cái phương-pháp phiên-dịch cũ của người Tàu vẫn dùng, xin giải-thích và giới-thiệu ra như sau này:

Phương-pháp ấy cần ở ba điều là: « Tín, nhã và đạt ».

a) Tín tức là đúng. *Phải đúng từng chữ, đủ từng ý và hệt với giọng của hạng người nào về thời-đại nào. Song như thế thì đúng đấy, nhưng đối với văn-lý nước mình còn hằng lời hay là tối nghĩa, thì lại phải thêm bớt vào một hai tiếng phụ của nó cho đầy đủ và sáng nghĩa ra. Lại hoặc như thế thì đối với*

điệu nói nước mình thành điên-đảo khó nghe, thì lại phải dịch đảo một câu hay là một mạch lại cho xuôi mà vẫn không thiếu lời thiếu ý gì.

b) Nhã là lời điển-nhã êm-tai. Có khi dịch ra tiếng ấy thì đúng, nhưng theo văn-ý nước mình thì nghe lại ra thô, thì lại phải dùng tiếng khác cùng tính-cách ấy mà có ý nhã hơn thay vào. Lại phải tùy từng môn-loại của bài nguyên-văn sách nguyên-thư để dùng tiếng của mình mà thay vào cho đối chọi. Khi nào tiếng sẵn không đủ thì ghép tiếng mới, nhưng phải chua cho rõ ràng. Khi nào phép thường không đủ phải tìm phép mới mới dịch được, thì phải đặt ra cái phâm lệ nói rõ vì duyên cớ ấy.

Tín với nhã, hai phép ấy cũng đủ phận-sự về việc phiên-dịch rồi. Tôi có nghe một nhà bác-học nước ta nói rằng ông đọc bộ kinh Hoa-nghiêm (sách Phật) bằng Pháp-văn mới dịch ở tiếng Phạm ra, rồi ông lại đọc cũng bộ kinh ấy bằng Hán-văn đã dịch ở tiếng Phạm từ hơn nghìn năm trước, mà không khác nhau chút nào. Như thế thì không phải hỏi đến sách bản-thư Phạm-văn cũng biết là hai bộ sách dịch văn của người Tàu với người Pháp là đúng với bản-thư rồi. Tức như xem hai bức truyền-thần của hai người vẽ đúng nhau thì biết là đều đúng với bức ảnh chụp.

Ấy sự phiên-dịch của người ta công-phu và tài-tình như thế, có phải là việc tầm-thường ai cũng làm được đâu.

c) Đạt là đạt được cái ý ra thì thôi, không câu-nệ phải đúng. Song phép này khó lắm, hiếm có người làm được. Phép này là hóa-tán cả nguyên-văn vào tâm mình, rồi rút lấy toàn-thần của nó ra, thay vào bằng những điển-cố, thành-ngữ và văn thể của nước mình. Đọc ra như nó là sách nguyên-thư của nước mình, lời lẽ giọng điệu đều tự-nhiên như của nước mình, mà ý tưởng thì vẫn của người ta, không thiếu tí nào.

Phép này dễ sinh nguy-hiểm là làm sai lạc mất bản-ý đi mà không phải là dịch ở đấy ra nữa. Ngày xưa nghe có Cưu-ma-la-thập dịch sách Phật ra Hán-văn, ngày nay thì có Nghiêm Phục dịch sách Thiên-diễn-luận của Anh-văn ra Hán-văn, là dùng được phép này gọi là « đạt ý ». Nhưng hai nhà đều khuyên người ta không nên bắt chước. Nghĩa là không có cái văn-tài như thế thì là một sự làm bậy. Tuy vậy, tiên ấy là phân-loại mà nói ba phép tín, nhã và đạt dùng vào những khi đặc-biệt đó thôi. Thực ra thì phàm dịch sách lúc nào cũng phải gồm đủ ba phép ấy. Đã tín và nhã rồi nhưng cũng phải có đạt. Mà đạt đó nhưng cũng vẫn có tín, nhã mới được.

Xem đó thì những sách tây đã dịch ra Hán-văn, ta cũng có thể chọn mà dịch lại được, mà không sợ sai lầm.

Còn công việc soạn-thuật thì cũng còn là theo vào trong chỗ căn-bản tư-tưởng của người ta đó, mà phu diễn, phê-bình, hoặc khảo-cứu để phát-minh nghĩa khác ra cho mới hơn. Nghĩa là làm cho những cái tư-tưởng căn-bản ấy được thịnh-hành ra. Đến như công việc trứ-tác thì không thuộc về vấn-đề này.

Cơ-quan ấn-hành.— Sự gây dựng cho cội gốc tư-tưởng của quốc-dân, xây đắp nền học-thuật cho dân-tộc, tuy là việc cần, nhưng phí-dụng về sự phiên-dịch và ấn-hành được một bộ sách không phải là nhỏ. Thế mà những sách cần về tư-tưởng học-thuật, lại không phải là sách bán chạy tay. Vậy lấy sức kinh-tế của tư-gia tất khó lòng hi-vọng cho sự-nghiệp trên ấy chóng thành-lập được. Ít ra trong nước cũng phải có một vài hội xuất-bản có vốn khá để giúp cho những cá-nhân và học-hội nào đã có chí phiên-dịch, soạn-thuật được những sách về căn-bản học-thuật, mà ấn-hành và phát-mại đi, ở Trung-quốc, người ta xuất-bản chóng được nhiều sách dịch-thuật, cũng là nhờ có mấy sở ấn-thư-cục do đoàn-thể công-cộng lập ra. Bản-chí lập ra là cốt vì tiền-đồ học-thuật của nước như sở « Thương-vụ ấn-thư-cục » ở Thượng-hải vậy.

Ở nước ta, nếu không lấy sức đoàn-thể mà lập ra được một vài nhà xuất-bản lớn để làm việc đó, tưởng cái nền học-thuật của dân tộc cũng không bao giờ thành-lập được.

Việc cổ-động cách học tự-tu. — Tự-tu *là cách học tự mình học lấy. Học ở ngoài nhà trường, ở ngoài cái thì-giờ làm chức việc. Tức là vào thư-viện hoặc xem sách ở nhà mà khảo-cứu luyện-tập thêm về chí-thức nghệ-thuật gì.*

Có người nói: Người nước ta có tính chóng chán. Cái gì chưa có thì hảo-hức đấy thôi. Chứ khi có rồi thì lại thờ-ơ lãnh-đạm ngay. Thư-viện rồi cũng thế, sách vở học-thuật rồi cũng thế, rồi lại chán ngay cho mà xem.

Tôi trả lời: Nói thế thì bi-quan quá. Khinh miệt một dân-tộc quá. Ham biết là cái tính chung của loài người. Người nước ta, tôi quyết không phải là thiếu cái tính đó. Những sự chóng chán mà ông lấy làm bi-quan cho quốc-dân, hoặc giả tự nó vốn có cái tính-tiết cho người ta đáng chóng chán chăng. Không thế thì cũng là do chưa biết phép khích-khuyến đó thôi.

Tính thiện như hạt giống, có đem gieo và vun tưới chăm nom thì mới tốt tươi nảy nở. Nhà giáo-dục biết mà đem gieo và bón tưới chăm nom, thì thu-hoạch cái công-hiệu phát-đạt ấy không khó gì.

Thì hãng có thư-viện đi có sách vở hay đi; có mà ra hồn, mà quang-minh phải lẽ, thì bấy giờ lại cổ-động khích-khuyến cho người ta biết lấy cái học tự-tu làm trọng. Người ta muốn học thêm mà lại có sách vở tài-liệu chân-chính để cung-ứng cho, thì không có lẽ nào mà người ta lại chán được.

Tới khi cái học tự-tu đã cổ-động thành học-phong rồi, có hiệu-quả trông thấy, thì tôi e người ta sẽ đua nhau, mà bên cung lại không đủ thỏa-mãn cho bên cầu.

Tôi thường được tiếp nhiều bạn thiếu-niên tây-học, từ bậc tú-tài trở xuống, rất có chí hiếu-học. Nhưng muốn theo học ở nhà trường nữa thì không còn tuổi và cũng không có lương. Thế mà muốn theo về cái học tự-tu để bồi-bổ cho mình có một cái tư-tưởng căn-bản gồm cả tây đông thì không có sách bằng quốc văn. Lấy sách Hán sách Pháp mà tự lực giải thích nó ra nghĩa của tiếng mẹ đẻ cho mình hiểu một cách rõ ràng ở trong trí được, thì không làm được. Đành chịu ân-hận. Nghĩ mà đáng thương cho cái đời học-vấn của bạn thiếu-niên, mà tôi viết bài này.

Đỗ-Nam

KONTUM TỈNH-CHÍ
崐嵩省誌

Tập « Kontum tỉnh chí » chia ra những đoạn sau này:

I. — HÌNH-THẾ

II. — CHÍNH-TRỊ

A. — Chính-trị Đại-Pháp ở Kontum.

1. — *Thời kỳ từ năm 1848 tới 1907.*

2. — *Từ năm 1907 tới 1928.*

3. — *Từ năm 1928 đến nay.*

B. — Chính-trị Nam-triều.

III. — TÔN-GIÁO

IV. — KINH-TẾ

Kontum le 24 Octobre 1933

Ở dưới các tỉnh trung-châu thường nghe tên Kontum, *thì biết là ở Trung-kỳ có một tên tỉnh ấy, chứ không biết ở đâu, rộng hẹp làm sao, khí-hậu làm sao, cách đi đứng ăn ở thế nào, hóa ra nhiều người tình-cảnh buộc phải đi đến* Kontum, *hoặc vì phải hoán-bổ lên đó, hoặc vì thương-mại ăn làm, cũng không biết ai đã đi tới* Kontum *mà hỏi, và sách nào mà coi cho rõ.*

Vậy chúng tôi viết tập « Kontum tỉnh chí *» này, chuyện gì cũng kể qua qua, để tiện cho người cần khảo-cứu.*

HÌNH-THẾ

I. — Gốc-tích hai chữ Kontum

Hai chữ *Kontum* lấy mà đặt tên tỉnh *Kontoum* bây giờ là nguyên tên một làng Mọi. « *Kon* » nghĩa là làng, « *Tum* » nghĩa là bầu, vì làng ấy ở gần một bầu nước.

Phỏng trước năm 1800, thì không có tên *Kontum* vì làng Mọi ấy cũng chưa có. Trước, chỉ có làng *Kontrang-or*, ở gần bên sông, chỗ gọi là *Dak-Lai*, bây giờ kêu là *Chuoh-Reng*, chỗ ấy có một cây xoài lớn, bây giờ hãy còn.

Lúc ấy, làng Mọi *Kontrang-or* thịnh-vượng lắm và dân-số cũng phỏng được trên một ngàn người. Những người lớn trong làng là Mung, Rung, Loih và Jàxi. Ba chú Mung, Rung và Loih, tính-khí hung-hăng, hay đem dân làng mình đi đánh phá làng khác, cướp của và bắt người để bán cho Lào. Còn Jàxi lại hiền-lành chơn-chất, cho nên bị bọn kia hiếp-đáp luôn.

Jàxi có hai đứa con trai là Jorong và Uông. Hai tên này thấy bọn kia hung dữ, nên không muốn ở trong làng, muốn đi ở riêng chỗ khác, song lại sợ chúng nó. Bởi vậy nên một ngày kia, giả lập mưu kế, đóng cửa lại, uống rượu với nhau say-sưa rầy-rà, mà làm bộ say muốn đâm chém nhau. Ba tên kia, biết đặng sự ấy, thì la rầy lắm và đuổi hai anh em Jorong và Uông ra khỏi làng, đi đâu thì đi, vì còn ở lại nữa thì làm nhục cho làng xóm.

Hai anh em Jorong và Uông mừng rỡ lắm, vì đã trúng kế mình, mới đi làm nhà ở riêng gần chỗ có « bầu », sau lần lần Mọi đến ở đông, thành một làng riêng, kêu bằng « Kontum ».

Ấy là gốc tích hai chữ *Kontum*.

II. — Hình-thế và giới-hạn

Lúc trước tỉnh *Kontum* và Gia-lai (*Pleiku*) là một, qua năm 1932 mới chia ra tỉnh Gia-lai, lập một đạo riêng. Tỉnh *Kontum*, đã rộng hơn nước Tỷ-lợi-thì, nay chia ra Gia-lai một phần và *Kontum* hai phần, theo Chỉ-dụ ngày mồng 1 tháng 12, năm Bảo-đại thứ 7. Muốn biết rõ giới-hạn hai tỉnh thì xem nghị-định quan Toàn-quyền ngày 4 Mars 1933. (Xem bản đồ). Tỉnh *Kontum* còn phỏng 18.000 cây số vuông.

Tỉnh *Kontum*, phía đông giáp tỉnh Quảng-ngãi và tỉnh Bình-định ; phía tây giáp Lào; phía nam, trước giáp Banmé-thuột, nay giáp tỉnh Gia-lai ; phía bắc giáp tỉnh Quảng-nam. Bên kia dãy núi Hoành-sơn là Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình-định, bên này là *Kontum*. Ngả bắc có đèo Cong-col qua Quảng-nam; ngả đông-bắc có đèo Ton-Ro-Tiu, về Trà-my ; ngả đông có đèo Mang-giang (cao 823 m.) và đèo An-khê (cao 600 m.) về Bình-định ; (ở phía nam có đèo Chu-se về ngả Cheo-reo và Tuy-hòa, nay thuộc về đạo Gia-lai).

III. — Nguồn nước

Dãy núi Hoành-sơn chia các con nước ra hai ngả; một ngả về bề Trung-hoa, thì có sông Ba, và sông *Ayoun* ; một ngả chảy về Cửu-long-giang thì có sông *Sésane* (*Krong-yal*). Sông này nhập hai con sông Poko (ngã Xà-đàng) và Krong-Bla (ngã Bà-na).

IV. — Thời-tiết, khí-hậu

Thời-tiết về ngả bề Trung-hoa tương-tự như các tỉnh dưới Trung-châu, là nắng từ tháng *Avril* tới *Septembre*, mưa từ tháng *Octobre* tới tháng *Mars*.

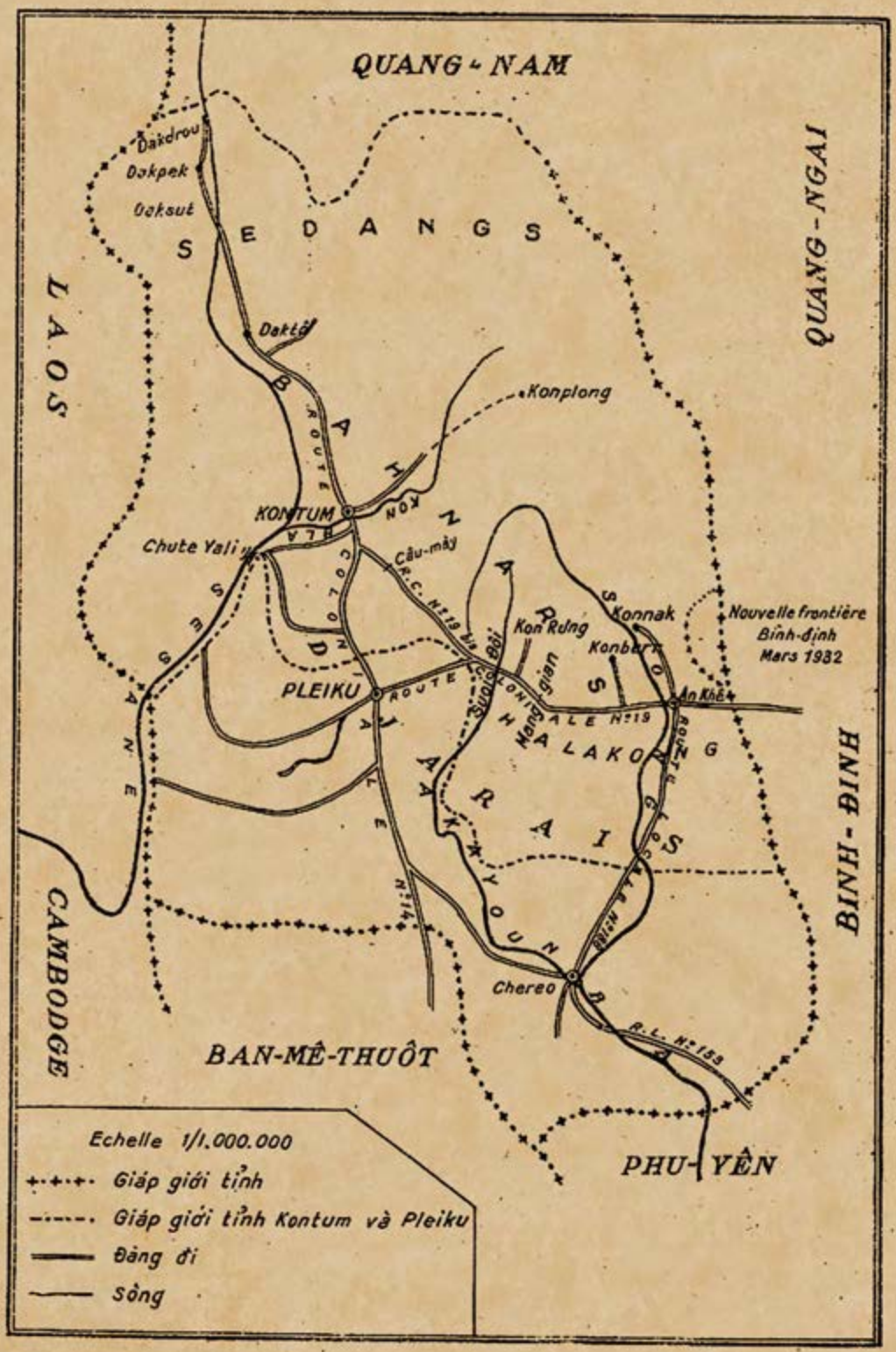

Echelle 1/1.000.000

+-+-+- Giáp giới tỉnh

------ Giáp giới tỉnh Kontum và Pleiku

Đàng đi

Sông

Tableau des températures de Certaines
Moyenne de 11 ans –

		Janvier	Février	Mars	Avril	Mai	Juin
Saigon	Maximum	30,6	31,9	32,8	35,2	33,3	31,6
	Moyenne	26.1	26,8	28,2	30,2	30,1	28
	Minimum	21,7	21,8	23,6	25,2	26,9	24,5
Pnom-Penh	Maximum	28,8	29	30,7	32,1	31,4	30,8
	Moyenne	26	26,1	27,7	26,9	28,5	28,1
	Minimum	23,2	23,3	24,7	25,8	25,6	25,4
Huế	Maximum	25,6	23,8	28,8	32,9	35	36,3
	Moyenne	21,2	19,7	24	27,3	29,1	30,2
	Minimum	16,8	15,6	19,2	21,8	23,3	24,1
Hà-nội	Maximum	21,1	18,5	23,4	28	32,1	33,7
	Moyenne	17,7	16,1	20,4	24,7	27,9	29,5
	Minimum	14,4	13,8	17,4	21,4	22,7	25,5
Vien-tiane	Maximum	29	29,7	33,3	34,5	32,5	31,9
	Moyenne	22,1	23,4	26	28,2	27,6	27,8
	Minimum	15,2	17,1	18,7	21,9	22,8	23,7
Xieng-khouang	Maximum	24,6	24,7	28,3	27,3	27,1	27,2
	Moyenne	15,2	16,6	19,5	21,1	22,3	23
	Minimum	6,9	8,6	10,7	15	17,6	18,9

(1) Il s'agit bien entendu de la moyenne des Maximum et de la moyenne des Minimum, et non pas de Maxima et de Minima ; quant aux chiffres des moyennes, ils représentent : $\frac{\text{Maxima} + \text{Minima}}{2}$.

Régions de l'Indochine
1899-1909

TABLEAU N° 1

Juillet	Août	Septembre	Octobre	Novembre	Décembre	Moyenne annuelle
31	31,3	30,7	30,6	29,7	29,3	31,5
27,6	27,8	27,3	27,2	26,3	25,2	27,5
24,2	24,3	24	23,8	23	21,2	23,7
30,9	29,8	28,9	29	28 (2)	27,3 (2)	29,7
28	27,6	27,6	27,2	26,1	25,1	27,2
25,1	28,5	25,4	25,5	24,3 (2)	22,8 (2)	24,7
36	36,5	33,2	30,5	26,7 (4)	25,3 (4)	30,9
29,8	30,1	27,8	26,1	23	21,4	25,8
23,7	23,7	22,8	21,7	19,3 (4)	17,4 (4)	20,7
33,5	33,1	31,7	29,8	25,8	23,4	27,8
29,7	29	27,8	26	21,7	19,3	24,1
25,9	25	24	22,2	17,6	15,2	20,5
30,1	29,9	31	31,2	29,3	27,3	31,4
27,5	27	27,6	26,8	24,3	20,9	26
23	24,1	24,2	22,4	19,3	14,5	20,6
26,4	27,1	26,4	27	24,8	21,3	25,9
22,4	22,6	21,8	21,2	17,8	13,7	13,9
18,4	18,2	17,3	15,4	11,9	6,2	11,9

(2) 10 ans d'observations seulement.
(3) 7 ans d'observations seulement.
(4) 6 ans d'observations seulement.
(5) Sur le plateau de Trân-Ninh. (1.800 mètres d'altitude) 5 ans d'observations seulement.

TABLEAU N° 2

Tableau des températures de Kontum

ANNÉES	Janvier	Février	Mars	Avril	Mai	Juin	Juillet	Août	Septembre	Octobre	Novembre	Décembre
	TEMPÉRATURE MAXIMUM MOYENNE MENSUELLE											
1918	22,9	27,3	32,2	32,6	31,8	30 2	28,8	28,6	28,6	29,2	29,3	2[illegible]
1919	29,5	32	—	34,7	35,5	29,7	29.5	28,1	29	27,3	26,8	25,4
1920	25,2	27,7	32,9	33,5	32,8	30,1	27,7	30,2	28,5	28,6	27,6	26,6
1921	26,1	27,6	20,7	33,4	31,4	29,6	29,4	29,5	29,2	28,5	25,9	26,7
1922	28,1	31	32,5	—	32,9	30,4	28,1	28,3	28,5	28,3	26	25,4
1923	23,6	29,5	32	32,2	30	28.9	29,2	27,7	30,5	29,2	28,2	27,2
	TEMPÉRATURE MAXIMUM ABSOLUE											
1918	25,1	32,9	36,9	35	34,1	32,9	31,5	31,4	32,4	31	31,4	30,9
1919	31,4	36,4	—	36,4	35,7	32,9	32,9	30,6	33,1	31,9	29,7	27,8
1920	30,5	35	35,7	35,2	33,6	34,5	31,8	34	34,3	31,3	29,6	30,3
1921	29,4	31,7	34,8	35,4	31,8	32,7	32,5	32,6	32,2	31,7	28,6	29,6
1922	31	34,5	35,1	36,7	35,1	32,6	32,7	31 7	30,5	31,3	28,7	28,3
1923	30,2	33 7	34,5	35	33,2	32.2	32,8	29,2	32	31,4	31,7	29,7
	TEMPÉRATURE MINIMUM MOYENNE MENSUELLE											
1918	10,5	14,5	14,1	17,8	19,1	19,7	20	19 8	19,8	16,8	15,4	—
1919	10,7	—	—	21,3	2 1,7	20,6	18,7	19,1	18,4	18	16,4	14,7
1920	—	—	—	—	—	21,5	21,5	21;2	20,4	18,9	17,4	17,6
1921	13	12,7	18,2	19	21,1	21,5	20,8	21,2	28,1	18	16,9	14,6
1922	13,9	17,4	14,6	15,3	20,3	20,8	21,2	20,9	24	19	17,8	16
1923	14	13,9	16,2	18,9	20,5	20,5	20 6	21,1	20,7	18,3	17,6	18,4
	TEMPÉRATURE MINIMUM ABSOLUE											
1918	5	5,9	9,4	15	15,9	17,9	18,4	18,4	18,9	13,4	11,4	—
1919	—	—	—	18,8	20,1	13,9	16,9	17,9	17,3	14,9	12,1	10,9
1920	—	—	—	—	—	19,9	19,9	19,3	18,4	13,9	13,6	12,8
1921	6,5	8,4	13,9	14,7	18,6	20 4	17,2	20,1	19,4	15	11,4	10,6
1922	8,8	11,3	14,3	12,3	11,8	20,4	20,3	20 2	20,5	16,3	9,3	10,9
1923	8,7	5,9	11,2	16,4	15,7	19	19,8	20,1	17,9	15,7	13,4	10,6

Province de Kontum

TABLEAU N° 8

Tableau comparatif du régime pluviométrique de 1917 à 1924

ANNÉE	Janvier		Février		Mars		Avril		Mai		Juin		Juillet		Août		Septembre		Octobre		Novembre		Décembre		TOTAL	
	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
1917	0	0	0	0	3.6	3	67,5	5	342,5	16	415,0	23	445,3	20	359,3	21	494,0	24	274,9	17	287,1	14	0	0	2693	145
1918	0	0	0	0	50.8	5	200,4	6	1112,0	16	174,0	18	303,3	25	239,7	29	297,2	28	95,3	10	11,8	4	0	0	1514	142
1919	0	0	4,0	1	0	0	35,4	2	98,2	6	269,4	28	223,6	14	532,5	29	273,7	18	206,9	12	24,2	5	0	0	1688	115
1920	0	0	17,0	3	10.3	1	75,4	10	153,7	11	80,0	12	541,4	30	313,0	20	352,5	23	92,4	12	28,8	8	72,1	7	1738	135
1921	0	0	0	0	56.2	3	51,7	5	179,0	12	270,8	19	355,8	19	390,3	24	253,0	15	87,1	11	91,1	8	0,5	1	1744	133
1922	7.0	2	15,5	4	34,4	4	104,8	3	132,3	14	368,8	20	473,4	23	334,8	28	485,0	24	115,9	9	129,7	15	32,4	4	2229,6	148
1923	0	0	18,5	1	19,5	3	139,8	15	429,0	23	414,3	26	282,6	19	434,8	29	134,4	15	108,1	7	44,2	6	0	0	2124,6	142
1924	0	0	0	0	42,7	4	108,9	5	199,4	11	242,5	17	369.6	26	369,6	26	115.1	12	323,2	17	44,3	12	0	0	1900,2	130

(1) Pluies en millimètres.

(2) Nombre de journées de pluie.

Về ngả Cửu-long-giang (như ở *Kontum*) lại mưa từ tháng *Juin* tới tháng *Octobre*, tạnh từ tháng *Novembre* tới tháng *Mars*, còn hai tháng *Avril* và *Mai* thì năng mưa dông. Những tháng trời tạnh thì ban ngày nắng mà ban đêm lạnh.

Ở *Kontum*, hạt *Kontum*, thì cao quá mặt bể là 570 thước, ở *Pleiku* cao 800 thước, cho nên ở *Pleiku* (Gia-lai) lạnh hơn. Trong mùa tạnh, ban đêm có khi hàn-thử-châm xuống 5 độ. (5°)

Xem bản kê biên số 1 và số 2 trên này, thời biết khí-hậu thời-tiết *Kontum*, (đã thí-nghiệm trong 6 năm) khác khí-hậu các thành-phố khác (thí-nghiệm trong 11 năm) khác nhau thế nào, và xem bản kê thứ 3, thí-nghiệm trong 8 năm, thì biết những tháng nào mưa nhiều hay ít, và mấy ngày có mưa.

V. — Rừng-rú núi non

Núi non rừng rú thì ở *Kontum* rất nhiều, lắm chỗ chưa có họa-đồ vì chưa ai đi đến. Những chỗ rừng sâu rú rậm, chưa đi tới, thì cây cối còn nhiều lắm và còn rậm-rạp lắm. Còn những chỗ thấp thì cây cối hư đã nhiều, vì Mọi có thói làm rẫy, đốt cây hư nhiều, cho nên thấy cây sơ-sài, và một thứ tre có gai, kêu bằng « le ».

Về ngả Gia-lai, đất cao và nhiều đất đỏ, lắm chỗ không cây cối chi, ngó mênh-mông lắm. Năm 1891, quan ba Cupet, đã đi đến, có tả cảnh như thế này :

« Đất xem chiều thấp lần lần về ngả « Ai-lao, con mắt ngó mênh-mông, không « có khoảng nào cao lắm. Xem ít cây cối, « chỉ thấy một thứ cỏ cao cao, đến mùa « nắng khô thì trắng sóa. Xem dùng « những đồng ở ngả nam *Algérie*, trước « khi bước vào những đám sa-trường ». (*Pavie Leroux* 1900. — T. III. p. 320).

VI. — Cảnh tự-nhiên, nơi cổ-tích

Thắng-cảnh ở *Kontum* thì thế tất có nhiều chỗ, song đường-sá còn ít, cho nên cũng khó mà đi đến. Chỉ duy cách thành-phố *Kontum* chừng 30 cây số, có cái thác *Yali* đi đặng mà thôi. Khi đức Bảo-đại ngự-giá nam-tuần cũng có ngự đến thác ấy. Hiện nay đường đi *Yali* chỉ đi được trong mùa nắng mà thôi, vì đường đất ít người đi thì cây cối mau mọc ra giữa đường lắm.

Những cổ-tích ở *Kontum* không có gì, vì chỗ mới mở-mang. Lúc trước có người Chàm lên, thì có chỗ còn lại ít tượng đá gẫy, nay đã đem về tòa Công-sứ *Kontum* cả, chứ không nghe chỗ nào có tháp.

Ở huyện Tân-an, tại An-khê, lúc trước, trước khi lập huyện Tân-an (Huyện này mới lập ra năm Khải-định thứ hai) trên ba-mươi năm nay, có đặt Kinh-lý-nha, nha ấy nay không còn dấu-tích gì hết và hiện nay trên chỗ đất ấy đã làm sở công-chánh.

Lúc thiết Kinh-lý-nha thì thuộc về tỉnh Bình-định. Quan Kinh-lý sau hết là quan Phạm Điền, người Quảng-ngãi, nguyên ngồi Bố-chánh Bình-định mà lên. Kinh-lý-nha có năm đội quân, phỏng chừng 100 lính.

Đời ấy, tới Tân-an là đã giáp-giới với các xứ Mọi, những tù phạm dẫy lên đó, và mộ dân lên để lập làng xóm.

Làng An-khê, tổng An-khê, huyện Tân-an, lại có chỗ kêu bằng thành ông Trì. Tuy tên là thành, mà đến đó, chỉ thấy một đám đất rộng vuông-vức, mỗi mặt chừng 100 thước tây, bốn bên có bốn cái rãnh trồng bốn mặt tre. Dân ở làng đó nói rằng đời trước lên khai phá, tối lại, dân phu và trâu bò, đều vô trong thành ấy, có nhà của ở trong ấy, kẻo ở ngoài sợ mọi-rợ và thú dữ. Có lẽ ông Trì này cũng một ông « Chủ mộ » đời ấy, mộ dân lên lập làng xóm.

Làng Tân-lai, tổng Tân-phong, huyện Tân-an, lại có một chỗ kêu là « Nền vua ». Chỉ còn một đám đất vuông, có dáng như cái nền nhà, chớ không còn ngói gạch chi. Dân ở đó nói lúc trước, Tây-sơn có làm một cái đền tại đó, và người già cả thuật chuyện rằng, trước khi dấy loạn, Nguyễn Nhạc thường năng lên xuống vùng ấy mà buôn trâu.

Ấy là những tên và dấu tích sơ-sơ còn lại, chớ chúng tôi chưa tìm đặng giấy-má gì cho đích-xác.

VII.— Dân-tộc

Tỉnh *Kontum* là tỉnh mới. Dân Mọi chia ra rất nhiều Mán nhiều giống, song chỉ có bốn giống nhiều hơn hết và lớn hơn hết. Ở miền nam có giống mọi Già-rài (*Djarai*). (Lấy tên Già-rài đặt tên đạo Gia-lai, chớ người Pháp thì cứ kêu tỉnh *Pleiku*); ở miệt bắc — trừ ra tây bắc — và thêm tới ngả Đông-nam — nửa đường An-khê và Cheo-reo — thì có giống mọi Bà-nà (*Bahnar*); ở miệt tây-bắc có mọi Xà-đăng (*Xédang*) ở miệt cực-bắc có mọi Diés.

Còn các giống mọi lai, giống này lai với giống khác, thì kêu bằng *Rơngao*, như *Bahnar-Rơgnao*, *Xédang-Rơngao*.

Dân Mọi cả hai tỉnh *Kontum* và *Pleiku*, kể cả Mọi chưa đầu-phục, cũng chừng độ 300 tới 350.000 người, chớ không phải 5 hay 600.000 người, như nhiều người đã độ chừng sai.

Trong sách « *Les Jungles mois* » có nói rằng trước năm 1848, đã có người Chàm, người Trung-hoa, người *Kmers* và người An-Nam lui tới *Kontum*. Song chỉ người Chàm và người *Kmers* thì còn để dấu tích lại mà thôi, như đường đi trên núi, ít tượng đá chàm, cách-thức làm ruộng từng tầng ở trên núi...

Lúc ấy Mọi chưa đầu-phục ai, xem các sách xưa thì tưởng chừng có cống hiến cho vua Chiêm-thành, vua Cao-miên, và đức Hoàng-đế ta, chớ cũng không nói rằng đầu-phục đặng. Chỉ có mấy anh vua mọi Thủy-xá, Hỏa-xá và Thiết-xá (anh này ở Mọi Xà-đăng, mình ít nghe hơn) e có lẽ có một chút oai-quyền chăng.

Lúc ấy thì mán này đánh mán kia, làng này đánh làng kia, chớ không khi nào thái-bình yên-tĩnh đặng. Làng nào có trâu bò lúa gạo nhiều thì phải tự lo mà đề-phòng lấy. Cũng vì trăm ngàn năm trước là đều phải lo lắng đề-phòng luôn như vậy, nên nay nhiều tục còn lại: như đường mọi đi, thường băng ngàn trên chóp núi, là chỗ trống-trải, khỏi sợ người nghịch mình núp lén rình mò; như đàn-bà làm việc trồng tỉa trong rẫy chó đàn ông thì lại không, vì trai-tráng đều phải cỡi ngựa mà chạy xung quanh rẫy, phòng có giặc tới đánh mà ngăn đón; (Nay thì đã đặng thái-bình, song đàn-bà cũng cứ phải còn làm rẫy, chớ đàn ông thì lại rảnh-rang chơi nhởi phong-lưu vì khỏi cuỗi ngựa, mang cung tên mà cầm-phòng); như mỗi làng có cái nhà cao lớn giữa làng kêu bằng « nhà rôn », mỗi đêm con trai chưa vợ đều lên ngủ trên ấy mà canh, có « giặc » tới thì đi trước...

Các giống mọi hung-hăng hơn hết là giống *Bahnar-Halakong* ở ngả An-khê, mọi *Aroys* ở giáp-giới Phú-yên, mọi *Djarais-Habous* ở *Pleiku*,

CHÍNH-TRỊ

A. — Chính-trị Đại-Pháp ở Kontum

I.— Thời-kỳ từ năm 1848 tới năm 1907

Năm 1850 đã có các cha cố lên *Kontum*. Lúc ấy là những lúc ở Trung-châu giết người theo đạo. Những cố tới trước

hết là cố COMBES (người An-Nam kêu bằng Cha Phê-rô, Mọi kêu bằng Bok-bê) đi với một chú người An-Nam kêu bằng thầy Sáu Do (Sau là Cha Do, Mọi kêu bằng Bok-Lành) cố FONTAINE (Cha Hoàng) cố DOURISBOURE (cố Ân). Lúc ấy, các cố mới lên ăn ở giao-thiệp cùng Mọi *Bahnars*, cho nên các giống Mọi khác cho là kẻ nghịch-thù với chúng nó.

Lúc ấy, tỉnh *Kontum* còn thống-thuộc về tỉnh Bình-định, song Bình-định cũng coi chừng xa xa vậy mà thôi.

Đến năm 1883, cố cả VIALLETON (Cha Truyền) cũng thử làm một bản hiệp-ước với mọi *Bahnars*.

Ông MAYRÉNA lại muốn lên làm vua Mọi, xưng là *Marie 1er, Roi des Sédangs*... Công-việc ông ta không có kết-quả gì, đã nhiều sách nói tới. Người nào muốn biết rõ chuyện ông ta, xin coi trong những tập của Hội Đô-thành hiếu-cổ-xã (*Bulletin des Amis du vieux Hué*). Ở Huế, tại sở Bảo-tàng Khải-định, lại có cất những gươm súng, huy-chương, cờ dáng thơ... của ông ấy bày ra.

Qua đến năm 1883, quan Công-sứ Bình-định cũng y tờ hiệp-ước của cố VIALLETON (Cha TRUYỀN) với Mọi *Bahnars* ấy. Song hiệp-ước này không thành hiệu kết-quả gì.

Qua năm 1893, là lúc quan năm TOURNIER, Khâm-sứ Ai-lao, ký hòa-ước với Xiêm-la, thì cũng y hiệp-ước *Bahnars* ấy, và đặt cố cả VIALLETON (Cha TRUYỀN) làm Đại-lý, thay mặt cho quan Công-sứ ATTOPEU (M. CASTAGNIÉ). Năm ấy, Ai-lao mới phân giới-hạn, thì tỉnh *Kontum* (trừ ra An-khê và Cheo-reo) chia ra, thuộc về Ai-lao. Cố cả VIALLETON (Cha TRUYỀN) thiệt nhận chức làm Đại-lý là năm 1898.

Trong năm 1883, Nhà Chung ở *Kontum* chỉ có 4 làng có đạo, phỏng 1.500 dân Mọi và An-Nam có đạo, 3 cha người Pháp, và 4 cha người An-Nam mà thôi. Cố cả là Cố GUERLACH (Cố CẢNH).

Lúc các cố làm Đại-diện cho Chính-phủ Bảo-hộ mà cai-trị tỉnh *Kontum* đó (1893-1904, thiệt là 1898-1904) thì trừ ra những vùng xung-quanh các nhà thờ, Mọi cũng cứ làng này làng kia đánh lẫn nhau luôn. Cũng có khi Mọi đến những làng có các cha cố mà ăn cướp. Nó kêu các cố là « An-Nam trắng » và nói rằng : « Những người An-Nam trắng đến xứ ta, đem thần-trái (đậu trời) đến rải xứ ta, hại mất nhiều người, lại thả cào cào, cắn lúa phá cây, làm cho chúng ta phải mất mùa đói khát. Vậy chúng ta phải đánh giết chúng nó đi cho hết, mới khỏi khốn ». (« Mở đạo *Kontum* », par P. Ban và S. Thiệt, Imp. de Quinhơn) Đến năm 1864, cố BÉZOMBES (Cha KÍNH) năm 1877, cố HUGON (Cha XUÂN) đi mua súng, và năm 1893, bên Lào cũng phát súng cho nghĩa-binh An-Nam và Mọi, mới đặng yên-tĩnh hơi hơi.

Năm 1904, lập tỉnh *Pleiku-derr* (quan Công-sứ PLANTIÉ). Tỉnh ấy là tên làm vậy, chứ chia ra hai tòa Đại-lý, một tòa ở *Kontum*, thuộc về tỉnh Bình-định, và một tòa ở Cheo-reo, thuộc về Phú-yên. Tỉnh *Pleiku-derr* lập ra được có ít tháng mà thôi.

Qua năm 1907, mới có quan Đại-lý thứ nhất lên *Kontum* là M. GUÉNOT.

Vậy là từ trước, tới năm 1907, ở *Kontum* còn lộn-xộn lắm. Trong thời-gian ấy : 1) Không lo gì về việc chính-trị đặng ; 2) Nhờ Nhà-Chung mà mọi Bà-nà được hơi thịnh-vượng và bớt sự giặc-giã : 3) Có những người Pháp tìm lên *Kontum* để khảo-cứu hoặc kiếm đường thông-thương. (Như ông NAVELLE,

Sông Bla lúc mùa nắng

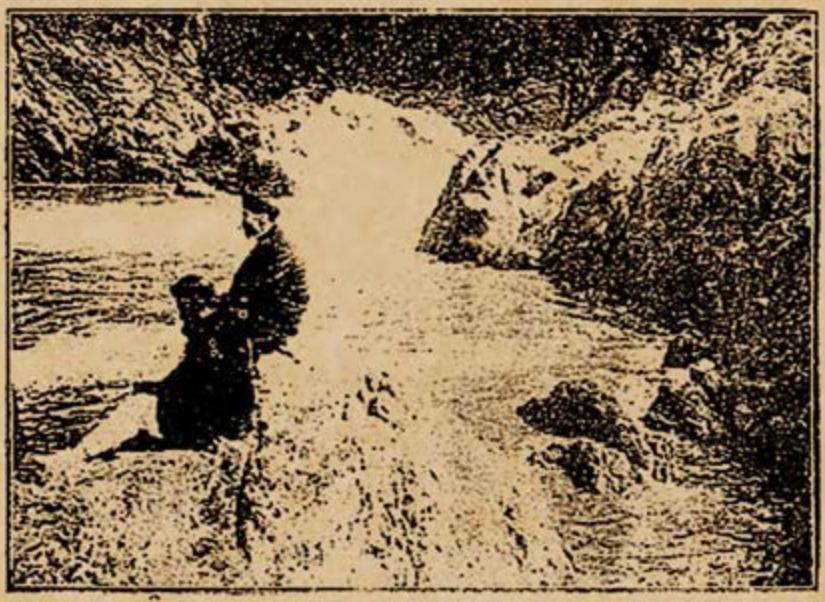

Thác Yali, cách Kontum 30 kil.

Mọi Bahnars ở Kontum

Đèo An-khê giáp-giới Bình-định Kontum

lãnh-sự Pháp ở Qui-nhơn, quan ba Cupet, ông Odend'hal, và ít cố người Pháp.

Trong chuyện các quan Pháp lên khảo-cứu xứ Mọi đó, thì có ba chuyện đáng biết :

1° *Ông* Mareyna. — Ông Marie Charles Louis David de Mareyka lên Mọi, xưng là vua *Sahnards* và *Xédangs*, lấy hiệu là *Marie 1er*, chuyện này đông-dài lắm, và sau không có chút kết-quả gì xứng-đáng, muốn biết rõ, xin coi sách ông Marquet và những tập của Đô-thành Hiếu-cổ-xã (*Bulletin des Amis du vieux Hué*).

2° *Quan ba* Cupet. — Quan ba Cupet làm đầu một phái-bộ, năm 1891, khởi-sự đi từ *Strung-Treng* (*Mission pavie — Paris Leroux p. 387*) ngang qua *Bandon* tới sông *Ayoun*, rồi lên *Kontum*, gặp các cha cố. Rồi từ *Kontum*, đi về ngả *Mékhong*.

Lúc ấy có một đạo binh Xiêm, tính tới chiếm xứ Mọi. Ngày 23 *Mars* 1891, đạo binh ấy gặp phái-bộ Cupet tại *Bandon*. Nhờ quan ba Cupet khéo thương-thuyết cùng tướng Xiêm, coi đạo binh ấy, mà khỏi binh Xiêm tràn qua lấn-hiếp bọn mọi. Nhờ sự ấy cho nên ảnh-hưởng Pháp đối với dân Mọi lúc bấy giờ có mạnh thêm nhiều.

3° *Phái-bộ* Odend'hal. — Ông Odend'hal, quan binh đội khố-xanh, đi từ Huế ngày 9 *Novembre* 1893, để kiếm đường ở trung-châu lên Lào. Cách một tháng sau, tới *Attopeu* và từ *Attopeu* lại đi đường khác ngày 12 *Janvier* 1894. Ngày 16 *Janvier*, về Quảng-nam, tới nơi Phước-sơn ngày 11 *Février* 1894. Trong lúc đi đường, ngang qua các làng Mọi trên Xédangs (Xà-đáng) thấy nhiều người An-Nam bị Mọi bắt ở đó, ông ta cứu, biểu đi theo phái-bộ mà về. Cho nên bọn Xà-đáng thù, và hơn 300 Mọi đuổi theo mà đánh.

Qua ngày 25 *Mars* 1904, ông Odend'hal lại từ Cheo-reo lên *Kontum*, theo sông *Ayoun*. Khi đi ngang qua gần làng anh Hỏa-xá (*Sadèle du Feu*) thì ông Odend'hal đi vô làng một mình, không súng ống chi, nên bị giết chết.

Sau bắt anh Hỏa-xá ấy mà giam, thì cũng không chịu khai vì sao mà giết ông Odend'hal và giết cách gì.

II. — Từ năm 1907 tới 1928

Từ 1907 tới 1913 thì *Kontum* chỉ có tòa Đại-lý và quan Đại-lý. Qua ngày 1er *Mars* 1913, mới lập ra tỉnh *Kontum*. Lúc ấy có hai tòa Đại-lý Cheo-reo và Ban-mê-thuột nhập vào *Kontum* chớ chưa có An-khê (Ban-mê-thuột, đầu đặt tỉnh riêng, qua 1913 giảm tỉnh mà làm Đại-lý, nhập vào *Kontum*, đến 1923, lập tỉnh lại.) Quan Guénot, lúc ấy từ Qui-nhơn lên *Kontum* 10 ngày.

Giới-hạn *Kontum* - Bình định mới chia ra năm 1917, theo Chỉ-dụ ngày 14 *Février* 1917.

Lúc ấy, trên mặt bắc thành-phố *Kontum* bây giờ, cách chừng 15, 20 cây-số đã có Mọi chưa đầu-thú.

Lập các công-sở

1° *Đường sá.* — Trong năm 1918, thì từ *Kontum* qua *Pleiku*, cách nhau có 51 cây-số, mà đi mất một ngày rưỡi. Đường sá thì mới làm. Số Mọi đầu thú trong năm 1914 được 14.588 tên. Tên nào chịu đầu-thú thì mỗi năm phải đi làm đường 10 ngày hay là nạp bạc 1 $, song chuộc bạc là số ít. (Năm 1933 phải nạp 10 ngày là 2$50).

2° *Binh-bị.* — Lính khố-xanh thì một phần người An-Nam, một phần Mọi. Năm 1910 đã định mộ lính Mọi là 30 tên. (Trong số 30 tên ấy có 19 tên trích về đồn Định quang, song định làm vậy chớ không mộ).

Năm 1911 có 69 lính An-Nam và 29 lính Mọi.

Năm 1913 có 172 lính An-Nam và 107 lính Mọi.

Năm 1914 có 140 lính An-Nam và 140 lính Mọi.

Năm 1916 có lập nghĩa-binh, phỏng 600 người An-Nam và Mọi, song qua 1917 thì bãi.

3° *Lập tòa án.* — Ban đầu lập tòa-án thử một năm, sau xem chừng có kết-quả thì mới có Dụ ngày 8 *Juillet* 1925 và nghị-định 30 *Juillet* 1925 thiết ra tòa-án. Lúc ấy mỗi năm cả lớn nhỏ, xử chừng 200 việc.

4° *Y-chánh.* — Trước hết chỉ có một cô mụ và một quan thầy thuốc.

5° *Công-chánh.* — Năm 1924, theo nghị-định ngày 4 *Août* 1924 lập sở Công chánh tại An-khê, thống-thuộc về *Arrondissement du Sud*, ông CHANARD, SURVEILLANT, lên coi trước hết. Sở ấy, lúc ấy, cốt là lo làm đường số 145, từ cây-số 43 cho tới cầu *Dak-xa-wong*.

Qua ngày 20 *Novembre* 1926, lập tại *Pleiku* một sở Công-chánh nữa, có ông MAURICE kỹ-sư hạng 3, làm chủ trước hết.

Qua ngày 1er *Janvier* 1927, hai sở công-chánh ấy thống-thuộc về *Arrondissement du Centre-Annam.*

Qua *Septembre* 1930, giảm sở Công-chánh ở An-khê.

6° *Học-chánh.* — Ban đầu hết, Chính-phủ định lập một trường, dạy con những chủ làng Mọi. Ngày 13 *Janvier* 1916 ông Ưng-Điền, trợ giáo, dạy bọn con nít mới được 17 đứa.

Qua tháng *Septembre* 1916 trường *Kontum* được 41 học-sinh Mọi (12 học-sinh ở luôn) và 17 học-sinh An-Nam.

Qua 1921, lập thêm hai lớp (*Cours-Moyen*) nhì. Lúc ấy, trường có hai cái nhà ngói, được 112 học-trò. (Trong số ấy có 21 học-trò Mọi ở luôn trong trường và 29 học-trò An-Nam).

Qua năm 1924, lập thêm hai lớp dạy tiếng *Bahnars* và *Djarai*, cho Mọi, có thầy trợ-giáo Mọi dạy. Năm 1925 có bà CABALP là Đốc-giáo trường *Kontum*.

Ngày 16 *Mars* 1928 lập riêng một tòa Đốc-giáo coi các trường học.

Trên này là kể chuyện trường công, còn trường tư thì có trường của các cố tại *Kontum-Konôm* (*Kontum* cũ). Từ 1880 tới 1890, mỗi năm cũng chừng 15 đứa mọi *Bahnar* tới học, cho tới năm 1893 bị lên mùa hao hai hết.

Qua 1898, Nhà Chung lập trường dạy 30 con trai *Bahnars* và 20 con gái *Bahnars*, song chúng nó cho sự đi học là bó buộc, cho nên không chịu ở.

Qua 1908, trường *Guénot* (Trường các cố, lấy tên cố Cả GUENOT — Đức cha Thề) dạy 72 học-trò *Bahnars* ở luôn và 16 học-trò An-Nam.

Sau lại lập trường cho học-trò An-Nam học riêng.

Đến năm 1928, học-trò trường tư các cố kể như sau này :

Trường *Guénot* : 85 học-trò Mọi *Bahnards* và *Xédangs* ở luôn.

Trường làng Phương-nghĩa : 35 học-trò An-Nam.

Trường làng Tân-hương : 25 học-trò An-Nam.

Trường làng Phương-qui : 25 học-trò An-Nam.

Trường làng Phương-hòa : 30 học-trò An-Nam.

Graphique des effectifs totaux des écoles (Kontum, Tân-an, Cửu-an, Pleiku et Dak-tô) de la province

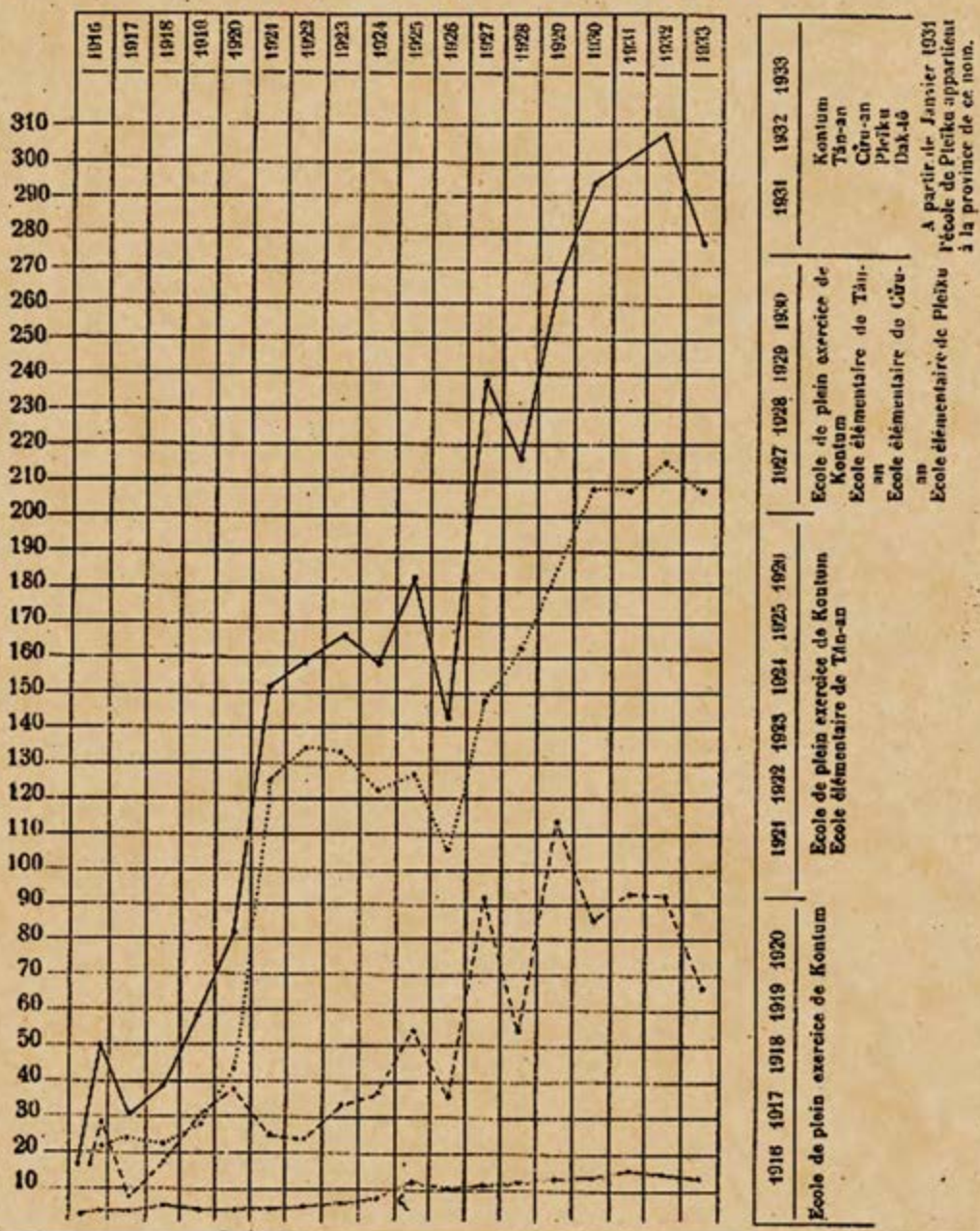

L'école de plein exercice de Kontum a été créée depuis le 13 Janvier 1916
L'école élémentaire de Tân-an, depuis le 2 Septembre 1921
L'école élémentaire de Cửu-an, depuis le 1er Mai 1927
L'école élémentaire de Pleiku, depuis le 1er Octobre 1927
L'école préparatoire de Dak-tô, depuis le 20 Novembre 1931

——— Total des effectifs annamites et mois
..... Elèves annamites externes
- - - - - Elèves internes mois
—·—·— Nombre de maîtres

III — Từ năm 1928 đến nay

Từ năm 1928 đến nay, sự mở-mang khai-hóa có chóng hơn trước nhiều. Như đất thì cả hai tỉnh *Kontum Pleiku* thêm hơn trước được 7.000 cây-số vuông. Coi bản-đồ sau này thì rõ chỗ nào là đất cũ trong năm 1928 đã có, phần nào từ 1928 đến nay mới mở thêm, Mọi đầu-thú và lập đồn lũy, phần nào là các quan Tây đã đi đến nơi mà chưa có đồn lũy và Mọi chưa đầu-thú.

Cũng vì những cớ sau này cho nên sự khai-hóa ấy được chóng hơn trước:

1° Quan cai-trị theo một chính-sách, một ý-kiến với nhau, không thay đổi, như những quan Công-sứ ở lâu hơn hết là quan Công-sứ GUÉNOT, JÉRUSALÉMY, (ở *Kontum* đừng lộn hai tên GUÉNOT và GUÉNOT. GUÉNOT là tên một quan Công sứ ở đây. Bây giờ trong thành-phố có đường lớn đặt là GUÉNOT làm kỷ-niệm. Còn GUÉNOT là tên một Cố cả (*Provicaire* trước ở đây, bây giờ các cố lấy tên đặt cho một trường tư của họ ở *Kontum*).

2° Lúc trước chỉ lo cho được yên-ổn, đường-sá chưa mở mang, sự vận-tải đương khó lòng. Vừa kế giặc Đức từ năm 1914, mấy năm trời, sự khai-hóa mở-mang cũng nhân đó mà chậm-trễ.

3° Lúc trước sự khai-hóa các miền thượng-du chưa có chính-sách chương-trình gì, nay đã có một chương-trình nhất-định. Chương-trình đã kể ra rõ-ràng trong tờ thông-tư quan Khâm-sứ Trung-kỳ ngày 30 *Juillet* 1923 và nghị-định ngày 30 *Juillet* 1923.

4° Trong năm 1925-1926, nhân dịp các người Pháp đua nhau lên lập đồn-điền «đất đỏ» làm rầm-rột ồn-ào, thì người ta biết *Kontum* hơn và năng lên xuống hơn.

IV — Những công-cuộc mở-mang từ năm 1928 đến 1938

1.— *Đường-sá*. — Trong sự mở-mang khai-hóa cần nhất là đường-sá thông-thương. Những đường-sá ấy ban đầu các quan đồn khố-xanh coi chừng cho Mọi làm sơ-sơ cho ngựa và xe bò đi được mà thôi. Sau lần lần từ ngày lập sở Công-chính, mới mỗi năm mỗi sửa-sang cho dồ đất, chỗ nào có đá thì đồ (đá ở *Kontum* hiếm lắm, mỗi thước khối tới 2$80 mà đá xấu, chứ không phải thứ đá xanh), chỗ nào quanh-co quá cũng sửa lần, và phá cây cối mọc giữa đường đi.

Nay kể ra đường-sá, cả *Kontum Pleiku* cho tiện, thì có những đường sau này:

Đường thuộc-địa số 14 (Từ địa-đầu tỉnh *Ban-mê-thuột*, lên tới *Dak-tô*, ngang qua *Pleiku* và *Kontum*, 171 cây số).

Đường thuộc-địa số 19 (Từ Bình-định tới *Pleiku*).

Đường thuộc-địa số 19 bis (Từ đường thuộc-địa số 19 Suối-đôi, tới giáp đường thuộc-địa số 14 (cây số 15) lên *Kontum*.

Đường bản-xứ số 190 (Từ đường thuộc-địa số 14 (cây số 65), tới giáp Cao-mang—Bo-kham).

Đường bản-xứ số 153 (Từ đường thuộc-địa số 14 (cây số 95) tới Cheo-reo và giáp-giới Bình-định).

Đường bản-xứ số 188 (Từ đường thuộc-địa số 19 (An-khê) tới Cheo-reo).

Trừ ra những đường lớn ấy cũng có đường khác mới lắm, chưa có số hiệu, song đi xe hơi đã được. Có đường lại mùa nắng đi được, còn mùa mưa bị bùn lầy, vì xe bò đi hư và không có đá cứng mà đồ. Những đường ấy là:

Đường Tù-thủy, phía đông An-khê 28 cây số.

Đường *Kon-barr*, phía tây An-khê, 14 cây số.

Đường *Plei Pim*, phía tây An-khê 10 cây số.

Đường đi thác *Yali* 40 cây số.

Đường đi *Konplong* 38 cây số.

Đường *Psi*, về ngả *Faifoo*, ngang qua *Dak-tô* 12 cây số.

Lại đương trù một đường *Dak-tô* về Trà-my nữa.

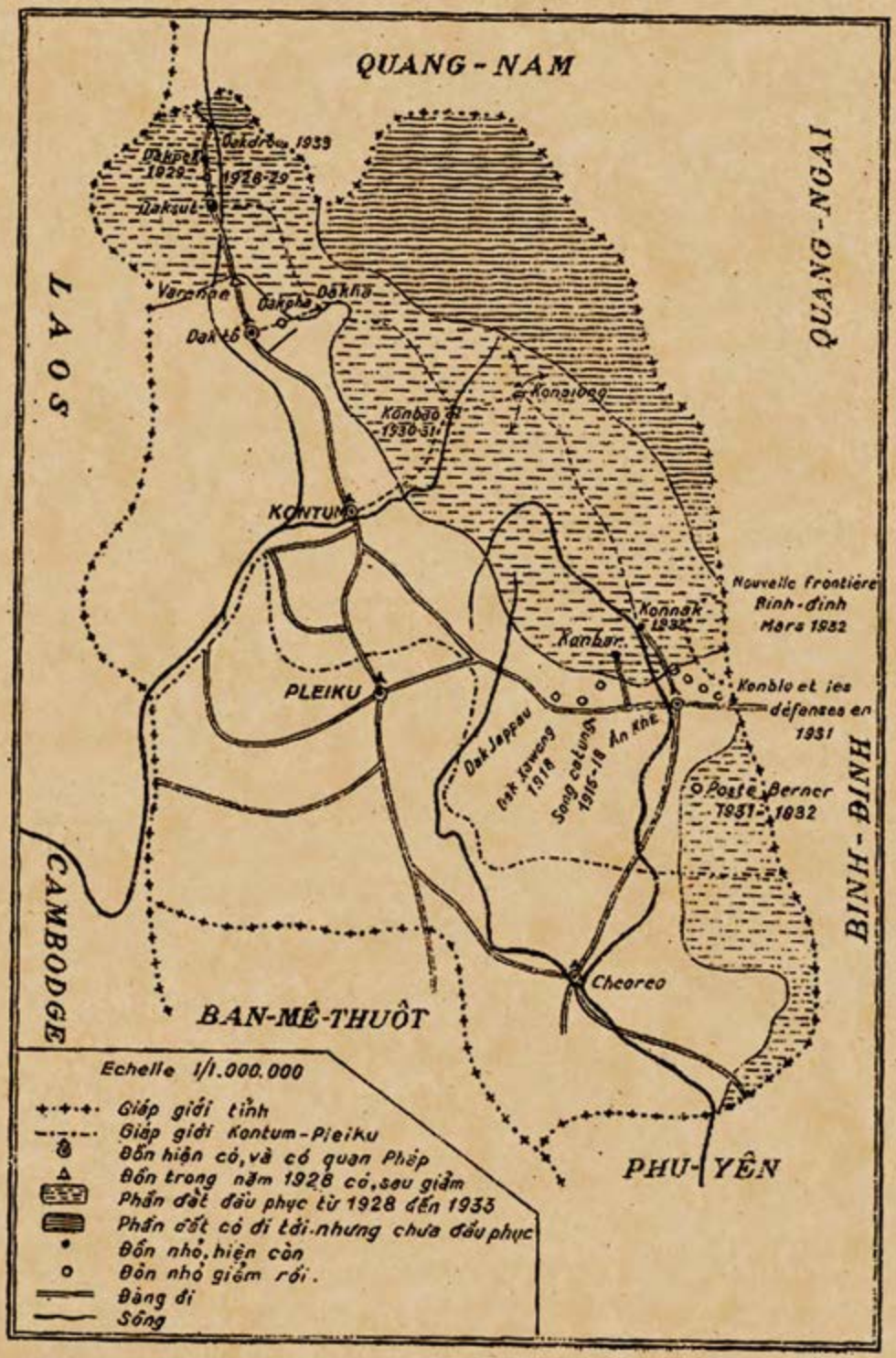
QUANG-NAM
QUANG-NGAI
LAOS
CAMBODGE
BAN-MÊ-THUỘT
PHU-YÊN
BINH-BINH
Dakdrou 1933
Dakpek 1929-
1928-29
Dakzut
Varenhon
Dakpha
Dakha
Dak Ab
Konbao 1930-31
Konaibao
KONTUM
Nouvelle frontière Binh-dinh Mars 1932
Konnak 1932
Kanbar
Konbio et les défenses en 1931
PLEIKU
Dak Jappau
Dak Kawang 1918
Song Ba Lung 1916-18
An Khe
Poste Berner 1931-1932
Chcoreo
Echelle 1/1.000.000
Giáp giới tỉnh
Giáp giới Kontum-Pleiku
Bốn hiện có, và có quan Pháp
Bốn trong năm 1928 có, sau giảm
Phần đất đầu phục từ 1928 đến 1933
Phần đất có đi tải, nhưng chưa đầu phục
Bốn nhỏ, hiện còn
Bốn nhỏ giảm rồi.
Đàng đi
Sông

Gần đường lớn thường có đường riêng cho xe bò đi, vì ở *Kontum* rất nhiều xe bò để vận-tải săng-sức, lúa gạo. (Xe có khai trong năm 1933 là 114 cái) nhưng đi giữa đường lớn thì hư-hại lắm.

Kiểu cầu thì ít có cầu si-măng vì chuyên chở lên đây mắc-mỏ, nên nay trừ ra một vài cái cầu lớn thì đúc si-măng (như cầu Mây An-khê lên *Kontum*) còn thì cột đúc si-măng mà trên lướt bằng gỗ, hay là cả cột cả lướt mặt toàn bằng gỗ. Cái cầu lớn nhất là cầu *Kontum*,(139 m) trên sông Bla,khít thành-phố *Kontum*. Cầu ấy làm xong năm 1932, tháng *Juillet* đi được, đến tháng *Octobre* bị lụt trôi.Nay phải đi đò. Qua bên này bến đò là thành-phố.Trong mùa nắng thì có một cầu tạm, trên mặt lướt bằng ván, đến mùa mưa phải cất đi vì nước lớn lắm, phải trôi ngay.

2) *Binh-bị*. — Trong sự đầu phục Mọi, cần nhất là đồn khố xanh. Những chỗ nào Mọi hung-hăng có lập đồn tạm trong ít lúc thì được yên tĩnh.

Trong những năm trước thì có lập những đồn sau này (coi bản đồ riêng) khi yên-tĩnh thì giảm, hoặc khi cần thì dời đi xa hơn nữa.

Ngả bắc :

1° Đồn *Robert* (trước thuộc về Lào) trên sông Bas-Psi, lập năm 1889, sau có người Lào tên là CHANPHOMK coi cho tỉnh *Kontum*. Đến năm 1921 lập đồn *Daktô* thì giảm đồn ấy.

2° Đồn *Daktô*, quan đồn BUIRON, khởi sự lập tự 1920.

3° Đồn *Dakpha* lập năm 1924, thuộc về *Daktô* coi.

4° Đồn *Varenne* (trên sông Dak-nai) trên *Daktô*, dưới *Dakxut*, lập ra năm 1926, qua 1928 giảm.

Ngả đông :

1° Lúc lập ra tỉnh *Pleiku-Derr* thì lập đồn *Kontum*, năm 1905.

2° Năm 1925, nơi đường thuộc địa số 11 có lập đồn *Kon choral*, sau giảm đi mà lập đồn Mang-giang, đến 1920 thì Mang-giang cũng giảm.

3° Qua năm 1907, giảm tỉnh *Pleiku-Derr* thì lập một đồn tại *Pleiku*.

4° Năm 1917 ở An-khê có đồn Chợ-đồn,lúc ấy An-khê còn thuộc Binh-định.

5° Đồn sông *Caluong* lập 1915, giảm 1918.

6° Đồn *Dakxawong* lập ra năm 1918, ít tháng sau giảm.

7° Đồn nhỏ ở *Dak jappau*.

Ngả nam :

1° Đồn Cheo-reo lập ra năm 1901, bây giờ về địa-phận *Pleiku*.

Những quan đồn Khố-xanh có công khai phá ở tỉnh *Kontum* này lắm. Như các ông DEREYMEZ,(hiện nay đã 56 tuổi), HILLARD, NICOLLE, MAULINI..... thì quen thuộc nhiều lắm, biết tiếng các Mán Mọi, họa-đồ,làm đường, thâu thuế Mọi.

Nhất là quan Thanh-tra đội Khố-xanh DEREYMEZ, ở các tỉnh thượng-du hơn ba-mươi năm nay, rành phong-tục Mọi, biết tiếng Mọi, tuy nay đã 56 tuổi, mà cứ vẫn mạnh mẽ như thường.

Những ông ấy thế vai các cố xưa, vẽ cho Mọi trồng cây, cày cấy. Như mới đây có cho mấy anh chủ làng Mọi 6 cái cày và 5 cặp bò cày, để vẽ cho các Mán Mọi cao chưa biết làm ruộng.

Xem bản-đồ riêng thì biết các đồn năm nào lập, năm nào giảm.

Đội khố xanh, hiện nay tỉnh *Kontum* có bảy quan Tây và 361 lính, cả người An-Nam cả Mọi.

Ở thành-phố *Kontum*,có một đồn lớn, coi cả lao tù và cả lao chính-trị-phạm.

Lại có 5 đồn có quan Tây ở *Dakxut Daktô*, *Konphong*, An-khê và *Konnak*.

Ở *Dakxut* có 2 đồn nhỏ (*Blockhaus*) ở *Daktô* một đồn nhỏ, ở *Konbarr* một đồn nhỏ. Những đồn nhỏ thì có 5, 7 người lính và cai đội cai quản.

Ở *Kontum* lại dương lập một đội khố đỏ, sẽ mộ 120 lính Mọi người Xé-đang (giống Mọi Xà-đăng này có tính hung-hăng hơn Ba-na, ưa đánh giặc). Hiện nay đã có trại và nhà các quan tây. Rồi đây sẽ có một quan Ba, một quan hai, một quan một, tám đội tây.

(*Còn nữa*)

NHÂN CÁCH PHỤ-NỮ (1)

Mấy lời nói cầu

Thưa quí-ông quí-bà cùng các anh em chị em

Hôm nay hội-đồng cứu-tế cử tôi ra diễn-thuyết giúp cuộc chợ-phiên này, tôi không dám quản-nệ mình tài sơ học thiển mà từ-chối việc nghĩa, và tôi lấy một tấm lòng nhiệt-thành, đem một cái tư-tưởng hẹp-hòi của tôi đã nghiên-cứu và lịch-duyệt về cái nhân-cách của bọn phụ-nữ chúng tôi trong bấy lâu nay, mà đem ra chốn diễn-đàn lần này lại là lần thứ nhất, hoặc có điều gì không được hoàn-mĩ cũng xin các ngài lượng-thứ đi cho.

Trong các vấn-đề phụ-nữ ngày nay kể ra thì nhiều lắm, nhưng thiết tưởng không có điều gì mật-thiết và quan-hệ cho bằng sự « thiếu nhân-cách ». Vậy nay tôi xin diễn-giải về các nguyên-nhân làm cho trụy-lạc mất nhân-cách của đàn bà. Vả cứ như sự khảo-sát của tôi biết được chừng nào xin kể ra đây, mong rằng các thính-giả vui lòng thưởng-thức, thì tôi lấy làm hân-hạnh lắm.

* *

Trong xã-hội gồm có hai hạng người: 1° đàn ông, 2° đàn bà, mà hai hạng người ấy đã kết-hiệp với nhau mà gây dựng thành gia-đình và xã-hội, cái nghĩa-vụ thật là lớn lao, cái công-phu thật là bất-diệt ! Nhưng xét sự thực thì cái nhân-cách và địa-vị hai bên khác nhau xa. Nói về hai phương-diện gia-đình và xã-hội thì thấy rõ cái nhân-cách nó phân-biệt hẳn ra hai đằng bên khinh bên trọng không được công-bình cho lắm.

Vì rằng đàn bà bao giờ cũng như người « Vị thành-nhân » không có cái tư-cách gì cho xứng đáng, và không bao giờ có quyền tự-chủ và tư-cách tự-lập, khi làm việc gì cũng phải có người dìu-dắt, và bao giờ cũng phải phục tòng, đối với gia-đình, người con gái khi chưa xuất-giá thì tùy quyền cha và anh, đến lúc thành gia-thất lại tùy quyền chồng, lúc bất-hạnh chồng chết lại tùy theo quyền con. Nếu có tái-giá cũng không được hưởng sản-nghiệp gì của chồng cũ, mà con cái cũng không kính-trọng mẹ như trước nữa.

Đến như gia-sản của cha mẹ, con gái cũng không được phần bằng con trai (có xứ thì con gái không được phần nào nữa), đến như việc phụng-tự tổ-tiên, đàn bà con gái cũng không được dự phần hương-hỏa nữa. Cái câu « Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô » nó đã làm cho đàn bà mất nhân-cách nhiều lắm.

Còn như việc xã-hội khi xưa, đàn bà tuyệt-nhiên không được dự gì cả, việc lớn việc nhỏ kể từ quốc-gia đại-sự, cho đến lễ-nghi đình-đám, yến-ẩm hội-hè, thì đàn bà không ai nói tới, vì người ta cho rằng đàn bà ngu-xuẩn không biết gì mà bàn đến, lại rằng đàn bà ô-uế ti-tiện, không được dự các lễ-nghi đình-đám, sợ e vô-lễ vô-phép vân vân... Đến như bậc thông-minh như hoàng-tử TÉLÉMAQUE cũng nói với mẹ là hoàng-hậu PHÉNÉLOPE rằng: « Thôi mẹ hãy về phòng mẹ đi ! Việc triều-nghị này là việc của con, cũng là việc của bọn đàn ông, mẹ chẳng nên

(1) Bài diễn-thuyết tại chợ-phiên mở ở Tourane ngày 31 Décembre 1933 giúp nạn-dân Bình-phú.

can-thiệp đến làm gì ! » Ấy một bậc mẹ hiền, vợ tiết-nghĩa của vua ULYSSE mà cũng bị con đàn-áp như thế đó !...

Ở xã-hội ta cũng theo cái thuyết nam-tôn nữ-ti, phụ-nhân bất dự ngoại-sự, thành thử ra bao nhiêu công việc xã-hội quốc-gia chỉ riêng để cho bọn đàn ông chiếm-lĩnh và dự-nghị mà thôi.

Kịp đến ngày nay tuy rằng xã-hội cũng rộng cho đàn bà được dự đôi chút quyền-lợi, hay là hiệp-tác đôi việc nhỏ-nhen, nhưng cũng chưa thoát bẩn cái tính-cách phục-tòng và cái chủ-ý họ lợi-dụng vậy. Vả từ thế-kỷ thứ 19 cho đến ngày nay ở các nước đã có nhiều bậc anh-thư nữ-kiệt đã gắng công chịu khó hiệp-tác yêu-cầu cho nhân-cách hai bên được bình-đẳng, và trong các vấn-đề kinh-tế và xã-hội thì đàn bà có phần quan-trọng và giúp ích được nhiều lắm, song le chưa có đủ một nhân-cách gì cho chính-đáng.

Xét về pháp-luật cũng có nhiều điều khuyết-điểm về nhân-cách của đàn bà, chị em chúng ta dầu có học-hành thông-thái, thi-cử đỗ-đạt, hay làm đến chức quan tòa đi nữa, nhất thiết muốn làm việc gì như hùn-hiệp buôn bán góp cổ-phần với công-ti nào, hay là muốn kiện ai, cũng phải xin giấy phép đức ông chồng cho thì mới được. Đàn bà chẳng những không có phép một mình dầu đơn, mà lại không có quyền đứng làm chứng giữa tòa án về công sự, nói tóm lại còn biết bao nhiêu điều bất-bình-đẳng, hầu như đàn bà không còn nhân-cách gì vậy.

Nguyên-nhân các phương-diện bất-bình-đẳng này, chị em ta không thể bỏ qua mà không nghiên-cứu truy-tầm cho đến cỗi rễ, và xem xét đến cái hoàn-cảnh và nhân-cách của đàn bà đời xưa cho được. Vì rằng chúng ta sở-dĩ chịu cái ảnh-hưởng của người đi trước ta, và kẻ sau ta sẽ chịu cái ảnh-hưởng của chúng ta, cho nên không thể nào mà không truy-nguyên đến cái thời-kỳ đã quá-khứ. Vì những cảnh-huống của đàn bà đời xưa sẽ giúp cho chúng ta sửa đổi và cải-tạo cho đàn bà về sau, và giúp thêm can-đảm và nghị-lực cho chúng ta được tăng-tiến cái nhân-cách mỗi ngày một cao hơn.

Nay đem cái phong-tục hàng mấy mươi thế-kỷ, lấy cái lịch-sử trong mấy ngàn năm mà nói qua trong thời-khắc ngắn-ngủi như vậy thì cũng bạo thực. Nhưng tôi xin nói tóm-tắt lại từ đời thượng-cổ, trung-cổ cho đến thời cận-đại, vì còn nhiều phong-tục tập-quán cũ và luật-lệ còn lưu-truyền lại.

Đời thượng-cổ. — Thế-gian khi mới sơ-khai, chưa có quốc-gia, chưa có kỷ-luật, loài người khi ấy còn chia ra từng bộ-lạc (*clan*) và những người trong bộ-lạc đều là anh em bà con với nhau cả. Vì có một người mẹ sinh ra, còn cái tiếng «cha» đời ấy không có cái nghĩa như bây giờ.

Sự hôn-nhân (đây là dùng cho nó rõ nghĩa, chứ đời ấy chưa có lễ hôn-nhân) trước còn quanh-quẩn kết-hợp với nhau trong bộ-lạc, sau rồi mới lan rộng ra ngoài các bộ-lạc khác, nào có cưới hỏi hay lễ-nghi gì, hễ khi thiếu người đàn bà thì đi tìm các bộ-lạc khác, nhiều khi phải dùng đến võ-lực mới bắt được, trai gái lấy nhau buổi ấy chỉ dùng thủ-đoạn cướp giật mà thôi. Tục này lưu-truyền lâu lắm, đến như nước Hi-lạp (*Grece*) về những lúc văn-minh rực rỡ, mà những đám cưới khi làm lễ rước dâu, không khi nào họ để cho cô dâu được tự-do bước chân vào cửa, và họ thường bắt lấy mà đem vào nhà trong, hiện nay còn nhiều xứ dã-man vẫn còn mô-phỏng theo phong-tục cổ, mà khi nhà trai đón dâu vẫn còn dùng cái cách như ăn cướp vậy.

Những đàn bà con gái họ đã đi cướp giật về thì không phải vợ một

người đàn ông nào, mà chính là của chung trong bộ-lạc, và nô-lệ chung của mấy ông chủ trong bộ. Sau trong kinh và luật *Mahabharata* còn nói quyết rằng: «Các giống cái về các loài, kể cả đàn bà nữa, đều là của chung trên mặt đất, hạng nào theo hạng ấy».

Cái nhân cách và thân-thế đàn bà thuở ấy thật là ti-tiện khổ-sở thường bị hành-hạ trụy-lạc luôn, đến tuổi già thì bị thải bỏ, tình-cảnh thật là khổ-nhục, mãi cho đến mấy mươi đời sau có chế-độ đa-thê hay là độc-thê thì cũng khốn-đốn đê-hèn, ngót mấy ngàn năm cho đến khi bọn đàn ông họ phát chút từ-tâm rồi mới được giải-thoát.

Đời nay cũng còn nhiều xứ dã-man thời thường giao con gái cho chàng rể mà đổi lấy trâu bò heo ngựa, mà người cha vợ thường biểu chàng rể rằng: « Bây giờ tôi gả bán nó cho anh rồi, anh muốn làm chi nó thì làm, nếu không bằng lòng thì đánh giết hoặc bán nó đi cũng được! » Có lẽ trong mấy ngàn năm bọn đàn ông đều nói như thế cả.

Song cứ như sự khảo-sát về « nhân-chủng-học » thì buổi sơ-khai tuy rằng hỗn-độn thật, nhưng về sau nhân-cách hai bên cũng được bình-đẳng luôn. Kịp đến khi nhân-loại đã tiến-hóa, biết làm chốn che thân, có nhà ẩn nắng, biết ăn chín uống trong, biết kết-hợp thành đoàn-thể quốc-gia, thì người đàn bà vì nghĩa-vụ sinh-nở nên phải ở yên một chỗ mà nuôi con, sức mạnh kém lần, mà trí cương-quyết biến thành nhu-nhược, theo luật tiến-hóa về tâm-lý-học đã chiêm-nghiệm và chứng-nhận sự mẹ nuôi con nó biến-cải tính-tình người đàn bà hóa ra hiền-lành nhu-nhược, cũng như các việc săn-bắn và chiến-tranh đã làm cho người đàn ông hóa ra cục-cằn và bạo-ngược.

Vả trong thời-kỳ thế-giới còn hỗn-độn chưa có pháp-luật, chưa có lễ-nghi, bộ-lạc này đánh hiếp bộ-lạc kia, mà đàn bà con gái thời ấy là vật hiếm là của báu chẳng khác chi vàng ngọc châu báu, mỗi trận chiến-tranh sau khi đắc-thắng thì họ ăn cướp đàn bà con gái và của cải bên địch đem về trong bộ-lạc họ, cái thân-phận người đàn-bà con gái lúc ấy thật có lắm bề nguy-hiểm, nên phải gìn giữ trong hang sâu buồng kín, chớ không được tự-do giao-thiệp với bên ngoài, mà có lẽ vì tập-tục di-truyền từ đời Thái-cổ, cho nên đời sau mới thành cái lệ cấm-cung, và nho-giáo mới đặt ra cái câu : « Khuê-môn bất xuất » và nó hạn-chế làm cho đàn bà Á-đông ta kém cái tư-cách xã-giao. Vả bọn đàn bà con gái bị cấm-cố trong chỗ buồng the lâu ngày rồi cũng hóa ra bẽn-lẽn thẹn-thò, mỗi khi đi ra ngoài hay đến chỗ đông người thì nhút-nhát sợ hãi như đứa ngu-si, có lắm khi vì thế làm cho mất nhân-cách tự-nhiên đi vậy. Đàn ông thời ấy nhân thấy đàn bà vì cách sinh-hoạt khác nhau, sự tiến-hóa chậm lại, tinh-thần và vật-chất thành ra khiếm-khuyết, nhân thế họ bắt đàn bà làm hết các công việc nặng nề và ti-tiện, và chiếm-đoạt hết cả quyền-lợi về gia-đình và xã-hội, hầu hết bọn đàn ông trên thế-giới này bất phân là chủng-tộc nào, nòi giống nào họ cũng đều coi vợ là kẻ bề dưới và chẳng khác chi là nô-lệ cả.

Trong đời Thượng-cổ tuy rằng hoàn-cảnh thời-thế khiến nên, đàn bà cũng có lúc được vẻ-vang vì qua một thời-kỳ « mẫu quyền », đàn bà cầm quyền hành chính, song đó là cái lẽ tự nhiên và một việc tạm-thời mà thôi, chứ không phải là cái quyền vĩnh-viễn và chân-chính bất-dịch được, vì thuở ấy nhân-loại còn hiếm-hoi, chủng-tộc chưa phân chi-phái, cho nên người mẹ mới được tạm-chấp quyền-bính.

Nay thử xét xem cái nhân cách đàn bà ở đời trung-cổ cho đến thời-đại

cận-kim, trước hết hãy nói về các dân-tộc ta gọi là văn-minh trước nhất thế-giới là : Hi-lạp (*Grèce*) La-mã (*Rome*) Ai-cập *Egypte*) và Trung-hoa.

Thời trung-cổ ở thành La-mã buổi ấy quyền chủ-tể trong gia-đình cũng thuộc về đàn ông cai-quản, tuy rằng thời cổ cũng có lúc theo « mẫu-quyền » nhưng không bao lâu bọn đàn ông họ ỷ-thế lấn-áp và chiếm-đoạt hết các quyền và mạt-sát nhân-cách đàn bà hết sức, họ lạm-dụng quyền một cách độc-đoán, vì họ coi vợ và con gái như bọn gia-nô mà ông chủ nhà cầm quyền sinh-sát.

Đối với pháp-luật con gái không có quyền dự vào gia-tài, ví như người cha không muốn cho con gái hưởng phần di-sản. thì cứ không biên tên vào chúc-thư là đủ.

Còn như quyền chồng đối với vợ thật là vô hạn ! Phạt vợ đánh vợ giết vợ thảy đều được tùy ý cả.

Con gái từ 12 tuổi trở lên thì đã gả chồng rồi, tuy rằng có của hồi-môn mà cũng như không vì hễ rủi mà góa chồng rồi bao nhiêu của riêng đều mất.

Phong-tục và pháp-luật nước Hi-lạp đối với đàn bà có phần ưu-đãi hơn, song cũng ở trong cái phạm-vi « sản dục » mà thôi, đời ấy họ ví người đàn bà rằng : yếu-đuối ngu-xuẩn dại-dột.

Xét lại buổi ấy họ nuôi nhiều nô-lệ để làm công việc, đàn bà cũng làm nhiều việc giúp chồng con và rất có tài về dưỡng coi sóc của cải, cho nên gia-đình họ được thịnh-vượng, vì nhờ phần nhiều cái đức-tính cần-kiệm và đảm-đang của đàn bà, đàn ông tuy thông-minh dũng-cảm nhưng lắm khi chịu quyền vợ mà không biết, còn cái hạng đàn ông làm biếng và ăn chơi lại hay lấn áp và khinh vợ.

Nước La-mã buổi ấy nhờ có phần nhiều đàn bà có đức-hạnh giúp việc gia-đình, cho nên nước La-mã đã được một thời cường-thịnh lẫy-lừng, nhưng đàn-bà cũng không thay đổi và có quyền-lợi gì.

Đời vua Auguste nhờ có hoàng-hậu Livie sửa đổi làm cho đàn bà có chút nhân-cách là : thi-hành đạo luật cấm đàn ông không được tiêu xài của riêng (của hồi-môn) vợ. Nhưng đàn bà tuy có của mà vẫn vô-quyền vì không được tự-tiện tiêu xài.

Vua Marc-Aurèle tự biểu rằng : cho đàn bà được bình-đẳng là một điều chính-đáng và quan-hệ đến chính-thể quốc-gia, ngài liền giáng chỉ cho đàn bà được quyền lập chúc-thư, và con cái được thừa-tự mẹ trước nhất (năm 178 trước Thiên-chúa giáng-sinh) thực là một việc đại-cách-mệnh, nhưng sau cũng có phái phản-đối.

Về thời trung-cổ này đàn bà mới nhen-nhúm được một chút quyền-lợi, thì tiếp đến các phái về tôn-giáo, văn-học họ đều theo cái thuyết rằng đàn bà yếu-đuối, ngu-xuẩn, dại-dột, nên phải phục-tòng đàn ông.

Trong các tôn-giáo thì đạo Thiên-chúa cũng trọng cái đức công-bình lắm, cho nên buổi ấy cũng có lúc xướng lên cái thuyết « nam-nữ bình-đẳng », song le ở xứ Nhật-nhĩ-man (*Germanie*) và đất *Gaule* khi ấy hãy còn dã-man và phong-tục suy-đồi quá, cho nên không có thể thi-hành, sau rồi lần lần lại theo cái thuyết cũ của dân *Latin* mà bó-buộc đàn bà.

Cách mấy trăm năm sau phái cải-lương-giáo cũng theo cái thuyết cũ, mà chính ông Luther cũng nói rằng : « Con trai nên cho học nhiều, còn con gái nên cho học sơ-sơ đủ biết đọc biết viết mà thôi, còn thì giờ để làm công việc trong nhà là đủ ». Còn nhiều điều làm tổn-hại nhân-cách đàn bà không thể kể xiết.

Kịp đến thời cận-đại tri-thức đã mở-mang, tư-tưởng cũng khai-hóa rồi,

mà đối với đàn bà nhân-cách cũng không tôn-quí là mấy. Kể các bậc danh-nhân như : VOLTAIRE ROUSSEAU tuy họ không phản-đối nữ-quyền cho lắm, nhưng cái lượng công-bình có phần kém, mà cái đức ích-kỷ kia cũng không thua chi ai ai vậy.

Vua Nã-phá-luân (NAPOLÉON) nói rằng: « Đàn bà là của riêng đàn ông, vì chẳng khác chi cây có trái là lợi riêng của chủ vườn ! »

Vua SALOMON có đến 1500 vợ đến nỗi ngài phải than rằng: « Cái chết có lẽ còn sướng hơn bọn đàn bà ! »

Đức Khổng-tử cũng phê-bình rằng: « Đàn bà với tiểu-nhân là khó xử ! »

Tôn-giáo tuy có cấm tục đa-thê, nhưng gặp lúc phong-hóa suy-đồi, đàn ông công-nhiên nuôi nhân-tình làm cảnh, cho đến sự ly-hôn cũng tự đàn ông có độc-quyền, mãi đến nay mới có chỗ sửa đổi.

Dân Do-thái người cha có quyền đặc-biệt, vì người cha có quyền đem hi-sinh con gái để tạ thần, cái quyền gả bán cũng tự người cha, còn người chồng phải đem của ra mua lấy vợ, mà của ấy dùng làm của hồi-môn.

Nước Hi-lạp (*Grèce*) trước kia cũng qua một thời-kỳ mẫu-quyền, nhưng sau trận lụt đại-hồng-thủy rồi họ vin cớ tạ tội với thần NEPTUNE, họ bèn bắt đàn bà mất quyền hành-chính và cấm trẻ con không được theo họ mẹ nữa. Luật này do nhà luật-học là ông CRECROPS đặt ra (từ năm 1582 trước Thiên chúa giáng-sinh). Ông CRECROPS thật đáng suy tôn là ông tổ phản-đối nữ-quyền. Vì luật này sinh ra hai cái kết-quả quan-hệ lắm. 1° Kết-quả về mặt hình-thức thì con cái là của người chồng sinh ra, còn người vợ chỉ là kẻ giữ con hay là vú sữa mà thôi. 2° Về mặt pháp-luật thì con trai giành hết phần gia-sản, người mẹ cũng không phần gia-sản của con trai nữa. Nếu không có con trai mà sinh con gái thì người trong họ nhà chồng như chú bác anh em họ trai được thừa-hưởng hết gia-tài. Còn người đàn bà chỉ nhất-luật theo chồng mà không được chút quyền-lợi gì.

Cái luật-lệ của ông CRECROPS nó lưu-truyền mãi mãi từ Á sang Âu, đến ngày nay đàn bà thật đã mất hết nhân-cách và quyền-lợi.

Nghiên-cứu qua về lịch-sử đàn bà đời xưa, nay thử đem so-sánh hai bên Âu Á, mà nhất là nước Trung-hoa với nước Việt-Nam ta, thì thấy rõ-ràng nhân-cách và thân-thế hai bên có khác chi nhau ? Cùng chung một cảnh-ngộ, cùng chịu ảnh-hưởng một pháp-luật, cùng thiếp-phục ở dưới quyền chuyên-chế của bọn đàn ông độc-đoán. Lắm khi vì một sự đắc-ý của bậc quyền-quí như vua quan, hay là một sự ngẫu-nhiên xảy đến thì cũng có thể làm cho bọn phụ-nữ mắc vào vòng giàng buộc về tinh-thần và vật-chất.

Suy như nước Thổ-nhĩ-kỳ có cái lệ đàn bà con gái đi ra ngoài phải có khăn mỏng che mặt. Nguyên do sự che mặt ấy bởi một cớ nhỏ mọn vì lòng thiên-tư của giáo-chủ đạo Hồi-hồi là MAHOMET khi còn sanh-tiền có thương yêu một nàng con gái có nhan sắc tên là MILIANA. Song rủi thay một đêm nàng MILIANA bị con muỗi độc cắn nhằm mặt hóa ra xấu xa, nàng ấy buồn rầu ngày đêm than khóc, chẳng dám lại gần các chị em bạn bè, vì sợ họ thấy mặt xấu mà chê cười. MAHOMET thấy nàng thế động lòng thương và muốn chiều lòng nàng, bèn hạ lệnh bắt hết thảy đàn bà con gái nước ấy phải lấy mạng che mặt đi cả, vì làm như thế cốt để mượn cớ làm cho không ai trông thấy mặt nàng MILIANA, cho nàng khỏi hổ người, vì thế mà đàn bà Thổ-nhĩ-kỳ thành cái tục che mặt, hiện nay đàn bà nước ấy mới bỏ đi rồi.

Còn nước Trung-hoa cũng có cái tục đàn bà bó chân, cũng vì một sự ngẫu-nhiên sở-thích của một ông vua mà gây thành cái nạn cho phụ-nữ Trung-hoa. Nhân ở đời nhà Nguyên có một vị Hoàng-đế một bữa dạo chơi bắt được một chiếc giầy thêu nhỏ xiếu trông rất xinh, Hoàng-đế bèn hạ lệnh cho đàn bà con gái trong nước hễ ai xỏ chân vừa chiếc giầy đó thì phong làm Hoàng-hậu. Sau có một người con gái chân rất bé mang vừa chiếc giầy đó. Vua bèn y ước phong làm Hoàng-hậu, vinh-hiển lạ thường, làm cho người thời ấy thấy vậy cho rằng đàn bà chân nhỏ thì sang trọng, rồi đó họ bèn hết sức tìm cách bó buộc làm cho chân người con gái nhỏ lại để cầu chồng sang, vì thế lâu thành-tập-tục di-truyền và làm cho đàn bà con gái Trung-hoa vì cái nạn bó chân đã hầu thành ra người phế-tật, và làm cho thân-thể yếu mất tư-cách tự-nhiên. (Tục bó chân đàn bà Trung-hoa hiện nay cũng đã bài trừ đi rồi).

Đời trung-cổ các nước Âu-châu như Hi-lạp và La-mã, con gái nhà quyền-quí phải đeo một sợi dây xích bằng vàng hoặc bằng bạc để xích hai cườm chân lại gần nhau, chỉ để vừa cho người con gái đủ lết đi từng bước một chầm chậm cho đến khi có chồng rồi mới tháo dây xích ấy ra. Xem đó thì biết nước nào cũng thế, dân-tộc nào cũng vậy, phần nhiều về cái tính « ghen » khốc-hại của bọn đàn ông mà làm cho đàn bà mất cả nhân-phẩm.

Ta có thể phán-đoán rằng: tất cả đàn bà trong thế-giới này từ thượng-cổ cho đến thời-đại hiện-kim, đều chịu cái nhục bất-bình-đẳng về mọi phương-diện, vì đàn bà bao giờ cũng chịu một cái lệ-luật riêng của gia-đình xã-hội, tôn-giáo và pháp-luật nó ức-chế! Thật là: «Vạn cổ vị thành-nhân: bất cứ là hạng nào, từ bà công-chúa ở nơi gác tía lầu son, cho đến người đàn bà thôn-quê lều cỏ nhà tranh, đều bị mất quyền-hành một cách tự-nhiên, bị áp-bách một cách vô-hình, đã mấy mươi thế-kỷ cho đến ngày nay chưa chắc đã giác-ngộ và giải-thoát cho đặng.

Ngày nay các dân-tộc văn-minh từ Âu sang Á, nhưng nói thực thì nhân-cách đàn bà chưa chắc đã hoàn-toàn.

Ngày nay nhờ được cái tư-tưởng tự-do bình-đẳng nó làm chuyển-động đánh thức lòng người, cho nên đàn bà mới được đôi chút hân-hạnh dự vào một hai việc xã-hội, nhưng cũng chưa đủ tư-cách mà đảm-đang cho xứng-đáng! Về tinh-thần và vật-chất thì nhân-cách hai bên vẫn chưa được bình-đẳng, và còn phân-biệt tôn-ti khác nhau. Sự phân-biệt này một là: vì phong-tục tập-quán di-truyền, hai là vì cái lẽ ưu-thắng liệt-bại đã hiếp-chế nhau từ buổi sơ-khai. Đàn bà vì nghĩa-vụ sinh-sản mà biến cải thiên-tính, thành-thử đời người đàn bà hầu hết chỉ quanh-quẩn trong chốn buồng the thờ chồng nuôi con, lại thêm cái luân-lý giáo-dục nó nhồi sọ đàn bà những lý-thuyết tam-tòng, những việc bếp-nước làm cho đàn bà con gái cứ yên trí rằng nam ngoại nữ nội mà không dám dự biết đến các việc bên ngoài. Thành-thử ra bao nhiêu cái địa-vị cao-sang, cái quyền-lợi chân-chính chỉ dành riêng cho bọn đàn ông nghiễm-nhiên tọa-hưởng mà khinh-thị đàn bà.

Nói thế ắt có người cãi rằng điều ấy thực thì tại đàn bà kém tư-cách, và kiến-thức hẹp hòi không đủ lý-luận một việc gì, v. v.... Vâng, về tư-cách đàn bà phần nhiều cũng thực có vậy, nhưng sự bèn kém ấy ta chớ trách tại đàn bà, mà thiết-tưởng xã-hội và gia-đình nên tìm cho ra cái căn-nguyên sự bèn kém ấy mà trừ bỏ nó đi, và mở-mang cho đàn bà được đủ tư-cách mà

hưởng phúc tự-do bình-đẳng một cách chân-chính và hoàn-toàn.

Xét ra đàn bà ít trí-thức, mà nhất là đàn bà Việt-Nam ta phần nhiều vì không có học hay là học ít không đủ hiểu thông nghĩa-lý gì, cho nên kiến-thức hẹp-hòi không đủ bình-luận được sự-vật. Còn như đàn bà thường yếu-đuối vì cái đức u-nhàn trinh-tĩnh, không có hoạt-động, không có thể-thao, từ bé đến lớn cứ cấm-cung trong chốn buồng sâu gác kín, vì như cái cây để trong bóng rợp, không có ánh nắng mặt trời nhiều cho nên cây ấy phải xanh-xao ẻo-lả. Con người mà thiếu khí trời trong sạch thì phải xanh-xao yếu-đuối như cái cây trong rợp có khác gì?

Nói về đức-tính thì đàn bà gồm có nhiều đức-tính tốt, như là: nhân-từ, bác-ái, cần-kiệm, nhẫn-nại, song cũng có phần nhút-nhát nhu-nhược, thiếu cái tính quả-quyết và cương-trực, sự khuyết-điểm đó chưa chắc đã là thiên-tính chi sử-nhiên đâu! Mà có lẽ vì cái giáo-dục gia-đình nó rèn đúc uốn nắn mà nên vậy. Suy như người con gái từ thuở lọt lòng cha mẹ đã dạy bảo cho con cái đức-tính phục-tòng, cái tư-cách ỷ-lại, bao nhiêu cái khí-phách tự-nhiên đều tiêu-ma biến-cải, chỉ còn thuần một nết nhu-nhược yếu-hèn, rồi suốt đời cứ quanh-quanh quẩn-quẩn ở nhà với cha mẹ chị em, nếu làm sự gì mà phải đi ra ngoài, hay là giao-thiệp với ai thì lúng-túng bỡ-ngỡ như đứa ngu-si, mà tư-cách xã-giao thật là vụng-về hết sức. Phương-ngôn rằng: «Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài», thiên-tính của đàn bà đã không được tự-do phát-siển, vì sự giáo-dục sai lầm, vì hoàn-cảnh bó buộc làm cho biến đổi đi nhiều, chứ suy ra thì đàn-bà cũng có đủ «mắt tinh, óc sáng» cũng có ngôn-ngữ cử-chỉ-bặt-thiệp như đàn ông, nào có kém chi?

Nói rằng nhân-cách đàn bà kém đàn ông vì những tài-năng và sự-nghiệp, vậy ta thử xem trong lịch-sử thì thấy biết bao là bậc anh-thư, những trang hào-kiệt, tài cao trí cả, đào-tạo hạnh-phúc cho quốc-gia, cho xã-hội, mà công-danh sự-nghiệp nam-nhi hồ dễ sánh bằng?...

Thời nay thế-giới đã tiến-bộ, khoa-học đã phát-đạt, nào tầu bay tầu lặn, xe hỏa xe điện, giây thép giây nói, lưu-thông hằng ngày, ta trông thấy trước mắt, những việc đàn ông làm thì đàn bà cũng làm được cả, còn những khoa-học, y-học, không có điều gì khó-khăn mà đàn bà không học nổi, nào là bay qua Đại-tây-dương, nào là mạo-hiểm, đàn bà cũng thường chiếm giải quán-quân. Đến như văn-học, luật-học, đàn bà cũng đỗ tiến-sĩ, cũng làm quan tòa; việc chăn dân trị nước đàn bà có người cũng làm đến thượng-thư và nghị-trưởng. Tóm lại đàn bà cũng biết yêu nước yêu nhà, cũng biết tranh danh đoạt lợi, so ra tài-năng trí-thức đàn bà đời nay có thua chi đàn ông? Nếu ai nhất quyết cho rằng đàn bà yếu đuối và ngu xuẩn thì lầm lắm đó.

Hiện nay đàn bà trên thế-giới họ đương ra sức đòi quyền bình-đẳng về mọi phương-diện.

Đó là đàn-bà trong thế-giới, còn như đàn-bà nước ta đã có quyền-lợi và tư-cách gì chưa?

Xin thưa thực rằng chưa?

Có phải vì đàn-bà ta hèn kém và ngu-xuẩn không biết có địa-vị và quyền-lợi hay sao?

Thưa rằng: Đàn-bà ta chưa đến nỗi hèn kém ngu-xuẩn cả đâu! Sở-dĩ chưa tiến-bộ được vì thiếu tư-cách, và hai cái trở-lực lớn làm ngăn trở là gia-đình và xã-hội.

Đàn bà nước ta từ khi nhờ được ánh sáng văn-minh của nước Pháp đem sang khai-hóa và mở-mang nền nữ-học, và bọn phụ-nữ ta hấp-thụ được cái tư-tưởng tự-do bình-đẳng, và muốn

cải-tạo cho phụ-nữ lắm, ngặt vì hai cái trở-lực gia-đình và xã-hội cứ bo-bo theo lối thủ-cựu, mà đã không tài-bồi chấn-chỉnh cho đủ tư-cách, mà lại muốn đánh đổ phá tan những sự cải-cách mới, để giữ lấy nền-nếp cũ, và bảo-tồn lấy quốc-túy xưa. Không kể những việc quốc-gia đại-sự, hay là quyền-lợi lớn lao gì, suy như những việc cải-cách nhỏ-nhặt, thuộc về vệ-sinh và thể-thao, như tập-luyện cho thân-thể khỏe mạnh, và đi xe-đạp cho tiện-lợi sự đi lại, thì thiên-hạ đã xúm lại mà phê-bình rằng : « Mất nết mất bạnh ». Đến như các điều tiểu-tiết về vật-chất mà muốn sửa đổi một hai việc như là : để răng trắng, cúp tóc ngắn, thì đã có lắm kẻ chê rằng : « quái »; về phục-sức mà có sửa đổi cách ăn-mặc một chút, thì có người lên mặt đạo-đức mà bô lớn lên rằng : Xa-xỉ xa-xỉ !...

Còn như việc nam-nữ giao-du hay là hiệp-tác công-việc gì, (trừ ra những hạng đàn-ông lợi-dụng, và đàn-bà trả hình thì không kể), ngoài hai hạng ấy thiết-tưởng sự nam-nữ kết-giao là một sự rất cao-thượng và rất hữu-ích, thế mà đời người mấy kẻ biết phân-biệt vàng thau đen trắng, hễ thấy hai bên nam-nữ gần nhau thì đã vội chỉ-nghị nọ kia, làm cho người sợ tiếng thị-phi mà e-lệ.

Những lý-thuyết mới tự-do bình-đẳng hễ ai có bé môi nói đến chữ « quyền » thì họ đã vội phán-đoán ngay là « đòi quyền ăn hiếp chồng », thậm-chí đem những việc dầu đường xó chợ mà so-sánh mai-mỉa đó là tự-do, là bình-quyền. Chao ôi ! Kể không xiết được những điều thị-phi vô-lý nó đã làm cho bọn phụ-nữ mới nhen-nhúm ngấp-ngoải kia không dám vượt qua mà cải-tạo một chút gì cả. Vả sự khuyết-điểm này là cái bệnh chung của xã-hội, và không phải là sự ươn-hèn nhu-nhược riêng của phụ-nữ.

Trong xã-hội ta hiện nay cũng có thể chia ra làm hai phái : 1° Duy-tân, 2° Thủ-cựu, mà hai phái tương-phản nhau.

Phái duy-tân thì muốn cho bọn phụ-nữ có nhân-cách hoàn-toàn, có trí-thức đầy đủ để tự-trị lấy tài-sản, dạy dỗ lấy con cái, hiệp-tác với xã-hội, làm việc gì cũng đủ tư-cách tự-lập để mà tạo-phúc cho gia-đình, và xã-hội.

Phái thủ-cựu thì muốn để nguyên như cũ và coi đàn bà như một thứ đồ ngoạn-bảo, mà có hơn đi nữa thì cũng để giúp việc gia-đình nói-trở mà thôi, tuy rằng : bề ngoài cách cư-xử coi ra vẻ ưu-đãi, nhưng kỳ-thực thì bề trong không khỏi tính-cách nô-lệ vậy. Còn trong bọn đàn bà phần nhiều cũng cam-tâm đành thân-phận thế gặp sao hay vậy. Nhân-cách với bình-đẳng thì ích gì ! Phái này thật đã làm ngăn-trở sự tiến-hóa của xã-hội.

Ấy hai phái tân, cựu không đồng-ý mà thành ra xung-đột nhau. Nhưng về phần phụ-nữ, ta quyết phải chấn-chỉnh cho cái « nhân-cách » mỗi ngày một hơn mới được.

Muốn cải-tạo cho phụ-nữ được tăng-tiến nhân-cách, thiết-tưởng ta nên theo cái thuyết thứ hai đó, trong từ gia-đình ngoài đến xã-hội, phải bài-trừ đánh đổ những phong-tục và tập-quán cũ đã sai lầm từ xưa, là đàn ông chớ coi đàn bà như của vưu-vật, xã-hội pháp-luật chớ đãi như hạng vị-thành-nhân, vì cái thuyết ấy nó đã làm cho một nửa loài người là đàn bà hóa ra ti-tiện và hèn-yếu đã mấy mươi đời nay.

Ông MANON là danh-nhân Pháp có nói rằng : « Người mẹ quí hơn người cha vạn phần, vì mẹ ấy chính là cái hồn của nhân-loại đó ».

Than ôi ! Cái hồn của nhân-loại như phụ-nữ ta nghĩ thật khiếm-khuyết cả mọi điều, xã-hội ta có nên bỏ qua mà không lo tài-bồi cho có đủ tư-cách hoàn-toàn và xứng-đáng cái thiên-chức ấy hay sao ?...

HUỲNH-THỊ BẢO-HÒA

TẬP CẢI-LƯƠNG KỶ-NIỆM

của làng Thượng-cát

Xã-hội này là xã-hội cũ, thời-đại này là thời-đại mới. Cũ cũng nhiều điều hay, nhưng mà để lâu ngày quá cũ thì cũng không khỏi có điều trần-hủ. Mới cũng nhiều điều dở, nhưng mà biết tùy-thời đổi mới thì cũng được nhiều việc canh-tân. Thế thì cũ với mới phải điều-hòa cho thích-nghi thì mới gọi là cải lương. Phong-tục trong xã-hội ta đương buổi thời-đại này, ai cũng biết là cần phải cải-lương, đổi cũ thay mới thế nào cho hợp-thời mới được.

Ông Cát-thành Trần-Thúy là chánh-hội làng Thượng-cát đã hay lưu-tâm về việc xã-hội, mà lại hay biết tùy theo thời-đại, chấn-chỉnh những việc hương-chính hương-tục ở trong chốn tang-tử, đem lòng nhiệt-thành ra mà thực-hành những việc cải-lương, khiến cho bớt những cái tệ cường-hào xâm-đoạt, ẩm-thực nặng-nề, mà cử-hành những việc công-ích công-lợi trong chốn hương-thôn, kể đã ngoại mười năm nay, xem ra đã có thành-hiệu nhiều lắm.

Nay ông đem những điều từng-trải của ông mà viết ra tập cải-lương này, nào là lập ra nhà hộ-sinh, vườn ấu-trĩ, trường công-nghệ, nhà học-đường, cùng là những điều-lệ khoán-ước đủ cả.

Ông lại chú-ý về việc cải-lương có bốn điều thiết-yếu : Một là đức-tính, hai là trí khôn, ba là tài-chính, bốn là quan-quyền, xem thế thì biết việc cải-lương là cần phải có người có đức tốt, có trí khôn, mà lại cần phải có tài-chính có quan-quyền nữa mới làm thành được. Nay ông Trần đã hay làm được việc cải-lương có thành-hiệu, thì tức là một người có công trong xã-hội này, mà là một người tốt trong thời-đại này. Tập cải-lương kỷ-niệm này chẳng những làm gương tốt cho những người kỳ-mục trong làng ông coi đó mà giữ-gìn lấy cái công-nghiệp cải-lương của ông đã làm thành ra, lại là một bài học cải-lương có kinh-nghiệm để cho những người có chức trách cải-lương trong các làng đều theo đó mà sửa sang lấy phong-tục trong xã-hội về thời-đại này vậy.

N. P.

TỰA

Việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ ta ai cũng biết là một việc rất cần, vì hương-chính có cải-lương thì mới bớt được cái tệ hào-cường xâm-đoạt, ẩm-thực nặng-nề, mà những việc công-ích công-lợi trong hương-thôn mới lần lượt cử-hành được. Song nói cải-lương thì dễ mà làm cải-lương thì khó ; muốn làm cải-lương cho thật có thành-hiệu, cốt nhất là phải có người.

Ông Cát-thành Trần Thúy, chánh-hương-hội làng Thượng-cát là một người có học-vấn, có kiến-thức, xét biết cái cơ giàu thịnh trong một nước là dựng lên ở cái nền móng giàu thịnh trong từng làng, quyết chí ra tay đem một tấm nhiệt-thành ái-chủng ái-quần mà thực-hành ra ở nơi tang-tử ; trong khoảng hơn mười năm bào gan vắt óc, mà chỉnh-đốn chính-trị, nào sửa sang phong-tục, nào trù-liệu mọi việc công-ích công-lợi trong làng, trải bao nhiêu nỗi ngăn-trở khó-khăn mà làm được trót lọt hẳn hoi, khiến cho một dải đất bãi cũ Quân-thần trở lên một nơi lạc-nghiệp an-cư, có cái cảnh-tượng thái-bình Hoài-Cát.

Nay ông đem những điều từng-trải của ông trong việc cải-lương hương-chính đó chép ra tập kỷ-niệm này, chẳng những là để một cái gương tốt cho người nối ông sau này noi đó mà đừng làm hư-hỏng mất cái công-nghiệp đã thành, mà cũng là một bài học kinh-nghiệm rất hay cho những bậc đàn anh đàn chị các làng có cái chức-trách cải-lương hương-chính vậy.

Hà-nội ngày 1 tháng 6 năm qui-dậu

Phú-hà Tuyết-huy DƯƠNG BÁ-TRẠC kính tựa

. . .

Nước ta dựng nước hơn bốn nghìn năm. Trong khoảng hơn một nghìn năm thuộc về đời vua Hùng-vương, dân còn thuần-phác, người làm nghề chài lưới thời ở bãi bể, hoặc làm nghề săn bắn thời ở sườn núi, dân ở chùm ở dúm với nhau không có chế-độ gì.

Tự nhà Lý, nhà Trần trở lại, mới phân dân xã, có xã-trưởng chuyên giữ việc thu thuế-khóa, triệu binh lính cho nhà-nước.

Mỗi dân có một cái đình để thờ một vị Thần-hoàng, lịch-triều đều có sắc phong bách-thần. Như là nhờ cái dư-linh qui-thần để giữ lấy cái dây liên-lạc đoàn-thể.

Dân xã là một số nhiều người, hoặc từ năm bảy mươi người cho đến hơn nghìn người, quần-tụ với nhau, giao-tiếp với nhau, sinh ra tranh-giành nhau, hà-hiếp nhau, vì thế cho nên phải có chính-trị,

Hai là vì tục-thượng qui-thần mới sinh bày ra việc tế lễ, ăn uống nặng-nề, mượn lễ-tục làm lệ ngạch trói-buộc, nhiều nơi có những tục-lệ hủ-bại không thể xiết kể.

Giản-hoặc một vài làng có những ông quan lão-thành danh-vọng về hưu, hay là có những ông cử, tú, tại quán chấp-chính cho dân thì còn khá.

Hay là làng nào có những nhà thế-hào, lâu đời đã đắc dân-tình đối với dân cũng còn khá.

Còn những người kỳ-hào khác thì thường giả việc công làm đường kiếm ăn, mượn lệ dân làm mối phi-kỷ, nào là : ngả vạ, bắt khoán, nào là : truất ngôi, trừ phần, làm cho người ta há miệng mắc quai, cất đầu không nổi, quanh năm đầu tắt mặt tối, chạy ngược chạy xuôi chỉ lo về việc hương-ẩm mà không rồi, còn biết gì là công-ích, còn lấy gì mà làm việc công-ích.

Để cho quán đồ, đình xiêu, đường đi ngập lội cũng cứ bỏ quá làm thinh, gặp sao chịu vậy. Nếu có sửa sang việc gì lại chỉ muốn xé mấm mút tay, ăn vụng chùi miệng, rồi sinh ra kiện cáo lẫn nhau, đến lúc quan xét hỏi thời sổ sách như là quyển giấy loại chữa xóa lèm-nhèm, không lấy gì làm bằng-cớ, quan cũng không biết đâu mà phân-xử, chỉ tốn tiền cơm, tiền xe, tiền giấy bút mà thôi.

Ấy dân ngu vì cớ thế, dân nghèo cũng vì cớ thế, còn biết bao giờ mở mặt với người ta được.

Tuy rằng tục-lệ của dân, nhà-nước không can-thiệp đến, nhưng các quan cai-trị trong một tỉnh có cái chức-trách dạy dân, nuôi dân mà không nghĩ đến dân hay sao ?

Cụ Thiếu Hoàng Trọng-Phu là một vị thế-thần sớm thông tây-học, cụ đã có Thi-Thư gia-giáo lam bản-lĩnh, cụ lại hấp-thụ được tinh-ba văn-minh của nước ngoài.

Cụ tài cán-tế chu-toàn đủ lấy giao-thiệp với Bảo-hộ chính-phủ, cái đức lão thành trọng-vọng đủ lấy làm tiêu-biểu cho tỉnh phủ quan-liêu.

Đối với dân, cụ lại hiểu thấu tình-trạng chốn thôn quê, cụ đã suy xét

được cái nguyên-nhân nước nghèo, nước yếu là bởi dân ngu dân dại, cho nên cụ về Tổng-đốc Hà-đông, cụ đã hăm hở có ý cải-lương cho các làng. Thanh-oai, Thanh-trì thì cải-lương cho Thanh-liệt, Phương-trung, Đan-phượng thì cải-lương cho Dương liễu, Đắc-sở, Hoài-đức thì cải-lương cho Xuân-tảo, Đông-ngạc.

Đại-ý cải-lương là tỉnh-giảm tục-lệ để mưu những việc công-ích, nhưng cụ mới thí-nghiệm mấy làng, qui-chế chưa được hoàn-bị. Đến năm 1921 cụ mới thương-thuyết với quan Thống-sứ làm ra nghị-định hội-đồng tộc-biểu có biên-bản, có sổ chi-thu, có phòng các quan kiểm-duyệt, có tràng thư-ký học-tập, đem những cách địa-phương tự-trị mà dìu-dắt cho khắp chốn thôn-quê.

Tỉnh Hà-đông thực là cờ tiên-phong cho toàn-hạt Bắc-kỳ.

Tôi lúc bé theo nho-học, sau buôn bán ở Hà-thành, gặp lúc phong-trào duy-tân, có ý tỉnh-ngộ, tôi có làm bài hát « Yêu làng ». Năm 1912 đã in vào quyển « Đàn hát mới » xin chép sau đây :

Trong vụ-trụ cũng là phận-sự,
Dù dở hay cũng dự đến ta ;
Huống chi trong một làng nhà,
Anh em chú bác lại là tinh-thân.
Kể từ lúc có dân có xã,
Nghìn trăm năm gây mở ra đây ;
Cùng chung đất nước xum vầy,
Chúng ta sinh-trưởng chốn này mà ra.
Chốn hương đảng thật là gốc rễ,
Làm trai làng phải nghĩ lấy làng ;
Sao cho dân-tục cải-lương,
Nước nhà mới được phú-cường có khi.
Sao cho được dân kia no ấm,
Không ai là cướp trộm gian-phi ;
Sao cho có nghiệp có nghề,
Có trường học tập mọi bề tinh-thông.
Sao cho kẻ khốn cùng già yếu,
Có nhà thương cơm cháo thuốc thang ;
Sao cho có Dục-anh-đường,
Thầy bà vú bõ sẵn sàng nâng niu.
Sao cho có lầu cao chứa sách,
Để cùng xem làm ích lợi chung ;
Sao cho lợi đủ dân dùng,
Có xe cứu-hỏa có rồng làm mưa.
Công-ích ấy những mơ mơ tưởng,
Tưởng bao giờ được hưởng phúc chung ;
Trước là ta phải kiệm dùng,
Của công ta lại chế công thiếu gì.
Nào điền thổ của kia đâu tá ?
Nào mua nhiều bán xã những gì ?
Cưới cheo khao vọng tăng-nghi,
Tiệc kia lệ nọ chiết đi lấy tiền.
Một năm mấy trăm nguyên chắc được.
Tìm bán buôn làm chước sinh-nhai ;
Đem làm ích-lợi cho người,
Dắt nhau lên chốn vũ-đài ta chơi.
Một làng hoặc mấy nơi cũng thế,
Khắp trời Nam như thể một nhà.
Lợi người mà thực lợi ta,
Trước là dân thịnh sau là nước hay.

Ấy tôi có chí cải-lương đã phát-hiện ra ca ngâm từ đấy.

Tháng chạp năm 1920 quan trợ phủ Hoài là ông Nguyễn Văn-Quỳ bầu tôi làm Chánh hương-hội.

Tháng giêng năm 1921 tôi họp hội-đồng làm hương-ước, một tháng thì xong, đệ lên tỉnh các quan kiểm duyệt rồi giao về phủ Hoài tôi.

Ngày 28 tháng hai năm ấy dân chúng tôi đem cờ kiệu ra phủ rước hương-ước về đình làm lễ khánh thành, cụ Thiếu Hoàng nói với quan Sứ Đờ-la-ma về dự lễ.

Quan Sứ hiểu bảo bằng tiếng ta đại-ý ngài diễn-dụ về sự cải-lương tiện lợi.

Cụ Thiếu lại bảo ban những công việc các người trị-sự và cách-thức làm sổ sách, xong rồi các quan về tỉnh.

Tôi mời quan phủ Hoài là ông Vũ Huy-Trực, quan trợ-tá là ông Nguyễn Văn-Quỳ và thân-hào trong làng-tổng về nhà tôi dự tiệc.

Có cho ả đào hát bài sau này :

Mừng cho dân-tục cải-lương,
Rủ nhau cùng bước lên đường văn-minh.
Quan dân vui chúc chén quỳnh,
Ngoài bề lễ cách trong tình vui chung.
Di-phong dịch-tục,
Việc một làng há một chốc làm xong ;
Hợp trẻ già trên dưới một lòng,
Cử đại-biểu để mưu chung ích-lợi.

Nghị-luận làm-thời tham chúng-kiến,
Chi thu thuộc quĩ ủng công-quyền ;

Đem nhiệt-thành ra cán-tế chu tuyền,
Bỏ thói xấu để khiên-diên chi nữa.
Chỉnh-đốn nhất-phiên tân chế-độ ;
Cũng nghi-kim mà hợp-cổ lại càng
Tân-dân xin nhớ từ đây ! [hay,

Ông Ấm con quan Đốc Đông-phủ Nguyễn Sĩ-Đàm mừng bài hát sau này :

Hát mưỡu

Tự-do ai rắc nên hoa,
Dân-quyền ai bảo cho ta tỏ-tường.
Mừng nay gặp hội cải-lương,
Cùng nhau dắt-díu lên đường văn-minh.

Hát nói

Nay gặp buổi duy-tân mở lối,
Cải-lương cho xã-hội được văn-minh;
Mừng dân ta bảo-cử công-bình,
Thực xứng-đáng học-hành kinh-tế ;

Cát-địa cát-nhân đa cát-sĩ,
Thành-tài thành-đức hựu thành danh;

Dải đồng-tâm ghi lấy chữ văn-minh,
Cùng tô-điểm bức tranh nhân-vật tốt.
Câu ca mới hát hay đàn ngọt,
Gió xuân đưa như rót vào tai ;
Dắt nhau lên chốn vũ-đài !

Năm 1922 làm trường công-nghệ, chúng tôi nghĩ rằng dân tôi đinh-số hơn 600 người, tất cả nam phụ lão ấu đến 2000 người, mà điền chỉ có 280 mẫu, bãi hơn 100 mẫu.

Trước kia có nghề nấu rượu thời dân phong-phú, bây giờ thời không, dân phải làm thuê gánh mướn kiếm ăn, lần hồi thực là vất-vả. Lời tục nói rằng : « Có ruộng bề bề không bằng có nghề chuyên tay ».

Chúng tôi kêu với cụ Thiếu xin làm trường công-nghệ. Nguyên chúng tôi có cái văn-chỉ trước làm ở nền đình cũ, mỗi năm tư-văn chỉ tế hai kỳ còn thì bỏ không. Nay hương-hội đem văn-chỉ ấy về làm ở bên đình, chữa cái quán ở đấy làm nhà đại-bái, giữa thờ thờ tiên-hiền, hai bên cùng hậu, ngoài thời làm trường công-nghệ. Kỳ-thủy đón người dạy làm đăng-tên, ngoài cột trụ có câu đối rằng :

Tốt đất vun giồng cây lắm quả,
Sẵn nền tô điểm gấm thêu hoa

聖門教民。依於仁游於藝。
Thánh môn giáo dân, y ư nhân du ư nghệ;
王政制產。藏其市出其途。
Vương chính chế sản, tàng kỳ thị xuất kỳ đồ.
上下一於和。由路入門。
無黨無偏無反側。
Thượng hạ nhất ư hòa, do lộ nhập môn, vô đảng vô thiên vô phản trắc;
葛懷民之質。服畸食德。
相保相助相扶持。
Cát Hoài dân chi chất, phục trù thực đức, tương bảo tương trợ tương phù trì.

Câu đối trường công-nghệ và văn-chỉ.

居肆以成其事。
Cư tứ dĩ thành kỳ sự;
教人各因其才。
Giáo nhân các nhân kỳ tài.
吾邑本多才。繼出科名。
近世紀有陳公三甲第。
Ngô ấp bản đa tài, kế xuất khoa-danh, cận thế-kỷ hữu Trần-công tam giáp đệ;
斯民皆直道。改良風俗。
鄉約成於啓定六年春。
Tư dân giai trực đạo, cải lương phong tục, hương ước thành ư Khải-định lục niên xuân.
古君臣洲勝跡。禮樂衣冠所萃。歷千餘年。

Cổ Quân-thần-châu thắng-tích, lễ nhạc y quan sở tụy, lịch thiên dư niên

今天下書同文。士農工賈專門。凡十六學。

Kim thiên-hạ thư đồng văn, sĩ nông công cổ chuyên môn, phàm thập lục học.

Năm 1923 chúng tôi có mời cụ Thiếu, quan Công-sứ về khánh-thành trường công-nghệ và cầm hướng trường học. Quan phủ Hoài-đức là ông Bùi Phát-Tường có thuật lại lời quan Công-sứ khen « *Bonne idée* » nghĩa là làm trường có ý khôn-khéo.

Ông Tú Nguyễn Đôn-Phục trước có bài kỷ-thuật ở trong báo *Nam-Phong* : « Tôi theo dải trường-đê, thung-dung tản-bộ mà đi. Hồn tôi bấy giờ hiện còn đương ngẩn-ngẩn ngơ-ngơ, chợt ngảnh lại thì đã thấy có ba chữ « *Hoài Cát dân* 懷葛民 » to-tát nghiêm-trang, mực đen vôi trắng, yết lên trên khung đại-môn liền ngang ở phía tả mặt đê. Xem ra cái khung đại-môn này, thế-thế và qui-mô, thì vẫn y-nhiên là chế cổ, mà nét đắp nét vẽ và có năm ba nét chữ thuộc về số hiệu, thì lại trang-điểm lấy mầu kim, coi ra thì đã có phần hợp vào với tâm-lý quốc-hồn, và đứng vào với chính-tắc cải-lương đó rồi. Quan-giả đến đây, mới là đệ-nhị-lộ nhập giai-cảnh, mà thực đã lấy làm xứng ý lắm thay. Nhân nghĩ đề một câu tiểu-liên rằng: «地是長洲分上下 *Địa-thị trường châu phân thượng hạ,* 民能善政合西東 *dân năng thiện chính hợp tây đông.*» để làm cái then-chốt cho sự kỷ-du này... »

«... Nhân lại xét về ba chữ *Hoài Cát-dân*. Một là nghĩa dân đời Vô-hoài, dân đời Cát-thiên, là nói dân ở về thời-đại thuần-cổ, được hưởng cái hạnh-phúc thăng-bình, và lại là ý muốn đem cái chủ-nghĩa hòa-bình đạo-đức, chiến-thắng cái chủ-nghĩa thế-lực cạnh-tranh, mà hiện nay dân Thượng-Cát này, lại ở về thuộc hạt phủ Hoài-đức, nghĩa ấy thời lại bất-dịch, và có ý tự-nhiên ; khen thay cái người nghĩ ra ba chữ « Hoài Cát dân » này, cũng đã tinh-khéo lắm thay !

« Chao ôi ! Phiến đất Quân-thần-châu có phải là phiến đất tầm-thường nhỏ-nhặt, khiến cho người kinh-qua lưu-lãm có thể dễ mà quên nhãng được đâu. Phiến đất Quân-thần-châu là một phiến đất trứ-danh ở trong lịch-sử nước Nam ta khi xưa, hiện nay dân Thượng-cát dân Hạ-cát hai dân phồn-tụ ở đó, lạc-nghiệp an-cư ở đó.

« Xét trong lịch-sử nước Nam ta về hồi đệ-nhất thế-kỷ, cách nay đã ngoài nghìn năm, khi ấy có họ Triệu họ Lý chia quyền xẻ đất phân-trị nước Nam ta. Họ Triệu thì định-đô ở Long-biên phủ (nay Hà-nội), họ Lý thì thác-túc ở Ô-diên-thành (nay Thượng-mỗ Hạ-mỗ) mà chỉ-hoạch phiến đất Quân-thần-châu này làm quốc-giới. Phiến đất Quân-thần-châu này về hồi ấy, thật là phiến đất có quan-hệ, cũng như phiến đất Hồng-câu ở trong lịch sử Chi-na về hồi Hán Sở chiến-tranh vậy....»

«... Đến tây giờ qua đến xứ Tràng-châu này thấy ngọn lau hiu-hắt, bãi cát mênh-mông, trông về phía Tây-bắc thì non xô núi chạy, rõ-ràng Tản-viên và Tam-đảo hai ngọn núi ngất trời ở kia ; trông về phía đông-nam thì đất chuyển trời quay, tưởng như là vịnh bể Nam-minh tiếp liền đâu đó, mà con sông Nhị-hà lai-láng rộng dài, vạch ngang ngay ở trước mặt, ngày ngày đêm đêm, nước chảy như ngựa chạy, như rồng cuốn, như voi xô, rõ thật là « *Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai* 黃河之水天上來, *bôn lưu đáo hải bất phục hồi* 奔流到海不復回», tưởng đến mầu kim tích, nghĩ đến cuộc hải-tang, buồn cho ai, yêu-mến cho ai, mà ngao-ngán cho ai đó nhỉ ?

« Tôi qua đây thích-dương về buổi tà-dương, trông thấy các sắc mây trắng đỏ, xanh vàng ánh xuống dưới nước, tưởng như là hiệu cờ Dạ-trạch lốt áo

Ô-diên còn tưng-bừng ở trước mắt. Lại thích-dương về mùa hạ-quí, giang thủy thịnh-trường nghe tiếng sóng tự Bạch-bạc Lao-kay dồn xuống, réo lên ầm-ầm, tưởng như là binh-đội Đâu-mâu, quân-thanh Long-trảo còn rộn-rịp ở bên tai.

« Huống chi, cạnh bãi này lại đối ngạn với đất Mê-linh (1) đồng cương-vực với đền Hiệu úy (2), lại khiến cho người ta cũng nhớ đến các vị long-xà, các vai lâu-phượng, đã từng vẻ-vang ở trên lục-địa, rực-rỡ ở trên vũ-đài, từ thủa người Nam ta mới ra đời, nước Nam ta chưa dựng nước vậy.

« Chao ôi ! Giang-sơn ấy, anh-hùng ấy, hào-kiệt ấy, trăm năm nghìn năm bao giờ đã mất, trăm năm nghìn năm ai nỡ dì quên.

« Qua khung đại-môn, xuống dốc đê, thẳng đường thần-lộ, rồi rẽ sang bên hữu, vào xem công-nghệ học-tràng.

« Tôi hãy còn nhớ mấy năm trước tôi từng có qua chơi đây, thì chốn này nguyên là có một tòa cổ-miếu để cúng tiên-nông, trước cửa miếu có một cái cổ-quán, trơ-vơ ở giữa phiến đất, thông-lộng và mốc rêu ; xung quanh cây cỏ mọc rườm-rà, vũng rãnh ê-trệ. Phàm đi da-lãm, thương-tâm gì bằng thương-tâm tòa cổ-miếu, ngại-mục gì bằng ngại-mục phiến đất hoang. . . . »

«...Cái trường công-nghệ này, là nhân cái miếu cũ mà tu-lý cho cao-đại lên, nhân cái quán cũ mà tu-bổ cho hoàn-toàn lại ; và nhân cái đất cũ mà phá cây, lại trồng cây cho sạch-sẽ, dẫy cỏ lại cấy cỏ cho khang trang. trung-cung vẫn là nơi kỷ-niệm tiên-hiền, tiền-thất và ngoại-đường thì sảng-nhiên là một sở chấn-hưng công-nghệ, xem ra có chiều sảng-khoát và vẫn có vẻ tôn-nghiêm, vì quí-hương đã xếp đặt được khéo-khôn, cho nên cái trường này thành-tựu được may-mắn vậy.

« Việc công-nghệ thì ủy cho một người siêng-năng tinh-mẫn quản lý về những sự kén người xếp việc và mọi khoản vật-liệu chi-dùng ; còn mọi người giáo-sư thì chuyên về sự dạy bảo học-trò cho tấn-tới mà thôi, tuy rằng nhất-sơ tiểu-thí, nhưng xem ra cũng có qui-tắc hẳn-hoi. Hiện nay mới có nghề thêu và nghề đan. Các ông hương-thân lại có nói chuyện với tôi rằng nay mai lại định khuếch-sung nghề thợ mộc, các nghề, vân vân.

« Ngạn-ngôn có câu rằng : « Rừng ruộng bề-bề, không bằng nghề trong tay ». Quí-hương bắt đầu cải-lương đã trước nhất tinh ngay về đường công-nghệ, thực là thiết-cận với sự-tình trong xã-hội lắm thay !... »

« Tôi có bài hát mừng sau này :

« Năm nhâm-tuất mùa hè tháng sáu,
Xe quan-phong dừng bánh cõi Quân thần.
Mầu cổ-kim bát-ngát cảnh xa gần,
Vẻ tân-cựu cũng đua chen phần giáo-hóa.

Địa thị Tràng-châu phân Thượng Hạ,
Dân năng thiện-chính hợp tây đông.

Tuy làng nho ra tổ-chức cuộc hội-đồng,
Mãn mắn nhỉ mới một năm mà báo-chính,
Trường công-nghệ đã nhất sơ tề-chỉnh,
Quán đồ-thư mong thứ đệ thực-hành.
Hiện đương tìm phương hướng văn-minh,
Dường giáo-dục sẽ phong hành lôi-lệ
Khó là thế, dễ là thế, thủ-đoạn làng nho là thế thế,
Tấm nhiệt-thành ai để khuyên ai.

(1) Đô bà Trưng, nay phủ Yên-lãng.
(2) Đền ông Lý. Ông-Trọng, nay làng Thụy-phương.

Ấy ai coi đó mà coi,
Nghìn năm bãi rộng sông dài như xưa;
Văn-minh tới cuộc bây giờ!»

Sau hàng thêu, hàng dăng-ten không bán được, cụ Thiếu lại cho thầy giáo họa, thầy giáo mộc về dạy. Thầy giáo họa mỗi tháng 15 đồng, thầy giáo mộc mỗi tháng 20 đồng, quan cấp lương cho một năm, quan lại cấp cho 1000 đồng để làm vốn trường công-nghệ. Quan lại cho làm những bàn ghế các trường trong tỉnh, đến năm 1929 thời học-trò hơi biết làm, tình-nguyện bãi thầy giáo.

Tiếc thay cho trường công-nghệ! Ngán thay cho trường công-nghệ! Cụ Thiếu đã sáng-lập cho dân, hương-hội đã hết sức tán-thành, học-trò mới hơi biết làm đã có lòng yếm-bạc với thầy, vì rằng có thầy lại sợ thầy bắt khoan bắt nhặt, không được tự-do, mà xin bãi thầy. Dân làng cũng nhiều người lấy rằng học-trò đã làm được, việc gì phải nuôi thầy giáo cho tốn tiền, không biết rằng không có thầy đố mày làm nên. Từ đấy không ai đặt đồ làm nữa, làm đồ được 400 $, 500 $ bỏ đấy cũng không bán được, làm thì không lấy tiền đâu mà làm nữa, không biết sau này có ai chấn-chỉnh được không?

Tôi mong lắm! Mong lắm!

Năm 1923 làm trường Pháp-Việt, làm theo kiểu trường Đông-ngạc, hai bên hai lớp học, gian giữa để các quan khách ngồi chơi. Đợi khi học-trò được hơn 100 thì xin thêm thầy giáo nữa. Kể ra xây cổng, đổ nền làm nhà thầy giáo hết 5000 đồng, nhờ có các người hảo-tâm quyên-trợ.

Câu đối trường học:

Thấm-thía nguồn ơn sông nước đỏ;
Mở-mang óc tuệ thủa xuân xanh.

Sống ở nước sang ở làng, cần học mới ra người Thượng-cát;
Đất có lề quê có thói, cải-lương cũng dự hạt Hà-đông.

Gặp hội duy-tân, mau mắn xây lên nền giáo-dục;
Nhờ ơn khai-hóa, dần-dà bước tới cõi văn-minh.

懷葛醇朴民風。出作入息。
Hoài-Cát thuần phác dân phong, xuất tác nhập tức.

法越提携主義。幼學壯行。
Pháp-Việt đề-huề chủ-nghĩa, ấu học tráng hành.

古君臣。此人民。此土地。
Cổ Quân-thần, thử nhân dân, thử thổ địa;

今天下。同車軌。同書文。
Kim thiên-hạ, đồng xa quĩ, đồng thư văn.

Năm 1924 xây hai cái giếng, đắp đường chung quanh làng 1600 thước tây và đặt các cống để cho tiêu-thủy hết 2000 $.

Năm 1925 làm Ấu-trĩ-viên, làm điếm tuần, các quán trong làng, các quán ngoài đồng, xây vỉa gạch hai bên đường hết hơn 2000 $.

Câu đối điếm tuần:

Cao gác túi gươm lưng gió liễu;
Bóng lồng tường nhạn mặt trăng sông.

Dân mới cải-lương, có công-xưởng, có học-trường, có Ấu-trĩ công-viên, đường phẳng văn-minh đua tiến bước;
Dân vui yên nghiệp, ai rượu ngang, ai thuốc lậu, ai bạc cờ phi-pháp, phép làng nghiêm-nhặt phải canh-phòng.

Việc Ấu-trĩ-viên

Trẻ con ta thường tụ nhau chơi ở đầu cầu xó chợ, không ai trông nom dạy bảo, chơi nghịch bẩn thỉu, ăn nói giông giải, đánh chửi nhau, đã hại về

vệ-sinh, lại hại cả nhân-cách. Cụ Thiếu là trưởng hội Khai-trí xướng-suất ra lập Ấu-trĩ-viện cho trẻ con trong làng ra chơi, chúng tôi thừa lệnh mới mở một cái vườn ở cạnh đình, giữa làm cái nhà vuông tứ-diện, chung quanh giồng cây cho trẻ con chơi mát, cử một bà bảo-mẫu trông coi, lương mỗi tháng 5 đồng, một người y-sinh mỗi tháng 4 đồng. Sớm ngày trẻ con ra chơi tắm giặt rồi thay quần áo của dân cho mặc, trưa cho ăn quà mỗi đứa 0 $ 02, bảo-mẫu phải giữ-gìn sạch-sẽ, dạy bảo khuôn phép không cho đánh nhau, chửi nhau, đến chiều thay quần áo trả dân cho về, mỗi tháng phí-tổn cũng mất 20 đồng. Cái chủ-nghĩa vườn Ấu-trĩ gồm đủ cả giáo-dục, thật là ích-lợi cho trẻ con tương-lai, thế mà trình-độ của dân còn thấp, chưa thể thi-hành được, trẻ con thời chỉ thích chơi nhà không ai quản-cố là hơn mà không chịu ra, hay là ra ăn quà lại về, dân lấy rằng phí-tổn nhiều lại không ích-lợi gì, nên vài ba năm thì bãi.

Năm 1926 xây hai cái cổng ra đồng, làm ba cái quán chợ, hết 2000 đồng.

Năm 1927 làm lễ khánh thành các việc, có mời các quan tỉnh và các quan phủ, huyện và các nhà báo về dự lễ. Báo *Khai-hóa* số 1687 ngày 19 *Mars* 1927 thuật lễ khánh-thành như sau này:

« *Lễ khánh-thành việc cải-lương tại làng Thượng-cát hôm 18 Mars 1927.* — Tại làng Thượng-cát thuộc phủ Hoài-đức nhân dịp làng được sắc thần có làm lễ khánh-thành việc cải-lương, có mời các quan và các nhà báo về chứng-kiến.

« Hồi 8 giờ sáng có quan sứ, các quan tỉnh, quan phủ và quan trợ Hoài-đức, quan huyện Đan-phượng, ông Lê Văn-Phúc chủ báo *Vệ-nông*, ông Lê Sĩ-Tố chủ báo *Khai-hóa* có đến dự lễ. Thoạt tiên vào xem trường học, thầy giáo có đọc bài diễn-văn chúc mừng, quan Sứ đáp lại mấy lời rồi dân làng đưa các quan khách đi xem chợ, trường thủ-công, rồi vào đình xem Ấu-trĩ-viện làm ở bên cạnh đình. Tại đình trang-hoàng rất lịch-sự, ông Chánh-hương-hội là ông Trần-Thúy tức là chủ hiệu Cát-thành ở Hà-nội đọc bài diễn-văn như sau này:

« *Bẩm các quan,*

« *Dân chúng tôi lần này được nghênh-tiếp các quan về trông coi việc cải-lương là lần thứ ba. Năm 1921 được nghênh-tiếp các quan về khánh-thành hương-ước. Năm 1922 các quan về chứng-kiến cho việc lập trường công-nghệ và cấm hương trường học. Năm nay lại được các quan về chứng-kiến cho việc khánh-thành các việc, dân chúng tôi lấy làm cảm-tạ vô-cùng.*

« *Bẩm các quan, dân chúng tôi hương-hội cũng mới phôi-thai, công việc còn nhiều khuyết-điểm, không lấy gì làm đáng mừng. Nhưng thử hồi-tưởng lại mấy năm xưa, tục-lệ thì rất là bó-buộc mà bây giờ thì được hành-động tự-do; kia như trước kia là một khu cỏ rậm mà bây giờ thành ra một cái trường học-tập; trước kia là một cái miếu hoang-sơ mà bây giờ thành ra chỗ lao-động dùi-mài; trước kia là một chỗ nước bẩn-dơ mà bây giờ thành ra chỗ trẻ con chơi mát. Nghĩ đến cái phương-diện thí-nghiệm thì cũng hơi mừng, một là đủ chứng-nghiệm rằng dân tuy ngu-dại dường nào mà có người dìu-dắt cho thì cũng dần bước lên con đường tiến-hóa; hai là đủ chứng-nghiệm rằng chính-sách cải-lương không phải là không có công-hiệu. Mà nghĩ về phần thực-hành thì cũng đáng lo, nhưng cái lo ấy thì trách-nhiệm về phần hương-hội phải nên gắng sức hết lòng, mà hương-hội thì sức còn hèn yếu, quyền-lực chưa được rộng-rãi, thời ắt phải trông cậy ở các*

quan khuyên dạy cho, giúp đỡ cho, dân ngày hiểu biết cách địa-phương tự-trị thì dân chúng tôi mong lắm, cảm ơn lắm.»

« Đọc xong quan Sứ và quan Thượng có hiểu-dụ khuyến-khích mấy lời, đoạn các quan khách dự tiệc *Champagne*, ngoài sân đốt pháo và múa sư-tử rất là vui-vẻ. Sau đó quan khách dần-dần giải-tán.

« Cứ như lời những kỳ lão trong làng nói thì làng này văn-học ít, hào-cường nhiều, tục-lệ nặng, nhờ có ông Trần Thúy làm chánh hương-hội là người có học-thức, có nhiệt-thành, có nghị-lực, mà công-việc cải-lương đã có vẻ khả-quan, tưởng các làng cải-lương khác, các ông chánh-hương-hội khác cũng nên trông đó làm gương.

« Cổ-tích làng này tức là « Quân-thần-châu » mà ngày trước Lý Phật-tử và Triệu Việt-vương cát-giới ở đó.

« Làng này vốn là một làng giàu-có, nếu các việc cải-lương mà ngày thêm tiến-bộ, thì còn có vẻ phồn-thịnh nhiều. Bản-báo có lời chúc cho qui-xã vật phụ nhân khang, dân thuần tục hậu, cho xứng-đáng với bốn chữ « *Hoài Cát chi dân* ».

Quan Sứ với các nhà báo tan về rồi, có mời cụ Thiếu, quan thương Nguyễn Bá-Tiếp, quan án Phan Đình-Hòe, quan phủ Hoài Bùi Thiện-Căn, quan huyện Đan-phượng Vũ Cầu, quan trợ phủ Hoài Nguyễn Mạnh-Như vào nhà tôi dự tiệc. Ả đào hát bài sau này :

Huy sinh sở tại,
Cờ cải-lương phấp-phới bến Quân-thần ;
Nhác trông ra quang-cảnh nhất-thời-tân,
Non sông cũ mà tinh-thần thêm vẻ mới.

一邑改良初报成
Nhất ấp cải-lương sơ báo cáo,

六年考績事觀成
Lục niên khảo tích duật quan thành.

Dắt tay nhau cùng sắn bước văn-minh,
Có gieo giống đã đành cho hiệu-quả.
Kia công-xưởng kia học-đường,
kia trẻ con đua-đả,
Đã tàng-tu hưu-giả có nơi ;
Mới hay thành sự tại trời,
Dành son phấn để cho người điểm-xuyết.
Như gấm như đồ như hoa thêu hoa dệt,
Người ban sau có biết cho chăng ?
Chúc câu : nhật-nguyệt thăng-hằng.

Năm 1928 làm nhà hộ-sinh. Xưa nay ta thường dùng những bà lão già đỡ đẻ, không biết cách thăm đẻ, thường giục người ta dặn non, không có thuốc cho giau ra hết, không có thuốc trục-tử, làm cho người đẻ sinh ra chứng hậu-sản ; không có thuốc rửa mắt, không có thuốc bọc rốn, làm cho trẻ sinh ra chứng sài-kinh, ấy người ta quen thói cẩu-thả mà lấy tính-mệnh người đàn bà và đứa trẻ con phó-thác cho một mụ già ngu-dốt không có học.

Cụ Thiếu trông thấy những người đàn bà trẻ con hay chết về phi-mệnh, căm giận cho những người ngu-dại làm càn.

Nhà nước tuy rằng có nhà hộ-sinh, nhưng chỉ ở chỗ tỉnh-thành mà thôi, cụ mời thương-thuyết với Chính-phủ cho các xã được làm nhà hộ-sinh, hiểu-dụ cho các xã lấy người lên tỉnh học-tập, bốn tháng tốt-nghiệp rồi về làm việc cho làng, và nhà-nước cứ tháng cấp thuốc cấp băng cho.

Chúng tôi cảm cái lòng từ-thiện của cụ Thiếu, xin phép trừ khoản làm nhà hộ-sinh, làm một cái nhà hai phòng, một phòng đẻ, một phòng nằm và một cái nhà cho mụ đỡ ở. Từ tậu đất đổ nền, xây tường, xây dốc, tất cả

mất 2700 $ 00. Nhà-nước cho 200 $ 00 và các xã lân-tổng quyên-trợ như sau này :

Thôn Đống-ba	150 $ 00
Xã Liên-mạc	20 , 00
Xã Hoàng-xá	10 , 00
Xã Tây-tựu	30 , 00
Xã Yên-nội	40 , 00
Xã Hạ-trì (thôn Thượng, Chung, Đoài)	120 , 00
Xã Đại-cát	70 , 00

Năm ấy làm lễ khánh-thành có mời cụ Thiếu, quan Sứ, quan Đốc-tờ và quan phủ, huyện, các nhà báo về dự-lễ. Báo *Đông-pháp* số 603 ngày 2 octobre 1928 có bài sau này :

« *Lễ khánh-thành nhà hộ-sinh làng Thượng-cát.*— Sáng hôm thứ năm 27 *Septembre* vừa rồi, làng Thượng-cát thuộc phủ Hoài-đức đã làm lễ khánh-thành nhà hộ-sinh lập ở địa-phận làng ấy.

« Lễ khánh-thành có quan chánh Công-sứ THARAUD, quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu làm chủ lễ, các quan phủ, huyện các hạt và thân-hào các tổng xã lân-cận đến dự.

« Nhà hộ-sinh này lập ra và dùng bà mụ đỡ đẻ, ở hạt phủ Hoài-đức mới có là lần đầu, xem ra dân-sự hoan-nghênh lắm, cho nên hôm lễ khánh-thành quan Tổng-đốc có hiểu-thị mục-đích cách luyện-tập bà mụ và cách lập nhà hộ-sinh mới ích-lợi cho dân là thế nào. Lúc hiểu-thị dân-sự đều chú-ý nghe, mà nhất là đàn bà hôm ấy cũng ra nghe hiểu-thị đông lắm. Đó cũng là cái bằng-chứng rằng dân rất hoan-nghênh việc công-ích vậy.

« Nhân dịp ấy ông Trần Thúy chủ hiệu Cát-thành ở Hà-nội là chánh-hương-hội làng Thượng-cát có đọc bài diễn-văn ».

Câu đối nhà Hộ-sinh

天地大慈生
Thiên-địa đại đức viết sinh ;

江山到處足護
Giang-sơn đáo xứ túc hộ.

Mở mặt phần nhiều non nước hộ ;
Đỡ đầu nghĩa nặng mẹ cha sinh.

Con tiên cháu rồng, máu đỏ da vàng nguyên một họ ;
Quê cha đất tổ, chôn giau cắt rốn nhớ từ đây.

Đâp gốc sinh thành, quả-phúc vo tròn khuôn tạo-hóa ;
Gây nền phồn-thứ, đây đưa lan khắp bốn hà-châu.

Cùng giống phải nên yêu lấy giống ;
Ra đời rồi sẽ giúp cho đời.

Năm 1929 chữa lại đình, làm lại hậu-cung, thay tất cả hoành đui làm bằng gỗ lim, lát lại nền đình, sơn ngoài cửa, tất cả hết ngót 2000 $ 00.

Năm 1930 chữa lại chùa. Khi trước nhà tổ, sư vẫn thờ tổ ở gian giữa, bên thời thờ bà chúa Liễu, bên thời thờ đức thánh Quan, như thế thời là nghịch-tự, và cái chùa ngoài thượng-điện cũng đã nát cả. Chúng tôi mới làm hai cái nhà vuông tám mái hai bên, một bên thờ bà chúa Liễu, một bên thờ đức thánh Quan, chữa lại cả chùa và hai bên hành-lang, phí-tổn hết 2000 $ 00, có văn khuyên-giáo chép sau này :

« *Có dân-xã thời phải có đình chùa, cũng là tục phổ-thông của nước nhà mà là lẽ tất-nhiên của xã-hội, vì rằng muốn tụ-hội được số nhiều người tất phải có nơi đình-vũ to lớn, muốn giữ gìn lễ-phép một mối tất phải thờ một chủ-nghĩa thiêng-liêng, dân-xã phải có đình chùa là thâm-ý như thế.*

« *Tổ-tiên chúng ta từ khi lập thành làng Thượng-cát đến nay không biết mấy nghìn năm mà đình làm ra từ đời Lê Long-đức, chùa làm ra từ đời Lê Cảnh-hưng, tổ-tiên chúng ta không biết tốn bao nhiêu tinh-thần, tâm-lực, không biết phí bao nhiêu tiền của công-*

trình để vì con cháu nghìn muôn đời sáng-tạo ra một cái nhà hội-tụ chung, lễ-bái chung. Chúng ta là con cháu được hưởng cái hạnh-phúc ấy, hân-hạnh biết là dường nào. Bây giờ đời lâu đã thành cảnh cỗ, tuy rằng thay đui đổi ngói, các cụ tu-bổ bao phen, mà nắng dãi mưa dầm, tuổi gỗ lâu bền được mấy, cho nên chỗ thì bờ gẫy ngói xô, chỗ thì hoành môn đui nát, khi nắng thì trông thấy mặt trời, khi mưa thì nước chảy như rót. Than ôi! Cơ trời đất đổi thay, vật có cũ thời phải có mới, nghiệp ông cha gây dựng, trước đã làm thời sau phải theo.

« Chúng ta há nên ngồi trông thấy cái nghiệp của ông cha đổ nát mà không xúm tay để tu-lý lại ư?

« Tháng một năm ngoái hương-hội chúng tôi đã vào sổ dự-toán trích ở khoản đất công và những người cúng được 1500 $ 00 để tu-bổ lại đình chùa, nhưng xem ra công-trình hiệu-đại vật-giá đắng-ngang, sợ không chi đủ, vậy xin có lời phổ-khuyến trên từ các cụ đàn anh cho đến dân trai, các bà các cô giúp thêm một ít tiền, tùy tình nhiều ít, để cho hương-hội chúng tôi làm được trọn-vẹn công việc, có sổ sách minh-bạch và yết tên biển để biểu-dương cái thịnh-tình của các ngài.

« Nay kính cáo. »

Năm 1931 xây mông đường từ Ấu-trĩ-viên đến Cầu-vò, con đường trước đình đến Cầu-vò hơn 100 trượng, hai bên ao cả. Năm 1924 đã đắp đất xây vỉa hai bên, lại sạt lở mất cả, nếu không xây gạch làm mông tự đáy ao xây lên thời không chịu được. Hương-hội đã khởi xây từ vườn Ấu-trĩ đến bờ giếng đồng được giả một nửa, hết hơn 1000 $ 00.

Năm 1932 dân lại xây nối từ Cầu-vò trở lại hết hơn 1000 $ 00.

Từ khi cải-lương, các làng phụ-cận chung quanh đều xây đường gạch cả, duy làng tôi chưa xây được là cũng vì có cớ khác.

Từ năm chúng tôi mới cải-lương, chúng tôi đã phải xin phép quan phủ Hoài làm đường, nhờ ơn quan phủ là Vũ Huy-Trực bảo rằng: bây giờ cụ Thiếu đương nhiệt thành về việc cải-lương, thì dân nên trước lo làm những việc to lớn để cụ chủ-trương cho, cụ giúp đỡ cho, còn việc đường sá là việc riêng trong làng sau làm cũng được.

Cho nên chúng tôi vâng lời làm trường công-nghệ, trường Pháp-Việt.

Năm 1924 mới xây vỉa hai bên, giữa thời đổ cát cũng hơi sạch sẽ, năm nay xây mông xong rồi, năm sau sẽ thứ-đệ lát dần, tất vài ba năm nữa mới trọn vẹn việc làm đường. Vì rằng con đường chung quanh làng 1600 thước, lát gạch lại phải xây mông, phí-tổn nhiều quá, không thể làm một hai năm xong được.

Năm 1929 chữa đình lại; năm 1930 chữa chùa, nhưng chưa làm lễ khánh-thành được. Năm 1931, năm 1932 xây đường; lại gặp lúc khủng-hoảng, giá đất giảm mất nửa tiền, Hương-hội phải góp hộ cho dân-đinh 500 $ 00.

Cứ như mọi năm đấu-trưng đất bãi, góp cho con trai rồi còn thừa sáu bảy trăm đồng; năm ấy phải lấy tiền quĩ góp hộ con trai 500 $ 00, thế là công-quĩ hụt mất hơn 1000 $ 00. Những người lo việc dân thực là quẫn-bách lạ thường! Tháng tám năm 1932, chúng tôi phải xin phép quan bán ngôi thứ để làm lễ khánh-thành; nhưng mới bán được hơn ba trăm đồng, nên chỉ đủ trả nợ vặt, còn nợ tiền gạch của thủ-quĩ 540 $ 00 chưa trả được, thì lấy đâu làm lễ khánh-thành.

Năm 1933, chúng tôi mãn-khóa, đã có giấy từ-dịch, nhưng cũng phải dự-toán xin phép bán 15 tên ngôi-thứ để làm lễ khánh-thành cho trọn việc.

Tháng ba là ngày xuân-tế xin phép làm lễ khánh-thành.

Ngày 12 tế chung-đinh một con trâu, là nhân ngày dám làm lễ khánh-thành cho được long-trọng hơn mọi năm. Ngày 13 tế hà-thần một con bò, vì nhờ ơn hà-thần bồi-trúc cho nên dân có bãi mà làm việc công-ích. Chiều hôm ấy dân đi thỉnh kinh rước nước. Các vãi có chọn 20 người con gái để hộ-giá đức Chầu; hai ông giáo cũng cho 100 học-trò mỗi tên một cái đèn cùng rước về chùa để làm lễ khai-quang cúng Phật. Tối đến lập đàn phá ngục phá-độ cho chúng sinh.

Ngày 14 chúng tôi mời quan bản-phủ là ông Nguyễn Trọng-Khôi, quan Đốc-học bản-tỉnh là ông Nguyễn Văn-Ngọc về xem hội.

Sớm hôm ấy dân chỉnh-bị lễ-nghi nghênh-tiếp các quan thực là long-trọng.

Hai ông giáo trường Pháp-Việt là ông Nguyễn Văn-Diên và ông Vũ Ngọc-Chiều cũng thân đem 100 học-trò mỗi người một lá cờ ra nghênh-tiếp các quan.

Khi các quan vào đình an-tọa, hai ông giáo xin phép các ngài cho một tên học-trò đọc một bài chúc-từ mừng các quan và cả dân như sau này:

« Bẩm quan Đốc-học,
Bẩm quan Tri-phủ,

Thưa các ngài,

« Trong lúc muôn hồng nghìn tía đua tươi, dân làng chúng con làm lễ khánh-thành đình chùa, lại được các quan chiếu-cố đến chứng-kiến cho cuộc vui thêm phần long-trọng, nên chúng con mới được cái hân-hạnh đứng trước tôn-nhan mà cảm ơn cái lòng sốt-sắng của các quan đối với dân làng Thượng-cát. Chúng con đầu xanh, tuổi trẻ, nhờ sự giáo-dục của các thầy giáo chúng con ban cho, và sự kiểm-soát của lượng trên trông đến, thì chắc là chiếc thuyền nan giữa mặt biển khơi sẽ nhờ có người bẻ lái mới vào tới bến, cũng như chiếc xe ở ngã ba được người chỉ đường sẽ thấy lối mà đi. Chúng con vẫn thường nghe thầy giáo chúng con nói là người quân-tử đã làm ơn không bao giờ mong báo đáp, nhưng kẻ sĩ-tử được hưởng ơn giáo-dục này lẽ nào dám nín tiếng im hơi! Vì thế cho nên lắm lúc nghĩ đến hai chữ « biết ơn » mà lòng riêng canh-cánh, biết đến bao giờ mới có dịp ân báo nghĩa đền. Thì may sao, được lúc nước nhà thịnh-vượng, mà dân làng mở cuộc mua vui, nên chúng con đã được dịp này mà dâng tấm lòng thành-thực của đàn thơ-ấu.

« Vậy chúng con xin trân-trọng kính chúc các quan cùng các ngài được cùng với núi Nùng sông Nhị mà hưởng-phúc lâu-dài.

« Kính chúc các quan thiên tuế,
Làng Thượng-cát vạn niên. »

Các quan đáp lại mấy câu rồi học-trò đồng thanh ca bài hành-vân sau này:

Gặp xuân này, gặp xuân này, lắm vẻ chiều hay, dân vào đám, vừa dịp hội may, mưa tình gió tạnh.

Ơn thần-thánh, dân hòa vui cờ quạt phô bày, cuộc vui này, ai mà không hả?

May sao lạ, nức gần xa, có một chăng là, dãi bày dân-sự, cảnh đề-đa, đề-đa.

Trên quan tước, cũng dự vui mà, mừng buổi thanh-hòa, dạo cầm ca, cầm-ca.

Dân làng tôn ái, chữ hoan-nghênh sùng-bái nguy-nga.

Cảnh-tượng lúc bấy giờ thực là vui-vẻ. Chúng tôi mời các quan vào chùa xem hai cái nhà vuông, một bên thờ đức thánh Quan, một bên thờ đức

chùa Liễu. Trở ra xem múa rối ở ao chùa. Xong tôi mời các quan về nhà tôi dự tiệc, nghe hát, có các thân-hào hàng tổng bồi-tiếp. Ba giờ tiệc tan. Tối hôm ấy lập đàn thí-thực. Ngày 15 cúng kỳ-yên tán-đàn.

Hội tiệc này là tiệc sau cùng của Hương-hội chúng tôi.

Lần thứ nhất khánh-thành hương-ước.

Lần thứ hai khánh-thành trường công-nghệ.

Lần thứ ba khánh-thành trường Pháp-Việt và các việc.

Lần thứ tư khánh-thành nhà hộ-sinh.

Lần này là lần thứ năm.

Mọi lần công việc tuy to hơn, nhưng hội-tiệc lần này xem ra dân-tình náo-nhiệt có vẻ vui hơn. Chỗ thì tổ-tôm, tam-cúc; chỗ thì súc-sắc, thò-lò; chỗ lại hàng cơm, hàng rượu. Ngày thì người đi như nước chảy; tối thì đèn thắp như sao sa. Hát chèo, múa rối, đủ các trò..., thích-hợp cả các tính-tình của các hạng người. Những người ăn chơi thì thích về quân bài, lá bạc; những trai gái thì thích về chèo bát; những thiện-nam tín-nữ thì thích về làm chay, phá ngục.

Hội tiệc này gặp lúc chúng tôi mãn-khóa giải-dịch, thực là kết-cục sự vui cho công-việc cải-lương của chúng tôi. Chính là:

Tiệc vui nhớ bữa hôm nay,
Tiệc mừng xin đợi ban này năm sau.

Nói tóm lại dân chưa cải-lương thì nhiều việc tệ đã có minh-chứng như thế kia, dân đã cải-lương thì nhiều việc lợi có hiệu-nghiệm như thế này. Không những làng tôi mà trong hạt Hà-đông còn nhiều làng khá hơn, không những hạt Hà-đông mà còn nhiều làng trong xứ Bắc-kỳ cũng khá hơn. Làng lớn thì làm được nhiều công-việc, làng nhỏ cũng xây được cái cổng, lát được cái đường, quang-cảnh so với trước khác hẳn, thế mà nghe dâu có ông nghị-viên Bắc-kỳ lấy rằng cải-lương nhiều làng hư-ứng, hội-đồng nhiều người làm việc thời nhiễu dân, mà muốn xin bỏ hương-hội, khác nào thấy ăn mắc phải xương mà muốn bỏ cả gà và cá, thấy người chết chẹt mà muốn bỏ cả xe với tầu, chẳng hóa ra phụ cái thịnh-tình của cụ Thiếu, hoại cái lương-pháp của quan Thống-sứ tổ-chức ra ư?

Ngày 20 tháng tư năm quí-dậu, tôi tắm gội đốt hương mà chép quyển kỷ-niệm này.

Một là tôi muốn kỷ-niệm công-đức cụ Thiếu.

Tôi thiết nghĩ rằng: cứ tôi sở-kiến cụ đối với công-việc nhà-nước thế nào thời tôi không dám nói đến, như cụ đối với dân-sự thì thật là chu-chí.

Muốn cho trẻ con thôn-quê có học phổ-thông, biết đường luân-lý mà chủ-trương cho các dân lập trường học.

Muốn cho người ta ai cũng có nghề-nghiệp, không phải đói rét làm càn, mà chủ-trương cho các làng lập trường công-nghệ.

Muốn cho đàn bà sinh đẻ không chết về phi-mệnh, trẻ con không đến nỗi sài đẹn, thì chủ-trương cho các làng lập nhà hộ-sinh, những công-việc ấy, từ lúc bảo-ban công-việc đến lúc làm xong không biết phí-tổn bao nhiêu tâm-tư, công-trình cho đến ngày nay mới gần có kết-quả.

Trường học mỗi năm cũng được 50, 30 người lên lớp.

Trường công-nghệ mỗi năm cũng được vài mươi người thành nghề.

Nhà hộ-sinh mỗi năm cũng được vài trăm người mẹ tròn con vuông, thế mà không biết kỷ-niệm công-đức cụ, chẳng hóa ra uống nước mà không biết nguồn

từ đâu, ăn quả mà không biết cây ai trồng.

Hai là tôi kỷ-niệm những công-đức người tán-thành cho tôi, tôi thiết nghĩ rằng: những công việc như thế không phải là một mình tôi làm nên, kẻ thì đồng-tâm đồng-chí, người thì giúp của giúp công.

Các người lộc-biền ban trước trở xuống

Ngô Văn-Tâm, Trần Thúc-Giác, Nguyễn Văn-Hậu, Nguyễn Văn-Trính, Trần Đình-Tảo, Ngô Đình-Hóc, Ngô Văn-Duy, Bùi Văn-Chuyên, Đinh Văn-Nguyên, Nguyễn Văn-Sử, Đinh Văn-Hợi, Lê Văn-Chiều, Ngô Văn-Tuyên, Ngô Văn-Lưu, Nguyễn Ngọc-Đạm, Ngô Văn-Tuyển.

Hương-hội ban sau

Đinh Phong-Quang, Trần Văn-Lương, Nguyễn Văn-Đương Nguyễn Văn-Cư, Nguyễn Văn-Lương, Nguyễn Văn-Xuyến, Ngô Văn-Lương, Ngô Văn-Nhu, Ngô Văn-Cung, Trần Ích-Minh, Đàm Văn-Vinh, Đàm Văn-Phương, Ngô Văn-Mậu, Nguyễn Văn-Dị, Nguyễn Văn-Chuẩn, Nguyễn Văn-Đại.

Sau này trường Pháp-Việt ngày một thành-tựu, trường công nghệ ngày một phát-đạt, nhà hộ-sinh dân-số ngày một sinh-sôi, thì người ta nên nhớ rằng làm từ ban hội-đồng ấy.

Tuy rằng ta không có tấm đá để ghi tạc các phương-danh, bá lại không có mấy chữ để ghi truyền vào kỷ nguyệt-đàn.

Ba là tôi kỷ-niệm có ý hi-cầu trách-vọng về các ban hương-hội tương-lai.

Tôi thiết nghĩ rằng phàm việc gì sáng-lập ra thì dễ, thủ-thành thì khó, lời tục nói rằng: « Lập tĩnh thì dễ, giữ lễ thì khó ».

Tôi ước-ao rằng các ông sau, ngày một khuếch-trương thêm, ngày một tô-điểm thêm, ví như giếng đã đào để uống nước trong, nếu người sau không có công gạn lọc thì nước lại dơ-bẩn, như cây đã trồng để mong ăn quả chín, nếu người sau không có công vun bón thì cây tất héo-khô.

Tôi làm chánh-hương-hội đã trải ba khóa mười-hai năm, lo liệu được công việc trong làng như thế, bây giờ 59 tuổi, mình già trí suy, tài-lực cũng đã kiệt quệ, năm nay mãn-khóa xin thôi, cho nên làm sách kỷ-niệm này, tường chép công-việc tôi đã làm, kể rõ lợi-hại, phân-biệt phải trái, để trên trình các quan, dưới để dân làng công-nhận.

Mong rằng hương-hội ban sau lấy dân làm trọng mà đừng có lòng ghen-ghét hiềm riêng, lấy công-ích làm hơn mà đừng sinh lòng tham-lam lợi nhỏ, thì công trình chúng tôi trong mười-hai năm, tiền của của dân năm sáu vạn bạc không đến nỗi hư-phụ.

(*Còn nữa*)

Bài ca mừng Ngự-giá Bắc-tuần

Tây Nam gặp hội đắc-bằng,
Thợ trời thực khéo xây tầng văn-minh.
Sông trong, bể lặng, tiết lành,
Nước non rõ vẻ thái-bình Ngu, Chu.
Thực là một hội nghìn thu,
Mừng vua ngự-giá tuần-du Bắc-kỳ.
Trong ngoài tin điệu truyền đi,
Quốc-văn một cuốn biên ghi kính mừng.
Gọi là một chút lễ bằng,
Hoa hèn, cỏ nội trên dâng bệ rồng.
Rằng: Triều Bảo-đại hưng-long,
Vua ra tuần-hạnh quan-phong đường
Kỷ-niên chịu tự mệnh trời, [ngoài.
Nối dòng liệt-thánh hưởng ngôi trao truyền.
Trị vì đương thuở thiếu-niên,
Mái chèo học-vấn sang miền tây-phương.
Nhờ ơn Bảo-hộ đưa đường.
Dắt-dìu đưa tới học trường Ba-lê.
Nghìn muôn công việc thi-vi,
Giao hai Chính-phủ phù-trì cầm cương.
Mười năm Pháp-học am-tường,
Thông-minh nổi tiếng đã vang hoàn-cầu.
Rõ là sáng trước dủ sau,
Cũng nên kỷ-niệm làm đầu kỷ-nguyên.
Đến kỳ tuổi cả vừa lên,
Gắng tài vượt bể quay thuyền về Nam.
Tính năm du-học mười năm,
Tính về vừa được mười-lăm tháng tròn.
Còn trời, còn nước, còn non,
Sông Hương núi Ngự vẫn còn vẻ-vang.
Thiên-tâm đã giúp ngô-Hoàng,
Lại thêm Bảo-hộ mở đường kinh-luân.
Đem mầu tân-học canh-tân,
Tân-quân, tân-quốc, tân-dân hồi này.
Cũng là Minh-trị đời nay,
Đổi thay chính-hiến theo đòi Âu-phong.
Năm qua Ngự-lãm đường trong,
Rừng Ngang một giải đều cùng tung-hô.
Mục, canh, duyên núi, duyên đồ,
Đàn môi, sáo miệng nhấp-nhô cùng
Ngư, tiều dưới bể trên đèo, [chào.
Tiếng đàn tiếng hát tiếng reo vang-lừng.
Văn-biểu hạ, chúc-từ mừng,
Ngự-du năm ngoái đã từng chép ghi.
Nay ra tuần-hạnh Bắc-kỳ,
Tin đăng lên báo mấy kỳ gần đây.
Năm ta qui-dậu tháng mười,
Năm tây tháng chạp nghìn ngoài ba ba.
Đầu non mai mới nở hoa,
Tin xuân mừng rỡ gần xa phố-phường.
Các quan nghe báo tỏ-tường,
Mở ra một hội «Nghênh Hoàng» nguy-
Quan Tây cùng với quan ta, [ngà.
Chương-trình nghênh-tiếp rất là phân-
Ngai rồng đón tự Thần-kinh, [minh.
Ngự đi chiến-hạm hải-trình du-quan.
Thủy-hành khởi tự Tua-ran,
Nhìn xem hải-phận chu-hoàn bể đông.
Trước ra thăm vịnh Hạ-long,
Là nơi có tiếng ở trong toàn-cầu.
Mặt trời chiếu lúc ban chiều,
Mặt trăng đêm tỏ rạng bầu thần-tiên.
Liền thăm các mỏ Quảng-yên,
Hồng-gai Cẩm-phả là miền dầu, than.
Tầu xe vượt biển qua ngàn,
Đó là khoáng-vật dầu tiên cần-dùng.
Lục-trình lên tới Hải-phòng,
Ngự xem hải-cảng nhất vùng Đông-
Xưa kia là chốn cỏ gianh, [kinh.
Chàng ngư đi lại lênh-đênh xa vời.
Nhờ ơn Bảo-hộ bấy nay,
Lập ra thành-phố lại xây lâu-đài.
Vườn hoa trang-điểm mọi mùi,
Tầu xe chen bánh đủ người năm châu.
Vịnh này nổi tiếng Á, Âu,
Là nơi lương-cảng đứng đầu cõi Nam.
Ngự lên trông đó mà xem,
Tỏ ra một cảnh hoa-nghiêm xứ này.
Được tin Ngự-giá tới đây,
Hoan-nghênh mọi vẻ đặt bày tự bao.
Ầm-ầm trên bến dưới tầu,
Nổi lên một áng phong-trào «tôn-quân».
Kiến-an cách đó cũng gần,
Quan-phong có vẻ đủ phần thanh-cao.

Đài Thiên-văn sát mây sao.
Đồ-sơn phong-cảnh dự vào thắng-du.
Khi tiết hạ, lúc chiều thu,
Hương trời sắc nước nhấp-nhô bóng người.
Trời dòng Ngự-giá giong chơi,
Các mầu sơn-hải đượm mùi Ngự-dung.
Hải-dương xưa gọi tỉnh Đông,
Là nơi trước tiếp vầng hồng xứ đây.
Thái-bình một dải vòng quây,
Cửa hang Kính-chủ trời xây lạ-lùng!
Nước non, non nước một vùng,
Là nơi có dấu hùng-phong lưu-truyền.
Ngày nay Ngự-giá nhàn-quan,
Lòng quì cũng vẫn một làn hướng-dương.
Hải-thành đã tỏ hồng-quang,
Hà-thành thẳng tới lên đường Đông-kinh.
Phồn-hoa nức tiếng thanh-danh,
Nghìn thu văn-vật rõ-ràng là đây.
Khen thay phong-cảnh trời bày,
Lại thêm người cũng vẽ-vời khôn ngoan.
Thành rồng đón rước xe loan,
Kể sao cho xiết muôn vàn cuộc vui.
Cờ rợp đất, súng vang trời,
Tầu bơi, tầu điện, tầu bay dập-dìu.
Nhạc tây rước, nhạc ta chào,
Giọng đàn, giọng hát, giọng reo linh-đình.
Hàng quan-trưởng, phái nhà binh,
Cung-nghênh cùng tỏ tấm tình tôn-thân.
Người thành-thị, kẻ thôn-dân,
Tung-hô mọi vẻ xa gần cùng vang.
Ngai rồng đặt thiết Triều-đường,
Ở nhà Khai-trí trang-hoàng tôn-nghiêm.
Quan dân mặt Bắc quan-chiêm,
Rõ-ràng thể diện phương nam đấy mà.
Các trò diễn kịch bày ra,
Để tâu mọi khúc âu-ca thái-bình.
Các nhà thực-nghiệp phô-trình,
Để dâng mọi sự hiện-tình dân-sinh.
Kể bao nhiêu việc công-trình,
Là ơn Bảo-hộ kinh-doanh bấy chầy.
Uy-nghi mừng thấy ngày nay,
Mở ra một hội cũng tầy hội tiên.
Nghỉ ngơi tại phủ Toàn quyền,
Tuần-du dạo trải mọi miền cố-đô.
Non Nùng nước Nhị quanh-co,
Ba mươi mốt cảnh hồng-đồ còn in.
Dấu xe Tiên-đế còn truyền,
Kim-hoàng nay lại nối liền triều-cương.
Ngô-dân mừng thấy ngô-hoàng,
Thực là Nam-đế nam-phương tổ-tường.
Gió Âu, mưa Mĩ tràn sang,
Ba mươi sáu phố ngày càng khai-trương.
Tượng đồng Bá-Lộc sửa sang,
Vườn Paul-Bert nọ trang-hoàng cũng xinh.
Long-nhan trông thấy Long-thành,
Ấy bao nhiêu cảnh nhiêu tình bày ra.
Các dinh, các hội, các tòa,
Biểu mừng, lời chúc, tiệc hoa đua mừng.
Các trường, các xưởng, các hàng,
Đèn treo, cờ cắm tiếng vàng hoan-hô.
Trải xem phong-cảnh cố đô,
Rồi ra lần-lượt đi du toàn kỳ.
Hai mươi bốn tỉnh chu-vi,
Ngắm xem kim, cổ vẫn ghi Hoàng đồ.
Kia kia một dải thượng-du,
Non xanh, nước biếc mịt-mù cao sâu.
Hà-giang, Cao, Lạng, Lai-châu,
Sơn-la, Yên-bái là đầu miền trên.
Nào là các chốn sơn-nguyên,
Nào là các chỗ lâm-tuyền bỏ hoang.
Dân-cư phần nửa Mán, Mường,
Tự xưa chưa mở rộng đường vận-thâu.
Ơn nhờ Bảo-hộ bấy lâu,
Đường rừng hết đã chạy tầu chạy xe.
Kim-hoàng ngự quá sơn-khê,
Xin đem văn-hóa hóa về lối Âu,
Kia kia một dải trung-châu,
Nước hồng, đất đỏ hoa màu cũng xinh.
Thái, Tuyên, Phúc, Phú, Sơn, Ninh,
Đông, Nam, Bình, Vĩnh là vành trung-du.
Nào là cày cấy hai mùa,
Tằm, dâu, thóc, gạo, khoai ngô cũng nhiều.

Dân-cư đông-đúc bao nhiêu.
Tỉnh-tình xem đã có chiều bán-khai.
Nhờ ơn Bảo-hộ bấy nay,
Cải-lương muốn dắt lên đài văn-minh.
Kim-hoàng nay tới Bắc-thành,
Mong rằng cổ-vũ dân tình gắng lên.
Kìa kìa duyên-hải một miền,
Gió to, sóng cả thường liền vẫn đâng.
Quảng, Ninh, Nam, Thái, Kiến, Hưng,
Cấy cầy, chài, lưới, vẫn từng sinh-nhai.
Dân-cư thường bị thiên-tai,
Hàng năm vạch đất kêu trời đã vang.
Nhờ ơn Bảo-hộ đề-phòng,
Đài thiên-văn báo tỏ tường mọi tin.
Kim-hoàng nay ngự xe loan,
Mừng rằng bể thuận, non yên một chiều.
Đó là bỉ-lậu mọi điều,
Ngửa tâu thánh-giả đương-triều du-quan.
Muôn dân trông ngóng Thiên-nhan,
Toàn-kỳ hết thảy vui bàn cung-nghinh.
Nào là những sở diễn binh,
Nào là các hội khánh-thành công-thương.
Ganh đua mừng đón tân-Hoàng.
Để làm danh-dự vẻ-vang lâu đời.
Gọi là giá-trị vua coi,
Phô trình bụng kính tỏ bày lòng trung.
Nào là những phái nhà nông,
Nào là các lớp ở trong học-đường.
Xôn-xao mong ước tân-Hoàng,
Nhẹ đường sưu-thuế, rộng đường học-qui.
Gọi là tấm dạ hi-kỳ,
Để cho kinh-tế đủ chi đủ dùng.
Nào là nhà Phật, nhà Chung,
Cùng đoàn hướng-đạo với đông thể-thao.
Trước sau thứ bậc ra chào,
Tỏ mầu « đức », « lực » Kim-triều khoáng-trương.
Nào là người Thổ, người Mường,
Người Nùng, người Mán ở đường thâm-san.
Xa gần khánh chúc cùng ran,
Thuận chiều đế-hóa, theo làn vương-phong.
Nước non là cảnh chơi chung,
Mừng rằng có chúa càng trông tinh-thần.
Trên đầu ai cũng quân-thần,
Giang sơn yêu mến chẳng phần riêng ai.
Nhân mừng vua ngự ra chơi,
Dâng bài Hạ-ngạn mấy lời lên đây :
« Vua ta vì chẳng chơi bời,
« Thì ta sao được nghỉ ngơi lúc này.
« Vua ta vì chẳng vui-vầy,
« Thì ta chẳng biết nhờ ai giúp mình.
« Vui chơi xem xét dân tình,
« Để làm khuôn phép trị bình quốc-gia. »
Lời xưa, nay chúc vua ta.
Tuần-du theo dấu các nhà đế, vương.
Một là xét dấu bản-chương,
Dựng gây bờ cõi nam-phương đến giờ.
Thiên thư đã định cõi bờ,
Thay trời trị nước nhận mà làm ghi.
Hai là xem việc hiện-thì,
Mở-mang rừng biển toàn-kỳ cùng thông.
Cảm ơn Bảo-hộ hết lòng.
Làm cho toàn xứ đại-đồng xa-thư.
Ba là xem cảnh hương-lư,
Là nơi dân ẩn thực hư thế nào.
Để sau châm-chước mọi điều,
Định làm hiến-pháp hợp vào thời-nghi.
Đó là mọi việc hành-vi,
Thánh-triều đã định trong khi Bắc-tuần.
Sau đây về tới kinh Thần,
Tất là tự-tưởng bội phần hơn đây.
Sửa-sang cho quốc-dân này,
Trèo thang tiến-bộ, lên đài văn-minh.
Ngán thay! Trung, Nhật chiến-tranh,
Vui thay! binh-trị riêng mình nước ta.
Nhớ xưa liệt-thánh từng qua,
Mừng thay! Kim-thượng ngự ra bây giờ.
Nhìn xem phong-cảnh hơn xưa,
Lại thêm ảnh chụp không mờ bóng gương.
Mặt trời gần khoảng tấc gang,

Tấm lòng qui-hoắc hướng-dương vẫn
Theo như chủ nghĩa số nhiều, [dều.
Âu-ca, ngục-tụng vẫn chiều ngô-quân.
Bề dâu tuy có chuyển-vần,
Thơ thần Như-nguyệt có phần sấm
Yêu-cầu xin nối vài chương, [vang.
Gọi là gặp hội «minh-lương quân-thần».
Một cầu « giáo-dục quốc-dân »,
Hương-trường rộng mở, quốc-văn thịnh dùng.
Mở khoa giáo-dục phổ-thông,
Không kỳ nam-nữ thì cùng tự-do.
Không kỳ niên-hạn xuân-thu,
Bài ra giản-dị để cho dễ-dàng.
Đọc, xem, viết, tính thông-thường,
Thì cho trúng-tuyển văn-bằng phổ-
Để cho dân đỡ hôn-mông. [thông.
Dần-dần dân-trí mới hồng khai-quang.
Hai cầu « Hương-chính học-đường»,
Đặt ra mỗi tỉnh một trường cải-lương.
Lại thi Hương-chính văn-bằng,
Hễ ai trúng-tuyển thì làng cử ra.
Ba năm là hạn một khoa,
Không ai được quá đến và bốn năm.
Để cho đỡ thói gian-tham,
Để cho biết cách ra làm dân anh.
Ba cầu « bổ-dụng học-sinh »,
Phải tường niên-học với tính văn-bằng.
Nhiều bằng định lệ dùng tăng,
Ít bằng ắt phải liệu chừng giảm đi.
Người này tới, kẻ kia về,
Để cho có nghiệp có nghề như nhau.
Không ai còn oán vào đâu,
Rằng: mình có học vua sao không dùng.
Ba ốn cầu « bãi-khử đồi-phong »,
Các làng tệ-tục xin cùng đổi đi.
Định ra công-quốc lễ-nghi,
Quan, hôn, tang, tế phải tùy luật chung.
Sự vui tiệc rượu cho dùng,
Sự buồn nên cấm rượu nồng làm vui.
Còn như vàng mã lôi-thôi,
Xin mau cấm-chỉ để đời khỏi mê.
Năm cầu « mở lớp học nghề »,
Dạy người học ở thôn quê nam-tường.
Lớp này đặt cạnh trường hương,
Phải tùy phong-thổ mở mang nghề thường.
Công, thương mở lớp công, thương,
Canh-nông thì mở theo đường canh-nông.
Để cho nghề-nghiệp kiêm-thông,
Rồi sau kinh-tế mới hòng đủ ăn.
Sáu cầu « tỉnh-giảm thuế dân »,
Công, thương vui nghiệp làm ăn đủ dùng.
Bảy cầu « dựng nghĩa-sương chung»,
Trưng thu thóc lúa để phòng hung-hoang.
Tám cầu « thổ địa mở mang »,
Di dân cấp vốn khai hoang đường rừng.
Thương đồng Bảo-hộ đỡ nâng,
Làm cho rừng núi cũng từng khai thông.
Chín cầu « tư bản vun giồng »,
Bao phong những bậc có lòng vị công.
Mở ra ích lợi cùng chung,
Sắc rồng ban thưởng tỏ lòng hảo-tâm.
Mười cầu « lao-động xét thăm »,
Như người mẹ đẻ tiền trăm bạc nghìn.
Đặt quan Giám-đốc nhủ khuyên,
Phải quan Bảo-hộ định quyền làm ăn.
Mười một « cầu tế vĩ-nhân »,
Là thần xã-hội với thần quốc-gia.
Dùng toàn phẩm, quả, hương, hoa,
Bãi đồ xôi thịt cùng là thói man.
Lệnh thông toàn khắp dân-gian,
Trong ngoài đều phải một làn như
Để cho của khỏi tiêu hao, [nhau.
Để cho dân khỏi mắc vào dã-man.
Mười hai cầu « tiết Hạ-niên »,
Tứ thời các tiết tục truyền nên thay.
Chỉ dùng Nguyên-đán một ngày,
Bốn mùa tháng giữa đúng ngay ngày rằm.
Tháng hai cùng với tháng năm,
Tháng tám, tháng một gọi làm Chính
Trước là kỷ-niệm tổ-tông. [trung.
Sau ra ngoạn cảnh hóa-công vẽ vời.
Xuân đào nở, hạ sen khai,
Cúc kia thu ngát, thông này đông xanh.
Đó là quang-cảnh hữu tình,
Xem hoa ăn tết, thần, hình cùng vui.
Còn như các tết lôi thôi,
Ấy là tục cũ qua rồi bãi đi.
Để cho hợp với thời-nghi,

Thuận như khí-hậu chuyển di nhà trời.
Trông hoa ăn vận nghĩ ngời,
Tạc thù rót chén theo đời văn-minh.
Mười ba câu « phái học-sinh »,
Sang Tây du-học kinh-thành trứ-danh.
Hấp-thu không-khí văn-minh,
Để về truyền-bá nước mình sáng ra.
Mười tư câu « qui Lang-sa »,
Mở lòng quảng-đại hằng-hà rộng thêm.
Dắt dìu toàn-thể phương Nam,
Để cho khỏi đắm khỏi chìm bể Đông.
Ơn này cả nước ơn chung,
Ghi vào khoán-sắt biển đồng muôn năm.
Mười-lăm câu « viện Hàn-lâm »,
Mở ra cho rộng sưu-tầm tinh-hoa.
Kén người cổ-học Chi-na,
Cùng người Tây-học Lang-sa tinh-tường.
Dịch khoa học thuyết rõ ràng,
Làm khuôn giáo-dục các trường cùng theo.
Mai sau dân-trí không nghèo,
Họa may theo đuổi phong-trào ganh đua.
Mười-sáu câu « giảm chính tù »,
Là người quốc-phạm lưu-đồ bấy lâu.
Cũng vì thế-giới phong-trào,
Làm cho dân nước cùng xiêu tấm lòng.
Nhờ ơn trời đất mênh-mông,
Thể lòng che-chở bao-dung hết là.
Hiệp cùng qui-quốc Lang-sa,
Thể lòng hà-hải ơn tha dần-dần.
Để cho «hối-quá tự-tân»,
Quay đầu ngửa đội cái ân vô cùng.
Mười-bảy câu « thi bách-công »,
Chấn-hưng mĩ-thuật khuyên cùng quốc-dân.
Ai hay sáng-kiến tinh-thần,
Giúp đường kinh-tế làm ăn nước nhà.
Giữ-gìn quyền-lợi nước ta,
Mở-mang tiêu-thụ cả ra nước ngoài.
Thế là cũng có nghề tài,
Thưởng bằng mỹ-thuật để người cùng khuyên.
Họa may tư-tưởng lợi-quyền,
Quốc-dân cũng gắng xây nền hưng công.
Mười-lăm câu « phục sức » dùng.
Chấn-hưng nội-hóa hợp cùng thời-trang,
Định ra thức mặc lúc thường,
Cùng khi mặc lễ mọi đường hẳn-hoi.
Phân ra phục sức tứ-thời,
Tùy như thời-tiết để người noi theo.
Lại phân trật-tự mọi mầu,
Cùng là dấu hiệu định vào phục-chương.
Để ai cũng biết rõ-ràng,
Trông xem phục-sức tỏ-tường hình-dung.
Đó là lời nói cầu chung,
Ngửa xin dâng dưới bệ rồng lượng cho.
Còn như chủ-nghĩa tôn-phù,
Cũng xin nối «giọng tung-hô» vái mừng.
Một mừng quốc-tổ long-hưng,
Mọi miền sông, núi, biển, rừng kinh-doanh.
Dư-đồ gồm bộ Hồng-kinh,
Nối sau Trưng,Lý,Ngô, Đinh kế-truyền.
Lý, Trần, Lê cũng tiếp liền,
Bản-đồ mở suốt đến liền Trung-kỳ.
Địa-dư sử-ký biên ghi,
Cùng là cổ-tích cổ-bi còn đề.
Hoàng-triều nối nếp theo lề,
Trung,Nam gồm cả kéo về bản-chương.
Địa-hình một gánh đặt ngang,
Quẩy đẹo đôi thúng rõ-ràng không sai.
Bao nhiêu của báu chất đầy,
Non non, nước nước cũng tầy cao thâm.
Quốc-dân sinh-sản, ăn làm,
Kể hàng linh bốn nghìn năm đến giờ.
Một lòng hiếu kính tự xưa,
Hương-hoa đính-chúc phụng thờ chăm chăm.
Hai mừng qui-quốc tận-tâm,
Không từ muôn dặm xa-xăm giúp cùng.
Trước từ Tuế-tổ Gia-long,
Đến nay Kim-thượng một lòng thủy-chung.
Kể bao nhiêu cuộc hưng-công,
Điểm thêm hoa gấm non sông xứ này.
Nào là « chính-trị » đổi thay,
Đem quyền tam pháp phương Tây thi-hành.
Nào là «binh-thế» cải-canh,

Đem mầu tân-hóa văn-minh đúc rèn.
Nào là « kinh tế » xây nền,
Truyền khoa cách-trí thành hiền Tây-phương.
Thực là công đức vô-lượng,
Làm thầy khai-hóa đượng đường cõi Á Âu cùng phải diễm-đàm, [Nam.
Sánh trong năm xứ cho làm nhất đây.
Năm xưa Tiên-đế ngự chơi,
Phẩm-bình cũng lấy xứ này làm hơn.
Đối cùng qui-quốc cảm ơn,
Cái công bộ-quốc rất tôn rất sùng.
Ba mùng Kim-thượng quan-phong,
Tuần-du đến đó trong lòng vui sao!
Vui này vui kể đường bao,
Ngày nay mới thế trước đâu thế này.
Vui này riêng một góc trời,
Khi về Hương, Ngự xứ này bao quên.
Xuân thu đỉnh-thịnh ngày lên,
Thái, Bản cung chúc vững bền dài lâu.
Bốn mùng Hoàng-thống muôn thâu,
Lưỡng-cung trường-thọ hưởng đào tiên ban.
Ngô Hoàng sớm tối thỉnh-an,
Trà cam muôn nước thiết bàn kinh Ánh sao Bảo-vụ đôi tầng, [đàng.
Đèn trăng lóng lánh tỏ vằng trùng-quang.
Gần nghe tân-chính tân Hoàng,
Cùng tân chế-độ sửa sang tùy thời.
Lộc trời hiếu-dưỡng còn dài,
Phúc tầy bể thẳm, thọ tầy non cao.
Xa nghe tân-kịch tân-trào,
Cùng tân khoa-học hiện vào tương-lai.
Mẫu-nghi giữ phép ngay tầy,
Làm gương phụ-nữ trong ngoài cùng soi.

Năm mùng nghênh giá ngày nay,
Tây, Nam hợp mặt dòi tay đề-huề
Khắp đòi thành-thị thôn quê,
Chúc mừng Ngự-giá đi về cùng vui.
Sô-nghiêu ý kiến dòng dài,
Bày ra cũng khoảng một vài phút Đó là ý kẻ sơ-cuồng, [chuông.
Diễn ra một kịch tấn tuồng con con.
Phận hèn dâng bậc chí-tôn,
Gọi là một lối sô-ngôn tầm-thường.
Bát trân. cửu đỉnh đã thường,
Nấm rau dã-vị thử từng nếm qua.
Lòng thành dù thấu cao xa,
Rau thường cũng được tiếng là vẻ vang.
Lu-y trước nếm khoai xoáng,
Biết rằng có bột có đường bẩn hoi.
Sau khi khai yến làm vui,
Khoai sào từ đó dự vào tiệc hoa.
Mới hay rau cũng thú mà!
« Ăn rau mau việc » tục ta vẫn truyền.
Mừng nay Ngự giá vạn yên,
Nấm rau thảo ngũ tiến lên tâu bày.
Thuận-kinh muôn dặm đường dài.
«Cần thành» tiến đệ một bài lối ca.
Chữ rằng: «Nhật nguyệt quang hoa».
Bóng vàng vằng ngọc chắc là sáng soi.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

ẤU-HỌC ĐỊA-DƯ TIỆN-ĐỘC

II

A-phi-ly-gia-châu (*Afrique*)

23.

Phi-châu đối với Âu-châu,
Cách Địa-trung-bải (1) một dãu bắc-phương.
Đông-bắc giáp với bề Hường 紅海 (2),
Suy-ê (3) (A) sông ấy là luồng mới khai.
Đông tây giáp bề hai nơi,
Đông thời Ấn-độ, 印度洋 tây thời Tây-dương 大西洋.
Đất ba chục triệu ky-vuông, (km 2)
Về trong Thế-giới, là hàng thứ ba.
Trăm ba mươi triệu người ta,
Đen da cũng lộn trắng da (B) một miền.

1 *Méditerranée* 地中海
2 *Mer rouge* 紅海
3 *Canal de Suez* 蘇彝士河

A. — *Suez là cái sông ông Lét-xép* (苏色布 *Lessep*) *người nước Đại-Pháp, đào từ năm 1860 đến năm 1869 mới xong, sông ấy dài 160 kilomètres, rộng 60 thước tây, sâu 8 thước tây, phí-tổn hết 1500 triệu phật-lăng (Franc).*

B. — *Người da trắng ở phía bắc, như nước Ai-cập, v. v..*

24.

Đất chia bộ-lạc huyền-thiên,
Chỉ ba nước được chủ-quyền tỉ-ti.
Đông-bắc A-biệt xi-ni (1),
Lý-bê-ri-á (2) ở về phương tây.
Ê-rit (3) thuộc Thổ lâu nay,
Nước nhà còn hãy, trong tay chủ-quyền.
Còn dư tất cả các miền,
Các miền tất cả, thuộc Phiên-liệt-cường 列强,
Thuộc Pháp về phía bắc-phương,
An-rê (4), Ma-rốc ngang hàng, Tuy-ni (6),
Tây-ni-rê (7) với Guy-nê (8),
Xé-nê-cán (9) Đa-bô-mê (10) cũng gần;
Công-gô (11) được một nửa phần,
Tượng-gia-nan (12) cùng Hải-tần 海濱 không xa.
Giữa, bãi cát Xa-ha-ra (13),
Một vùng cát lớn, gọi là dê-de (nghĩa là sa-mạc);
Đông-bắc có xứ Ma-ly (14).
Cùng Anh với Ý phân chia ba phần.
Thuộc Anh về Tây-hải-tần 西海濱,
Một miền Xé-lập lê-ôn (15) ấy là.
Ni-rê (?), A-sát, (16) bao xa,
Gam-bi-ồ (17), cũng gần-gả Kim-nan (18).
Nam-phương Cáp-bị, (19) Na-tan (20),
Tật-răng sĩ-vạn, (21) Ô-răng (22) gần liền.
Chính-trung lại có hai miền:
Ni-a-xán. (23) vẫn tiếp liền Rô-đờ (24)
Đông một nửa, Giang-gi-ba (25),
Cách nhau với Ư-gan-da (26) gần cùng,
Thuộc Đức về hạt phương đông.
Với Anh chung đồng một Giang-di-ba.
Tây nam có Đạt-ma-la (27),
Cam-rông, (28) Tô-cố (29) đều là phía tây.
Thuộc Bồ 葡萄牙 gần những xứ này:
Đông, Mô-giam-biệt, (30) tây thời An-gô (31).
Thuộc Tỉ 比利時 xích-đạo Công-gô (32),
Chính-trung một đám đất to ai bì.
Thuộc Ban 西班牙 Ma-rốc hai bề,
Mu-ni (33) Ô-lặc (34) ấy thì Tây-biên.
Thuộc Ý Xú-ma (34) một miền,
Y-ri-lê-á (35) khít liền bắc-phương.

1 *Abyssinée* 阿比西亞
2 *Libéria* 來比利亞
3 *Egypte* 埃及
4 *Algérie* 阿勒支利亞
5 *Maroc* 麻洛哥
6 *Tunisie* 突尼斯
7 *Niger* 奈澤
8 *Guinée* 幾尼亞
9 *Sénégal* 森伊嘎勒

10	*Dabomey*	達賀美
11	*Congo fr.*	法屬庚哥
12	*Côte de l'Ivoire*	象牙灘
13	*Sahara (Désert)*	撒哈拉(沙漠)
14	*Lomalie*	梭茅利
15	*Sierra*	撒哈拉雷俄尼
16	*Achad*	阿珊第
17	*Gambie*	干比亞
18	*Côte d'or*	金子灘
19	*Cap*	哈北敦
20	*Natal*	那達勒
21	*Transvaul*	德蘭斯法勒
22	*Orange*	俄蘭支
23	*Niassaland*	尼西撒
24	*Rodhésia*	羅特沙
25	*Zanzibar*	敝巴
26	*Ouganda*	烏衿
27	*Damala*	達馬拉
28	*Cameronne*	喀沒龍
29	*Togo*	透勾
30	*Mozambique*	漠撒比革
31	*Angola*	安哥拉
32	*Cango Belge*	比屬庚哥
33	*Réode mouni*	摩尼
34	*Rio d'Oro*	俄勒
35	*Erythrée*	伊立德利亞

25e

Cù lao trong Ấn-độ-dương (印度洋).
Thuộc cùng Đại-Pháp, rõ-ràng có ba :
Lớn nhất Mã-đạt-gát-ca (1),
Buộc-bông (2) thì nhỏ, với Cô-mo-rở (3).
Giang-di-ba (4) Mô-rích-xở (5).
Với Xô-cô-tô (6) đều là Thuộc Anh.
Tây-dương, có đảo A-xanh (7),
Xanh-hê-len (8) (A), cũng thuộc Anh bao giờ.
A-nô (9) với Ma-de-rở (10),
Với Vi-quần-đảo (11) từ xưa thuộc Bồ.
Một hòn Phê-nặng-đô-bô (12),
Với Ca-na-rích (13), về đồ Ban-nha.

1	*Madagascar*	馬達嘎斯嘎島
2	*Bourbon*	彼爾奔島
3	*Comores*	革摩羅島
4	*Zanzibar*	敝巴島
5	*Maurices*	伐利施島
6	*Socotora*	梭哥德拉島
7	*Ascension*	阿申森島
8	*St Heleine*	聖絲利那島
9	*Açores*	亞梭耳島
10	*Madères*	馬德拉羅島
11	*Iles du Cap Vert*	斐德嘎羅島
12	*Fernandò Po*	斐爾多波
13	*Canaries*	嘎那利羅島

A. — *Xanh-kê-len là chỗ ông Nã-phá-luân bị đầy lần thứ hai.*

26e

Núi thời Ky-lý măng-ra (1),
Sáu ngàn tây-xích, ấy là cao hơn.
Bắc-phương, A-lạc-xi-sơn (2)
Ky-nê (3) theo mé, Hải-loan (海灣) phương đoài.
Hỏa-sơn cũng có một hai,
Phúc-nê (4) là một hai là Vi-ròng (5).
Phúc-nê (4) trong đảo Buốc-bông, (波爾奔島)
Vi-ròng (5), trong vòng. Tỷ-thuộc canh-kha (比屬庚哥)

1	*Nil*	尼勒河
2	*Zambèze*	散備西河
3	*Sénégal*	森伊哥勒河
4	*Gambia R.*	干比亞河
5	*Niger R.*	奈遮河
6	*Congo*	庚哥河
7	*Orange*	俄蘭支河

28e

Hồ thời Việt-tô-ri-a (1),
Với An-be (2) cũng Nê-bà (尼革河) phát nguyên.
Ni-a (3) tìm bởi Lý-ôn (李溫七敦)A,
Tăng-gô-ni-cá (4), là nguồn Canh-kha (庚哥河).

1	*Victoria*	斐多利亞湖
2	*Albert*	阿勒伯湖
3	*Uyassa*	尼亞散湖
4	*Tauyanika*	且干亦嘎湖

A. — *Lý-ôn-sĩ-đôn (Liwinsglone) là người nước Anh-cát-lợi tìm được cái hồ Ni-át-xa trong năm 1859, đến sau ông ấy chết lại một bên Hồ-Bằng-nê-lô.* (邦圭俄湖) (*Bangwéloo*).

29.

Sản-vật có dịu, có ngà.
Thứ nhất nhiều là cây gỗ mê man. (A)
Kim-cương (金剛) trong hạt Ước-hàn,
Bạc vàng thời ở Ô-răng-rờ-hà (2).
Động-vật có ria-ráp-phờ (B)
Sa-mô (G) kia, với chim đà (D), thiếu chi.
Khỉ lớn : Sim-băng (Đ) Gô-ry (E)
Ruồi thời có thứ Xê-xê (G) cắn người.

1 *Ichannesbourg* 約翰布革
2 *Orange* 俄蘭支河

A. — *Cây gỗ nhiều nhất là về xứ Tỉ-thuộc-Canh-kha.*

B. — *Ri-rạp-phờ* (支 喇 嘛 *Giraphe*) *là một con thú hình như con hươu mà rất cao cổ, chạy thời mau hơn các thú vật khác.*

C. — *Sa-mô* (*Chameau*) *là con Lạc-đà, người ta nuôi nó để cỡi đi trên các đồng cát, vì nó quen chịu khát nước đến 7,8 ngày.*

D. — *Chim đà-điểu* (*Autruche*) *lớn nhất trong các thứ chim.*

Đ E. — *Sim-băng* (申 班 西 *Chimpanzé*) *và Cô-ri* (哥 雞 拉 *Gorille*) *là hai thứ khỉ rất lớn, sức nó mạnh như sức voi.*

G. — *Thứ ruồi xê-xê, nó cắn người ta, thì sinh chứng buồn ngủ.*

30.

Thông-thương rải-rắc đôi nơi,
Nam thời Cáp-bị (1), bắc thời Ô-răng (2),
Hỏa-xa Nam-bắc một đường,
Cai-la (3) Hảo-vọng (4) một hàng thông liền.

1 *Cap* 哈北敦
2 *Orange* 俄蘭支
3 *Caire* 該羅 (埃及京)
4 *C. de bonne espérance* 好望角

A-mĩ-lỵ-gia-châu *(Amérique)*

31.

Mĩ-châu gồm cả ba miền (北 南 中),
Bắc-băng-dương ấy tiếp liền Bắc-phương.
Phía đông giáp Đại-tây-dương,
Ăng-tin (1), chánh giữa, Thái-bường (太 平 洋) phía tây.
Giữa thì Trung-mĩ (2) một giây,
Bắc-Mĩ (北 美) Nam-Mĩ (南 美) chia hai rõ-ràng.
Bốn-mươi-mốt triệu ky vuông,
Trăm tám chục triệu, kể tường số dân.
Trắng da chiếm hết nhiều phần,
Đỏ da còn lại thổ-dân một vài.
Nước chia ước ngoại hai mươi,
Lần lần đều đã theo đòi văn-minh.

1 *Mer des antilles* 加里北海
2 *Amérique centrale* 中亞美利加
3 *Amérique du Nord* 北亞美利加
4 *Amérique du Sud* 南亞美利加

A. — *Các nước của châu Mĩ, nguyên trước đều thuộc với châu Âu, trừ ra một nước Ba-rê-ri thuộc với Bồ-đào-nha, còn dư thuộc về Tây-ban-nha cả, mà bây giờ chỉ còn một đôi chỗ thuộc với nước Anh-cát-lỵ mà thôi, còn bao nhiêu đều tự lập dân chủ cả rồi.*

32.

Bắc-Mĩ có Mê-ri-canh, (美利堅) (1)
Bốn mươi tám hạt, hợp thành nước dân (民國).
Va-danh-tông, (2) ở Hải-tần (海濱),
Tên quan Thống-lãnh mọi lần đặt ra.
Mếch-dích tức Mặc-tây-kha, (3)
Mê-dic-cô (4) ấy, tức là quốc-kinh.
Ca-na-da (5) thuộc nước Anh.
Có một kinh-thành gọi Ốt-ta-va (6),
Tây-bắc có A-lạt-ca (7).
Thuộc cùng Mĩ-quốc (美國) bởi Nga (俄羅斯) bán về.

1 *Etats Unis* 美利堅國合衆國
2 *Washington* 華盛頓京
3 *Mexique* 墨西哥國
4 *Mexico* 墨西哥京
5 *Canada* 加拿大
6 *Ottava* 俄達瓦京
7 *Alaska* 阿拉斯噯

A. — *Va-danh-tông* (華盛頓) *là một ông bây cách dân-chủ ra đầu hết, lấy tên ông ấy*

mà đặt tên kinh-thành, là để cho nhớ được lâu.

B. — *Nước Nga bán đất A-lạt-ca cho nước Mĩ, về trong năm 1867 giá bạc cả thảy 7.400.000 đồng.*

33e

Trung-Mĩ, sáu nước phân chia :
Gua-tê-mã-lát (1) gần kề Xan-va (2).
Hông-duy-rát (3) Ni-ca-ra (4),
Cốt-ta-ri (5) cũng gần gà với nhau.
Ba-nã-ma (6) vẽ chỗ eo,
Mảy may sáu nước, đều theo dân-quyền.

1	*Guatémala*	瓜矛瑪拉
2	*Salvador*	散勒法多
3	*Honduras*	狠度拉斯
4	*Nicaragua*	尼拉嗎瓜
5	*Castarica*	革斯達利嘎
6	*Panama*	巴拿瑪

34e

Nam-Mĩ có Bờ-rê-din (1),
Ri-ô-ra-nại (2) về miền phương Đông.
Guy-gian (3) ba nước chia chung,
Tây Anh đông Pháp (4) chánh-trung thời Hà.
Cực-bắc Vĩ-lặc-duy-la (5),
Thành Ca-ra-cát (6) đó là trên non.
Cô-lôm-bi (7) tức Kha-luân (哥倫北亞),
Thành Bô-gô-tá (8) trời xuân như thường.
E-qua-tơ (9) ở tây-phương,
Thành Ky-tô (10) cũng cửa hàng hơi to.
Bí-lỗ (11) tức nước Bê-rô,
Kinh-thành Ly-mã (12) xa hồ Ty-ty.
Trung-ương nước Bố-ly-vi (13),
Một chốn kinh-kỳ tên gọi La-bai (14).
Sĩ-ly (15) một nước hình dài,
Xăng-chi-a-cồ (16) gần ngoài đoài-phương.
Ác-răng-tin (17) cũng phú-cường,
Buy-no-e-rét, (18) phố-phường rất vui.
Ba-ra-gay (19) nhỏ hơi hơi,
Một chốn thành này: A-sủng-bắc-xông (20).
Uy-ruy-gay, (21) ở phương đông,
Mông-tặc-vi-đặc, (22) cuối dòng Ba-ra (Parama 巴拉那河).

1	*Brésil*	巴西
2	*Rio de zanério*	里約熱內盧京
3	*Guyane*	基阿那
4	*Cayenne*	該延京(大法國)
5	*Vénézuéla*	分額免拉
6	*Caracas*	嘎拉嘎斯京
7	*Colombie*	哥倫北亞
8	*Bogota*	波哥達京
9	*Equateur*	哀瓜多
10	*Quito*	基多京
11	*Pérou*	秘魯
12	*Lima*	利馬京
13	*Bolivie*	波利要亞
14	*La Paz*	蘇格雷京
15	*Chili*	智利
16	*Santiago*	散努阿哥京
17	*Argentine*	亞根鼎(銀國)
18	*Buenos-aires*	保偉那哀勒京
19	*Paraguay*	巴拉圭
20	*Assomption*	亞孫西安京
21	*Uraguay*	烏魯圭
22	*Montévidéo*	門德要雲京

35e

Cù-lao, Ấn-độ (西印度洋島) (1) kề ra :
Qui-ba, (2) Hải-tị (3) đều là tự-do.
Thuộc-Mĩ (美屬) Bốc-tô-ri-cô (4),
Thuộc Anh (英吉利) bản-đồ một đảo Ra-me (5).
Qua-đức-lũ (6) Mạc-ti-ni (7),
Hai đảo đều về Đại-Pháp chủ-trương.
Cách-loan-lằng (8) gần Bắc-dương, (北冰洋)
Thuộc về Đan-mặc chủ-trương những ngày
Thuộc Anh hải đảo đông tây :
Tây Vân-cồ-vĩ (9), đông thời Nơ-vơ (10).
Cực-nam một đảo tê-phơ (11),
Ác-răng (亞根鼎國) Sĩ-ly (智利國) bây giờ phân chia

1	*Iles des Antilles*	西印度羣島
2	*Cuba*	古巴島
3	*Haïti*	海地島多努
4	*Porto rico*	波多利哥島
5	*Jamaïque*	牙美嘎島
6	*Gua deloupe*	瓜達鹿北島
7	*Martiniqu.:*	馬的尼島
8	*Groenland*	革林蘭島
9	*Vancouver*	凡古要島

10 *Terre neuve* 午公德蘭島
11 *Terre de feu* 墨勒波島

36e

Núi thời bắc có La-ky (1) (北美州),
Nam có An-đích (2) hai chi nhăng-dàn.
A-công-ca-goa (3) hỏa-san,
Thuộc về Ngân-quốc (銀國卽亞根鼎) bảy ngàn thước tây.
Bô-lô-ca-tép (4) cũng vầy,
Cao năm ngàn rưởi thước tây ít gì!

1 *Rocheux* 羅嗇山
2 *Andes* 安的斯山
3 *Anconcagua* 阿根嘎瓜火山
4 *Popocatepel* 波波嘎達爾德火山

37e

Sông thời Bắc-Mĩ (北美州) ba chi:
Mặc-can-di (1) ấy chảy về Bắc-dương,
Về Đông có Xanh-lô-răng (2),
Ca-na (加拿大) Mĩ-quốc, phân-cương hai bề.
Về Nam Mĩ-xít xít-bi (3),
Mịt-xuy (4) Ô-hỷ (5) hai chi đổ dồn.
Nam-Mĩ (南美洲) có A-mã-dôn (6),
Chảy ra Đông-hướng, lớn hơn trong đời,
Chi-giang, (支江) kể lấy một vài,
Một Ta-ba-dụ (7), một thời Xanh-qui (8).
Còn sông Xang-phật-răng-xi (9),
Với Ba-na-mã (10) đều về phương đông.

1 *Mackenzie* 馬根西河
2 *Saint Laurent* 散勞連斯河
3 *Mississipie* 美緻緻悲
4 *Missourie* 蔑樞河
5 *Ohio* 烏哥烏河
6 *Amazone* 阿馬孫河
7 *Tapajoz* 些巴喻河
8 *Xingu* 擎規河中古河
9 *S. Francis-co* 散弧西斯哥河
10 *Panama* 巴拉那河

38e

Bề thời bắc có Huy-xông 揮衝海 (1)
Hồ thời bắc có Đại-hùng (2) Đại-nô (3).
Ca-na (加拿大) nam-giới năm hồ,
Huy-bê-ly-á (吹閣利亞蘇北利耳湖) (4) rất to ai đồng.
Mỹ-xỷ-can (美士干米香干) (5) với Huy-rông, (6),
Ông-la-ly-ố 翁些利惡恩德男 (7) liền cùng Ê-ri (晏利伊) (8).

1 *Baie d'Hudson* 揮衝海濱
2 *Lac de grand our* 大熊湖
3 *L'esclave* 大奴湖
4 *Lac Supérieur* 蘇北利耳湖
5 *Michigan* 米香干湖
6 *Huron* 瑚倫湖
7 *Ontario* 惡德男湖
8 *Erié* 伊利湖

39e

Một châu khoáng-sản thiếu gì,
Cựu-kim-sơn (A) ấy xưa kia núi vàng.
Trâu bò Ngân-quốc (銀國亞根鼎) chân chường (B),
Bông gòn nước Mĩ, mía đường Qui-ba. (古巴島)
Thú thời Nhã-cách (雅隔) (C) Lạp-ma,
Chim thì có thứ Công-đà (公佗兒) (D) lớn hung.

A. — *Cựu-kim-sơn ở về phía tây-bắc nước Mĩ, đặt tên như vậy là vì người ta tìm chỗ ấy được trước khi tìm Tân-kim-sơn ở Úc-đại-lợi-á.*

B. — *Ngân-quốc (Argentine) nhiều trâu bò quá, người nước ấy muốn ăn một miếng gan trâu, thì lập-tức giết một con.*

C. — *Nhã-cách (Jaguor) là một con thú hình như con dê mà nhiều lông.*

D. — *Chim công-đà (Condor) lớn quá, hay bắt hươu mà ăn.*

40e

Cửa hang Bắc-Mĩ (北美洲) bên đông,
Nữu-ước-cách, (1) Va-danh-tông (2) hơn đời.
Bột-tôn (3) Quê-bích (4) nơi nơi,
Một chốn tây, thời Xang-phật-răng-cô. (5)
Nam-Mĩ, có Bách-nam-bua (6 (南美洲),
Buy-nô (7) (伯偉奴爽敍) Văn-bá-rê-dô (8) vui-vầy.

1 *New york* 紐約革(美)
2 *Washington* 華盛頓京(美)
3 *Boston* 波斯香(美)
4 *Québec* 圭倫革(加)
5 *San francisco* 散風西斯哥(美)
6 *Pernambouc* 伯南布哥巴面
7 *Buenos-aires* 伯偉內勒京(墨國)
8 *Valparaiso* 法巴雷瑣(智利)

41e

Hỏa-xa trong những nước này,
Hoa-kỳ (花旗卽美國) Ca-nã (加拿大)
ba thì Ác-răng.
Hoa-kỳ, nhăng-nhít dọc ngang,
Nhiều hơn thứ nhất, muôn phương trong
đời.
Hai đường đông suốt qua tây,
Nữu-ước (1) chạy dài đến Thái-bình-
dương (太平洋).
Đường nam qua Ốc-lê-ăng (2),
Phía bắc một đường, qua Sĩ-ca-gô (3).
Đều qua Xăng-phật-răng-cô (4),
Lên Văn-cổ-vĩ (5) Việt-tô (6) thẳng hàng

1 *New york* 紐約革
2 *Orléans* 牛俄林斯
3 *Chicago* 施嘎哥
4 *San francisco* 散風西斯哥
5 *Vancouver* 溫古斐
6 *Victoria* 斐多利亞

Úc-đại-lỵ-châu (*Océanie*)

42e

Úc-châu trong Thái-bình-dương.
Tây Á, đông Mĩ hai phương giáp cùng.
Bao nhiêu hải-đảo kể chung,
Kỳ vuông chín triệu gần đồng Âu-la.
Bảy triệu năm ức người ta,
Đen da mọi-rợ, trắng da cường-quyền A).

A. — *Đen da là người Thổ-trước của châu ấy, hãy còn ngu-dại quá, phong-tục bạc-ác, thường giết nhau luôn, còn da trắng là người Âu-châu qua cai-trị, nhiều nhất là người Anh cát-lỵ.*

43

Cù-lao lớn bé huyền-thiên,
Chiếu theo địa-thế ba miền chia ra.
Một là Úc-tỵ-đạt-la (1),
Hai là Mê-lạp (2) ba là Bố-ly (3).

1 *Australasie* 奧大利亞州羣島
2 *Mélanésie* 美利尼西亞羣島
3 *Polynésie* 波利尼西亞羣島

44e

Úc-tỵ-đạt 奧大利西亞羣島 có ba
Úc-đại-lỵ (1) Tát-ma-ni (2) gần gà. [vì:
Tân-giê-lăng (3) ở hơi xa,
Quyền Anh cai-trị chẳng là khác chi.
Mê-lạp 美拉尼西亞羣島 có Tân-
guy-nê (4).
Anh, Hà với Đức phân chia ba phần.
Phỉ-gi (5) cũng thuộc Anh quyền,
Thuộc Pháp một hòn Tân-cá-lê-đô (6).
Mã-xa-lặc (7) với Ca-rô (8),
Biệt ma (9) cũng thuộc bản-đồ An-măng.
Bố-ly-nê 波利尼西亞羣島 cách xa
chừng-
Mạc-ky (10), Tây-tị (11), Phật-lang chủ-
quyền.
Đông-phương : Hạ-ngõa y-quần (12),
Lập nên dân-chủ nhờ ân Hoa-kỳ.
Kinh-thành Hộ-nộ luy-luy (13),
Là đường hải-đạo 海道 đi về nghỉ chân.

1 *Australie* 奧大利亞島
2 *Tasmanie* 達馬尼島
3 *Nouvelle Zélande* 新西蘭島
4 *Nouvelle guinée* 新基尼島(巴布亞)
5 *Fidji* 斐支羣島
6 *Nouvelle Calédonie* 新嘎利多尼亞島
7 *Marshall* 馬沙勒島
8 *Carolines* 嘎羅林羣島
9 *Rismarck* 畢司麥克島
10 *Marquises* 馬革散斯島
11 *Tahiti (société)* 伊爾島
12 *Havaïe* 哈瓦伊羣島
13 *Honolulu (hahoulou)*

45.

Núi thời cũng An-bà-sơn (1),
Cổ-xi-uy-cổ (2) hai ngàn thước tây.
Hỏa-sơn trong những đảo này :
Dê-lăng (新西蘭島A) Bạ-ngọa (哈瓦伊島) hai nơi thiên-thành.
Sông thời Úc-đảo (澳大利亞山) có riêng,
Muy-ray (3) kia với Đạch-lanh (4) hai làn.

1 *Alpes Australiennes* 奥洲衰勒伯山
2 *Koncinko* 可斯體斯可山
3 *Murray* 朱雷河
4 *Grossé du dadhi* (*Đạt-linh*) 達令河

A. — *Nle Zélande* 新西蘭山
B. — *Havaï* 哈伊島

46

Khoáng sản 礦產 vàng, bạc, đồng, than,
Tân-kim-sơn 新金山 ấy về miền Úc-ty 奥大利亞島
Động-vật có thứ dị-kỳ,
Chim thời không cánh (A) chuột thì có đai. (B) 袋鼠.
Úc-đảo súc-vật nhiều thay !
Bò mười lăm triệu, cừu mười hai kinh (C).

A. — *Chim không cánh tên là Cát-đà* (Casdars).
B. — *Chuột có đai tên là Căng-gu-ru* (Kangrou) *thứ chuột ấy có một cái bọc ở dưới bụng, khi thấy người thì nó bỏ con vào đó mà chạy.*
C. — *Bò và cừu nuôi tại đảo Úc-đại-lý-á và Tân-giê-lăng là của người nước Anh-cát-lý, cứ mỗi năm kể tiền sinh lợi là được 5.000 triệu phật-lăng* (franc).

47.

Thông-thương mấy chốn rành-rành :
Một thành Men-buốc (1), một thành Xi-nê (2).
Hỏa-xa trong đảo Úc-ty (奥斯大利島) (A),
Nhiều hơn thứ nhất là về phương đông.

1 *Mebbourne* 美勒笨
2 *Zidnez* 西德尼

A. — *Hỏa-xa trong Úc-đại-lý-á là của người nước Anh.*

VIII. — Ngũ-châu tổng-luận

48.

Năm châu này lúc giao-thông,
Người đông đất rộng, ai đồng Á-châu ?
Người chia ba bậc khác nhau.
Văn-minh (A) Âu, Mĩ, hai châu hơn đời.
Á-châu còn hãy bán-khai, (半開) B
Hai châu Phi Úc, về loài dã-man (野蠻) (C).
Cõi trần là cõi đua chen,
Văn-minh tiến bước, dã-man suy lần.
Văn-minh trí-xảo tuyệt-trần,
Dã-man ngây dại trăm phần than ôi !
Việc đời nói chẳng hay rồi,
Muốn xem thiên-hạ, phải soi từ nhà.

A. — *Văn-minh là những nước có chánh-thể, có hiến-pháp và sự ích-lợi chung khắp cả một nước.*
B. — *Bán-khai là những nước cũng đã có chánh-thể, nhưng trong lúc nước hãy còn nhiều người chưa tấn-hóa.*
C. — *Dã-man là những chỗ chưa có chánh-thể, và cách ăn ở hãy còn in loài cầm-thú.*

IX. — Đông-dương (*Indochine*) (東洋)

49.

Đông-dương là cõi của ta,
Tiếp liền Ấn-độ (印度) Chi-na (支那) bai dãu.
Việt-Nam (1) (越南) Cam-bốt (2) (高棉) Ai-lao (3) (哀牢).
Đều kề chung vào Pháp-thuộc Đông-dương (4),

1 *Annam* 越南國
2 *Cambodge* 高棉國
3 *Laos* 哀牢國
4 *Indochine française* 法屬東洋

Ai-lao (*Laos* 哀牢)

50

Ai-lao nước ở tây-phương,
Quốc-đô Lủy-án-la-băng (1) một thành.
Ky vuông hai ức rành rành,
Sáu mươi ba vạn, hợp thành số dân.
Mười tỉnh tự bắc kề dần,
Hò-mê-công (2) ấy về phần mường xanh.
Lũy-áng-lạp (3) tức đô-thành,
Hứa-bành (4) kia với Trấn-ninh (5) đều là.
Vạn tượng (6), Cam-môn (7) bao xa,
Xa-văn-nã (8), Xa-ra-va (9) gần liền.
Át-tô (10) Bát-xế (11), tiếp liền,
Đều ở trong miền sông Cửu-long-giang A

1 *Louang prabang* 魯叠拉冰京
2 *Haut Mékong* 呼渭公省
3 *Louang prabang* 魯叠拉冰省
4 *Hứa-bành* 許彭省
5 *Tran-ninh* 鎮寧省
6 *Vientiane* 萬象省
7 *Cammon* 甘門省
8 *Savanakhet* 車文那法省
9 *Satavane* 車羅花省
10 *Attopeu* 邊租巴省
11 *Paksé* 笨尼省

A. — *Mékong* 九龍江.

Cam-bốt (*Cambodge* 高棉)

51

Cam-bốt ở tây-nam phương,
Thành Nam-vang (1) cũng gần luồng Cửu-long.
Mười bảy vạn ruỡi ky vuông,
Dân mười lăm ức rõ-ràng tính ra.
Tám tòa công-sứ gần xa,
Cực-bắc tên là Xi-tụng tất-lăng (2).
Công-bông-tung (3), Công-bông-năng (4),
Công-bông-chăm (5) Bá-lê-văng (6) gần-gà.
Căng-đan (7), Ta-kiều (8) bao xa,
Với Căm-bột (9) tỉnh đều là tiếp-liền.
Một quan Khâm-sứ giữ quyền,
Riêng ở một miền, gọi Bát-tam-băng (10).

1 *Phnom penh* 柬埔寨京城
2 *Stung treng* 贊巴疾陝省
3 *Komponthom* 公芄心省
4 *Komponchnang* 公芄其能省
5 *Komponcham* 公芄針省
6 *Prey-veng* 伯來文省
7 *Kandal* 兢丹省
8 *Takeo* 些嬌省
9 *Kampot* 甘遮省
10 *Battambang* 北蔣弄省

Việt-Nam (越南)

52

Việt-Nam ta ở phía đông,
Phía bắc giáp cùng một nước Trung-hoa (中華) A.
Đông-nam giáp bể Chi-na (1),
Mã-lai quần-đảo (2) trông ra bể ngoài.
Thênh-thênh một cõi đất dài,
Trước hai kỳ đến ngày rày chia ba B.

1 *Mer de Chine* 中國海
2 馬來西亞島

A. — *Phía bắc giáp với nước Trung-hoa, về địa-phận tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông.*

B. — *Trước xưa chỉ đặt làm hai kỳ, là Bắc-kỳ và Nam-kỳ, phân giới-trị từ dải núi Hoành-sơn.*

X.— Trung kỳ (*Annam* 中圻)

53

Trung-kỳ chính giữa nước ta,
Từ Nam đến Bắc nhẳng ra một hàng.
Đất mười tám vạn ky vuông,
Năm triệu năm ức rõ-ràng số dân.
Mười ba tỉnh hạt chia phân: (A)
Thừa-thiên là chốn Phú-xuân kinh-thành,
Tứ-trực (四直) (B) Quảng-trị (廣治)
Quảng-bình (廣平).

Quảng-nam 廣南 Quảng-nghĩa 廣義 gần quanh đô-thiềng.
Hữu-kỳ 右畿, Hà-tĩnh 河靜 Nghệ-an 乂安,
Với Thanh-hóa tỉnh, tiếp-liên phía ngoài.
Tả-kỳ 左畿 địa-thế hơi dài,
Bình-định liền rầy với tỉnh Phú-yên 平定富安.
Khánh-hòa 慶和 Bình-thuận 平順 Lâm-viên 林園.
Cả năm tỉnh ấy, về miền phía trong.

A. - *Trước xưa thì có 12 tỉnh, nay mới đặt thêm một tỉnh Lâm-viên.*

B. — *Từ-trực lại chia hai : Quảng-trị Quảng-bình là hữu-trực : Quảng-nam, Quảng-nghĩa là tả-trực.*

54e

Núi thời một dải giáp chung,
An-Nam sơn-đới (1) chạy cùng phía tây.
Nằm ngang có những dải này :
Ngoài Thanh Tam-điệp 三疊 trong thì Na-sơn (那山).
Hồng-lãnh (A), phía nam Nghệ-an,
Quảng-bình bắc-giới Hoành-sơn (橫山) (2) nhằng dài.
Hải-vân (海雲山) (3) trong Huế ngoài Hàn,
Cù-mông 虬蒙 Bình-định Phú-an chung cùng.
Thạch-bi 石碑山, Đại-lĩnh 大嶺 (4) nằm chung,
Khánh-hòa bắc-giới, ngàn trùng nguy-nga.
Cửa đèo bành-khách đi qua,
Hợp-hàm (5) Qui-hợp (6) Măng-gia (7) gần kề.
Lần vào Lao-bảo (8), An-khê (9) (B),
Cùng nẻo đi về với nước Ai-lao.
Những đèo nam-bắc ra vào,
Hai nơi : Mẫu-tử (10) Giốc-cao (11) liền gần (C).
Vân-quan (12) kia với Hoành-quan (13),
Đều nơi thiên-hiểm cách ngăn trong ngoài.

1 *Chaine annamitique* 安南嶺
2 橫山
3 *Montagne de nuage* 海雲山
4 *Đèo cả* 大嶺
5 *Col de Hợp-hàm* 合凡隘
6 *Col de Qui-hợp* 歸合隘
7 *Col de Mengia* 芒家隘
8 *Col d'Ai-lao* 牢堡隘
9 *Col d'An-khê* 安溪隘
10 *La mère et l'enfant* 母子山隘
11 *Col de Jokkao* 角高
12 *Col de nuage* 海雲關
13 *Porte d'Annam* 橫山關

A. — *Hồng-lĩnh có 99 chóp, tuy ở phía nam Nghệ-an, nhưng vẫn thuộc về địa-phận Hà-tĩnh.*

B. — *Đèo Ai-lao thuộc về Quảng-trị. Đèo An-khê thuộc về Bình-định.*

C. — *Đèo Mẫu-tử và đèo Giốc-cao thuộc về Khánh-hòa.*

55e

Sông thì mạch phát từ tây,
Đều chảy ra ngoài mé bể Chi-na (中國海).
Lần từ phía bắc kể ra :
Thuộc Thanh sông Mã 馬江 (1) với là sông Lương 梁江 (2).
Nghệ, Lam-giang 藍江 (3), Tĩnh, La-giang 羅江 (4),
Chảy chung đến huyện Thanh-chương đồ đồng.
Gianh-giang 瀧江 (5) cũng rộng mênh-mông,
Với sông Nhật-lệ 日麗 (6) về trong Quảng-bình.
Hãn-giang (7) khít Quảng-trị thành,
Bồ (8), Hương (9) 蒲江 香江 hai dải gần quanh kinh-kỳ.
Gần kinh lại có Hải-nhi (cái phá),
Tam-giang 三江海兒 (10) là một bai thì Hà-trung 河中 (11).
Sài-giang 柴江 (12), Trà-khúc 茶曲 (13) phía trong,
Thuộc về Nam, Nghĩa hai sông rõ-ràng.
Tam-huyện-giang 三縣江 (14) Đà-lăng-giang 沱嶺江 (15),
Một luồng Bình-định một luồng Phú-yên.
Khánh-hòa, Bình-thuận tiếp liền,
Một triền Phúc-lộc 福祿江 (16) một triền La-nga 羅俄江 (17).

1 *Sông Mã chảy ra cửa Càn.*
2 *Sông Lương đổ vào sông Mã.*
3 *Sông Lam và sông Ca ra cửa Hội-thống.*
4 *Sông La đổ vào sông Lam-giang.*
5 *Sông Gianh ra cửa Thanh-hà.*
6 *Sông Nhật-lệ ra cửa Nhật-lệ.*
7 *Sông Hãn ra cửa Việt-an.*
8 *Sông Bồ-giang ra cửa Thuận-an.*
9 *Sông Hương-giang ra cửa Thuận-an.*
10 *Sông Tam-giang ra cửa Thuận-an.*
11 *Phá Hà-trung ra cửa Tư-hiền.*
12 *Sông Chở-củi ra cửa Đại-chiêm.*
13 *Sông Trà-khúc ra cửa Cổ-lũy.*
14 *Sông Tam-huyện ra cửa Thi-nại.*
15 *Sông Ba ra cửa Đà-diêu.*
16 *Sông Phúc-lộc ra cửa Cửu-huôn.*
17 *Sông La-ngà vào sông Đồng-nai.* (*Nam-kỳ*).

56

Hồ, đầm, vũng, lạch kể ra,
Nghệ-an hồ Nộn 嫩 江 (1) với là Đỏ-lâm 杜 林 湖 (2).
Quảng-bình : Hạc-hải 涸 海 (3) Liên-đầm 連 潭 (4),
Thừa-thiên Hến-trạch 螼 澤 (5), Quảng-nam Yên-hòa 安 和 潭 (6).
Quảng-nghĩa Liên-chiểu 連 沼 (7), Chi-ta 卽 阿 公 潭 (8),
Trà-ô 茶 烏 (9) nước Ngọt 淡 水 澤 (10) đều là Qui-nhơn.
Xuân-đài, vũng Lấm 森 臺 澳 泳 淋 (11-12) Phú-an,
Vân-phong 雲 風 澳 (13) kia với Cầu-huân 虬 勳 港 (14) Khánh-hòa.
Ôn-tuyền nước nóng chảy ra,
Quảng-bình có một (A), một là Thừa-thiên (B).
Quảng-nam Quảng-nghĩa gần liền,
Một tỉnh 南 ba miền (C) một tỉnh 義 năm nơi (Đ).

1 *Hồ Nộn về huyện Nam-đàn.*
2 *Hồ Đỏ nguyên về huyện Hưng-nguyên.*
3 *Phá Lạc-hải về huyện Lệ-thủy.*
4 *Liên-đầm về huyện Lệ-thủy.*
5 *Đầm Sam về huyện Phú-lộc.*
6 *Đầm Yên-hòa về phủ Tam-kỳ*
7 *Liên-chiểu về huyện Phú-mỹ.*
8 *Đầm Chi-ta về huyện Mộ-đức.*
9 *Vũng Trà-ô về huyện Mộ-đức có hai cái.*
10 *Đầm Nước-ngọt về huyện Phú-mỹ.*
11 *Vũng Xuân-đài về phủ Tuy-an*
12 *Vũng Lấm về huyện Đồng-xuân.*
13 *Vũng Vân-phong về huyện Quảng-phúc.*
14 *Vũng Cầu-huân về huyện Vĩnh-xương.*

A. — *Khe nóng Quảng-bình về làng Phú-lưu thuộc phủ Quang-trạch.*

B. — *Khe nóng Thừa-thiên về làng Dương-hòa, trong huyện Hương-trà.*

C. — *Khe nóng ở Quảng-nam có ba chỗ : một là tại làng Nhân-phước, trong huyện Hòa-vang, một là tại làng Phú-tâu trong phủ Tam-kỳ.*

Đ. — *Khe nóng ở Quảng-nghĩa có 5 chỗ : một là tại Thạch-trụ trong huyện Mộ-đức, một là tại làng Thạch-bích, một là tại làng Kim-thành, đều trong huyện Minh-sơn, một là tại làng Thạch mỹ, một là tại làng Yên-hội, đều trong huyện Chương-đức.*

57

Vật-sản cũng khá hơi hơi,
Lúa, khoai, ngô, đậu khắp nơi mọi miền.
Dừa Bình-định (1) quýt Thừa-thiên (2),
Quảng-bình dưa quả (3) Phú-yên thì xoài (4).
Mía, đường Nam (5) Nghĩa (6) đôi nơi,
Sâm thời Quảng-trạch (7), quế thời Thanh-hoa (8) (卽 清 化).
Kỳ-nam trong hạt Khánh-hòa (9),
Yến-sào núi Biện 卞 山 (10) với là Mũi Đao (11).
Quảng-bình 廣 平 cây gỗ cũng nhiều,
Nông-sơn 農 山 (12) than đá, bồng-miêu 芃 苗 (13) mỏ vàng.

Cao-su trong hạt Nha-trang 芽莊 (14),
Cá tôm Phan-rí 潘哩 (15) Phan-rang 潘郎 (16) thiếu gì.
Sò, sa thêu dệt các nghề,
Một về Bình-định (17), một về Quảng-nam (18).
Thừa-lưu 承流 (19), Bến-thủy 濱水 (20), Long-bàm 龍中龍 (21),
Máy diêm cưa gỗ đặt làm ba nơi.
Thông-thương các mặt trong ngoài,
Tua-ran (*Tourane*) (22) thứ nhất, hai thời Qui-nhơn (23).
Nha-trang (24) với Vĩnh 永安 (25) xa gần,
Hỏa-thuyền cũng một đôi lần vãng-lai.

1 *Dừa tại phủ Hoài-đức.*
2 *Quít tại làng Hương-cần.*
3 *Dừa tại huyện Bố-trạch l. u. c.*
4 *Xoài về huyện Đồng-xuân.*
5 *Mía Quảng-nam về huyện Diên phước.*
6 *Mía Quảng-ngãi về huyện Bình-sơn.*
7 *Sâm Quảng-trạch về làng Trung-thần.*
8 *Quế tại châu Thường-xuân và Lương-chánh.*
9 *Kỳ-nam về làng Tân-định và Yên thành.*
10 *Lao-biện-sơn về Thanh-hóa.*
11 *Mũi Đao tại Vũng chùa Quảng-bình.*
12 *Nông-sơn về Quảng-nam.*
13 *Bồng-miên về Quảng-nam.*
14 *Nha-trang về Khánh-hòa.*
15 *Phan-rí về huyện Hoa-đà.*
16 *Phan-rang về Khánh hòa.*
17 *Sò sa Bình-định về Tuy-phước Hòa-tân*
18 *Sò sa Quảng-nam về huyện Diên-phước.*
19 *Thừa-lưu về Thừa-thiên.*
20 *Bến-thủy về Nghệ-an.*
21 *Hàm-rồng về Thanh-hóa.*
22 *Tourane là Đà-nẵng về tỉnh Quảng-nam.*
23 *Qui-nhơn là tỉnh thành Bình-định.*
24 *Vĩnh-yên tại tỉnh thành Nghệ an.*

58

Đường thời dịch-lộ rất dài.
Từ trong Bình-thuận hết ngoài Thanh-hoa.
Noi theo mé bể xa xa,
Kể ki-lô-mét ngàn và bốn trăm.
Chín trăm từ Huế vào Nam,
Huế ra đến Bắc năm trăm có ngoài.
Hỏa-xa ba đoạn cũng dài,
Trong Nam ngoài Bắc, giữa thời Thừa-thiên.
Bắc vào mới đến Nghệ-an (A),
Thanh-hóa Phủ-diễn mấy miền qua ngang.
Nam ra mới đến Nha-trang (B),
Ngang qua Phan-thiết Phan-rang bến Tàu.
Thừa-thiên một dải Trung-châu,
Kinh-thành chính giữa hai đầu vào ra.
Ngoài ra tiếp Bến-thủy ga, 東河 廣治
Trong vào tột giới ấy là Tourane.
Còn lên các miệt lâm-san,
Một đôi nơi có đường quan thông cùng.
Một đường Nghệ đến Xiêng-khung,
Trải qua Lương-thọ 梁壽 Cồn Công, Cửa-Rào.
Một đường Hà-tĩnh lên Lào,
Việt-yên 越安 Tĩnh-bồ 靖浦 thẳng vào Cam-môn.
Một đường lên tới Sa-vãn 沙文那結,
Qua Lao-bảo với Na-hồn dải ghê.
Một đường Công-tum (Kontum) 崑嵩 đi về,
Qua Bình-khê với An-khê rành rành.
平溪 安平定

A. — *Đường bắc từ địa-giới Ninh-bình đến Nghệ-an 198 cây số.*
B. — *Đường nam từ địa-giới Biên-hòa đến Nha-trang 300 cây số.*
C. — *Đường Huế ra Đông-hà 68 cây số.*
D. — *Đường Huế vào Tourane 107 cây số.*

XI. — Bắc-kỳ (*Tonkin* 東京)

59e

Bắc-kỳ là xứ Tông-canh,
Phía nam giáp với tỉnh Thanh Trung-kỳ.
Đất mười hai vạn phương-ky (Km 2),
Sáu triệu năm ức, nói về số dinh.
Lịch-triều còn dấu Quốc-kinh (A).
Một thành Hà-nội là thành phồn-hoa.
Hải-phòng thành-phố cách xa,
Cũng nơi thương-mại, phiền-hoa không vừa.
Mười ba tỉnh hạt từ xưa (B),
Hai-mươi-lăm tỉnh bây giờ chia ra.
Hà-đông 河東 tục gọi Cầu-đơ,
Bởi thành Hà-nội trích ra một miền.
Về nam ba tỉnh gần liền,
Hà-nam 河南 即府 里仁 (1) Nam-định 南定 tiếp liền Ninh-bình 寧平.
Đông nam hai tỉnh gần quanh.
Hưng-yên 興安 kia với Thái-bình 太平 khít liền.
Đông thời Hải-dương 海陽 Kiến-yên 建安 即海防 (2),
Về phương đông-bắc, Quảng-yên 廣安 một thành,
Phía tây bảy tỉnh chia rành,
Sơn-tây 山西 Hưng-hóa 興化 (3) Hòa-bình 和平 bao xa.
Với Lai-châu 萊州 với Sơn-la 山羅,
Lao-cay 老街 Yên-bái 安沛 đều là một phương.
Bắc thời Bắc-ninh 北寧 Bắc-giang 北江 即府 諒滄 (4),
Phúc-yên 福安 với tỉnh Tuyên-quang 宣光 gần miền.
Vĩnh-yên 永安 gần với Thái-nguyên 太原,
Lạng-sơn 諒山 Bắc-cạn 北滸 tiếp liền Cao-bình 高平.
Còn về hai đạo Quan-binh,
Hà-giang 河江 Mông-cái 芒街 (5) hai thành chia ra.

1 *Hà-nam tức là Phủ-lý*
2 *Kiến-an tức là Hải-phòng.*
3 *Hưng-hóa tức là Phú-thọ.*
4 *Bắc-giang tức là Phủ-Lạng-thương.*
5 *Mông-cay tức là Hải-ninh.*

A. — *Quốc-kinh các đời trước : Như Hùng-vương đóng đô tại đất Bắc-kinh, trong huyện Đông-ngạn, Đinh Tiên-Hoàng đóng tại tỉnh Ninh-bình, trong huyện Gia-viễn, còn từ nhà Lý đến nhà Trần và nhà Lê đều đóng tại Hà-nội.*

B. — *13 tỉnh ngày xưa là : Hà-nội, Nam-định, Sơn-tây, Bắc-ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Quảng-yên, Ninh-bình, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-sơn và Cao-bình.*

60e

Núi thời Mạch-phật rất xa,
Từ Vân-nam-giới ấy là phía tây.
Đông-nam chạy xuống ba dây A,
Đến miền Hưng-hóa Sơn-tây thì ngừng.
Sơn-tây non Tản 傘圓山 mấy tầng,
Ngàn hai trăm rưởi tính bằng thước tây.
Vĩnh-yên Tam-đảo (三島山) đối ngay,
Ngàn ba trăm thước cao thay ai bì.
Giáp Tàu phía bắc một chi,
Từ tây một mạch chạy về xa xa.
Bố-la-ca 布些歌 (1) Bi-a-gia 碑阿加 (2),
Hai ngàn dư thước lại là rất cao.
Phía đông mấy đám cù lao,
Cát-bà 葛婆 kia với Cái Bàu 号包 gần quanh.

1 *Pontaka* 布些歌山
2 *Piaya* 碑阿加山

A. — *Ba-dây : một dây phía nam sông Nhị-hà và phía bắc sông Đà-giang, một dây phía nam sông Đà-giang, một dây phía bắc sông Nhị-hà.*

61e

Sông thời ra vịnh Tông-canh (*golfe du Tonkin*), (A)
Nhị-hà 珥河 kia với Thái-bình 太平 lớn hơn (B).
Nhị-hà (C) nước đỏ như son,
Núi Vân-nam ấy là nguồn chảy sang.
Hiệp-lưu hai chánh rõ-ràng,
Lư-giang 流江 清江 (3) kia với Đà-giang 沱江 黑江 (4) đều là.

Hạ-lưu mấy chánh chia ra,
Tả là Nguyệt-đức 月德江 (5) hữu là Hát-giang 喝江 (6) (D).
Châu-giang 珠江 với sông Vị-hoàng 渭黃江.
Nhị-hà qua với Hát-giang thông cùng.
Sông Luống 天德江 (7) sông Lục 綠江 về đông,
Lại chảy chung cùng với Thái-bình-giang.
Thái-bình (8) cũng gọi sông Thương 滄江,
Nguồn từ tỉnh Lạng 諒山 trong rừng Cai-kinh 該荊山.
Chi-giang hai phía rành-rành,
Cầu-giang 梁江 Lục-ngạn 陸岸江 陸南江 hai ngành đổ chung.
Còn Bằng-giang 平江 với Kỳ-cùng 奇窮江,
Qua Tàu nhập với một dòng Tây-giang 西江 (Đ).

1 *Fleuve Rouge* (*sông cái*) 紅河, 珥河
2 *Rivière de Thái-bình* 太平江
3 *Rivière Claire* (*sông Ngâu*) 灌江
4 *Rivière Noire* (*sông bờ*) 沱江
5 *Sông Cà-lồ* 月德江
6 *Sông Đáy* 喝江
7 *Sông Luống* 天德
8 *Canal de Bambou* 綠江

A. — *Vịnh Tông-canh* 東京海灣 Golfe du Tonkin.

B. — *Sông Nhị-hà chảy ra cửa Ba-lạt, cửa Lạch và cửa Trà-lý.*

C. — *Sông Thái-bình chảy ra cửa Thái-bình, cửa Văn-úc, cửa Đồ-sơn và cửa Nam-triệu.*

D. — *Sông Hát-giang chảy ra cửa Đáy tức là cửa Liên hay là cửa Phát-diệm.*

Đ. — *Tây-giang (Sikiang) thuộc về nước Tàu, chảy từ Vân-nam đến Quảng-đông, đổ nhập với sông Châu-giang của nước Tàu.*

62e

Sản-vật có bạc cùng vàng,
Đồng Hưng-hóa kẽm Tuyên-quang dầu tây.
Mỏ than Phả-lại 普賴 Hòn-gay 丸瓦
Sắt Cao-bằng với Lao-kay 老街 hai miền.
Xả-cứ Đại-mại 耽刂 Quảng-yên,
Núi, rừng lim, gỗ, các miền thiếu chi.
Lúa thơm tỉnh Bắc 北寧 ai bì,
Kim-bảng 金榜縣 (1) có kỳ, Yên-thế 安世縣 (2) có sâm.
Tây hồ 西湖 (3) có thứ Sâm-cầm 秦禽,
Sơn-vi 山圍 (4) cá gáy, Linh-đàm 苓潭 (5) cá rô.
Vải Thượng-hội 上會社 (6) lạ Cổ-đô 古都 (7),
La-khê 羅溪 (8) Vạn-bảo 萬寶 gấm sô nhiều hàng.
Khảm Chuyên-mỹ 專美 (9) chén Bát-tràng 鉢場 (10),
Sơn Văn-giáp 文甲 thêu Tử-dương 紫陽 mấy miền.
Mực Cao-kỳ 高騎社 (11) bút Bạch-liên 白蓮社 (12),
Thợ mộc Nhân-hiền 仁賢社 thợ bạc Đồng-sâm 同琛社 (13).
Nón Kim-động 金洞社 giấy Trúc-lâm, 竹林社 (14).
Nghề chi nghiệp nấy sẵn cầm trong tay,
Bao nhiêu kỹ-nghệ người tây;
Máy diêm Hà-nội, máy xay Hải-phòng,
Yên-viên 安圓 (15) Nam-định, xi-măng (Ciment),
Hải-phòng lại nấu Xà-bong với dầu.
Gia-lâm 嘉林縣 (16) có xưởng đóng tàu (tàu cạn).
Việt-trì 越池 của gỗ, Đáp-cầu 塔球 (17) gạch nung.
Người Nam kỹ-nghệ mới thông,
Quay tơ một sở về trong Thái-bình 太平 [省.
Làm da thuộc, nấu thủy-tinh,
Hải-phòng kia với Hà-thành hai nơi 河內城.

1 *Kỳ, huyện Kim-bảng về làng Quyền-sơn.*

2 *Sâm, huyện Yên-thế về làng Chung-sơn.*
3 *Tây-hồ gần thành Hà-nội.*
4 *Sơn-vi, về tỉnh Hưng-hóa.*
5 *Linh-đàm về Hà-nội.*
6 *Thượng-hội về Hà-nội.*
7 *Cổ-đô về tỉnh Sơn-tây.*
8 *La-khê, Vạn-bảo, về tỉnh Hà-đông.*
9 *Chuyên-mỹ về tỉnh Hà-đông.*
10 *Bát-tràng về tỉnh Bắc-ninh.*
11 *Cao-kỳ về tỉnh Bắc-ninh.*
12 *Bạch-liên về Hà-nội.*
13 *Đồng-sâm về tỉnh Thái-bình.*
14 *Trúc-lâm về tỉnh Hải-dương.*
15 *Yên-viên gần thành Hà-nội.*
16 *Gia-lâm về tỉnh Bắc-ninh.*
17 *Đáp-cầu về tỉnh Bắc-ninh.*

63

Mấy đường dịch-lộ xưa nay,
Một từ Thanh-hóa thông ngay Ninh-bình.
Nam-định Phủ-lý Hà-thành,
Thái-nguyên Bắc-cạn Cao-bình liền thông.
Hà-thành, một chánh về đông,
Qua Hải-dương đến Hải-phòng Đồ-sơn 塗山.
Một chi bắc đến Lạng-sơn,
Lên Đồng-đăng đến Nam-quan chẳng chầy.
Một chi tây đến Sơn-tây,
Việt-trì Yên-bái Lao-kay thẳng bằng.
Việt-trì lại đến Tuyên-quang,
Qua Vĩnh-tuy đến Hà-giang một dầu.
Một đường quan-ải giáp Tàu,
Phía đông kề đầu Móng-cái Tiên-yên.
Lạng-sơn, Cao-bình tiếp liền,
Khỏi Hà-giang lại đến miền Lao-kay.
Còn từ Hưng-hóa về tây,
Qua Lào có một đường này thông nhau.
Vạn-yên 萬安 Vạn-vú 萬塢 đâu đâu,
Sơn-la 山羅 thẳng đến Lai-châu 萊州 một hàng.
Hỏa-xa hai dải dọc ngang,
Noi theo quan-lộ bốn đường giao-thông A.
Hà-thành một chốn chính-trung,
Đông về tột-giới Hải-phòng một chi B.
Nam vào Bến-thủy Trung-kỳ C,
Bắc ra tỉnh Lạng đường về Quảng-tây D.
Tây lên đến hạt Lao-kay Đ,
Tới Vân-nam-phủ một dây đi về.

A. — *Bốn đường hỏa-xa kinh qua những chỗ nào, cứ y như đường quan-lộ.*

B. — *Đường Hà-nội đến Hải-phòng 17 ga 102 cây số.*

C. — *Đường Hà-nội đến Bến-thủy 34 ga 326 cây số.*

D. — *Đường Hà-nội đi Lạng-sơn đến Đồng-đăng 22 ga 297 cây số.*

Đ. — *Đường Hà-nội lên đến Lao-kay 32 ga 297 cây số.*
Đường Hà-nội qua Lao-kay đến Vân-nam 757 cây số.

XII. — Nam-kỳ (*Cochinchine* 南圻)

64

Nam-kỳ tức Cô-sanh-si (交趾支那),
Bắc-phương giáp với Trung-kỳ phía trong.
Đất gồm sáu vạn ky vuông,
Số dân ba triệu kể chung mấy miền.
Ba nơi thành-phố gần liền,
Sài-gòn 柴棍西貢 (1) Chợ-lớn (務嶺) (2) hai miền người đông.
Cáp-sanh-rắc 哈祿角 (3) ở phía đông,
Cũng nơi buôn bán giao-thông vui vầy.
Hai-mươi tỉnh hạt chia bày,
Biên-hòa 邊和 Gia-định 嘉定 tiếp ngay Định-tường.
Vĩnh-long 永龍 Hà-tiên 河仙 An-giang 安江.
Ấy là Lục-tỉnh rõ-ràng từ xưa.
Còn bao nhiêu mới đặt ra,
Phía đông Bà-rịa 婆嘶 với là Gò-công 堰公.
Tân-an 新安 Mỹ-tho 美秋 liền-thông,
Bến-tre 淺梔 kia cũng gần cùng Trà-vinh 茶榮
Nam Bắc-liêu (北遼) với Sốc-trang 朔庄

Cần-thơ Sa-đéc trung-ương hai miền 勤 書 沙 的.
Tây-ninh 西 寧 riêng ở bắc-biên,
Châu-đốc 朱 篤 Rạch-giá 瀝 架 Long-xuyên 龍 川 phía đoài.

1 *Sài-gòn* 柴 棍 西 貢
2 *Chợ-lớn* 巒 蘭
3 *Cap St. Jacque* 哈 撩 角

65e

Núi thời chỉ có một hai,
Tây thời Long-hồ 龍 虎 山 bắc thời Bà-đình 婆 丁 (1).
Cù-lao mấy đám linh-tinh,
Côn-lôn 崐 崙 (2) Phú-quốc 富 國 (3), gần quanh bề ngoài.

1 *Baden* 婆 丁 山
2 *Poulo condor* 崐 崙
3 *Phú-quốc* 富 國 島

Sông thời hai dải rất dài,
Cửu-long 九 龍 江 湄 公 江 chia nhánh bên đoài chảy sang.
Là Tiền giang 前 江 (1) với hậu-giang 後 江 (2).
Đông nam chảy xuống, hai hàng song-song.
Lần lần kề tới bên đông,
Tiểu-giang lại có bốn dòng chảy ra.
Tây Vai-cô 西 隸 姑 即 興 和 江 tức Hưng-hòa,
Đông Vai-cô ấy tức là Tân-long (東 隸 姑 即 新 龍 江).
Sài-gòn-giang 柴 棍 即 安 通 江 tức An-thông,
Đồng-nai giang 同 貝 即 隆 江 vẫn Phúc-long kia là.
Bốn sông một lạch chảy qua,
Qua miền Chợ-lớn ấy là Lạch-ông 瀝 翁.
Tiếp theo Tồng-đốc 總 督 綠 江 (A) một dòng,
Tây Vai-cô lại thông cùng Tiền-giang.
Tiền-giang thông với Hậu-giang (B),
Hậu-giang mấy lạch thông ngang mọi miền.
Một Châu-đốc đến Hà-tiên (C),
Một qua Rạch-giá Long-xuyên khởi đầu (D).
Một Cần-thơ xuống Ca-mau 歌 毛 (Đ).
Cái-bè 丐 爰 川 Ông-đốc 翁 督 hai đầu chia ra.

1 *Fl. antérieur* 前 江
2 *Fl. postérieur* 後 江
3 *Vaico occidental* 西 隸 姑 江
4 *Vaico oriental*

A. — *Sông Tồng-đốc Lộc, là bởi vì quan Tồng-đốc Lộc đào ra.*
B. — *Tiền-giang thông với Hậu giang bởi 3 cái kênh Ni-co-lai Lạp-vỗ và Vĩnh-yên.*
C. — *Châu-đốc thông xuống Hà-tiên là bởi kênh Vĩnh-tế.*
D. — *Long-xuyên thông xuống Lạch-giá là bởi kênh Lạch-giá.*
Đ. — *Cần-thơ thông xuống Camau là bởi kênh Xa nô.*

67e

Vật-sản trong hạt Biên-hòa,
Đất là đất trắng, đá là đá ong A.
Lúa gạo Gò-công Vĩnh-long,
Long-xuyên Rạch-giá, miền sông cá nhiều.
Muối thời Bà-rịa Bắc-liêu,
Biên-hòa Phú-quốc trồng tiêu mấy miền.
Cao-xu Thủ-một 首 油 沒 huyện thiên,
Giầu miền Châu-đốc, ong miền Cà-mâu.
Các nghề công-nghệ xiết bao :
Chợ-lớn xay gạo nấu dầu xà-bong.
Gỗ cưa bên mé Lạch-ông,
Làm đồ chén bát, trong vòng Cây-mai B.
Châu-đốc một sở nấu vôi,
Sài-gòn có xưởng xe-hơi với tàu. (tàu cạn)

A. — *Đất trắng làm được đồ đàn, đá ong xây được tường nhà.*
B. — *Xứ Cây-mai gần với Chợ-lớn.*

68

Các đường quan-lộ bấy lâu,
Trung-kỳ một chánh thẳng vào xa xa.
Qua Bà-rịa đến Biên-hòa,
Khỏi Thủ-dầu-một đến Gia-định-thành.
Tây lên Tây-ninh Soái-riêng 帥 鏈 A,
Đến Ba-nam 巴 南 đã gần thành Nam-vang 南 榮 A.
Còn về trong mé tiền-giang,
Cái-bè một đường thẳng xuống Gò-công B.
Một qua Sa-đéc Vĩnh-long,
Trà-vang chia chánh Ba-đông 巴 東 ba trảng 巴 場.

Qua sông theo mé Hậu-giang,
Phía đông khỉ tự Sóc-trang một miền.
Qua Cần-thơ với Long-xuyên,
Lên Châu-đốc, đến tỉnh Biên cuối cùng.
Sóc-trang một chánh bên đông.
Qua Bắc-liêu đến cuối cùng Ca-mâu.
Hỏa-xa Trung-kỳ chạy vào,
Hết Bình-thuận giới tiếp theo Biên-hòa.
Sài-gòn Chợ-lớn trải qua,
Qua Tân-an đến cuối là Mỹ-tho.

A. — *Soài-riêng, Ba-nam và Nam-vang đều thuộc về Cao-man.*

B. — *Con đường từ Cái-bè xuống Gò-công có đi qua Mỹ-tho.*

XIII. — Tam-kỳ tổng-luận

69.

Ba kỳ chung một bản-đồ,
Việt-Nam cũng một nước to trong đời.
Ky vuông ba ức có ngoài,
Hơn mười lăm triệu là người vàng da.
Giang-sơn đất nước quê nhà,
Dựng gây chống đỡ kể ra bao giờ.
Lạc-Long 貉龍 君 là tổ ngày xưa,
Bốn ngàn năm lẻ đến giờ ít chi.
Trải qua Đinh 丁 Lý 李 Trần 陳 Lê, 黎
Nhật-nam 日南 Lâm-ấp 林邑 (A) đều về nước ta.
Bốn triều 本朝 nhất-thống sơn-hà,
Chiếm thêm Chân-lạp 眞腊 (B) lại là mở mang.
Từ ngày Đại-Pháp mới sang,
Đem lòng hộ-quốc mở đường dạy dân.
Văn-minh khai hóa lần lần,
Mới hay địa-học rất cần cho ta.
Non sông vẫn nước đất nhà,
Đất nhà đã ở việc nhà phải hay.
Việc nhà biết đủ một hai,
Về sau xét lại khắp ngoài hoàn-doanh.

A. — *Chiêm-thành tức là Chàm bây giờ, ngày trước gọi là Lâm-ấp, đất nước ấy nguyên là từ Quảng-bình đến Bình-thuận về sau nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê đánh lấy dần dần nên nước ấy phải mất nước, nay hiện hãy còn kinh-thành của nước ấy ở Bình-định gọi là Đồ-bàn 圖盤.*

B. — *Chân-lạp có hai thứ: Lục-Chân-lạp và Thủy-Chân-lạp; Lục-chân-lạp tức là nước Cao-miên bây giờ. Còn Thủy-Chân-lạp thì nhập vào nước ta. Từ hồi các tiên-chúa Bản-triều mới đánh lấy được, tức là Nam-kỳ lục tỉnh bây giờ.*

Biểu kê địa-diện và dân-số năm châu

	Địa diện	Nhân số
Á-châu	44.000.000 km².	910.000.000
Âu-châu	10.000.000 —	455.000.000
Phi-châu	30.000.000 —	130 000.000
Mỹ-châu	41.000.000 —	180.000.000
Úc-châu	9.000.000 —	7.500.000
Cộng	134.000.000 km².	1.682.500.000

Biểu kê địa-diện và dân-số cõi Đông-dương

	Địa diện	Dân số
Trung-kỳ	180.000 km².	5.690.000
Bắc-kỳ	120.000 —	6.500.000
Nam-kỳ	56.000 —	3.000.000
Ai-lao	200.000 —	630.000
Cao-miên	175.000 —	1.500 000
Cộng	731.000 km².	17.320.000

TRẦN MẠNH-ĐÀN

TÌNH-HẢI TỪ-HÀNG

(Sự kinh-nghiệm về chữ tình của hạng con trai)

III

Chàng Hà Vân-Pha

Hà-sinh là Vân-Pha người huyện Giám-hồ, người cha đi buôn ở đất Hồ, có bệnh đau nặng, gọi Vân-Pha lên thăm. Vân-Pha là người rất hiếu, nghe có mệnh cha tức-khắc đi ngay. khi đã đến chỗ trọ, thấy bệnh cha rất nguy-kịch, cả lấy làm lo. May được có thầy thuốc chạy-chữa mát tay, mới dần dà qua khỏi. Vân-Pha trong lúc người cha đang ốm, chăn-chực coi-sóc rất là cần-lao, thuốc-thang tất nếm trước rồi mới dâng cho cha uống, thâu đêm thường tình-túc ngồi bên cạnh để đợi mệnh cha, sợ rằng ngủ đi thì cha gọi lúc nào không biết mà lỗi đạo làm con.

Người chủ nhà trọ là họ Vương cùng với người cha là bạn đồng-nghiệp về nghề châu báu, giao-kết tình thâm, nhân cho mượn nhà để trọ, họ Vương có người con gái tên là Sất-Phân, trông thấy trạng-thái Vân-Pha; nhân có nghĩ riêng trong bụng rằng người ấy hiếu thay! Những kẻ làm con ở đời thì ta thấy cũng nhiều, có kẻ cha mẹ ốm mà chẳng đoái-hoài gì đến; thậm-chí có kẻ rất bất-hiếu, coi cha mẹ như cái vật không đáng khinh-trọng gì, có cũng nên chẳng có cũng vậy; người ấy dốc đạo làm con, nhất-thiết lo-lắng về tật-bệnh cha, cha muốn vật gì thì tức-khắc tìm mà dâng ngay, cha bảo điều gì thì tức-khắc theo mà làm ngay, bệnh cha hơi bớt thì sắc mặt thư ngay, bệnh cha nếu hơi kịch thì u-uất phiền-muộn, dường như hận rằng chẳng được đem thân thay vào tính-mệnh cho cha; như nết hiếu ấy muốn cầu ở trong hạng người gần mới đây, tưởng không có người nào thứ hai nữa. Rồi từ đấy sợi tơ lòng của Sất-Phân không lúc nào là chẳng vương-vít về cái hiếu-hạnh của Vân-Pha.

Vân-Pha vốn là kẻ mĩ-thiếu-niên, mặt đỏ như son, chẳng khác gì bác Trần Bình mặt ngọc ngày xưa; từ khi coi-sóc bệnh cha, ngủ chẳng nỡ yên giấc, ăn chẳng nỡ ngon miệng; vì thế dung-mạo tiều-tụy, chẳng còn như phong-độ gã Lưu-lang ngày trước nữa. Sất-Phân ái-ngại vì thương hận rằng chẳng có thể đem mình để giúp việc cho Vân-Pha.

Sất-Phân yêu-điệu khác thường, người đẹp đã nổi tiếng gần xa, kẻ cầu-hôn nối gót nhau đến cửa. Duy Sất-Phân vẫn tự-cao thân-giá, chửa chịu hứa gả cho ai. Đến khi ấy gặp thấy Vân-Pha, trong lòng kính-phục: là người hiếu-hạnh, riêng vì cảm động. Người cha Vân-Pha cũng biết tiếng Sất-Phân đã lâu, kịp khi bệnh khỏi, tức-khắc vì con ngỏ ý cầu-hôn. Người cha Sất-Phân mới hỏi ý con gái. Sất-Phân chỉ nín lặng cúi đầu chẳng nói, chẳng tỏ ra ý cự, mà cũng chẳng tỏ ra ý thuận. Vì nói đến sự mình thì thẹn-thùng chẳng chịu ngỏ môi, đó là thói thường của hạng con gái; chẳng nói thuận mà tức là thuận, điều đó đã xét được ở trong chốn thần-tình. Người cha Sất-Phân đã hiểu ý con, liền bảo với người cha Vân-Pha chọn ngày làm lễ kết-thân. Khi đã thành-hôn rồi, vợ chồng sánh vai ngồi chốn thâm khuê, Sất-Phân sực nghĩ đến tình-trạng Vân-Pha trong lúc người cha ốm, cười bảo Vân-Pha rằng:

—Chàng chẳng phải có khác gì người, tài cũng như người, mạo cũng như

người, mà luận đến gia-tư, luận đến môn-hộ thì chàng cũng như người đấy thôi. Nếu chàng không có nết hiếu, thì tôi cũng quyết chẳng xe tơ kết tóc với chàng; chàng thực không có điều gì đáng tham. chỉ đáng tham về cái đức của chàng đấy thôi; trong đạo vợ chồng lấy đức làm trọng, vì yêu nết chàng cho nên lấy chàng.

Vân-Pha cũng cười nói rằng:

—Nàng biết lấy điều hiếu kén người, thế là biết cái gốc trong đạo làm người.

Sắt-Phân nói rằng:

— Thực phải thế, trăm nết thì nết hiếu là đầu, thờ cha mẹ mà hiếu thì suy ra trăm nết đều hay, ngay như trong đạo vợ chồng lo gì chẳng hòa chẳng thuận, tôi trọng chàng là vì điều hiếu, mà tôi yêu chàng cũng là vì điều hiếu.

Vân-Pha nói rằng:

— Chẳng ngờ nàng lại có kiến-thức hơn người như thế, chẳng phải là hạng nữ-nhi tầm-thường, tôi sao chẳng được bội-phần kính-yêu.

Chàng Chu Phạm-Ngô

Người đất Vũ-lâm có chàng Chu-sinh tên là Phạm-Ngô, tính phóng-khoáng thích đi chơi. Tháng mộ-xuân từng dạo gót ra chơi chỗ cánh đồng, trước đi gần sau lại đi xa, gặp một chỗ thôn-quê, sơn thanh thủy-tú, phảng-phất như cảnh Đào-nguyên ở ngoài cõi đời sin-sít trên hàng rào nét hoa như vẽ như thêu, ở trong thấy một nếp nhà cổ, ngói lợp sin-sít đẹp-đẽ hơn cả các nhà khác. Trong nếp nhà lại có một tòa tiểu-lâu đặc-biệt cao hơn cả các nóc. Phạm-Ngô đi tiến lại gần, thốt-nhiên thấy một con chó thật to, xông ra đón cắn, tiếng uôm-uôm như tiếng con báo. Phạm-Ngô chẳng kịp tránh, cả kinh thất-sắc, phải lập ra thế thủ để chống-cự; con chó càng bức-bách lại gần thế công rất là mãnh-liệt, miệng há như hàm sư, nanh như nanh hổ, hết thảy lộ ra chua-chua, Phạm-Ngô sợ-hãi quá phải lên tiếng hô chủ-nhân để cầu cứu viện. Con chó mới chợt lui lại mấy bước, tiếng cắn cũng dần dà im lặng. Phạm-Ngô bụng mới tạm yên, ngảnh mặt trông lên, thấy chỗ bên thềm nếp nhà cổ có một vị nữ-lang đứng, lên tiếng mắng chó, chó vì thế mới lẳng xa Phạm-Ngô. Phạm-Ngô thấy có chủ-nhân ở đó, đởm-khí mình cũng tức-khắc mạnh-mẽ, ngắm kỹ vị nữ-lang thì mày ngài mắt phượng như người trong-tranh, hình-dáng yểu-điệu, rõ-ràng một vị tuyệt-thế giai-nhân, dẫu trâm gai quần vải, y-phục chẳng trang-sức gì, nhưng cũng chẳng giấu được cái đẹp, Phạm-Ngô khi ấy trong tâm hâm-hở khởi lên lòng kính mến, dần-dà dạo bước tiến lại trước mặt vị nữ-lang, mà tiếng chó thủng thẳng cắn vẫn chửa thật thôi. Phạm-Ngô bật mồm ra nói rằng: Chó ấy dữ-tợn thay! Trái mật tôi ngỡ hầu tan-vỡ. Nói xong, lại ngoảnh mặt lên nữ-lang mà hỏi rằng:

— Chó ấy có phải là con vật của nhà nữ-lang nuôi đấy không? Tôi may chẳng bị nó cắn thương, nhưng nó đã cắn thương bao nhiêu người rồi.

Nữ-lang mỉm cười nói rằng:

— Tiên-sinh sao lại nói thế con chó tợn nhà tôi tuy làm ra hình-thế cắn người, nhưng nó không cắn thật phải ai bao giờ, đởm lượng tiên-sinh sao bé nhỏ mấy!

Phạm-Ngô lỏ ra nét mặt thẹn-thùng, nhưng lại gượng giải cho mình rằng:

— Chó cũng gặp nhiều, nhưng dữ-tợn như con chó ấy thực là tôi chưa thấy bao giờ; tôi chân đã mỏi lắm, có thể cho tôi một chỗ ngồi để nghỉ-ngơi được không?

Nữ-lang cười nói rằng:

— Này đây hòn đá ở trước thềm, tôi chẳng dám tiếc tiên-sinh.

Phạm-Ngô chau mày nói rằng:

— Chỗ ấy sao đủ ngồi được.

Nữ-lang nói rằng :

— Tiên-sinh chớ khinh rẻ hòn đá ấy đâu, hòn đá ấy khiết-tinh thiên-nhiên, ngồi đấy một khắc ngắm cảnh bốn bên, chim kêu hoa nở, nước chảy mây bay, cảnh nào là cảnh chẳng đẹp lòng người, quyết chẳng phải những người vinh-hiển giàu-sang mộng-tưởng được đến, kìa những kẻ vinh-hiển giàu-sang, mặc dầu áo đẹp, ăn dầu thức ngon, trong tâm đau-đáu không khắc nào yên, sao được hưởng cái thú-vị thanh-đạm ấy thay !

Phạm-Ngô nghe nói, dường như mát chợt sáng, ruột chợt mát, chẳng khác gì đương cơn phiền-nhiệt, nống vị thuốc thanh-lương, trước chỉ yêu-mến nữ-lang, sau đà kính-phục nữ-lang. Khi đó con chó thấy chủ-nhân cùng Phạm-Ngô nói chuyện với nhau, cũng tức-khắc im tiếng không cắn nữa, đuôi thì ngoe-ngoẩy ở trước nữ-lang, mà mắt thì trông-trọc nhắm sang Phạm-Ngô, lại thỉnh-thoảng ngoảnh mặt trông sang nữ-lang.

Phạm-Ngô nói rằng :

— Lạ thay con chó ấy, sao trước khinh-nhờn mà sau cung-kính thế vậy.

Nữ-lang nói rằng :

— Người nào ít thấy nó thì phần nhiều cho là quái, nhưng kỳ-thực nó trung với chủ-nhân đấy mà thôi. Ở đời những kẻ mặt ở nơi này lòng ở nơi khác, xấu-hổ với con chó ấy nhiều lắm vậy, tiên-sinh trách gì con chó ấy.

Phạm-Ngô nghe nói đến đấy vi đổi sắc mặt, liền nghĩ bụng rằng : « Nữ-lang sinh-trưởng ở chốn thôn-quê sao lại cao-diệu tri-thức như vậy, chốn này chừng có hạng người quân-tử cao-ẩn đấy chăng ! » Chợt có tiếng người sang-sảng, liền thấy một bà lão lủi-lũi đi ra, vừa đi vừa nói rằng :

— Ai đến chơi mà chó nhà ta cắn vang lên thế ?

Nữ-lang ngoảnh đầu lại trông, vừa cười vừa gọi lên rằng :

— Mẹ ơi ! Có một vị tiên sinh qua đây, chó nhà ta chạy ra đón cắn làm kinh-hãi tiên sinh hồ đến chết. Kẻ đọc sách chẳng có chi với thiên-hạ đấy dư ? Gặp con chó mà còn sợ, thì kinh lý thế nào được việc thiên-hạ.

Bà lão nói rằng :

— Mày đừng lấy làm cười, loài dã-khuyển chốn hương-thôn vốn dữ-tợn, thực là đáng sợ.

Bà lão nói xong, rồi trông vào Phạm-Ngô tỏ ý kinh-ngạc hỏi rằng :

— Tiên-sinh đây phải không ?

Nữ-lang cười thưa rằng :

— Phải, tiên-sinh mới qua chơi đấy.

Phạm-Ngô khi ấy nghe lời nói của nữ-lang, trong tâm đương lấy làm hồ-thẹn, nghe bà lão ngỏ lời khoan-giải mới đỡ thẹn, tức khắc đứng dậy nói rằng :

— Thưa mẫu, tiểu-sinh này đương kinh-hãi con chó ấy, vả lại chân mỏi, tạm nghỉ ở đây, mẫu cũng chẳng cho tiểu-sinh này là có lỗi đấy chăng ?

Bà lão nói rằng :

— Mỏi chân thì nghỉ, đó là sự thường, ai dám trách tiên-sinh.

Bà lão tiếp chuyện một phút rồi đoái lại bảo nữ-lang rằng :

— Tiên-sinh là người văn nhã lắm, cũng xứng-đáng con người đọc sách.

Nữ-lang khi ấy đưa nét thu-ba theo với mẹ trông vào Phạm-Ngô. Bà lão thì đứng tựa vào một bên cửa hỏi hạn gia-thế Phạm-Ngô. Phạm-Ngô nhất-nhất kể thực cả. Nữ-lang lui vào đứng tựa sau mẹ, chỉ để mắt trông ra Phạm-Ngô mà nín lặng chẳng nói gì nữa. Con chó thì tỏ ra dáng bộ thuần lành nằm rạp xuống đất, chập mắt như con sư-tử ngủ, chỉ se-sẽ thở dường như nín hơi, đuôi thì thỉnh thoảng ve-vẩy để hiến-mị với khách và chủ nhân. Lúc đó gió mát hây hây, hoa hương thoang-thoảng vào mũi, Phạm-Ngô trong tâm khôn xiết hòa vui, nhân tự mình nghĩ bụng rằng: Ngày trước ta ở chỗ thành-

thị thường khinh rẻ chốn hương-thôn là quê mùa, cho rằng chúng ta ở đâu chỗ quê mùa ấy. Ngày nay để mắt mà trông, phong-cảnh như vẽ, sáng sủa dường nào, mới hay những điều ta nghĩ ngày trước rất lầm vậy; cái hạnh-phúc thanh-hòa, chỉ những kẻ ở chốn hương-thôn mới được hưởng-thụ đấy thôi. Đoạn rồi mặt trời bảng lảng, bóng chiều xế về tây, Phạm Ngô mới từ-giã trở ra về.

Phạm-Ngô từ khi trở về nhà, hằng ngày bâng-khuâng phần thì nhớ cảnh phần thì nhớ người, quên ăn quên ngủ, ra ngẩn vào ngơ như người có bệnh, cha mẹ lấy làm lo, hỏi Phạm-Ngô sở-khổ về điều gì, thì Phạm-Ngô giấu chẳng chịu nói, cha mẹ đón thầy thuốc về chữa thì thầy thuốc nói rằng: Bệnh ấy là bệnh tại tâm, thuốc thang không thể chữa nổi. Cha mẹ biết rằng trong tâm Phạm-Ngô tất có tơ-tưởng về sự gì, mới nghiêm lời trách Phạm-Ngô rằng:

— Con hẳn là chẳng vui về điều gì, mà đến như thế? Cha mẹ chỉ lo về tật bệnh của con, con vốn là người hiếu, sao chẳng đoái-hoài đến lòng lo của cha mẹ.

Phạm-Ngô hễ khi gặp cha mẹ hỏi thì chỉ nói rằng:

— Chỉ vì khí trời chẳng thích-hợp, hơi bị cảm-mạo mà thôi, mai kia chắc tự-nhiên khỏi.

Lần nào cha mẹ hỏi cũng chỉ thưa lại như thế, cuối cùng người mẹ nói rằng:

— Con đừng có nói dối mẹ, thầy thuốc bảo rằng không phải là bệnh, tất nhiên có sức-tiếp về sự gì; con cứ bảo thật với mẹ, mẹ quyết chẳng trách con; nếu con có gặp gỡ người nào, mẹ sẽ vì con mưu thành hảo-sự. Nay con bưng kín miệng bình chẳng chịu nói ra, chỉ tự mình làm khổ mình đấy thôi con ạ.

Phạm-Ngô đến khi ấy không thể ẩn giấu được nữa, mới kể rõ sự gặp gỡ vị nữ-lang ở chốn hương-thôn. Người mẹ cười nói rằng:

— Vì một sự tình-cờ chốn hương-thôn mà điên-đảo đến thế, sao con si lắm vậy?

Phạm-Ngô thưa rằng:

— Kẻ kia kiến-thức cao-diệu, con cũng phải than rằng chẳng kịp, xin chớ xem khinh.

Người mẹ chẳng lấy làm tin lại mắng rằng:

— Tất là cái tâm si của con xui nên thế, kẻ kia kẻ khác đẹp như trời con chẳng bằng lòng ai, bây giờ con lại bằng lòng một đứa trẻ ranh ở xó thôn-quê, sao kiến-thức con nông nổi thế vậy?

Phạm-Ngô lắc đầu thưa rằng:

— Người ấy vẻ gì cũng xứng-đáng, lòng con đau-đáu, phi người ấy chẳng đủ kết buộc được lòng con, mẹ đừng trách con, mẹ muốn lấy vợ cho con, nếu không được người ấy, con đành chịu không vợ mà thôi.

Người mẹ đem sự tình bảo với người cha, người cha cười nói rằng:

— Bao nhiêu con gái đẹp đều coi như bùn đất, một chú-trọng về đứa con gái nhà quê, ta cũng chẳng giải-thích ra được là nghĩa gì. Tủi mũi xó nhà quê, có đâu những vật lạ-lùng ấy.

Cha mẹ muốn cho Phạm-Ngô khỏi bệnh hằng nói dối rằng cha mẹ đã bằng lòng rồi, cứ chóng khỏi bệnh đi, cha mẹ sẽ thành đôi lứa cho. Phạm-Ngô lấy làm mừng, quả-nhiên bệnh chẳng thuốc-thang, năm ngày trở dậy được, bảy ngày đi lại được.

Khi Phạm-Ngô đã khỏi bệnh như thường, cha mẹ lại muốn vì Phạm-Ngô cầu một người thục-nữ họ Trịnh, Phạm Ngô vẫn khăng-khăng một mực kêu nài cha mẹ, chú-ý về người nữ-lang ở thôn quê như trước. Cha mẹ biết rằng cái chí Phạm-Ngô đã định, cũng chiều lòng con không nỡ di dịch, mới sai người đi hỏi dò tên họ người nữ-lang,

biết rằng là họ Kim, tên là Cúc-Túy, liền nhớ mối đi cầu hôn. Kim-ông còn hoài-nghi không muốn gả, hỏi ý Cúc-Túy, Cúc-Túy sẵn có lòng quả-quyết, xui giục mẹ thành-toàn cho.

Khi Cúc-Túy đã về nhà họ Ngô, quả-nhiên là một người con gái thông-tuệ hiền-thục, tài-sắc cũng không kém gì ai, ai bảo trong chốn thôn-quê, mà lại không có những vật kỳ-dị đó thay!

Chàng Hoa Thực-Phủ

Chàng Hoa Thực-Phủ là con nhà đại-tộc ở đất Hầu-quan, người đẹp mà đa-tài. Có người cô bên họ ngoại là Trương-thị, góa chồng ở một mình. Người cha Thực-Phủ là Hoa Lệ-Sinh, thương Trương-thị cảnh-ngộ buồn-bã, thời thường đi đến thăm hỏi, Trương-thị thỉnh thoảng cũng đem con gái sang chơi bên nhà họ Hoa.

Người con gái tên là Uyển-Lan, yêu điệu có tư-sắc, tự thuở bé đã cùng với Thực-Phủ chơi đùa làm bầu bạn trẻ con, yêu nhau như anh em. Uyển-Lan rất thông-tuệ, tuy trẻ con mà ăn nói thông-hoạt như người lớn. Hoa-ông là Lệ-Sinh cười nói rằng:

— Có tư chất thông-minh ấy, nếu lại thêm cho sức học-vấn, thì chẳng kém thua ả Tạ nàng Ban vậy.

Hoa-ông mới thúc giục Trương-thị khiến cho Uyển-Lan đi học mà mình thì đảm-đang cho học-phí. Trương thị cũng nghe theo, Uyển-Lan mới cùng Thực-Phủ cùng vào trường tiểu-học, mà cùng ăn ngủ ở nhà Thực-Phủ, cùng Thực-Phủ khi chơi khi học không lúc nào dời nhau, phảng-phất như lứa đôi vậy. Vợ chồng Hoa-ông thường đoái trông mà lấy làm vui.

Kịp tuổi gần lớn, Hoa-ông vì cần về lễ nam-nữ, không cho ở chung, hai người mới hơi xa nhau. Nhưng khi nào nghỉ-học vẫn thời thường vãng lai.

Khi đã tốt-nghiệp trường tiểu-học, Thực-Phủ với Uyển-Lan lại cùng đi du-học ở đất Hồ, vẫn vãng lai như ngày trước. Gặp khi Uyển-Lan đi sang nhà Thực-Phủ, chợt gặp người bạn gái đồng-học là Kim Thụy-Phân ở giữa đường. Khi ấy Thụy-Phân đương cùng với một người con trai thiếu-niên, thủng-thỉnh đi vào chỗ công-viên, gặp Uyển-Lan mới rủ cùng đi vào. Uyển-Lan thấy chàng thiếu-niên ở đó, ý ngần-ngừ lấy làm e-lệ Thụy-Phân nói rằng:

— Không hại gì, ấy là anh tôi đấy.

Thụy-Phân tức-khắc vì giới thiệu, kể rõ tên anh mình là Thụy-Thư. Uyển-Lan tỏ ý thẹn-thùng chỉ chút gật đầu, mà Thụy-Thư thì làm bộ thù-tiếp, nhất-nhất hợp thức, thái-độ vừa nhã-nhặn vừa văn-hoa, nói năng uyển-chuyển những lời thổ lộ ra hết thảy hợp vào tâm-ý Uyển-Lan. Uyển-Lan tự nhiên để lòng yêu: mến Thụy-Thư.

Từ đấy Thụy-Phân thời thường mời Uyển-Lan đến chơi nhà mình, mà Thụy-Thư cũng tất ở nhà ngồi đợi, thời thường xum họp một nhà, cười nói sinh xuân. Uyển-Lan vui lòng lắm, hễ gặp ngày nghỉ học tất đến chơi nhà Thụy-Phân, cùng Thụy-Thư trò truyện lâm vui, dường như đã quên cả Thực-Phủ vậy. Thực-Phủ thì vì cớ đến thăm Uyển-Lan lần nào cũng chẳng gặp, nhân nghĩ bụng rằng Uyển-Lan lâu nay có sự gì vội vàng mang-bách như vậy. Ngày trước một tuần chẳng gặp thì có thư lại hỏi thăm, ngày nay đã mấy tuần rồi, ta đến thăm đã chẳng gặp lại không có thư đến thăm ta, mà không biết rằng đi đâu. Thực-Phủ nghĩ thế rồi trong tâm hoảng-hốt như là mất vật báu gì. Gặp khi ngày nhàn vô-sự bị người bạn đồng-học rủ đi chơi chỗ công-viên. Trong công-viên thì liễu hoa thấp-thoáng oanh-yến tưng-bừng. Thực-Phủ khi ấy đối cảnh ấy tâm-thần tự-nhiên thanh-sảng, nhân nghĩ rằng ngày nay là ngày nào, nếu được cùng Uyển-Lan cùng vui thì vui

biết dường nào, nhân lại nghĩ rằng ngày trước Uyển-Lan đối với ta dường như đã rất lấy ta làm tri-kỷ, mà xét về sự mới đây, Uyển-Lan đối với ta lại dường hững-hờ như khách qua đường, ấy là vì cớ sao? Vì cớ sao? Hay là ta có điều gì lỗi, nhưng xét mình ta thì chửa có điều gì lỗi. Hay là Uyển-Lan có sự ngoài khần-bách gì? Thì sao chẳng bảo cho ta biết, một cuộc mơ-màng thực khiến người trăm nghĩ nghìn suy cũng không giải-thích ra được vậy.

Thực Phủ đương bâng khuâng nghĩ ngợi, chợt nghe có tiếng người vui vẻ cười ran đưa thẳng vào tai Thực-Phủ. Thực-Phủ tinh-thần chợt tỉnh, nghển cổ trông sang thì rõ-ràng Uyển-Lan đương cùng với một người thiếu-niên nam-tử và một vị nữ-lang, ba người cùng dắt tay nhau cùng đi, chẳng khác gì một con ong bay múa ở khoảng hai đoá hoa, trạng-thái rất vui vẻ. Thực-Phủ khi ấy trong tâm như bị dao đâm, quá đau dường như muốn ngất đi. Hồi đầu nghĩ đến tình trước, nhân quả-quyết nghĩ bụng rằng thôi thôi, Uyển-Lan đã chuyển tâm sang kẻ thiếu-niên kia rồi, bỏ ta chẳng đoái hoài đến nữa. Chẳng kịp cáo từ với bạn, liền ruổi thẳng đi về.

Thực-Phủ về đến nhà trọ, tựa gối ngồi một mình, nhân nghĩ kỹ rằng Uyển-Lan không phải là kẻ vô tình, ta thử lấy chí-tình cảm-động, may ra cũng hồi tâm. Đến ngày mai tức-khắc cáo-bệnh nghỉ học, mà sai người đem bệnh-trạng cáo với Uyển-Lan. Uyển-Lan quả lấy làm kinh-hãi, vội vàng chạy lại thăm. Thực-Phủ thấy Uyển-Lan đến, chỉ lấy tay áo che mặt khóc. Uyển-Lan hỏi khổ não về điều gì, Thực-Phủ thở dài nói rằng :

— Cái bệnh tôi ở ngoài thân tuy rằng thiển, nhưng cái bệnh ở trong tâm thì thâm lắm, e rằng không khỏi được.

Uyển-Lan nói rằng :

— Việc gì thương tâm đến như thế, xin cứ khéo mà khoan giải, tất có thể khỏi dần.

Đến chiều Uyển-Lan cáo-từ. Uyển-Lan thấy Thực-Phủ có bệnh không dậy được, trong tâm quả lấy làm chẳng yên, hằng ngày cứ tan buổi học thì Uyển-Lan ruổi xe đến chỗ Thực-Phủ nằm dưỡng-bệnh, đem lời lời khuyên giải, yên-ủi ân-cần. Thực-Phủ thấy Uyển Lan năng đến thăm mình biết là đã hồi tình, trong tâm lấy làm hân-hỉ, bệnh cũng dần khỏi, mới ngỏ lời trân-trọng cảm-tạ Uyển-Lan.

Thực-Phủ từ lúc ngọa-bệnh cho đến lúc khỏi bệnh, từng không có một lời nào oán trách Uyển Lan, mà Uyển-Lan từ đấy về sau đối với nhà Thụy-Thư; hình-tích vãng lai cũng thưa dần đi.

Một hôm Thụy-Thư bảo Thụy-Phân viết thư đem tình đến Uyển-Lan, ước-nguyện sự hôn-giá. Uyển-Lan còn lấy làm hoài-nghi, mà Thụy-Phân thì khéo nói như rót, hằng ngày bày tỏ điều hay của anh mình. Uyển-Lan tuy nghe lời Thụy-Phân khuyên dỗ nhưng vẫn trù-trừ chẳng quyết, nhân nghĩ bụng rằng ở đây là chỗ khách-địa, ngoài cha mẹ ra chỉ Thực-Phủ là người thân, trong tâm có điều sở-nghi, nên đến bàn hỏi với Thực-Phủ. Dẫu biết rằng Thực-Phủ không muốn nghe tin này, nhưng Thực-Phủ tất không nỡ trách. Uyển-Lan nghĩ thế mới ruổi xe đến chỗ Thực Phủ, đem tin Thụy-Phân cầu-hôn bảo rõ Thực-Phủ, không giấu-giếm gì cả. Thực-Phủ tỏ ra nét mặt sầu-thảm mà rằng :

— Tôi không có bụng nào, duy ngày đêm chúc vọng cho cô được nhiều hạnh-phúc, nếu vui chốn ấy, nên hứa ngay đi.

Thực-Phủ nói đến đấy rồi tiếng nhỏ dần đi, không thể nói được nữa, chỉ ngồi lấy khăn lau nước mắt, là vì thương-tâm đã đến cực-điểm vậy. Uyển-

Lan thấy thế, liền để lòng ái-ngại xót thương. Khi về nhà mới tự mình xét nghĩ trong bụng rằng: Luận về bề tài thì Thụy-Thư với Thực-Phủ chẳng sai nhau mấy luận về bề dung-mạo thì Thụy-Thư dường như hơn Thực-Phủ, mà về bề lối-lạc phong-lưu thì Thực-Phủ kém Thụy Thư xa, một thân con gái sao được cả hai rể hiền, bề nào thời cũng chửa quyết được ra bề nào. Cuối cùng mới quả quyết rằng vợ chồng kết hợp cốt ở chữ tình. Lấy tình mà luận thì Thụy-Thư tuy ân-cần nhưng không bằng Thực-Phủ là thành-thực. Uyển-Lan mới nghiêm-nghị đối với Thụy-Phân tỏ ý từ-hôn. Thụy-Thư đối với Uyển-Lan đã biết rằng không có hi-vọng, liền viết thư kể xấu Uyển-Lan. Uyển-Lan đọc tờ thư lấy làm tỉnh-ngộ mà nói rằng: « Ta vốn biết người ấy chẳng phải là chân-tình. Nếu lấy chân-tình mà đãi ta thì quyết chẳng đến thế này. Chẳng xem như Thực-Phủ đấy ư? Thành thực là dường nào! trung-hậu là dường nào! May sao ta chửa hứa với người ấy, nếu mắc phải mẹo lừa, khi đã kết hôn về sau, một lời ăn tiếng nói mà chẳng hợp thì tức-khắc giở mặt vô-tình, ta kham nổi được ư? »

Từ đấy Uyển-Lan đối với Thực-Phủ tỏ ý thân-thiện như thường. Kịp khi học-nghiệp đã thành, cùng nhau để huề về chốn cố-hương, đôi bên cha mẹ cũng sẵn lòng tác-hợp, liền chọn ngày kết-thân.

Khi đã thành phu phụ rồi, hễ nhớ đến sự tình ngày xưa, Uyển-Lan rất lấy làm sám hối. Chỉ vì Thực Phủ giọng tình thành-thực, khiến cho Uyển-Lan khỏi mắc vào tay kẻ tiểu-nhân, cũng là may vậy.

TÙNG-VÂN *dịch-thuật*

HÁT TUỒNG

LÂN PHƯỢNG KỲ DUYÊN (1)

III

HỒI THỨ HAI

(*Tiếp theo kỳ trước*)

Vũ Trung-Chính truyền lệnh :

Truyền chư tướng đao sang tề chỉnh; rao tam-quân khí-lực hùng-hoàn. Phấn ngã-vũ duy dương 奮我武惟揚; vọng bỉ-cương tiến phát 望彼疆進發.

Quân hát ban :

Dụng binh dũng-dược dũng-dược ;
用兵踴躍踴躍
Kích cổ kỳ đường kỳ đường.
擊鼓其鏜其鏜
Mãn dã tinh kỳ tế nhật ;
滿野旌旗蔽日
Liên vân kiếm kích ngưng sương.
連雲劍戟凝霜

Vũ Trung-Chính bắc-xướng :

Thiết kỵ phi-dương, sát hướng nhược cao sơn chi áp noãn 鉄騎飛揚,殺向若高山之壓蛋 ; hùng sư lẫm-liệt, bôn-lai như mãnh-hổ chi khu dương 雄師凜烈,奔來如猛虎之驅羊. Vân tập thiên sang, thệ tam cổ nhi Hoài-di tận thiếp 雲集千鎗誓三鼓而淮夷盡帖 ; lôi trì vạn mã, quyết nhất-chinh nhi Hiềm-doãn hà dương 雷馳萬馬,決一征而玁狁何當.

Điền-lão nói :

Chốn trúc-thôn thú dõi nhà quê, tên điền-lão chức bầu trùm cả. Nghĩ tôi tính

(1) Xem *Nam-Phong* số 186-190.

cái việc làm ăn tôi nữa cũng riết lắm: Một điều lợi rán sành ra mỡ; cái nghề đại-phú do mệnh, tiểu-phú do cần, có cần kiệm cũng có hơn chốc: ba mươi đời ăn cháo đỡ cơm. Ngoài sân đà nhiều lúa nhiều rơm; trong nhà lại sẵn thầy sẵn tớ. Nói cho phải cái buổi khá hẳn xui những điều khá đến cho tôi, khi không đâu mà thằng Đạo hẳn đến hẳn ở với tôi, cái thằng nó giỏi mà lại mạnh làm sao: Sức gánh vác nó mạnh đà quá sợ; việc làm ăn giỏi cũng nên hung. Ấy tôi thấy cái thằng nó giỏi làm vậy mà nó rách rưới cực khổ, nói cho phải tôi cũng thương hại, tôi mới khiến ở nhà tôi may cho nó một cái áo một cái quần, kẻo tội-nghiệp, mà ở nhà tôi hẳn thấy cái tâm-tình tôi ở tử-tế làm vậy, nói cho phải hẳn cũng theo ý tôi hẳn may một cái áo một cái quần cha-chả là dài: Phủ-phê áo dã khuất mông; thong-thả quần thêm quá gối. Ừ này nói láo-lếu mà quên, một cái việc quan to hung đi đây mà: Thừa mật-trát bắt người hữu tội; mà trong trát nữa lại có: họa chân-hình là gã Vô-Song nữa mà. Còn cái trang sau có thêm một hàng chi chi mà, nhược hà-nhân nã hoạch, mà bất-lận thiên kim mần răng đó nữa, tôi cũng không biết, nhưng mà nghe người ta nói lại như ai bắt đặng: Bằng một khi nộp đến nhà vàng; nữa ngài thưởng vàng thưởng bạc cho, mà vàng bạc ở đâu chưa có: chứ nghe nhiều của mừng đà ruột thắm đi ấy chứ, mà nghĩ lại người đi trốn kẻ đi bắt nữa khó lắm; Ngẫm người ấy biết đâu mà kiếm; tưởng của này thấy đó khó ăn lắm mà. Chứ khó lòng cha chả: Nghĩ thôi chẳng biết mần răng; nói lại càng thêm khép-nép (*Chợt có gia-đình hốt-hoảng chạy đến. Điền-lão vội hỏi*):

Có việc chi lập-cập; mà chạy lại vội-vàng, mần-rứa con?

Gia-đình nói:

Dạ thưa: Thấy việc rất kinh-hoàng; nên tôi về thông-báo. Nhân rày thằng Đạo; ra khỏi xóm đình. Bỏ trâu đi ngồi xuống một mình, quên cày lại nói ra những chuyện. Tôi bèn nấp lẻn; gã mới thở than. Hẳn nói rằng: Thày-lay đâu mang ách khôn lường; lẻo mách lại cất đòn quá gắt. Hẳn lại nói đến ở mô nữa tê.

Điền-lão hỏi: Chớ hẳn lại nói mần răng nữa con?

Gia-đình nói:

Hẳn nói: Quí-chủ ở lắm điều tươm-tất; ngẫm mình mang lắm lúc rủi-ro. Hẳn lại có nói chữ: Chi chi gọi vô-cô; chi chi mà ngộ-sát. Tưởng đào-phạm thằng này dã chắc; nên gian-mưu mẹo ấy mới bày. Lời thiệt phải nói ngay; lẽ gian nào dám giấu.

Điền-lão nói:

Này: Nghe trước ngỡ lời còn thất-thố; mà nghiệm sau này tích dã rành-rành. Ừa mà không phải rồi, vả trong trát lên là Lực Vô-Song, mà thằng này là thằng Tuần-Đạo nữa, mà có phải ở mô. (*Nói rồi nghĩ một hồi*). Ừ ừ, cái mưu nó đây nhằm rồi nhằm rồi, thôi nó: Sợ tội kia nên làm chước cải danh; đặng mà: lánh mình nọ cho dễ đường thoát-họa đó mà thôi. Chà chà hung thiệt: Khen cho thằng gan dạ; chẳng sợ kẻ mắt tai. Ừ hèn chi mà bữa trước, tao khiến hẳn đi cày, tao mới theo tao coi, ai ngờ hẳn lại say, trâu nó cũng khôn, nó thấy giục qua làm vậy, nó không đi, khi rứa chứ hẳn giận, hẳn mới đè trâu hẳn đánh, hẳn lại nói: Rất dỗi người tao chẳng có thứ tay, huống chi vật mày lại toan rề mặt. Gớm à! ấy thần-khẩu buộc lấy xác phàm, cái mẹo gian nó dã tỏ mần ra đó, chắc rồi, chứ mần-ri: Thằng kia muốn bắt; người phải cho đông, mới đặng. A gia-đình gia-đình: Mau nồi mỡ nồi cồng;

dặng mà kêu sưu kêu giáp đây. (*Gia-đình vâng lệnh đánh mõ. Chúng-dân tới đông*).

Chúng-dân nói:

Dạ, nghe lệnh đó chúng tôi đến khắp; chẳng hay: có việc chi xin chú lời truyền.

Điền-lão nói:

Ới các ngươi ơi, có một việc may cha-chả là may lắm các ngươi, thôi: Mừng ước muốn diên, muốn điên; mà việc đà nên sướng nên sướng đi các ngươi.

Chúng-dân nói:

Cha chả, việc chi mà sướng lắm mần-rứa?

Điền-lão nói:

Có việc chi ở mô, số là: Trước có lệnh thiên-kim huyền-thưởng; rằng bắt người dích phạm mà giải tra. Nữa các ngươi có nghe a?

Chúng-dân nói:

Ừ, tưởng là việc chi tê chứ, như việc nó chúng tôi cũng nghe đã lâu, nhưng mà có ở mô mà bắt.

Điền-lão nói:

Mà có mới nói khiến: Tuần-Đạo rày vốn thiệt nghĩ va đó.

Chúng-dân nói:

Ủa nói chơi chứ?

Điền-lão nói:

Ấy nên mình cho kêu các ngươi tới đây, mình tính bắt quách đi.

Chúng-dân nói:

Chà, chừ bắt mới khó cho chứ!

Điền-lão nói:

Ồ không khó chi hết nữa, ới các ngươi ơi, chừ mình nói mần-ri: Chúng-dân khá nghe theo lời mỗ, à, hẳn là cái thằng hung dữ lắm, giờ ta có bắt nữa phải cho kỹ mới đặng này: Dây cóc một đường dài ngộ; còn: da trâu vài tấm to hung, mới đặng cho đặng mà: Theo mỗ đến đình-trung; bắt chàng lên huyện-hạt thôi mà. A các ngươi ơi, mình nghĩ lại cái nghề nhà quê ta nữa, của ruộng đắp bờ, có làm cho lắm cũng không ra chi, chớ như chuyện này chao ôi, còn phải nói mần răng: Trước đã có tiền có bạc; sau dầu ta mua ruộng mua trâu. Ấy mà phải tính kíp đi mới xong: Nói ra chớ khá để lâu; việc ấy phải làm cho kíp chứ.

Chúng-dân nó:

Đừng cho nó biết; âu kíp ta đi.

Lực Vô-Song nói:

Tâm giác kham bi kham bi; vận ta bất đạt bất đạt. Nghĩ lại từ tôi cùng Vũ-hiền-huynh tôi, thiên-lý giai-hành, xuân-vi ứng tuyển, nói cho phải: Chen đường lợi cũng toan nhẹ bước lắm chốc; ai ngờ đến nửa đường tôi khi khước Vũ-huynh. Tây-trần dụng tửu chơi, chẳng may lại gặp thằng Trương Báo, hắn cường-bức lương-nữ, lạ chi cái nghề tửu năng sử khí, tôi thấy hắn ngang làm vậy, tôi bèn nhất quyền đả tử hắn đi; khi rửa chứ, tự tri đắc-tội, đào nạn viễn-phương, tôi lại nghe hắn mật tống trát-văn, quảng-hành thám-nã, bởi rứa nên tôi mới cải-danh Tuần-Đạo, Điền-lão kỳ-cư đây, chẳng qua là: lánh vòng tai nên phải gửi mình chứ; nhưng mà Điền-lão va con người cũng sắc-lận lắm. Tiếc công thường trăm việc sử-linh; thương hai: liều mình chịu một đường khổ-sở, mà thôi. Ấy vậy mà tôi tưởng là: bước lưu-lạc cũng cam bề tạm thử đó; nhưng mà khốn kinh-cức trung hựu phi thê phượng chi sở 荊棘中又非棲鳳之所, thôi: dẫu thê-trì đả khổ nỗi an vu chứ. A nghĩ lại như tôi bây giờ: Nghĩa-phu là đáng kiếp chốn tương-hồ, chứ Triệu Quì lại mấy người nơi mạc-phủ. À, bèn chi cổ-nhân có câu rằng: Ốc lậu tao liên vũ 屋漏遭連雨; thuyền trì đả nghịch phong 船遲打逆風 là mần ri đây à. Mắt vô liên thấm ướt lệ anh-hùng; ô mà buồn cho lắm là cũng không mần chi mà có chữ nhất trần phá thiên-sầu, phải phải; bầu hữu-tửu nếm hăng mùi

hương-tử xong, âu là : cạn hai chung cưỡng-túy ; ngâm một luật phá-sầu, thôi mà.

Ngâm :

Khổ cảnh a :

Tòng lai lạc lạc tín nan đầu,
從來落落信難投
Thuyết đáo nhân tình tứ chuyển du;
說到人情思轉悠

Nghĩ lại như tôi, mà ra đến đổi này là :

Họa phúc vô môn duy tự triệu;
禍福無門惟自召
Chứ mà ôi :
Vinh suy hữu phận diệc hà vưu.
榮衰有分亦何尤

Ngâm rồi, chẳng biết chuếnh-choáng nói:

Ô này, say rồi đây mà, ừ : Uống lắm lần thôi ước đã choáng đầu ; không say, chứ say ta lại nghỉ chơi, chẳng cày nữa, mà cũng rủi thấy trâu nữa, tội chi mà làm cho mệt đó nào, âu là : ngủ một giấc kẻo mà mỏi mắt lắm a. (Nói rồi thả trâu bỏ cày, nằm lăn ngủ).

Điền-lão dem dán lên đến thấy hắn ngủ say, mới đem mật-trát đối chiếu... Điền-lão nói : Ối các ngươi ôi, nhắm rồi nhắm rồi, này này coi đây mà coi, thôi : Hình dạng so thôi đã chắc ; mà khi đến giờ các ngươi đến đó có nghe nó nói những truyện gì không?

Chúng dân nói :

Thưa có mà.

Điền-lão nói :

Ừ thôi thôi : Nói năng nghiệm cũng chẳng sai đi đó thôi. (Nói rồi tự thử thăm, Vô-Song không động đậy. Điền-Lão nói) :

Ấy nó say đã mê đi rồi, các ngươi coi, thôi nó : Ngáy khu khu tiếng lớn hơn voi ; mà nằm thườn thượt hình dài như rắn kia. A các ngươi ơi, cứ việc ta nào : Dây cóc trói chàng cho chặt ; còn da trâu ta buộc nó phải dầy mới đặng a các ngươi ơi, coi mà trói cho kỹ mới đặng chứ : Nếu nhà gã mà xẩy tay ; ối chao ôi không xong không xong : ắt chúng ta tan xác chứ chẳng chơi. (Nói rồi xúm nhau trói buộc thật kỹ-càng).

Lại nói :

Vậy mà : Nhưng bấy lâu ao ước; rày mặc sức vênh vanh thôi mà, giờ các ngươi mần ri mới đặng : Các gã cáng đến quan; truyện này mần răng mần răng cũng phải có tiền có bạc chứ chẳng không đặng mà : Một người chia ít chục ạ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Nghĩ lại mà giận quái chứ : Ngẫm thiệp thế thiệt rất nhiều giả-cục ; mà tủi tùy thân còn mang chút hư-danh. Này nghĩ lại cổ-thi có câu rằng : Nhân sinh bất phú qui 人生不貴富 ; chung vi quyền thế lụy 終爲權勢累. Ừ : Ngẫm xưa là bạch-diện khổ dã đành ; chứ như tôi mần răng : Xét mình khác hồng-nhan mà truân cũng chưởng. Này, ô mà tôi phải về chứ, tôi giờ than thở với ai đây thôi : Đắc thất hà tu oán ; vinh ai bất túc quan 得失何須怨,榮衰不足關. Dặm mây xanh dù có lỡ bước cô-phan đi nữa : A thôi : Mở tóc trắng quyết bao đầu cựu ẩn xong.

Nam-xướng :

Cựu ẩn mau toan gót ruổi,

Nghĩ lại như tôi bây giờ :

Thấy nhân-tình ngán nỗi bôn su ;
Cửa hầu ví biển cảng sâu,
Lui thuyền yên thủy lại hồ Tiêu-tương.
Trải qua mấy dặm dương-trường.
Lư-diêm sau trước thôn-trang xa gần.

(Đương lủi-thủi đi một mình, chợt thấy đàng trước đông người xôn xao).

Vạn Phu-Hùng lại nói :

Này : Lóng bên tai tiếng nức vang lừng, còn : Nhìn trước mắt việc chi nhộn nhịp kia.

(Thấy đông dân hộ-giải đi qua, Lực Vô-Song ở trong bao da trâu, khổ sở quá chừng than-thở).

Lực Vô-Song nói :

Ối chao ôi ! Mình bó lụa nó trói đà

chắc chăn ; mà hơi phì phò thôi ức khổ thở-than, cha chả này.

Vạn Phu-Hùng nghe thấy trong bao có tiếng người than quái lạ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ô lạ cha chả này : Thấy điều cũng dị thường ; thôi thôi : Xui lòng thêm nghi hoặc đi này. Ô kỳ : Trong bao nọ việc chi rằng ức ; (nghĩ một hồi rồi nói) : Ngẫm người này, ôi thôi nhầm : thế đã mắc oan đây mà thôi à : Nghĩ thân mình thôi tưởng việc mà thương ; phải phải có chứ « kiến nghĩa bất vi vô dũng dã 見義不爲無勇也 » mà, âu là : Đón chúng gã liều phương sẽ cứu a. (Nói rồi chạy vượt lên chỗ chúng-dân hỏi).

Vạn Phu-Hùng nói :

Ngã dĩ đáo dĩ đáo ; nhữ vật hành vật hành đã nào. Hỏi chứ : Một gánh chi trước đó xồng xềnh ; còn nhiều người lại sau này táo-tác mần rứa hử ? Nào nào : Vốn đây chưa biết ; khuyên đó khá bày mà nghe thử ?

Điền-lão nói :

Ô kỳ cha chả : Bợm dâu đã nên ngầy ; giống chi mặc người ta ; việc can chi mà hỏi kia chứ ?

Vạn Phu-Hùng nói :

Ta là người đi đường thấy lạ lắm, nên hỏi đó mà thôi, chứ có can chi.

Điền-lão nói :

Mà chú mày đã hỏi ; ừ già cũng nói đi cho này ; Trước gánh đó thiệt người đây trói mà mới qua đi cũng có vân-bằng bút tích đây chứ phải chơi nào : trong trát ni là gã mây song chứ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Chứ người đây trói, gã mây song là giống chi mà đem đi mô đây ?

Điền-lão nói :

Chúng qua đi đây số là : Vâng lệnh rày bắt mới được chàng ; nên đem nhau ngõ nộp mà kiếm bạc đó mà thôi.

Vạn Phu-Hùng nói :

Mà thiệt mần rứa a. Ủa hay hay a ha : Chân khoái-lạc khoái-lạc ; thậm bân-hoan hân-hoan đi mà thôi, ấy vậy mà nghe hỏi xưa là tung-tích mơ-màng mà thôi nữa ; chao ôi may mô may mần ri : Thấy nói mới sự-tình tỏ rõ. Này, a các ngươi, giờ đã gặp ta đây, ta mới cùng các ngươi mần ri : Xin cùng các chú ; ngõ chấp một khi. Cho này : Đích phạm kia mặc mỗ giải đi, đặng bổn-hương đó đem nhau mà trở lại nữa, ước nên chăng ?

Điền-lão nói :

Gã khéo chứ khéo chứ : Khéo tính điều chặt củi ; mà toan làm việc đốn rừng chứ. Hèn chi tục-ngữ người ta nói : « Những khi làm gấp không ai, bây giờ ngỏng cổ lắm người hỏi thăm. » là phải mà. A cái thằng chi chi tê, giờ mày mới nói cái tên tù này để mày đi nộp giùm cho rứa.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ừ để ta nộp cho, đi làm chi già cả làm vậy cho cực-khổ ?

Điền-lão nói :

Ngỡ thảo chưa mần rằng khi tê không đi bắt giùm cho người ta nhờ với. Này chú tê thôi, chú đi đi, già cũng thấy kệ tôi, biểu cho : Chớ quen nghề xỏ lá dọc đường ; lại mắc phải vài cây mà rập mật đi bây giờ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Thảy thảy thảy : nghe thôi thẩm mặt ; mà mà nhớ lại sôi gan. Này : Căm thay đảng tham-lang ; nó đem lòng độc-ác ; Si, a bay tao hỏi chứ chứ : Bỉ lữ-khách như hà trọng-tội mà : nhữ thôn-phu bay nhược thị khổ-hình. E hẹ : Nguyện sát nhĩ ngoan-dân ; quyết cứu tha hiền-sĩ, thôi. (*Nói rồi một tay đấm bao da trâu, một tay đánh Điền-lão, chúng dân kinh sợ chạy cả*).

Điền-lão chúng dân cùng nói :

Ối cha ôi là cha, ối mẹ ôi, thôi. Chạy hết kiếp dã ngay dò khỉ ; sợ hoảng hồn

ước soẩn râu dê. Ối chao ôi hung lắm lắm: Mau cẳng vượt trở về; chớ có chậm chân mà chết rụi ạ. (*Nói rồi chạy tan cả*).

Vạn Phu-Hùng nói :

Ngỡ cái đoàn quái rằng không đứng đó con, âu là: Mang khai bao nội 忙開包內; thì khán thị thùy 試看是誰 a.

(*Nói rồi mở bao da trâu, Lực Vô-Song nhảy ra cúi đầu lạy tạ*).

Vạn Phu Hùng hỏi :

Thưa anh như tôi: Xưa nay nghe tên mà thôi chứ: dạ những hoài-nghi; ai ngờ nay lại gặp mặt đây thưa thưa lời xin thổ thiệt đi, dám thưa anh chẳng hay: Sao lại mắc vòng họa-tiết; mà sớm dà thoát cuộc danh-cương. Mẫu rứa anh nào: Điên mạt vốn chưa tường; đoan nghe xin khá tỏ mà nghe thử?

Lực Vô-Song nói :

A kể lại chi cùng cam khổ; nhắc thôi càng bận sầu-bi. Này thưa anh như nay: Ân cứu nạn thôi hàm thảo bất vi; thưa thưa điều la họa xin căn-nguyên tường-tự cho ngài nghe.

Bắc xướng :

Dạ thưa ngài như tôi là: Bản-hiệu Vô-Song, ẩn tích vu Châu-sơn, khi rứa chứ phùng Vũ-thị tùy tha nhi ứng cử 本號無雙隱跡于珠山逢武氏隨他而應舉; là tôi cũng chỉ tại công-danh lắm, ai ngờ đến nửa đường, tôi lại ngộ-sát Trương Báo, đào nạn tha-phương, sau tôi lại nghe thằng Trương Hùng hầu huyền-thưởng thiên-kim, cần chỉ ích cấp, bởi rứa cho nên tôi mới: cải danh Tuấn-Đạo, tôi cũng liều đi: khi thân vu thảo-dã, ai ngờ cũng may: ngộ Điền-ông dữ bỉ nhi cô lưu 改名徇道樂身于草野遇田翁與彼而姑留.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ừ Vũ-thị mô hay là Vũ-thị Như-Lân nữa chăng?

Lực Vô-Song nói :

Dạ thưa Vũ Như-Lân là khế-hữu tôi đó.

Vạn Phu-Hùng nói :

Rứa như Điền-lão ký-cư mần răng lại ra đến đỗi này?

Lực Vô-Song nói :

Dạ thưa ngài, như tôi mà thác thử thế-tri chẳng qua là: Tứ cố vô thân, là tôi đây dĩ cam thụ bỉ-phu chi khổ dịch 四顧無親已甘受鄙夫之苦役 chẳng ngờ Điền-lão va con người tham-lận lắm: Nhất văn hữu lệnh, khi rứa chứ hắn mới bắt nã giải tôi đi, tôi tưởng là: bất miễn vi Trương-thị chi u tù 一聞有令不免爲張氏之幽囚. Ai ngờ nay lại gặp ngài cứu tôi mần ri, tôi nghĩ lại: Một xỉ hàm ân tâm mạc báo 沒齒含恩漸莫報, chứ như tôi bây giờ: chung thân tố uổng khổ vô do 終身訴枉苦無由.

Lại nói :

Ấy thưa: Kể việc này dà khôn xiết cạn sầu; mà nay người lại tử sinh cốt-nhục cho tôi mần ri, nầy chao ôi! đội ân ấy thôi so tầy cao rộng đi mà thôi.

Vạn Phu-Hùng nói :

Ha, Nhớ bạn cũ lòng vàng thêm động; nhắc sự đời thói bạc càng cắm. Này thưa anh, ngỡ là ai tê chứ như Vũ-hiền-huynh cùng tôi đây đã hay: nghĩa mặn nồng là: chưa chữ đồng-tâm; mà thôi chứ: tình quen biết cũng câu bán-diện. Mà số-là anh chưa rõ chứ, tôi lúc xuân hộ Sở-thành là tôi đây cũng chỉ tại hiền dương lắm, bởi rứa nên: Đề-huề cũng theo người phó tuyền; ai ngờ thằng Trương-Hùng hắn thấy tôi bắn lại bàn - cật tung-tích anh, khi rứa trừ tôi chỉ dĩ bất tri thiệt cáo, mà chẳng biết mần răng hắn lại bắt quặt đến tên tôi.

Lực Vô-Song nói :

Chẳng hay tên ngài là chi?

Vạn Phu-Hùng nói :

Ấy tên tôi chẳng là Vạn Phu-Hùng, mà tên nó cũng là Hùng, nó mới nói tôi rằng mà bất tri tị-húy ấy: hà-trích bèn mới trách mỗ rằng phạm danh chứ, khi rứa chứ tôi giận lắm tôi cũng không thèm biện-chiết ai-khất với nó mần chi, là tôi nghĩ lại: Thôi huyền-

cầu là mình rất hồ mình ; bởi rứa nên : miễn tẩn-dật mới gót bèn lui gót. Nay thưa anh cũng đã biết : Đấng hào kiệt dễ đi cam lòng mai một ; hay mần răng, nhưng mà tôi nghĩ lại tôi giận lắm. tôi giận : đứa quyền-gian nó tây dạ ức dương, chứ mà cái nghề tiểu-nhân tiến đắc quân-tử thoái, bởi rứa nên : Kiến cơ rày tôi lánh những tỏa-cương ; chứ mà hoạn lập mấy chi danh - vị, nghĩ lại Vũ hiền-huynh ta : tràng tao-tế tuy rằng đắc chi đó chốc ; nhưng mà anh nữa thấy tôi vận kiền cùng đến cũng bận thương tâm. Nay khi rứa chứ Vũ hiền-huynh lại bề-tương quân-tử tống biệt, tôi : Một khi vừa rẩy tiếng đoạn-kim ; là ngàn dặm chửa có nguôi lời biệt-quyết đây mà. À chịu ân rày dời gót nhẹ, lúc cùng-đồ dương trệnh bước nhỡ nhàng ; đến nay cũng bất-kỳ mà lữ ngộ anh đây, thôi : mừng bạn mới nhớ người xưa, lời thất-chí dễ xui tình khẩn bó đi mà thôi.

Lực Vô-Song nói :

Ừ ừ Vũ hiền-huynh đã thanh-vân đắc lộ rứa, ủa hà-ha thôi : Ân-hữu đó lời bày tỏ rõ ; ối chao ôi là mừng cho anh tôi : cùng-phu đây thôi dạ rất vui mừng a. Dám thưa anh như Vũ hiền-huynh mà dặng mần rứa nữa lại cho : Minh hỏa thang nghìn dặm là cũng ưng mà chứ như anh cùng tôi hoạn-hải mang mang, chinh-đồ vũ-vũ mần ri này á : chí hồ thỉ bốn phương ngỡ còn hồ lắm mà. Tao ách-vận tưởng là một mỗ ; ai ngờ ngại hành-cù hay lại nhiều người. Thưa anh, như tôi bây giờ là : Nhất sinh này uổng cũng đã rồi. Nhưng mà sát-nhân chi tội, luật sở bất dung, đã hay anh hữu tâm tương cứu đó mà thôi chứ tôi e : Vạn tử nọ khỏi còn chưa chắc này. (*Nói rồi ứa hai hàng lệ*).

Vạn Phu-Hùng nói :

Ò hay anh-hùng hào-kiệt, cùng dũ kiến tiết, mới hay cao, miễn là : Ở mình chưa có sờn khi thân khuất ; ấy là hay mà thôi, chứ như : với đời sao cho khỏi lúc phù trầm a anh, chứ anh lại quên chữ đồng-hàn chi hậu, tất hữu dương-xuân ôi hay mần răng, có phải a Lý xưa thường hạn cửu phùng lắm ; mà lại cho : người nay cũng bĩ trung phục thái mần rứa mà.

Lực Vô-Song nói :

Thưa anh cũng đã biết mần rứa đó, nhưng mà tôi e vỡ xứ thê-thân, cung vi sở hoạch mà thôi này.

Vạn Phu-Hùng nói ;

Thưa anh, giờ anh nghe theo lời tôi mần ri ắt xong thôi mà :

Rẩy ngọc hữu toan bề viễn tội ;
chúa Kim-tiên thực cõi thâu nhân.

Nữa thưa anh, vả Kim-tiên-tự, chẳng là thiên lý tịch liêu, nhân tích hãn đáo, giờ anh tới đó : Vị sắc không miễn lúc cầu-an ; có chữ tứ hải chi nội mạc phi huynh-đệ mà : đường thanh-khí rồi cũng có ngày hi ngộ chứ ai ngờ không (*Mới đem món bạc của Vũ Như-Lân tặng cho trước mà tặng cho Vô-Song và nói*) : Dám thưa anh, cái này là của Vũ-hiền-huynh cho tôi đây này : Ngân-tử dễ dành khi dụng-độ ; còn Châu-sơn xin tôi lại bước qui-lai đã. Ừ Vũ-hiền-huynh tặng tôi, mà tôi lại tặng cho anh mần ri là : Chiết-liễu kia tôi cũng mượn cho thỏa hoài đó mà thôi chứ ; khất-ê nọ lại dám khen rằng trực a (*Lực-Vô-Song vui lòng nhận ngay*).

Vô-Song nói :

Ủy a : Vén mây móc lòng thêm cảm dức ; phen này : tạc dạ vàng dạ dám quên ơn. À thưa thưa : Cúi dầu đưa đó lại Châu-sơn ; trải bước ngõ đây qua Kim-tự a.

Nam-xướng :

Kim-tự ngập-ngừng nhẹ gót,
Lệ hai hàng thay giọt tuôn rơi.

Vạn Phu-Hùng nam-xướng :

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Đem câu thái-bạt đổi lòng khuê-ly.

Vô-Song nam-xướng :

Một lòng biết mấy hoan bi,
Oán trầm biển thẳm, ân ghi bia vàng.

Vạn Phu-Hùng nam-xướng :

Từ đây chia bước dương-quan,
dám thưa anh rửa nữa.
Kim-tiên đó trải, Châu-san đây về.
(*Nói rồi gạt nước mắt cùng biệt*).

Lực-Vô-Song nói :

Coi : Ngọc-hữu đã nhẹ tếch mã-đề; nọ phải phải : Kim-tự kíp xa trông điều-đạo. Chứ âu là : Hoang-mang tiến-đáo; khẩn-cấp bôn hành a.

Bắc-xướng :

Gian quan kinh kỷ tuyết sương trình,
間關經幾雪霜程
Thế lộ linh nhân bão bất bình ;
世路令人抱不平
Kim tự dao khan hà xứ thị,
金寺遙看何處是
Tử cù không dịch thử thân khinh;
紫衢空役此身輕
Khánh kim bình đãng tuân vương đạo,
慶今平蕩遵王道
Đức hóa hoằng phu tứ hải ninh.
德化弘敷四海寧

(*Còn nữa*)

VĂN-UYỂN

Họa bài lưu-giản
(Của ông Tống-sơn)

Chửa lão nhưng mà cũng cụ non,
Xuân-thu tính đã sáu-mươi tròn ;
Vai tuồng thoát lốt anh hề dại,
Thuyền hoạn sang bờ chú lái con ;
Đến lúc biết khôn đầu đã bạc,
Nào ai thấu nỗi dạ còn son ;
Ta về ta nghỉ nằm khênh bát,
Một khúc qui-lai dịp phách dồn.

TRÚC-ĐƯỜNG

. . .

Tự-tự
(Theo vần bài trên)

Nghĩ lại từ khi tuổi hãy non,
Nết vuông mà trí vẫn chưa tròn ;
Lo trời lần-thần ngày qua tháng,
Dời núi dần-dà cháu đẻ con ;
Lũ bất-tử còn bè-bạn sót,
Đứa sơ-sinh đã vợ chồng son ;
Phen này lại lắm quan hưu-trí,
Thơ thẩn không ra phải họa dồn.

T. L.

. . .

Buổi chiều sang đò

Bên trời soi chếch bóng tà-dương,
Bốn mặt giang-sơn thú lạ đường ;
Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch,
Sóng ròn mặt nước nổi kim-cương ;
Cánh diều gió bốc tầng mây thẳm,
Ngàn trúc sương phong lít dặm trường ;
Trời đất kìa ai xoay-chuyển lại,
Thuyền sang mang cả bóng ô sang.

Thăm chùa Bé
(Đông-ngạc)

Mênh-mông dòng rộng gió đưa ngang,
Chùa Bé đây là cảnh cố-hương ;
Giậu đổ, cây trơ, chùa đứng trọi,
Làng xa, sư vắng, bụt ngồi suông ;
Bia tàn nham-nhở rêu mờ đá,
Hoành cổ treo-leo chữ lạt vàng,
Lẳng-lặng ngồi nghe con cuốc gọi,
Bực mình muốn rủa cái tang-thương.

Ngẫu-thuật

Ai cũng kêu rằng gớm bác Thông,
Người sao lấc-cấc, tính sao ngông !
Học ngày không đúng vài ba chữ,

Lương tháng tiêu bay mấy chục đồng ;
Xoay dở cáo già, chơi dở bịp,
Ăn như hổ đói, nói như rồng ;
Thế mà vẫn cứ « Ta đây » mãi,
Nay tán mai bàn truyện núi sông ! »

Chiều hôm chơi trên sông Thanh-giang cảm tác

Chiều chiều dạo bước bên sông,
Gió tung cát bãi, sương phong cây ngàn.
Non xanh bảng-lảng bóng vàng,
Sóng rờn mặt nước Thanh-giang rập-rình.
Cảnh đâu xinh khéo là xinh,
Thuyền ai thấp-thoáng bên ghềnh xa xa ?
Lửng-lơ nước chảy trôi hoa,
Ngang trời chiếc nhạn bay tà tà bay.
Thành mây ai đắp ai xây ?
Mà xa xa tít chân mây có thành ?
Thần-thơ mình đứng một mình,
Lặng trông bóng thỏ chênh chênh mơ-màng.
Trạnh niềm cố quốc tha-hương,
Biết ai mà giãi tâm-trường với ai !
Lòng sông trăng nước bồi-hồi,
Trông trăng trông nước nhớ ai những ngày.
Ai về nhắn nhủ ai hay,
Nghìn thu ngọn nước sông này vẫn trong.

Đông-xuyên NGUYỄN GIA-TRỤ

∴

Ngày tết gửi sách Gia-đình giáo-dục cho em cảm-tác

I

Ngày dồn tháng tới tết theo đuôi,
Thiên-hạ vui thì tớ cũng vui ;
Pháo đốt vang tai người ngủ dậy,
Tranh treo lạ mắt khách ngồi coi ;
Rượu năm ba chén bầu chưa cạn,
Thơ một vài thiên túi chẳng vơi ;
Vui cũng có vui mà lại nhớ,
Nhớ em nghìn dặm cách xa khơi.

II

Nhớ em nghìn dặm cách xa khơi,
Ngẫu-tác nôm-na gửi mấy lời ;
Rằng ở ngoài này đều mạnh giỏi,
Chắc là trong ấy cũng vui chơi ;
Tết cùng về tết nhà đông cả,
Năm lại qua năm tuổi lớn rồi ;
Lũ trẻ lau-tau nên huấn-luyện,
Gia-đình giáo-dục sách đây coi.

III

Gia-đình giáo-dục sách đây coi,
Dạy trẻ vào khuôn đã sẵn bài ;
Học nếu gia công chi chịu thánh,
Theo cho nhằm đạo mới nên người ;
Ngành Hồng cỗi Lạc nên vun giống,
Ngoài Bắc trong Nam cũng một trời ;
Họ mạc anh em ai đấy đấy,
Gia đình giáo-dục sách đây coi.

Đ. M.

∴

Vịnh Lê Thái-tổ

Dân Việt lầm than buổi cuối Trần,
May sao cứu-quốc có chân-nhân ;
Non Lam khẳng-khái nêu cờ nghĩa,
Đất Việt tung-hoành trỏ kiếm thần ;
Gió bụi mười năm cay đắng trải,
Gian-nan mấy độ cầu muông săn ;
Ôi vua Bình-định vì ta khổ,
Biết lấy chi mà báo thánh-ân ?

Vịnh Lê Thánh-tôn

Hán-văn khí-tượng trí hòa-nhân,
Đức-độ mênh-mang nghiệp thánh-thần ;
Võ-hiển chính minh còn rủ bóng,
Luật vàng thơ ngọc, vẫn cười xuân ;
Thanh-bình đất Việt ca Nghiêu, Thuấn,
Rạng-rỡ trời Nam quán Lý, Trần ;
Tinh-tú Tao-đàn côn lấp-lánh,
Thẹn ta mê-muội tụng anh-quân.

Quan-công bình trúc

Tào-công gieo loạn hóa nên hiểu,
Bình trúc khen ai khéo tạc nên ;
Vặc-vặc lửa thần lòng xích-diện,

Cao cao lòng tỏ dải thương-thiên ;
Trông vời chìm nổi tam anh lạc,
Ngẫm phận bèo mây nhị-tầu phiền ;
U-uất canh thâu thân nghĩa-sĩ,
Dế kêu trống điểm đuốc chưa tàn.

Mẹ ru con ngủ ngày

Cảnh trời u-tĩnh gió hây-hây,
Tiểu-mẫu ru con giấc ngủ ngày ;
Mẹ hát du-dương lời thấm-thía,
Con nằm mủm-mỉm miệng thơ ngây ;
Trên giường kim-chỉ còn vương-vãi,
Ngoài cảnh trà-lan sẽ chuyền lay ;
Một góc trời riêng dành mẫu-tử,
Chim trời sợ động chẳng cuồng bay.

Đi đường gặp giai-nhân hé cửa nhìn ra

Qua chân sao tới nẻo Thiên-thai ?
Mỹ-nữ tay tiên hé cửa trời ;
Thân quế ẩn-tàng thò ngọc-diện,
Động xuân khép nửa lộ thư-trai ;
Giai-nhân trông khách tình u-ẩn,
Khách đoái giai-nhân dạ cảm-hoài ;
Luống bước ra đi còn luống những...
Trông ai ai có thấu chăng ai ?

Thu cảm

Giật mình lại thấy ngọn thu-phong,
Hiu-hắt tình riêng lại chạnh lòng ;
Trần-lụy khéo theo oan chửa dứt,
Bút duyên bao trả nợ cho xong ?
Thiếu niên chiếc lái đà trì-trệ,
Tráng-tuế con thuyền có ruồi-giong ;
Thu tới năm tàn thân lận-đận,
Buồn trông ác xế vẻ mông lung.

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Bèo hiệp, mây tan

(Thúy-kiều và Kim-phụng liên-ngâm)

Kiều—«Trướng hồ vắng-vẽ đêm thanh».
Kim-phụng — « Giao chan giọt thảm tầm đoanh mối sầu.
« Thương nhau xin nhớ lời nhau »,
— « Càng dầy bể ái, càng giàu chữ duyên.
« Phiếm dàn dìu-dặt tay tiên »,
— « Oanh vàng thỏ-thẻ gió truyền tin hoa.
« Khúc dâu dằm-thắm dương-hòa »,
— « Tiếng tơ rủ-rỉ như xa như gần.
« Quá-quan nây khúc Chiêu-quân »,
— « Mười phần sầu-thảm có phần nào vui.
« Tiếng như bẻ liễu chia phôi »,
— « Nề lòng người cũ vâng lời một phen.
« Lời tan-hợp chuyện bàn-huyên »,
— « Không ngờ phút gặp bạn tiên đó mà !
« Giọt rồng canh đã điểm ba »,
— « Mặt nhìn tận mặt duyên đà đẹp duyên.
« Trai anh-hùng gái thuyền-quyên »,
— «Không ngờ xum-hiệp vẹn tuyền một nơi.
« Gương thề khắn khắn dám sai »,
— «Đinh-ninh hai miệng một lời song song.
« Cùng nhau khăng-khít dải đồng »,
— « Khư khư buộc chặt trăm vòng chớ lơi.
« Than ôi ! Sắc nước hương trời »,
—«Ngàn vàng nên đúc lấy người đồng-tâm.
« Đêm ngày luống những âm-thầm »,
— « Thương nhau lòng lại đau ngầm nỗi [riêng,
« Bây giờ vân đã đóng thuyền »,
— Cơ trời tác-hợp nhân-duyên cũng kỳ.
« Mấy người vì nghĩa xưa nay »,
— « Mênh-mang bể ái càng dầy khó vơi,
« Xây-vần mây tạo lạ đời »,
— « Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ. »
« Mới gần nay đã lại xa »,
— « Càng cay đắng lại mặn-mà hơn xưa.
« Trăng thề còn đó trơ-trơ ».
— « Nào ai dạ sắt thờ-ơ nợ tình,
« Nhớ lời nguyện ước ba sinh »,
— « Mấy ai tri-kỷ tròn vành như ai.
« Còn non còn nước còn dài »,
— « Mối sầu riêng để cho ai một mình.
« Khi tỉnh rượu lúc tàn canh »,
— Nghe chim kêu bạn trên ngành lao-xao.
« Phù-sinh càng thấy càng đau »,
— « Tuyết-sương nhuộm nửa mái đầu hoa rầm.
« Lòng riêng, riêng những đau ngầm »,
— « Đã cam tệ với tri-âm bấy chầy.
« Bể tình càng tát càng dầy »,
— « Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.
« Tơ tằm trói buộc lạ tề »,
— « Ngày xuân lầm lúc đi về với xuân.

« Khi đàn dịch lúc thơ văn »,
— « Một dây một buộc ai giằng cho ra.
« Tuy rằng trăng gió lân-la »,
— « Tuần trăng thấm-thoát nay đà thêm [hai.
« Nghe tin xiết nỗi bồi-hồi »,
— « Gắng làm hoan-hỉ càng xui thảm sầu.
« Ngậm ngùi nỗi trước duyên sau »,
— « Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
« Có ta mà cũng nhờ trời »,
— « Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
« Một ngày cũng gọi duyên ta,
— « Tương-tri nghĩa ấy mới là tương-tri.
« Những là phiền muộn đêm ngày,
— « Môi không dính rượu mà say xềnh-xoàng.
« Bao nhiêu đoạn khổ tình thương »,
— « Cưu vào ổ trước gẫm càng thiết-tha.
« Từ rày phú-quí vinh-hoa »,
—« Quan trên ngẫm xuống người ta trông vào ».

. . .

NGỤ-NGÔN

Cúc, mai trò chuyện

Vận thái đến đất trời giao-hợp,
Buổi truân qua sấm chớp ôn-hòa ;
Vườn xuân cảnh-vật rườm-rà,
Cúc mai trò chuyện, mặn-mà tinh-thân,
Kẻ thích những tinh-thần thanh-lịch,
Người vui về cốt-cách kiêu-kỳ ;
Vốn là tương thức tương-tri,
Cùng nhau liên-lạc gặp kỳ tốt-tươi.
Hoa Mai nọ nức cười hớn-hở,
Rằng : Trăm hoa trước nở là đây ;
Da băng mình ngọc ai tầy,
Điểm-trang mấy kẻ sánh tầy được đâu.
Bóng chiếu nước tỏ mầu bạch-ngọc.
Hương ngát trời nức lúc hoàng-hôn.
Các hoa đều phải suy-tôn,
« Hoa-khôi » vào bậc tiếng dồn xưa nay.
Mừng gặp hội phó bày đỏ tía,
Ta cùng nhau tỏ vẻ trắng vàng ;
Vườn xuân đã có chủ-trương,
Cùng nhau hợp sức trang-hoàng cho vui.
Kỳ khai-hoa thì tôi nở trước,
Hoa tự-do thì bác nối sau ;
Yêu nhau bảo thật cùng nhau,
Bác đừng nghi-ngại những câu dặn-dò.
Bác thử ngẫm tấn trò « thiên diễn »,
Tôi nhìn trông cuộc-diện « địa-cầu » ;
« Công-viên » khắp cả năm châu,
Hoa vàng hoa trắng mấy mầu đẹp hơn.
Muốn chen vai sinh-tồn vĩnh-viễn,
Phải điều-hòa quyến-luyến lấy nhau ;
Tám nghìn vận-hội xuân-thâu,
Chiều thanh vẻ quý kém dâu tiên-đào.
Cúc nghe lời ngạt-ngào vừa đoạn,
Rằng : Muôn hoa nở muộn là em ;
Thu sang ai thấy cũng thèm,
Thích chơi chớ để nhọ-nhem tấm lòng.
Mặc kẻ thích hoa trung « phú qui »,
Tuy người vui hoa lý « thầu-tiên » ;
Mùi vàng vẫn giữ bền gan,
Sánh vừng ngọc-thỏ hợp làn kim-phong.
Xuân-lan ấy vốn dòng bạn cũ,
Hạ-liên kia cũng chỗ chơi thân ;
Hồng-quần đến lúc chuyển vần.
Hoàng-hoa dẫu có muộn mằn vẫn thơm.
Em hậu-tiến không gờm thu nhạt,
Bác tiên-khai vừa chợt xuân nồng ;
Nước non non nước một vùng,
Trước sau sau trước ta cùng thân nhau.
Mầm « bác-ái » bác gieo lan khắp,
Chồi « cộng-hòa » em sắp nẩy ra ;
Ước-ao khắp cả gần xa,
Muôn hoa họp lại một nhà cùng chung.
Kia bạch bạch hồng hồng mọi dáng,
Nọ hương hương sắc sắc mọi mùi ;
Bốn mùa cảnh-vật cùng vui,
Cùng chung thế-giới cùng chơi lâu dài.
Mai khen cúc rằng : « Tài đáng qui »,
Cúc khen mai rằng : « Trí thực cao » ;
Cúc mai trò chuyện tiêu-dao,
Gió nam đưa thoảng lọt vào khúc ngâm.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

. . .

Em 60 tuổi khóc chị 65 tuổi (1)

Em chắc chị, chẳn đủ một trăm, để con cháu một mai mong trả nghĩa.

Chị hơn em, lẻ thừa sáu chục, nhớ ông bà sấp ngửa vội về quê.

Vô-danh

(1) Hai chị em cùng làm nghề hàng sáo trong đám bạc.

DỊCH HÁN-VĂN

Sông xuân đêm trăng hoa

(Của Thức-Bửu, hậu-chủ đời Trần)

Sông xuân mặt bể nước rông bằng,
Mặt bể linh-bình bóng nguyệt thăng;
Muôn dặm nổi theo dòng sóng dợn,
Sông xuân đâu chẳng có vầng trăng.

Quanh co nước chảy giáp vườn hoa,
Trăng sáng rừng hoa giống tuyết sa;
Chẳng biết hơi sương trong lặng-lẽ,
Trông không thấy cát trắng gành xa.

Trời cao sông lặng sắc in ngần,
Tỏ rạng trong không nguyệt một vầng;
Bên sông thấy nguyệt ai là trước,
Bóng nguyệt năm nào chiếu thế-nhân.

Người đời sống thác vẫn không cùng,
Bóng nguyệt hằng còn với núi sông;
Giọt nước trường-giang cuồn-cuộn chảy,
Trông trăng, trăng biết với người không?

Vật-vờ kia một tấm mây bay,
Trên bãi rừng phong động khách hoài;
Lầu minh-nguyệt nhớ người đâu tá,
Thuyền đêm nay, bơi thả nào ai.

Bồi-hồi bóng nguyệt chiếu lầu kiêu,
Chiếu thấu đài-gương kẻ quạnh hiu;
Dấu ngọc trong rèm lôi chẳng hết,
Vẻ sương đầy áo phủi không tiêu.

Trông trăng nào thấy bóng chàng đâu,
Theo gió vầng trăng để chiếu nhau;
Nhạn bay bồng, khôn mang trăng lướt,
Cá trầm sâu, mặt nước dợn xao.

Bên đầm từng mộng thấy hoa rơi,
Đã nửa xuân, trông chẳng thấy người;
Đầm nước bóng trăng chừ đã xế,
Dòng sông hầu hết tống xuân trôi.

Trăng là mờ-mịt ngút mây che,
Non nước Tiêu Tương cách mọi bề;
Bát-ngát gương tàn cây cối rậm,
Biết ai mấy kẻ cỡi trăng về.

Lời ông câu

(Ngư phủ từ của Khuất-Nguyên)

Ông Khuất-Nguyên đã bị đuổi, chơi nơi đầm sông, vừa đi vừa ngâm ven bờ, nhan-sắc tiều tụy, hình-dáng khô-khan.

Ông già đi câu thấy, hỏi rằng: « Ông có phải Tam-lư Đại-phu chăng? Cớ sao lại đến chỗ này? »

Khuất-Nguyên nói: « Người đều đục, ta riêng trong; người đều say, ta riêng tỉnh, cho nên bị đuổi. »

Ông câu nói: « Thánh-nhân không bị ngăn-trệ với vật, mà hay biến đổi theo với đời; người đời đều đục, sao ông chẳng khuấy cái bùn mà dêu cái sóng lên; người đời đều say, sao ông chẳng ăn cả dấm, mà uống cả rượu; cớ chi nghĩ cho sâu, ở cho cao, mà để bị đuổi vậy? »

Khuất-Nguyên: « Tôi nghe nói người mới gội phải đập cho sạch mũ, mới tắm phải rũ cho sạch áo; ai hay đem cái thân sạch-sẽ mà chịu với vật bẩn-nhơ? Thà rằng thả xuống dòng Tương, chôn vào bụng cá; lại ai hay lấy chất trắng phau-phau này mà chịu với bụi-bặm của tục-trần được sao? »

Ông câu mỉm cười, khua chèo mà đi và ca rằng:

Nước trong ta giặt cái mão này,
Dòng Thương-lang kia dầu đục, ta
để rửa đôi chân ta.

Đi thẳng, không nói chuyện nữa.

Bói ở

(Bài bốc-cư của Khuất-Nguyên)

Khuất-Nguyên đã bị đuổi, ba năm không dặng ra mắt vua. Hết trí tận trung, nhưng bị sàm-thần che đậy, lòng phiền ý loạn, không biết làm sao.

Qua nói với Thái-bốc là Trịnh Thiêm-Doãn rằng: « Tôi có điều nghi, xin cậy tiên-sinh quyết giùm. »

Thiêm-Doãn liền sắp thẻ thi, phủi mai rùa, nói: « Ông bảo tôi điều chi? »

Khuất Nguyên: « Tôi thà chân-thật chất-phác mà tận-trung nữa chăng, hay là đưa đẩy với đời cho khỏi khổ? Thà bừa lau, chém sậy, đi cày nữa chăng, hay là giao tiếp với người quyền-quí để thành danh vậy? Thà nói thẳng không kiêng để nguy thân chăng, hay là lây-lất giàu sang để trộm sống vậy? Thà bỏ lìa đời tục để trọn tánh trời chăng, hay là co-do cúm-núm, xa-la xết-lết để phụng sự đàn bà vậy? Thà trong sạch ngay thẳng để chính mình chăng, hay là trơn-tru tráo-trở như dầu, như mỡ khác nào cái chốt cửa vậy? Thà nghênh-ngang như ngựa câu nghìn dặm, hay là như chim chàng-bè (vịt le) lình-bình trong nước, cao thấp theo làng sóng, để trộm sống cho trọn đời? Thà sóng vai với con ngựa kỳ, kỵ, hay là theo dấu với con ngựa què? Thà so-sánh với chim hồng hộc, hay là xúm ăn với vịt gà? Vậy đường nào cát hung, điều nào nên không? Đời hỗn-trọc không thành, cánh ve là nặng, nghìn cân là khinh; chuông vàng bỏ bét, bỗng sành rập-rình; nịnh thần đắc-ý, hiền-sĩ mất danh. Than ôi! Lẳng lặng rồi, ai biết ta là liêm-trinh? »

Thiêm-Doãn buông thẻ, dẹp mai, nói: Thước có khi vắn, tấc có khi dài: vật có cái không đủ, trí có điều không sáng, số có khi chẳng đầy, thần có lúc chẳng thông; dùng theo tâm-ý của ông, rùa thẻ này thật không thể biết được vậy.

LÊ VĂN-QUỚI *dịch*

THỜI-ĐÀM

Thời cục nước Tàu

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh. — Lâm Sâm chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân có nói rằng: Mình nay tuổi đã cao, bệnh già lại lâu khỏi, cái trách-nhiệm chủ-tịch trọng-đại, thực không thể làm luôn khóa sau được nữa, không kể thế nào, quyết thoái vị nhượng-hiền.

Báo « *Evening post* » đăng tin rằng 17 đảng-viên có chân trong các hội-đồng hành-chính giám-sát Quốc-dân-đảng ở Thượng-hải, trong số đó có bà Tôn-Văn và Lý Liệt-Quân trước đây vẫn công-kích việc tổ chức chính-phủ, nay nhất-định không chịu dự kỳ Tứ-toàn Hội-nghị ở Nam-kinh ngày 20 Décembre này.

Ban thường-trực Quốc-dân-đảng có lẽ hoãn kỳ hội-nghị này đến 20 Janvier 1931 để có đủ thì giờ liên-lạc với các đảng-viên ở Quảng-châu và Quảng-tây.

Tưởng Giới-Thạch vừa điện cho các tướng-lĩnh miền tây-nam, ngỏ ý-kiến muốn mở rộng việc tham-dự chính-phủ và mời các hội-viên hội-đồng chính-trị tây-nam về dự Tứ-toàn Hội-nghị.

Mới rồi vì cái phong-trào chính-biến ở Phúc-kiến, hội-đồng chính-trị miền tây-nam có điện cho Uông Tinh-Vệ và Tưởng Giới-Thạch phải từ-chức thì mới dẹp yên được cái phong-trào nội-chiến. Nhưng Uông, Tưởng đối-phó lại một cách cương-quyết, không chịu từ-chức, mà hội-đồng chính-trị miền nam thì vẫn giữ các lời thỉnh-cầu trước là bức Tưởng, Uông phải từ-chức, cho nên Nam-kinh phải phái bọn ủy-viên là Trương-Kế, Mã Thiệu-Xuân, Vương Lục-Nghi và Trần Thiện-Diên đi Hương-cảng để thương-thuyết với Hồ Hán-Dân điều-đình mọi việc chính-biến.

Hồ Hán-Dân tuy chẳng nhúng tay vào những việc chính-biến vừa rồi, nhưng vẫn là một tay chính-khách mạnh hơn hết ở miền nam. Khi bọn ủy-viên đến hội-kiến Hồ, chẳng ngờ Hồ không tán-thành chính-phủ Phúc-kiến, lại còn cực-lực công-kích Nam-kinh, ngỏ ý không chịu hợp-tác với chính-phủ Trung-ương và không chịu đi dự kỳ Đại-hội-nghị các ban hành-chính và giám-sát Quốc-dân-đảng.

Bởi vậy kỳ hội-nghị ấy phải hoãn đến tháng giêng, mà vấn-đề Phúc-kiến cũng không giải-quyết bằng một cách hòa-bình được. Đôi bên sức ngang nhau, nay chỉ nhờ cánh Quảng-đông hợp về bên nào thì bên ấy tất có phần thắng lợi mà thôi.

Trong khi chờ đợi kỳ hội-đồng quan-trọng ấy, thì quân-đội Nam-kinh đã chạm trán với Thập-cửu lộ-quân ở miền cương-giới Chiết-giang, Phúc-kiến, thỉnh-thoảng lại gặp gỡ nhau trong một trận huyết-chiến.

Đối với cuộc Phúc-kiến và Nam-kinh đánh nhau, Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng vừa rồi có thông điện nói rằng: Hiện nay hai cánh Phúc-kiến và Nam-kinh đã bắt đầu đánh lẫn nhau, hải-quân Nam-kinh tiến giữ Mã-vĩ, quân Phúc-kiến muốn tràn vào Chiết giang, luôn mấy ngày máy bay Nam-kinh bắn phá, nhân-dân bị hại không còn chỗ tránh. Thương hại cho dân Phúc-kiến, vì bọn quân-phiệt và đảng loạn làm càn mà gặp cái tai nạn ấy, đáng nên cảm tức. Vài năm nay bọn quân-phiệt Nam-kinh mượn cái tiếng đảng-trị, mà làm cái thủ-đoạn độc-tài, hàng Nhật, bán nước, tội lỗi đã đầy, đối ngoài thì khuất-phục, đối trong thì độc-ác, nay vì bài-trừ kẻ khác cánh, lại mượn cái bạo-lực của đảng áo làm hại dân Phúc-kiến, đồ dại còn gì hơn nữa. Còn đảng loạn ở Phúc-kiến, dung quân Cộng-sản, dựng nên nước Trung-hoa cộng-hòa, đối địch với Dân-quốc Trung-hoa bốn vạn vạn người, lại càng đồ dại hơn nữa, và là kẻ bạn nghịch của dân-quốc Trung-hoa. Cả hai bọn đều vì muốn giữ tư-lợi mà gây nên nạn nội-chiến, quốc-dân tội gì mà phải chịu sự cay độc ấy. Nếu nay không mau mau ngăn đi, thì Trung-quốc sẽ đến bị tan nát và tuyệt-diệt chẳng còn. Mong rằng các phương nên ra sức ngăn-ngừa, để cứu mạng dân và giữ gốc nước, nhất là mong hai cánh Nam-kinh và Phúc-kiến nên sớm hối-cải, chớ cậy võ-lực làm hại nước nhà.

Hồ Hán-Dân tuyên-cáo như trên là kết tội cả chính-phủ Quốc-dân-đảng đã làm phản đảng, và cả chính-phủ Cách-mệnh Phúc-kiến cho là đã phản Quốc-dân-đảng và đã kết-liên cùng đảng Cộng-sản. Đoạn Hồ bày tỏ chương-trình như sau này:

1°) Giữ Quốc-dân-đảng được như trước.

2°) Bỏ cái chính-sách quân-sự độc-tài ở Nam-kinh và giải-tán cả chính-phủ cách-mệnh Phúc-kiến.

3°) Kháng cự bọn đế quốc xâm lấn và cho dân được tự-do.

4°) Bọn quân-nhân không được dòm dỏ vào việc hành chính.

5°) Chức-trách thống lĩnh quân đội thuộc Chính-phủ.

6°) Định rõ quyền hạn của chính-phủ Trung-ương và các tỉnh.

7°) Bỏ cái chính-sách công-thải và cho quan-thuế được tự-lập.

8°) Để các người không có chân trong đảng Quốc-dân được tham dự vào chính-phủ, duy phải giữ sao cho thực đúng chủ-nghĩa của đảng.

Theo tin đăng trong tờ báo Mĩ « *Evening post* » thì ủy-ban chính-trị miền tây-nam rất hoan-nghênh chương-trình của Hồ Hán-Dân, ủy-ban đã phái

một tay lão-thành trong quốc-dân-đảng là Châu Lỗ đến Hương-cảng để hội-kiến với Hồ.

Tôn-Khoa sắp đi về phía nam sẽ hội-kiến với Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng và có lẽ gặp các ủy-viên chính-trị miền tây-nam. Tôn-Khoa chẳng giấu giếm gì ý-kiến phản-đối Tưởng Giới-Thạch. Hiện nay trong ban hành-chính cũng có nhiều người dị-nghị Tưởng.

Có tin ở Quảng-châu về cho các báo rằng những phái-viên của Nam-kinh sau khi hội-kiến với Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng và hội-đồng chính-trị miền tây-nam ở Quảng-châu đã đi Wu Chow (Quảng-tây) và có tuyên-ngôn rằng Nam-kinh thuận bỏ quyền đảng-trị và để các nhân-vật không có chân trong đảng cũng được tham dự chính-quyền.

Nam-kinh với Phúc-kiến.— Theo tin ở tổng-bộ Quảng-châu nói: Tưởng Giới-Thạch đối với Phúc-kiến, về quân-sự đã ra sức bố-trí, cuộc đại-chiến đã gần đến nơi. Tưởng định nếu dùng không quân bắn phá không hiệu, thì quyết đem cả hải-quân, lục-quân cùng thời đều tiến, thân ra trận đốc-chiến, việc tiểu-cộng giao cho Hà Ứng-Khâm chủ-trì, việc Hoa-bắc thì giao cho Trương Học-Lương chủ-trì, đợi sau khi Trương Học-Lương về nước, Tưởng sẽ đến Chiết-giang chủ-trì việc quân.

Có tin ở Nam-kinh rằng ủy-ban chính-trị Quốc-dân-đảng đã huyền-chức của Trần Minh-Khu trong các ban hội-đồng của đảng.

Mà Thái Đình-Khải thì bị cách-chức quản-đốc thập-cửu lộ-quân.

Theo tin hãng «*Central News*» thì quân Cộng-sản ở Giang-tây và chính-phủ Phúc-kiến đã hợp với nhau: xích-quân thì đương đầu với quân-đội Quảng-đông ở Giang-tây, mà quân Phúc-kiến thì đánh vào Chiết-giang.

Thập-cửu lộ-quân hợp-lực với quân Cộng-sản của tướng Chu-Đức đã họp cả ở giữa quãng miền Diên-bình và Cồ-điền ở bắc-bộ Phúc-châu để đương-đầu với quân đội Nam-kinh. Quân Nam-kinh hiện đã tăng thêm quân cứu-viện và đóng ở miền Vân-châu.

Cuộc chiến-tranh ở biên-cảnh Phúc-kiến Chiết-giang đã mở. Ở Khánh-nguyên Thái-thuận đã đánh nhau dữ-dội.

Thái Đình-Khải đã đến Diên-bình chỉ-huy quân Phúc-kiến.

Hiện quân đôi bên đánh nhau rất dữ-dội ở vùng *Kienow*, cách Phúc-châu chừng 160 cây số. Cả đôi bên đều họp đại-quân lại để quyết-liệt một trận.

Có người nói: Bọn thủ-lĩnh đứng ra tổ-chức chính-phủ Phúc-kiến bây giờ, toàn là bọn có dã-tâm và oán hờn Nam-kinh không dung-nạp mình, nên mới bày ra quấy-rối đó thôi, chứ bản-tâm họ chẳng vì dân vì nước gì cả. Họ như vậy thì biết có để-huề liên-lạc được với phe đệ-tam-quốc-tế và phe xã-hội dân-chủ không? Cứ hỏi nội chỗ đó thì e chính-phủ Phúc-kiến không đứng được lâu dài.

Chử Dân-Nghị ủy-viên chính-phủ Nam-kinh có nói rằng: Trong vài năm nay, chính-cục xảy ra những việc biến-động, đều thuộc về sự tranh-chấp ở trong đảng, lần này việc biến ở Phúc-kiến thì trái hẳn, không những bội bạn Tôn tổng-lý, bỏ quốc-kỳ «thanh-thiên bạch-nhật mãn-địa-hồng» lại liên-lạc với quân Cộng-sản. Những việc đó đều tỏ ra là bọn Lý Tế-Thâm, Trần Minh-Khu bội-bạn bản-đảng, tồi-tàn quốc-dân, làm hại nước nhà, cho nên ý nghĩa cuộc biến ấy có phần nghiêm-trọng hơn các cuộc biến khác. Chính-phủ Trung-ương phong-tỏa khu quân Cộng-sản ở Giang-tây đã mấy tháng rồi, vì muốn đoạn-tuyệt sự cung-cấp

vật-chất cho quân Cộng-sản, để được chóng dẹp yên. Nay bọn Phúc-kiến liên-lạc với quân Cộng-sản, đem vật-chất cung-cấp cho quân ấy, khiến cái công phong-tỏa trong mấy tháng, bỗng phải thất-bại. Việc biến ấy không những ảnh-hưởng đến việc tiễu Cộng, lại làm hại lớn cho nước nhà vậy.

Tình-hình miền Bắc-Mãn. — Theo tin hãng « *Central News* » thì hiện nay có ba ngàn quân Nhật đã kéo qua cương-giới Nhiệt-hà chiếm lấy *Kuyan* và *Shicheng* thuộc tỉnh Sát-cáp-nhĩ.

Việc quân Nhật đem thêm quân đến biên-cảnh Sát-cáp-nhĩ, xét ra quả thực. Hội quân-sự ủy-viên đã mở cuộc hội-nghị khẩn-cấp để bàn cách ứng-phó. Cứ như tin báo nước Nhật quyết muốn thực-hiện cái kế-hoạch thôn-tính Mãn-Mông, ngoài việc chực lấy Sát-cáp-nhĩ, lại còn chú-ý đến tỉnh Tuy-viễn nữa. Lần này nhân việc biến ở Phúc-kiến, liệu chính-phủ Nam-kinh không rời trông nom đến miền bắc, lại đem thêm quân đến biên-cảnh Sát-cáp-nhĩ, thực đáng nên để ý lắm.

Vì muốn đủ sức phòng Nga, quân Nhật lập hai trường bay lớn ở Cáp-nhĩ-tân và tỉnh thành Hắc-long-giang. Máy bay Nhật thường bay đến dò xét các nơi Mãn-châu-lý và Mạc-hà.

Nga thấy Nhật cử-động càng ngày càng khẩn-bách xâm-lược như thế, Nga thế nào lại để Nhật một mình chiếm Mãn-châu.

Vậy nên quân Xích-vệ Nga ở Viễn-đông đã phụng lệnh chính-phủ *Moscou* tùy thời kéo vào Mãn-châu, theo lời tuyên-bố của nước Nga, người Nhật có thể dùng võ-lực dựng nên nước Mãn-châu, thì Nga cũng có thể dựng thành nước Bắc-Mãn, giữ vẹn lợi-quyền ở Mãn-châu không để cho Nhật chiếm một mình, như vậy hình-thế Nhật Nga càng khẩn-bách.

Việc trong nước

(*Từ mồng 1 đến 31 tháng 12 năm 1933*)

Đặt hội-đồng bài-trừ bệnh hoa-liễu. — Ngày 2 tháng 12 năm 1933, quan Toàn-quyền Pasquier có ra nghị-định đặt tại Đông-Pháp một hội-đồng bài-trừ các bệnh hoa-liễu. Hội-đồng ấy do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chiêu tập họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, mà quan Thống-sứ làm chủ-tọa.

Các hội-viên thì có : Quan Giám-đốc Vệ-sinh và Y-chính Đông-Pháp hoặc đại-biểu của viên ấy ; quan Sáu thầy thuốc chánh sở Y-chính đạo binh ; quan chánh sở Kinh-tế và hành-chính tại phủ Toàn-quyền ; quan phó tòa Tham-mưu của quan Thống-soái ; quan Tissot hàm Thống-sứ phó Đốc-lý thứ nhất Hà-nội ; Bác-sĩ Le Roy des Barres Đốc-học trường thuốc Hà-nội ; Bác-sĩ Simon chánh sở Y-chính Bắc-kỳ ; Bác-sĩ Joyeux thầy thuốc tại phòng Vệ-sinh của thành-phố ; một vị Nhân-dân Đại-biểu Bắc-kỳ.

Viên thầy thuốc binh phó Giám-đốc sở Vệ-sinh và Y-chính sung chức thư-ký.

Hội-đồng này sẽ nghiên-cứu mọi phương-pháp để bài-trừ các bệnh hoa-liễu tại bản-xứ.

Hội-đồng sẽ cần-thiết nhất về việc khảo-cứu luật - lệ qui-định về nghề thanh-lâu tại các nơi có quân-lính đóng và khảo-cứu về mọi cách phòng-bị đã thi-hành tại Lục-quân và Hải-quân ở Đông-Pháp so-sánh những sự kết-quả tại các xứ Viễn-đông với các nơi Lục-quân và Hải-quân của ngoại-

quốc đóng; về cách-thức chỉnh-đốn trong việc bài-trừ các bệnh hoa-liễu ở Đông-Pháp cùng là mọi điều dặn-bảo cho các quan Thủ-hiến các xứ các địa-hạt có cái trách-nhiệm bảo-vệ sức khỏe trong hạt mình.

Tiễu-trừ dân Mọi không phục tùng.— Ngày 6 tháng 12 này, ông DESTAIS Giám-binh tỉnh Bình-định đã đem một đội lính khố-xanh đi tiễu-trừ dân Mọi không phục-tùng ở miền An-khê thuộc tỉnh Bình-định. Nguyên dân Mọi ấy là dân *Banhars-Alakong* mà dữ tợn nhất là bộ-lạc *Kon-Klott* bấy lâu vẫn không chịu phục-tùng chính-phủ, lại hay quấy rối lương-dân. Độ tháng 6 trước đây Mọi ấy kéo đến đốt phá một làng ở hạt ấy; ông PIERNÉ phó Giám-binh tỉnh ấy đem một đội lính khố-xanh đến dẹp, đảng Mọi ấy trốn cả mà mai-phục khắp mọi nơi hiểm-yếu, đợi lúc bất-ngờ đổ ra đánh, đội lính khố-xanh phải lui về, ông phó Giám-binh PIERNÉ bị thương phải nằm điều-trị trong bệnh-viện, những đồ dùng hành-binh phải vứt bỏ một phần ở dọc đường. Dân Mọi ấy đắc-chí tràn tới miền Định-quang đốt phá làng-mạc, giết hại dân chúng rất tàn-tệ. Kể đó đến nay những nhà dân vùng ấy ở hẻo lánh thường bị dân Mọi ấy cướp phá giết-tróc có hơn mười cái án mạng nữa, nhất là gần đây về ban đêm, chúng kéo nhau từng đàn đi cướp phá những nhà lương-dân. Ông LELAY chánh đồn Định-quang tuy có đi tầm-nã, nhưng chúng vẫn lẩn-lút ở rừng sâu núi hiểm, thỉnh-thoảng chúng lại tràn ra. Vì thế ông Giám-binh DESTAIS quyết-định phen này thân ra chỉ-huy đem một đội lính khố xanh đi tiễu-trừ tận sào-huyệt dân Mọi ấy. Đội lính này sẽ hiệp-lực với đội khố-xanh tỉnh *Kontum*. Một đội lính do ông RENOUT phó Giám-binh và hai viên quản Khố-xanh LE LAY và DE MIRIBEL chỉ-huy, kéo đi hai hôm thì tới một rừng rậm, trong vùng đất này thấy cắm rất nhiều chông nhọn và đặt nhiều bẫy. Mọi *Kon-Klott* thì đóng trại cao trên 700 thước. Binh lính kéo lên tới nơi, hiệp với đội lính do viên quản DOUSSINEAU quản-lĩnh ở *Kon-Nac* vừa kéo tới. Hai đội lính hiệp lực công phá vào trại của Mọi ấy. Mọi ấy dùng nỏ bắn tên tẩm thuốc độc ra, nhưng binh-lính không ai bị tên ấy cả, mà đánh vào dữ lắm, Mọi thấy yếu thế bỏ trại chạy đi. Quân lính liền chiếm đóng trong làng, nhưng trong làng chẳng thấy ai ở mà cửa nhà thì bị đốt cháy hết cả. Mọi ấy chạy đi còn bỏ lại nhiều đồ binh-khí mà chúng cướp được của đội binh PIERNÉ trước.

Quân-lính lại đuổi dồn Mọi ấy về phía thung lũng Ca-xom, lại được đội binh của ông Giám-binh đánh chặn đầu. Quân Mọi túng thế phải liều chết tháo thân mà đánh nhau với toán lính của viên phó Giám-binh HOGNER chỉ-huy, rồi quân Mọi gỡ thoát mà chạy đi khỏi miền Định-quang.

Lễ sinh-nhật đức Thái-hoàng Thái-hậu.— Ngày 17 (mồng 1 tháng 11 năm Bảo-đại thứ 8) là ngày sinh-nhật đức Thái-hoàng Thái-hậu, trong Điện có làm lễ khánh-đản, đức Bảo-đại và các quan Thượng-thư cùng văn võ bá quan đều đến bái-khánh. Quan Khâm-sứ và các quan tùy-tùng vào điện chúc mừng đức Thái-hoàng Thái hậu. Buổi tối có thết yến, có Lưỡng-tôn-cung, đức Bảo-đại, quan Khâm-sứ cùng các quan đại-thần Tây Nam đến dự. Đức Thái-hoàng Thái-hậu chuẩn cho giảm hết mọi khoản chi-phí xa-xỉ về ngày lễ này để lấy tiền giúp cho dân bị nạn bão lụt ở Bình-định Phú-yên.

Khánh-thành con đường mới Yên-báy – Nghĩa lộ. — Ngày 17, quan Thống-sứ THOLANCE đã lên Yên-báy để làm lễ khánh-thành con đường mới từ Yên-

bảy đi Nghĩa-lộ. Ngài cầm kéo cắt đứt cái băng tam-tài chăng ngang đầu đường mới ấy rồi ngài cùng các quan tùy-tùng đi ô-tô lên Nghĩa-lộ. Trước từ tỉnh-lỵ Yên-bảy lên Nghĩa-lộ phải đi ngựa đến ba ngày, nay thì đi ô tô chỉ trong bốn giờ đồng-hồ thôi. Ngài có gần bội-tinh thưởng cho mấy người có công về việc mở con đường mới này. Ngài lại đi thăm các trại lính nhà thương trường học ở Nghĩa-lộ và Yên-bảy. Hồi 7 giờ tối ngày 18 Ngài đã trở về tới Hà-nội.

Chức Khâm-sứ Ai-lao. — Quan LE FOL Khâm-sứ Ai-lao đã về Pháp nghỉ. Quan ECKERT Đốc-lý Hà-nội được cử làm quyền Khâm-sứ Ai-lao.

Đức Bảo-đại đi thăm dân bị nạn bão lụt ở miền Bình-Phú. — Ngày 21, đức Bảo-đại cùng quan Khâm-sứ THIBAUDEAU đi thăm những dân tỉnh Bình-định Phú-yên là dân bị nạn bão lụt rất tàn hại hồi đầu tháng 11 vừa rồi.

Quan Tổng-tư-lệnh Quảng-tây sang Hà-nội. — Ngày 26, quan Tổng-tư-lệnh đạo quân thứ tư của nước Tàu kiêm tổng-chỉ-huy quân đội Quảng-tây là Lý Tôn-Nhân cùng quan Lãnh-sự Pháp ở Long-châu và các quan tùy-tùng đi ô-tô qua Lạng-sơn sang Hà-nội. Chính-phủ Đông-Pháp có đón tiếp rất long-trọng: có cho mấy viên chức sở Liêm-phóng cùng một đội binh kỵ-mã cầm cờ đón từ đầu cầu *Doumer* về phủ Toàn-quyền, trong sân phủ lại có đội lính đủ cờ hiệu và âm-nhạc nổi hiệu nhạc quốc-ca Pháp và bồng súng chào. Những ngày Lý Tôn-Nhân ở Hà-nội thì ngụ ở phủ Toàn-quyền. Lý có đi thăm trường Cao-đẳng, các nhà thương, các học-viện, đồn Thông ở Sơn-tây, Hội-chợ Nam-định, nhà Công-nghệ ở Hà-đông, và tiếp các dân Hoa-kiều ở Hội-quán phố Hàng Buồm. Ngày 30 Lý Tôn-Nhân cùng các quan tùy-tùng đã từ Hà-nội về Quảng-tây. Lý sang Hà-nội mục-đích chỉ đi du-lịch chứ không có việc gì khác.

Hoàng-tử Ai-lao thăm Huế và Hà-nội. — Hoàng-tử SAVANG là con vua nước Ai-lao và Hoàng-phi qua thăm Huế, sáng ngày 26 có đi thăm các cung điện lăng-tẩm và viện Bảo-tàng Khải-định. Ngày 27 Hoàng-tử đáp xe lửa tốc-hành qua Hà-nội.

Quan Thượng-thư bộ Quốc-gia Giáo-dục đi thăm các trường học Trung-kỳ. — Ngày 27, quan Thượng-thư bộ Quốc-gia Giáo-dục Phạm Quỳnh đã bắt đầu đi thăm các trường học trong tỉnh Thừa-thiên, có quan Cố-vấn HENRI DÉLÉTIE cùng đi với Ngài. Thăm các trường ở Thừa-thiên xong thì đi thăm khắp các trường ở các tỉnh miền nam và miền bắc Trung-kỳ.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Ngày 28, hồi 9 giờ sáng, Hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Khánh-thành đài kỷ-niệm quan Công-chính Pouyanne. — Ngày 28, Nha Giám-đốc Công-chính Đông-Pháp làm lễ khánh-thành đài kỷ-niệm quan cố-Giám-đốc Công-chính POUYANNE dựng ở đầu đường đê sông Hồng-hà Hà-nội. Đến dự lễ có quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Phó Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Thống-soái VERDIER, quan Thống-sứ THOLANCE, quan Tổng tư-lệnh Quảng-đông Lý Tôn-Nhân, các quan Giám-đốc các sở, quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu, các thân hào Tây-Nam, các quan các tỉnh và các viên chức thuộc nha Công-chính.

Đài kỷ-niệm này dựng ở đoạn đê đó là ngụ cái ý-nghĩa ngài có công lớn trong việc đắp đê ở xứ này.

Quan Giám-đốc Công-chánh GASSIER đọc bài diễn-văn kể sự-nghiệp và quan Toàn-quyền PASQUIER đọc diễn-văn tán-dương công-nghiệp của quan POUYANNE xong thì giải-tán.

Chỉnh-đốn lại các nha trong xứ Bắc-kỳ.— Quan Thống-sứ Bắc-kỳ vừa thông-tư cho các quan Công sứ các tỉnh thuộc Bắc-kỳ phải chỉnh-đốn lại các nha-lại trong tỉnh-hạt mà phân-bổ số thừa-phái cho tương-đương với số việc quan ở các nha và cải-lương lại những phương-pháp làm việc, lại nên mua cho mỗi tỉ các tỉnh cùng mỗi nha các phủ huyện một cái máy chữ, để làm việc quan cho được gọn-gàng nhanh chóng hơn trước.

Các cù-lao mới sáp-nhập tỉnh Bà-rịa. — Các cù-lao ở ngoài bể Nam-hải vào khoảng giữa Đông-dương *Bornéo* và Phi-luật-tân, hồi tháng 8 năm nay tàu chiến của Đại-pháp mới chiếm được, thì nay quan Thủ-hiến Đông-pháp đã ra nghị-định những cù-lao ấy đều sáp-nhập về tỉnh Bà-rịa Nam-kỳ. Mấy cù-lao ấy là : *Spratly, Caye d'Amboine, Itu-Aba, Loait, Thi-tư* và tất cả các cù-lao nhỏ thuộc các cù-lao trên này. Diện-tích các cù-lao này chỉ có độ 100 mẫu tây đất mà toàn là đất núi và đất cát cả.

Các xứ Thuộc-địa và Bảo-hộ của Đại-Pháp. — Kể rõ tên các xứ Thuộc-địa và Bảo-hộ của Đại-Pháp cả diện-tích và dân-số ở các xứ ấy như sau này :

Tại châu Á. — Đông-dương (Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Cao-mên và Ai-lao), *Etats du Levant*, Ấn-độ Pháp, Quảng-châu-văn ; cộng được 891.757 cây số vuông ; dân-số được 24.465.300 người.

Tại châu Mĩ. — Quần-đảo *Guadeloupe, Martinique, Guyane, Saint Pierre* và *Miquelon* ; cộng được 93.005 cây-số vuông ; dân-số được 501.300 người.

Tại châu Phi. — Phi-châu, xích-đạo, *Maroc*, Tây-phi, *Réunion, Algérie, Somalis, Cameroum, Terres Sahariennes, Iles du Sud, Togo, Madagascar, Tunisie* ; cộng được 11.951.902 cây số vuông ; dân-số được 38.949.000 người.

Tại châu Úc. — *Nouvelles Calédonie, Nouvelles Hébrides*, và mấy cù-lao nhỏ nữa ; cộng được 67.059 cây số vuông ; dân-số được 156.600 người.

Số người đọc sách và báo chí tại Trung-ương thư-viện. — Số người đến đọc sách và báo chí tại Trung-ương thư-viện Hà-nội trong khoảng hai năm 1932 1933 tổng-cộng 42.634 người. Trong số ấy 5.978 người Pháp và 36.656 người Nam. Cứ theo trong phiếu ghi tên, thì họ đã đọc đến 58.311 quyển vừa sách vừa báo chí. So sánh với mấy năm trước thì số độc-giả tăng lên nhiều (39.744 trong năm 1930-1931). Cứ trung-bình mỗi ngày chừng 160 độc-giả, hôm nào nhiều nhất chừng 237 độc-giả, trong số ấy 177 người Nam và 73 người Pháp. Thư-viện lại vừa phát thêm 266 cái « các » mới cho độc-giả người Nam xem.

Số tiền thu vào trong năm 1933 của sở xe-lửa Đông-Pháp. — Từ đầu tháng giêng đến cuối tháng 11 năm 1933, sở xe-lửa Đông-Pháp thu vào được 2.980.159 đồng. Vậy thì kém số thu năm ngoái mất 526.294 đồng.

Còn đường xe-lửa chạy đường Hải-phòng — Vân-nam thu được 3.712.378, kém với số thu năm ngoái là 34.070 đồng.

Số gạo xuất-cảng của Nam-kỳ năm 1933. — Kể trong năm 1933, số gạo ở Nam-kỳ xuất-cảng được 1.220.988 tấn. Số này chở sang Pháp hết 533.956 tấn.

Kể lại năm 1932 số xuất-cảng là 1.191.649 tấn. Trong số đó Pháp mua tới 408.271 tấn.

Lời thông-cáo.— Mấy bữa nay trong dân-gian có những kẻ đi phao-ngôn những tin bất-kính đối với đức Kim-thượng.

Quan Thống-sứ có lời tuyên-cáo cho dân biết rằng những tin ấy đều là tin phao đồn bậy không có bằng chứng nào cả.

Ngài đã giao cho tòa-án nếu bắt được kẻ nào phạm tội đồn tin nhảm ấy thì theo luật mà trừng-trị.

Giới-thiệu báo mới

Viên-âm nguyệt-san.— Của hội Phật-học Huế, nói về Phật-giáo, mỗi tháng xuất-bản một số, giá 0 $ 20, một năm 12 số giá 2 $ 00.

Phụ-nữ tân-tiến. — Đến ngày 25 tháng giêng 1934, báo « Phụ-nữ tân-tiến » lại ra số 1, về tinh-thần và hình-thức có cải-cách cả.

Tổng-lý là ông Phạm Bá-Nguyên, số 97 phố Gia-long Huế. Giá báo mỗi số 0 $ 10, ba tháng 1 $ 20, sáu tháng 2 $ 30, một năm 4 $ 50.

Tương-lai tạp-chí. — Mỗi tháng ra một số bằng quốc-văn và phụ-trương bằng Pháp-văn, làm cơ-quan độc-lập của thanh niên tân-tiến, truyền-bá tư-tưởng và học-thuật. Đến 15 tháng hai 1934 sẽ ra số đầu, mỗi số 100 trang, giá 0 $ 30, một năm 3 $ 00. Chủ báo là ông Cung Gin-Nguyên, số 27 *b*. Route Coloniale Nha-trang Annam.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước:

1.— Văn-minh-luận	4 hào.
2.— Ba tháng ở Paris	4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4.— L'idéal du Sage	4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp,	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11.— La Poésie annamite.	4 hào.
12.— Tục-ngữ ca-dao.	4 hào.